

làng văn

186

15.7.1999



Nha-sĩ NGUYỄN CHÍNH CƯỜNG
Nha-sĩ VÕ THỊ LAN ĐÀI

Chirurgien Dentiste/Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal, lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30) Tel: (514) 849-1038

Garage VIỆT-NAM

6226 Boul. St. Laurent, Montréal
Tel. (514) 272-8888 - Cell. (514) 946-1588
Nguyễn Thái Hà kính mời

A fast growing Information System services firm
has short & long term contracts or permanent
positions for experienced Programmer/Analyst 3
years and up in DB2, CICS, IDMS, ADS/O, IMS,
UNIX, ORACLE, CLIENT/SERVER technology.

Please forward your résumé to:

DANCOM CONSULTING
790 Marcel Laurin, Ste #218
St-Laurent, Qc H4M 2M6
Attention: Dany Dinh
Fax #: 514-748-9399
Consulting Inc.

DANCOM

ALCO

SOLUTION INFORMATIQUE



95 Ste-Catherine Ouest, Montréal

Tél. (514) 843-3155

PLACE-DES-ARTS WWW.alco.qc.ca Email: service@alco.qc.ca

Luật sư / Avocat

LƯƠNG VĂN TUẤN

1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Luật sư **ĐÀO XUÂN HÒA**

(Nguyên Luật-sư Tòa Thượng-thẩm Sài-gòn)
7204 St. Denis, Montréal, H2R 2E2
Tel: (514) 279-7540

Chuyên viên Tài-chánh & Bảo-hiêm Nhân-mạng

Châu Võ Thành Tường, B.Sc., A.V.C.

279 Place de la Poudrière, Verdun, Qc., H4G 3K5
(Métro Lasalle) - Tél: (514) 767-2874

TIỆM VÀNG

BIJOUTERIE



HOANG KIM

Mua bán & sửa chữa nữ trang
Vàng • Cẩm Thạch • Hột Xoàn

6700 Côte des Neiges #214 Tel: (514) 344-5692
Montréal, Québec H3S-3B2 Fax: (514) 344-8221

Văn-phòng Bảo-hiêm và Dịch-vụ

NGUYỄN BÁ DĨNH

4860 Circle Rd., Montréal
Tél: (514) 482-9153

Nào ai mở tiệm làm ăn
Nhớ câu "Quảng cáo Làng Văn": đắt hàng!

CALIFORNIA & D.C.

Luật-Sư **NGUYỄN XUÂN NGHĨA**
chuyên về di-trú vào Hoa-kỳ

■ Văn phòng Cali:

19112 E. Center Ave., Orange, CA 92869
Tel / Fax: (714) 633-5997

■ Văn-phòng DC: 6269 Leesburg Pike,
Suite #306, Falls Church, VA 22044

Tel: (703) 237-5273 / Fax: (703) 532-7453

Bạn đã đọc chưa?

hai tập biếm-văn thời-sự
cười ra nước mắt
của **MỖ LÀNG VĂN**
(Nguyễn Hữu Nghĩa)

SAU BỨC

MÀN TRÉ

(giá 8 mỹ-kim - 13 gia-kim)

ĐÀU LANG

CUỐI XÓM

(giá 10 mỹ-kim - 16 gia-kim)

Hỏi tại các nhà sách
hoặc gửi chi-phiếu về: Làng Văn

OTTAWA

BÁC SĨ NHÂN KHOA

NGUYỄN BÁ THU TRANG, OD, BSC

Thứ Hai, Thứ Tư:

2255 Carling Ave., Suite 410

Ottawa, ON K2B 7E9 (gần Woodroffe Ave.)

Tel: (613) 596-0300

Thứ Sáu:

350 Sparks St., Suite 216

Ottawa, ON K1R 7S8 (trong Delta Hotel)

Tel: (613) 237-3166

Đặc-biệt Bác-sĩ Trang Nguyễn có cộng-tác với FOCUS EYE CENTRE

Trung-lâm giải-phẫu Laser đầu-tiền tại Ottawa

1565 Carling Ave., Suite 110, Ottawa, ON K1Z 8A1

Tel: (613) 724-3937 - Toll free: 1-800-463-6287

THAM-LUẬN
THƠ, CA-ĐẠO
TỤC-NGŨ

KHẢI CHÍNH

PHẠM KIM THƯ

- Ca-dao dưới ách CS ở VN.
- Sự đời qua thơ, ca-dao, tục-ngữ.
- Tình-yêu trai gái Á-đông qua ca-dao,...
- Yêu nên tốt ghét nên xấu.
- Vài nét về người đàn bà thuần-tuý VN.
- Làm sao để vợ chồng hạnh-phúc
- Thơ Đường luật và cổ phong.

& **Thơ Bằng-hữu**

10 mỹ-kim (16 GK) / Liên-lạc: Làng Văn

Cuốn sách viết về một vĩ-nhân
của nhân-loại, người đã làm
thay-đổi toàn diện
bộ mặt của Đông Âu

ĐỨC GIÁO-HOÀNG
GIOAN PHAOLÒ II
VÀ TRANG SỬ
CÒN GIẤU KÍN
CỦA THỜI-ĐẠI

NGUYỄN VĂN THÔNG

Giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim)

Liên-lạc: Làng Văn

làng văn

P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011

E-mail: langvan@ilap.com
www.vietnamlangvan.com/vietnews
Publisher: Langvan of Canada Inc.

Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Customer Account No: 2042916-99
Printed in Canada - Published 24 times a year
(Publications Class Mail Reg. No: 8040)
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume XVI - No 186 - July 15, 1999
Năm thứ 16 - Bộ 16 - số 186 - 15 tháng 7, 1999

TRONG SỐ NÀY:

Tin văn.....	2
Từ thành đến tỉnh.....	5
Tin Việt-nam.....	10
Trong làng.....	22
Ngoài xã.....	25
Trang Toronto.....	27
Tà bà thế-sự, Phan Nguyễn Minh Minh.....	29
Chuyện người chuyện ta: Trong nỗi súp thập cẩm, Sơn Tùng.....	33
Đốt cháy nỗi buồn, thơ Tuệ Anh.....	35
Các khoa thi Hương triều Nguyễn, biên-khảo Đào Đức Chương.....	36
Ngựa hồng mỗi vó, thơ Nguyễn Tư.....	41
Xuân tình trong ngâm khúc, biên-khảo của Hồng Huy.....	46
Cô quạnh, thơ B.H.T.....	51
Đời mãi ngâm ngùi, truyện ngắn Dương thị Vành Khuyên.....	52
Một thời tưởng đã xa, truyện ngắn Hoàng Nga.....	59
Một bài thơ làm không cân nhắc, thơ Trần Văn Lệ.....	60
Câu sông trắng, thơ Hoàng Ngọc Liên.....	63
Chạm vào tình-yêu, truyện ngắn Tâm Thanh.....	64
Liều trai, thơ P. Đan Hà.....	67
Xóm cũ: Chùa Giác Lâm, Trần Lang.....	68
Cuộc hành-trình, thơ Nguyễn Khanh;	
Chuyến xe mùa hạ, thơ Y. Ng.	70
Những mảnh đời, truyện dài Phương Liên.....	71
Mưa, thơ Hồ Ông.....	75
Quê nội quê ngoại, truyện dài Xuân Vũ.....	76
Yêu ta chi, thơ Phan các Chiêu Hằng.....	78
Lá thiền, thơ Tuệ Nga.....	79
Dấu chân trên cát, truyện dài Nguyễn Phong.....	81
Gửi người áo trắng, thơ Cung Vũ; nhạc Nhật Sơn.....	83
Mặt trời và bóng đêm, truyện dài Tống Minh Long Quân.....	84
Độc giả thắc mắc, Bút Chì.....	89
Chém đá, biếm-văn Sắc Không.....	91
Tài-liệu: Nhìn lại quá-trình thụ-động, Nguyễn Phúc Nhân.....	99
Nhận được giới-thiệu, Khải Chính.....	103
Cười chết bỏ, Cả Cười.....	105
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	110

Ảnh bìa: Ruộng muối miền Tây của Lữ Đệ

Chủ-nhiệm, Chủ-bút:
Nguyễn Hữu Nghĩa

Toà-soạn và tri-sự:
Nguyễn Hương

Ban biên-tập:

Bút Chì - Cung Vũ - Diên Khánh - Đào Trường Phúc
Hoàng Chính - Hoàng Hải Thủy - Hoàng Nga
Hồng Huy - Hương Giang Thái Văn Kiểm - Lãng Nhân
Lộc Quy - Lê Hữu Mục - Mỗ (Làng Văn)
Ngô Nguyễn Dũng - Nguyễn Phong - Nguyễn Bá Đình
Nguyễn Đăng Tuấn - Nguyễn Hoài Phương
Nguyễn Hữu Nhật - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Nhạn Sơn - Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Văn Thông - Phạm Phong Đình
Phan Các Chiêu Hằng - Phan Nguyễn Minh Minh
Phan Thịnh - Phương Liên - Sắc Không - Sơn Tùng
Tiểu Đăng - Tuệ Nga - Tự Tĩnh - Tống Minh Long Quân
Trần Ngân Tiêu - Trần Văn Tích - Vành Khuyên
Vân Nương - Việt Chi - Việt Thao Đào Đức Chương
Xuân Tước - Xuân Vũ

Cộng-tác:

Bạch Thái Hà - Bùi Hữu Trí - Cao Hoàng Nhân
Cao Tiêu - Cao Xuân Lý - Diệu Tần - Dương Kim
Đan Quế - Đặng Thị Quế Phương - Đông Nghi
Đình Huỳnh - E. Phương - Hoàng Du Thụy
Huỳnh Liễu Ngạn - Hứa Hoành - Kha Huyền
Khải Chính - Lâm Thúy - Lê Xuân Nhị
Minh Đức Hoài Trinh - Nam Chi Thượng Nhân
Nam Man Lâm Nam Triều - Ngô Du Trung - Ngọc Hân
Ngô Minh Hằng - Nguyễn Hương (Dallas)
Nguyễn Khanh - Nguyễn Duy Tâm - Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Hải Hà
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư
Nguyễn Ước - Nguyễn Văn Cường - Nguyễn Việt
Nguyễn Xuân Hiến - Ông Thế Hùng - P. Đan Hà
Phạm Hồng Đạm - Phạm Quang Ngọc - Phạm Tâm Phổ
Phạm Thăng - Phan Long Yên - Phùng Nhân
Thanh Hữu Huyền - Thủy Trang - Thuý Sơn
Trần Mộng Lâm - Trần Văn Lệ - TT Mây Trên Ngàn
Tây Anh - Vạn Giã - Vạn Lam - Vi Vi - Việt Phong
Việt Phương - Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Ý Nga

Minh-họa:

Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh, ảnh:

Babui - Bùi Mỹ Hoa - Lê Quang Xuân - Minh
Nguyễn Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Tăng Sở Dương - Thái Tuấn - T. Nguyễn
Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Giám-đọc quảng-cáo:

Minh Trang

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cố:

Thanh Nam, Trần Cao-Linh, Từ-Vi Lang
Bình Nguyễn Lộc, Nguyễn Tất Nhiên,
Kinh Tân, Phạm Văn Cường, Lê Thao Chuyên An
Khê, Ngọc Khôi, Trương Ái Minh, Vi An, Mai Thảo,
Tô Giang, Nguyễn Văn Ba, Vũ Kiện, Quỳnh Hương

Giá báo bán lẻ

Gia-nhà-đại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim
Pháp: 50 quan; Úc: 5 úc-kim; Bắc Âu: 50 kronas
Nhật: 600 yen; các nước khác: 5 mỹ-kim
Mua báo dài hạn: xem trang 107

ĐẠI-DIỆN LÀNG VĂN

. TORONTO:

Minh Trang

ĐT / Fax: (416) 539-0442

. MONTRÉAL:

Võ Bá Thiện

ĐT: (514) 766-8323

Fax: (514) 766-8531

Pageette: (514) 202-7256

. MASSACHUSETTS:

Hoàng Thị Kim Sinh

ĐT / Fax: (781) 961-3467

. TEXAS:

Trương Sĩ Lương

ĐT: (817) 265-6356

Fax: (817) 548-8563

. NAM CALIFORNIA:

Võ Thắng Tiết

ĐT / Fax: (714) 527-5761

. FLORIDA:

Linh Phương

Điện-thoại: (407) 578-8006

. PA & NEW YORK:

Nguyễn Đăng Tuấn

ĐT: (610) 258-1719

Fax: (610) 258-2037

. PHILADELPHIA:

Lê Thành Quang

Điện-thoại: (215) 551-2474

. NEW JERSEY:

Nguyễn Huy Phước

ĐT: (609) 665-3654

. HÒA-LAN:

Hồ Thị Chiến

ĐT: 0229-231-666

. ĐỨC:

Dr. Ngô Việt Dũng

Điện-thoại: 2316-56949

Nguyễn Hoà Phù Vân

Điện-thoại: 4102-30337

. NA-UY:

Dương Kim

ĐT / Fax: 9288-8393

tin văn



Nam Dương: Đảng Đối Lập dẫn đầu

Đảng Đối Lập của bà Mégawaky Sukarno Kutry đang dẫn đầu trong cuộc bầu cử quốc hội ngày 7.6.99. Tuy nhiên, nhiều mối nghi ngờ gian lận đã xuất hiện do tiến trình kiểm phiếu quá chậm chạp. Theo Ủy ban bầu cử Indonésia, Đảng Dân Chủ Nam Dương Đấu Tranh được gần 39% số phiếu, theo sau là đảng Dân Tộc Thức Tỉnh được gần 21%. Riêng Đảng Golka đương quyền chỉ được 16%. Công cuộc kiểm phiếu đã được tiến hành quá chậm chạp khiến cho nhiều người nghi ngờ rằng đảng Polka cầm quyền hiện đang nắm các guồng máy hành chính tại Nam Dương có thể có ý đồ gian lận.

Cho đến ngày 22.6, cuộc kiểm phiếu vẫn chỉ mới đạt được 50% và đảng Golkar cầm quyền từ hạng ba trước đây nay vượt lên hạng nhì.

Nhân viên chính phủ Cao-miên sát nhân mà không bị trừng trị

Viên chức thuộc chính quyền Cao-miên và lực lượng an ninh phạm tội giết người nhưng không bị trừng phạt. Trên đây là kết luận đăng trong báo cáo của ba tổ chức bảo vệ nhân quyền Human Rights Watch đặt trụ sở New York và hai tổ chức địa phương Addoc và Nicardo.

Theo ông Thoun Saray, Chủ tịch Hội Bảo vệ Nhân quyền Addoc, các nhà tài trợ Cao-miên giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy Phnom Phenh cải thiện vấn đề nhân quyền và chấm dứt tình trạng tội phạm không

bị trừng phạt. Bản báo cáo được đưa ra sau hai tháng điều tra, qua đó cho thấy trong thời gian từ tháng 1.97 đến tháng 10.98 có ít nhất 263 người bị giết chết, và thủ phạm là cảnh sát, quân đội, hiến binh, dân quân hay công chức. Phần lớn các vụ giết người này không được điều tra cũng như không bị trừng trị.

Chính phủ Cao-miên đã phản đối ngay tức khắc và tuyên bố bản báo cáo của ba tổ chức bảo vệ nhân quyền là vô trách nhiệm.

Nam Hàn bắn chìm tàu Bắc Hàn

Theo phát ngôn viên bộ Quốc phòng Nam Hàn, trong trận hải chiến này 7 thủy thủ Nam Hàn bị thương và một chiến hạm của hải quân Nam Hàn bị hư hại nhẹ. Hiện người ta chưa có con số nạn nhân của phía Bắc Hàn.

Ngày 15.6.1999, Bắc Hàn đòi Nam Hàn phải xin lỗi và cáo giác Nam Hàn đã đưa 12 chiến hạm xâm nhập lãnh thổ miền Bắc. Tình hình tiếp tục căng thẳng và cuộc họp giữa Bắc Hàn với bộ chỉ huy lực lượng Liên Hiệp Quốc tại Bàn Môn Điểm, tức là khu quân sự nằm giữa hai nước, không mang lại kết quả cụ thể.

Bộ chỉ huy Liên Hiệp Quốc đã kêu gọi hai nước rút lực lượng hải quân về hai bên lần ranh mà Liên Hiệp Quốc xem là biên giới quốc tế. Nhưng Bình Nhưỡng không thừa nhận. Sau trận hải chiến, quân đội Nam Hàn được đặt trong tình trạng báo động tối đa, đặc biệt là những đơn vị đóng gần Bàn Môn Điểm. Đây là vụ đụng độ đầu tiên giữa hải quân

hai nước kể từ hai năm nay.

Tình hình trở nên căng thẳng hơn khi Hoa kỳ đưa 2 chiến hạm, 2 tàu ngầm và 4 phi cơ trinh sát EA 6P đến vùng biển tranh chấp. Theo các nhà bình luận, hành động này của Hoa kỳ được xem như một tín hiệu mạnh, nhắc nhở Bắc Hàn không nên gây hấn thêm nữa.

Nhật tăng cường quân sự

Tờ *Hong Kong Daily* cho biết với sự hỗ trợ của Hiệp ước An ninh Nhật-Mỹ, Nhật Bản ngày càng củng cố và tăng cường công tác xây dựng, hiện đại hóa lực lượng hải quân. Các chuyên gia nghiên cứu cho biết hiện nay số lượng tàu chiến loại trung bình và lớn của Nhật Bản được xếp vị trí thứ ba trên thế giới sau Mỹ và Nga, về năng lực phản công được xếp vào vị trí thứ hai, còn về khả năng quét mìn chiếm hạng nhất.

Hiện tổng số binh lực của hải quân Nhật Bản là 42.500 người, dự kiến đến đầu thế kỷ thứ 21, tổng kinh phí dành cho lực lượng này sẽ lên đến 20 tỷ mỹ kim và đến lúc đó Nhật Bản sẽ chế tạo hàng không mẫu hạm. Ngoài tàu chiến ra, hải quân Nhật còn được trang bị 110 chiến đấu cơ và hàng trăm máy bay trực thăng trong đó có cả loại máy bay trực thăng P-3C chống tàu ngầm với trang bị kỹ thuật hiện đại.

Bầu cử Nghị Viện Châu Âu

Ngày 10.6, cử tri ba nước Anh, Đan Mạch, Hòa Lan đã bắt đầu đến phòng phiếu để bầu ra những người đại diện cho mình ở Nghị viện Châu Âu. Sau đó là Ai Nhĩ Lan. Riêng tại 11 nước còn lại, trong đó có Pháp, cử tri chỉ tham gia bầu cử vào ngày chủ nhật 13 tháng 6. Theo thông lệ, các cuộc bầu cử do nghị viện Châu Âu không thu hút nhiều cử tri như các cuộc bầu cử quốc gia nhưng lần này số cử tri vắng mặt tới mức kỷ lục: 51% không đi bầu.

Theo kết quả sơ khởi, trên tổng số 626 ghế dân biểu, cánh hữu Thiên

Chúa giáo tăng từ 201 lên 224 ghế trong khi các đảng xã hội rơi từ 214 xuống 180 ghế.

Trong lúc đảng Xã hội Pháp thắng lớn thì hầu hết các đảng xã hội đồng minh đều bị thất bại nặng nề. Điển hình là đảng Lao động Anh quốc và đảng Dân chủ Xã hội Đức. Về phần các đảng nhỏ, phong trào Bảo vệ Môi sinh đã ghi được bước tiến quan trọng từ 27 ghế lên 36. Ngược lại các đảng cực hữu đã bị mất từ 40 xuống 37 ghế. Mặc dù là bầu cử Nghị viện Liên Hiệp Châu Âu nhưng thế được thua lại bắt nguồn từ chính trị nội bộ của mỗi nước.

Anh đồng ý ngưng cấm vận Iraq

Ngày 15.6, Anh quốc tuyên bố họ sẽ đồng ý việc bãi bỏ lệnh trừng phạt đối với Iraq, nhưng với điều kiện là Bagdad phải thi hành các việc còn lại trong chương trình giải giới của Liên Hiệp Quốc, qua đó Luân Đôn đòi phải kiểm soát gắt gao tài chánh đối với Iraq để ngăn chặn nước này mua sắm cũng như chế tạo các loại vũ khí giết người hàng loạt.

Việc thay đổi thái độ này của nước Anh đã khiến Hoa kỳ cô đơn trong lập trường chống việc bãi bỏ cấm vận đối với Bagdad. Nga, Thụy Sĩ và Pháp đã đề nghị ngưng các cuộc trừng phạt Iraq để đổi lại việc Liên

Hiệp Quốc nối lại các cuộc thanh tra vũ khí đối với nước này.

Pháp - Việt ký thỏa ước về con nuôi

Theo hãng AFP, Đại sứ Pháp tại Hà Nội Serge Degalé cho biết là hai nước Pháp Việt sẽ khởi sự thảo luận về việc thủ tục cho và nhận con nuôi từ Việt Nam.

Đây là văn bản công ước quốc tế đầu tiên qui định việc cho hay nhận con nuôi mà Hà Nội sẽ ký kết. Văn kiện song phương Pháp Việt này mang tính chất điển hình, giúp Việt Nam làm mẫu mực khi ký kết với một quốc gia khác. Vào cuối tháng 4 vừa qua, Pháp đã quyết định tạm ngưng thi hành việc nhận con nuôi từ Việt Nam sau khi phát hiện nhiều vụ tham nhũng và gian trá giấy tờ từ các giới chức trách nhiệm CSVN.

Ba Lan: Trọng thể đón Đức Giáo Hoàng

Trong suốt 2 tuần từ 5 đến 17.6, Ba Lan với hàng triệu tín đồ đã trọng thể đón chào đức Giáo Hoàng bằng lễ đài, bàn thờ và thánh giá cao hàng chục mét, trang hoàng lộng lẫy dù tại những thành phố nhỏ và rất nghèo. Mỗi ngày có hàng trăm nghìn người đến nghe và dự thánh lễ do đức Giáo Hoàng cử hành, với niềm tin và nhất là với tấm lòng muốn đến gặp người cha tinh thần của họ trong linh cảm rằng đây có thể sẽ là lần cuối cùng đức Giáo Hoàng về thăm tổ quốc.

Chính Đức Giáo Hoàng cũng bộc lộ ý nghĩ đó khi đến thăm vùng hồ Suvawky, miền cực đông Ba Lan rằng đây là lần cuối cùng ngài thăm lại những kỷ niệm thời thanh niên của mình.

Cũng trong không khí đó, lần đầu tiên và có lẽ cũng là lần cuối cùng đức Giáo Hoàng đã vào thăm trụ sở Quốc hội Ba Lan. Ngài đã bày tỏ sự ủng hộ của Giáo hội Thiên Chúa Giáo La Mã đối với sự gia nhập Liên Hiệp Châu Âu của Ba Lan và khích lệ những thành quả Ba Lan đạt được



Saddam Hussein

trong cái cách thời gian qua. Nhưng quan trọng hơn cả, đức Giáo Hoàng đã nhắc rằng, dân chủ không dựa trên các nền tảng đạo lý thì sẽ trở thành một dạng của chủ nghĩa toàn trị.

Lithuania: tổng thống là một phụ nữ

Bà Vaira Vike-Freiberga, 61 tuổi, đã được quốc hội bầu vào ghế tổng thống Lithuania ngày 17.6.1999. Bà là phụ nữ đầu tiên được bầu làm nguyên thủ quốc gia trong các nước vùng Baltic.

Sinh tại Lithuania trước chiến tranh, bà Vike-Freiberga đã cùng gia đình chạy khỏi nước khi quân đội Xô Viết xâm lăng vào năm 1940. Sau đó bà cùng gia đình định cư tại Gia Nã Đại. Từ năm 1965 đến 1998, bà Vike-Freiberga là giáo sư triết học tại trường đại học Montréal. Mới đây bà đã xin hủy bỏ quốc tịch Gia Nã Đại để sinh sống thường trú trên đất nước Lithuania từ năm 1998.

Cao ủy LHQ phản đối án tử hình

Bà Mary Robinson Cao Ủy trưởng Nhân quyền Liên Hiệp Quốc kêu gọi chính phủ Mỹ và chính quyền tiểu bang Virginia ngưng hành quyết một tử tội đã phạm pháp khi còn vị thành niên.

Việc hành quyết Douglas Christopher Thomas vì tội giết người năm 1990 lúc anh ta mới 17 tuổi, theo bà Robinson là "vi phạm các nguyên tắc quốc tế"; theo đó "cấm các vụ hành quyết đối với các phạm nhân còn tuổi vị thành niên".

Tòa án tối cao Hoa Kỳ đã từ chối đề nghị này.

Đức: Hội nghị thượng đỉnh G8

Nhóm G8 gồm 7 nước công nghệ tân tiến nhất thế giới và Nga đã kết thúc hội nghị thượng đỉnh tại Cologne, Đức quốc ngày 20.6 vừa qua.

Chương trình hội nghị là để bàn về kế hoạch tái thiết vùng Balkans,

và giảm nợ cho 41 nước nghèo trên thế giới. Ngoài ra còn một số vấn đề quan trọng khác như kêu gọi chấm dứt xung đột tại vùng Cachemire, tái cấu trúc tài chính quốc tế, giúp đỡ các nước nghèo phát triển.

Cũng trong hội nghị, Ấn độ lên tiếng kêu gọi lãnh tụ các nước kỹ nghệ giàu nhất thế giới xét lại chương trình tài trợ cho Pakistan như là điều kiện áp lực Islamabad rút quân khỏi vùng Cachemire.

Theo các nguồn tin ngoại giao, nhiều nước đã xác nhận Pakistan có trách nhiệm chính trong các vụ xung đột xảy ra tại Cachemire từ ngày 9.5 tháng qua đến nay mà vẫn chưa hề có dấu hiệu giảm bớt cường độ.

Kết quả: G7 đã giảm 70 tỉ mỹ kim nợ cho khoảng 40 nước nghèo và mang nợ nhiều nhất. Tán đồng việc Nga và Tàu gia nhập tổ chức thương mại thế giới vì vấn đề toàn cầu hoá thương mại không chỉ đơn thuần là lợi nhuận mà còn liên hệ đến môi sinh, cải thiện xã hội và tạo công việc cho mọi người.

Kosovo: Hoà bình

Trưa ngày 10.6.99, Minh ước Bắc Đại tây dương tuyên bố ngưng oanh kích Nam Tư sau khi Tổng thống Milosevic lần đầu tiên công khai lên tiếng trên đài truyền hình Serbia rằng ông chấp nhận kế hoạch hoà bình cho

Kosovo.

Theo lịch trình dự trù, sau khi NATO tuyên bố chấm dứt oanh kích, Hội đồng Bảo an LHQ sẽ cho phép lực lượng quốc tế tiến vào Kosovo ngay sau khi quân Nam Tư rút đi. 11 ngày sau khi ký thoả ước, toàn bộ các lực lượng Nam Tư phải hoàn tất cuộc triệt thoái khỏi Kosovo, cách xa vùng này 5 cây số.

44.000 quân NATO đến từ 32 quốc gia, nằm trong lực lượng quốc tế KAFOR, cùng với 4000 quân của các quốc gia khác sẽ giàn trải trên 5 khu vực đặt dưới quyền kiểm soát của những nước góp quân nhiều nhất. Anh quốc kiểm soát vùng Trung tâm với thủ phủ Pristina. Pháp chiếm lĩnh địa bàn phía Bắc. Hoa kỳ trấn giữ vùng miền Đông. Hai khu vực còn lại ở Kosovo được giao cho Đức đóng ở phía Nam và Ý ở phía Tây.

Nhiệm vụ của lực lượng quốc tế là tái thiết các cơ sở hạ tầng như đường xá, điện nước, gỡ mìn...; bảo đảm an ninh cho người tị nạn hồi hương; ngăn ngừa không cho các phe tranh chấp tái khởi động xung đột kể cả sự trở lại của phía Serbia; giải giới lực lượng du kích KLA.

Việc thành lập lực lượng quốc tế gặp phải một trở ngại là Nga đòi được đặc trách một vùng riêng của Kosovo và không nằm dưới sự chỉ huy trực tiếp của khối NATO. Tuy nhiên, Minh ước Bắc Đại tây dương không



Chiến-tranh: quang-cảnh điêu-tàn ở Kosovo, Liên-bang Nam-tư cũ: chiến-tranh, tù đầy, đàn-áp, bắt bớ, cưỡng-bức, hành-hạ, thủ-tiêu, chôn sống tập-thể..

đồng ý vì muốn lực lượng quốc tế có một cơ cấu chỉ huy duy nhất. Hơn nữa, người Albania sẽ không chịu trở về vùng do người Nga đặc trách vì sợ an ninh không được bảo đảm.

Ngày 11.6, Nga bắt ngờ đưa 500 lính nhảy dù được thiết giáp yểm trợ, băng qua biên giới Bosnia - Serbia vào lãnh thổ Kosovo, giàn trải ở khu vực biên giới giữa Serbia và Kosovo. Hành động vô kỷ luật của Nga đã khiến lực lượng quốc tế phải dời lại ngày việc đưa đội quân tiền trạm gồm lính Pháp và Anh vào Kosovo. Cho đến nay, những đòi hỏi của Nga vẫn chưa được giải quyết ổn thỏa.

Trong khi đó, quân Nam Tư đã phóng hoả nhà cửa dân chúng trước khi rút đi. Để trả đũa, lực lượng du kích KLA đốt lại nhà người Serb. Tình hình trở nên rối loạn khi gần 200.000 người Albania tự động hồi hương không theo chương trình của Liên Hiệp Quốc khiến khoảng 40.000 người Serb sợ bị trả thù đã kéo nhau đi tản khỏi Kosovo.

Ngày 21.6, quân đội giải phóng KLA và NATO đã ký kết một thoả ước, theo đó tổ chức này được coi như chấm dứt hoạt động quân sự. Ký kết này mang ý nghĩa là KLA sẽ phải rời chiến khu, trút bỏ quân phục, giải giới hoàn toàn. Các vũ khí nặng được

giao nộp trong thời hạn 30 ngày, các vũ khí cá nhân trong vòng 90 ngày.

Cho đến nay, người ta đã tìm thấy gần 100 hố chôn tập thể của vụ thanh lọc chủng tộc mà nạn nhân là người Kosovo Albania. Một toán hình cảnh quốc tế đã được gửi tới Kosovo để thu nhập chứng cứ tội ác do chế độ Belgrade thi hành.

từ thành đến tỉnh



Mỹ: Chuột bán chạy

Chuột đang bán rất chạy ở Mỹ. Chỉ riêng công ty gia súc D&H của bà Susin April Tippie đã bán được từ 20.000 đến 25.000 con chuột một tuần. Nhu cầu về mặt hàng chuột rất lớn, vì hiện nay ở Mỹ có gần 20 triệu

người nuôi các con vật ăn chuột như rắn và các loại bò sát khác. Với doanh thu 235 triệu đô la một năm, ngành công nghiệp nuôi chuột Mỹ vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu.

Trong số 180 triệu con chuột nuôi trong năm nay gần 93% sẽ dùng thức ăn cho "thú làm cảnh", 5% làm vật thí nghiệm và 2% làm chuột cảnh. Theo ông Dick Phelan, chủ trại nuôi chuột ở Germantown, New York, giá chuột trong tháng 6 tăng 5%, vì hàng triệu con rắn non sẽ nở trong tháng này. Còn đối với ông David Loupe Jr., để có thức ăn cho 7 con rắn lớn và 13 con rắn của mình, tuần vừa rồi ông phải đặt mua 1.000 con chuột đông lạnh.

Pháp: Cấm sử dụng bột động vật trong thức ăn cho gia súc

Trong cuộc họp báo ngày 9.6.1999, Bộ trưởng Nông nghiệp Jean Clavany cho biết Pháp muốn châu Âu nâng cao tiêu chuẩn an toàn trong việc sản xuất bột động vật dùng để nuôi gà, heo và cá. Nếu yêu cầu này không được thỏa mãn, Paris sẽ cấm hẳn bột động vật ở Pháp để làm gương. Bột động vật đã được sản xuất ở châu Âu từ 50 năm qua, nay bị coi là nguyên nhân gây ung thư do nhiễm chất độc dioxin.

Thông thường, bột động vật được chế từ xác của thú vật như chó, mèo, chuột, heo, bò và gà bị chết vì bệnh hay bị xe cán. Những xác này được xay nát, trộn với xương súc vật rồi sau đó nghiền thành bột.

Trong khi đó danh sách các nước cấm nhập sản phẩm thịt sữa từ châu Âu ngày càng dài. Bên cạnh một số nước châu Phi như Séala Léonne và Kina Fasou; Trung Cộng cũng đã ra lệnh tạm thời cấm nhập cảng gà và các sản phẩm chế từ sữa của 4 nước châu Âu Bì, Pháp, Đức và Hòa Lan.

Coca Cola bị loại khỏi thị trường Bì & Lục Xâm Bảo

Bộ trưởng y tế của Bì quyết định



Hoà-bình: lính Serb tiếp-tục cướp phá, đốt nhà trên đường rút quân về Bắc, để lại một vùng chiến-địa hoang-tàn cho 50.000 quân LHQ thuộc 32 quốc-gia

rút toàn bộ các sản phẩm của hãng Coca Cola ra khỏi thị trường nội địa, khoảng hơn 50 triệu chai và lon Coca. Quyết định này được đưa ra sau khi người ta phát giác nhiều vụ nhiễm độc khiến hồng huyết cầu bị phá huỷ do uống các loại nước giải khát của Coca Cola.

Theo Bộ Y Tế Bỉ, tính từ ngày 9.6.1999 đã có ít nhất 101 ca nhiễm độc vì uống nước của Coca Cola. Các sản phẩm bị cấm bán không chỉ bao gồm Coca Cola mà còn cả những loại nước giải khát khác do hãng Coca Cola sản xuất như Fanta hay Sprite, v.v... Lo sợ những vụ tương tự, ngành y tế của Lục Xâm Bảo cũng đã ra quyết định rút toàn bộ sản phẩm của Coca Cola ra khỏi thị trường, và khuyên dân chúng là không nên uống những chai hay lon nước giải khát đã mua.

Philippe Lenfant, người chịu trách nhiệm của hãng Coca Cola tại Bỉ cho biết lý do vì các lon nhôm đựng Coca được sản xuất tại hai xưởng ở nước này có phủ lớp sơn chống sét bị nhiễm độc, gây bệnh về hô hấp cho người tiêu thụ.

Hãng Coca Cola chính gốc tại Atlanta, Hoa kỳ đã giải thích sự việc bằng một trang quảng cáo đăng trên các báo tại Pháp, nhấn mạnh đến "phẩm chất không thể nghi ngờ" của loại nước uống này; và "hoàn toàn không có liên hệ gì giữa thức uống của hãng Coca Cola sản xuất tại Ý với các tai nạn xảy ra tại nước khác".

Chợ tình bên sông Potomac

Tuần báo loại "tin ngòi lê đôi mách" bán chạy nhất ở Mỹ *Star* số gần đây đã đăng một phóng sự về "Các cô gái gọi và những chuyện bẽ bối tình dục trên đồi Capitol". Theo *Star*, tối tối các cô gái này tham dự những dạ tiệc linh đình với các nhà lập pháp, hành pháp cao cấp của chính quyền Mỹ. Khắp nơi trong thành phố Washington nhan nhản cái gọi là "Công ty dịch vụ vui vẻ", chiếm tới 19 trang quảng cáo trong niên giám điện thoại.

Đội quân gái gọi có rất nhiều thiếu nữ vị thành niên đến từ Canada, các nước Trung và Nam Mỹ, thậm chí từ nước Nga xa xôi. Chợ tình náo nhiệt nhất là vào thời gian họp Quốc hội. Các nghị sĩ càng mệt mỏi vì "đại sự" càng cần đến các dịch vụ vui vẻ đủ loại. Nhiều gái gọi được đào tạo kỹ lưỡng, có trình độ học vấn khá nên được trả thù lao cao; ngược lại các cô và công ty dịch vụ cam kết giữ bí mật danh tính của khách hàng.

Xì-gà Cuba

Cuba là nước sản xuất nhiều loại xì-gà nổi tiếng thế giới như Cohiba, Montecristo hoặc Romeo y Julietta. Năm nay Cuba dự trù tăng xuất cảng xì-gà hơn 30%. Sau đường mía, kẽm, xì-gà xếp hạng ba trong ngành xuất cảng của Cuba, chiếm 13% xuất cảng của nước này.

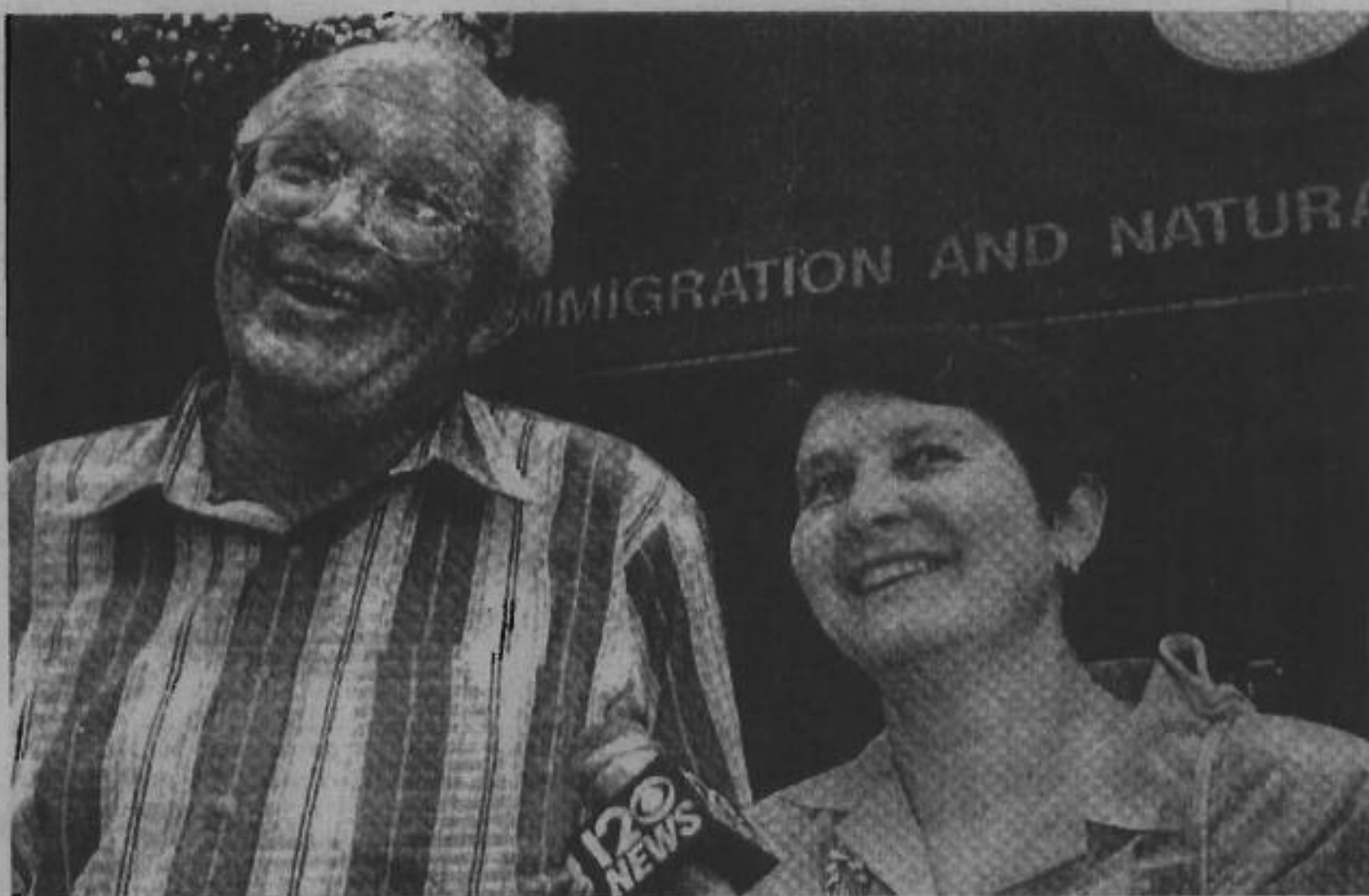
Mỗi năm thị trường nội địa Cuba tiêu thụ khoảng 11 triệu điếu xì-gà, nhưng thực tế chúng cũng lại được "xuất ngoại" qua số lượng đông đảo du khách hàng năm tới thăm Cuba. Buôn lậu xì-gà vì vậy đã trở thành

một trong những đề tài nóng bỏng được đưa ra trao đổi tại Festival del Habanos tổ chức hồi tháng giêng năm nay với sự tham gia của nhiều chuyên gia xì-gà quốc tế.

Sản phẩm xì-gà của Hoa Kỳ cũng đang làm cho tình hình thêm phức tạp. Loại xì-gà Cohita "made in USA" đăng ký nhãn hiệu tại Hoa Kỳ trông không khác gì Cohita chính hiệu Cuba mặc dù dùng nguyên liệu của Cộng hoà Dominica. Do chính sách cấm vận thương mại của Hoa Kỳ kéo dài đã 36 năm nên Cuba không thể bảo vệ nhãn hiệu sản phẩm của mình trên đất Mỹ. Thí dụ năm ngoái Đức chỉ nhập cảng 4,2 triệu điếu xì-gà Habanos từ Cuba, thấp hơn rất nhiều so với số lượng nhập từ Cộng hoà Dominic. Tuy nhiên cuộc cạnh tranh ác liệt nhất là với loại xì-gà Havanna.

Xung quanh nhãn hiệu Hanvanna có biết bao huyền thoại! Fidel Castro đã từng nhận mật tin của các đồng chí quán trong điếu xì-gà Havanna khi ông ta ngồi tù dưới thời Batista. Ngay từ thế kỷ thứ XIX tại các xưởng sản xuất xì-gà Cuba đã xuất hiện những người chuyên đọc truyện cho công

"Hoàng-tử" đỏ của Liên-sô thành công-dân Mỹ



Sergei Krushchev, con trai của cố Chủ-tịch Liên-sô Nikita Krushchev, và bà vợ đang cười toe-toét sau khi "thi đậu" vào quốc-tịch Mỹ ở Providence, R.I.

nhân nghe trong giờ làm việc. Hồi đó những người thợ sản xuất xì-gà được liệt vào hạng "vô sản trí thức".

Tại xưởng sản xuất xì-gà El laguito, nơi ra đời loại xì-gà Cohiba, ngày nay vẫn còn những người làm nghề đọc truyện. Nhưng tại nhiều cơ sở sản xuất khác radio cassette đã thay thế họ và thay cho đọc truyện là các chương trình âm nhạc có tiết tấu nhanh, mạnh để tăng năng suất. Hiện nay tại Cuba có 43 nhà máy xì-gà quốc doanh cỡ lớn, chưa kể nhiều cơ sở nhỏ khác ở các địa phương vẫn tiếp tục sản xuất xì-gà với điều kiện không khác trước đây là bao. Trong một phân xưởng có tới hàng trăm người thợ ngồi cạnh nhau sản xuất nhiều loại xì-gà với kích cỡ khác nhau, phần lớn đều làm thủ công và hết sức tỉ mỉ. Đầu tiên họ chọn những lá thuốc đã ủ lên men theo kích cỡ, màu sắc và chất lượng để cuốn, sau đó đưa vào kho. Đây là nơi duy nhất sử dụng thiết bị kỹ thuật hiện đại đảm bảo độ ẩm không khí luôn ở mức từ 12 đến 15%.

Tàu thủy chạy nhanh

Công ty đóng tàu NASSCO danh tiếng và lớn nhất ở San Diego đã khởi sự bắt tay vào việc đóng tàu chở hàng có hải trình Bắc Mỹ và Pháp, dự trù hoàn tất vào năm 2003. Loại tàu mới này có vận tốc trung bình từ 40 hải lý đến 46 hải lý/giờ. Được trang bị bằng động cơ đẩy nước phản lực, tàu hàng loại này được vẽ kiểu để chạy nhanh hầu thu ngắn thời gian hải hành, từ Bắc Mỹ vượt Đại Tây Dương đi Pháp chỉ mất 3 đến 4 ngày. Ngân khoản dự trù cho việc thực hiện lên đến 1 tỷ mỹ kim.

Tàu này dài 860 bộ, sức chứa 1,432 thùng hàng. Trong khi đó các tàu hàng có trọng tải lớn vận tốc chỉ độ 23 hải lý, nhưng chở được tới 6,600 thùng hàng.

Hoa kỳ: Giá con nuôi

Việc đầu tiên mà các bậc cha mẹ Mỹ muốn xin con nuôi nước ngoài

phải nghĩ tới, là số tiền mà họ phải trả cho các cơ quan đứng ra lo chuyện xin con nuôi cho mình. So với những năm đầu thập niên 1990, cái giá ấy giờ đã tăng gấp 3 lần.

Theo bà Diana Garcia, nhà sáng lập Công ty New Families Inc., một công ty chuyên môi giới lo thủ tục xin con nuôi nước ngoài cho các cha mẹ Mỹ, thì: "Giá xin một đứa con nuôi ngoại quốc bây giờ là 35.000 mỹ kim so với 8.000 mỹ kim hồi 10 năm trước". Chính vì thế, đã có nhiều ngân hàng mở dịch vụ cho vay nợ có đặc biệt và không đảm bảo để các bậc cha mẹ vay đóng tiền dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho trẻ hay sửa sang nhà cửa, một trong những điều kiện hàng đầu muốn xin con nuôi.

Một khi bản hợp đồng hoàn tất thì các bậc cha mẹ Mỹ mới có thể bay đến quốc gia cho con nuôi để đón đứa trẻ. Những quốc gia được dân Mỹ chọn con nuôi nhiều nhất là Guatemala, Trung Cộng, Nga và Nam Hàn. Theo thống kê của viện Nghiên cứu về con nuôi ở Mỹ, nếu như trong năm 1992 chỉ có 6.536 con nuôi quốc tế đến nước này thì trong năm 1998, con số ấy là 15.744 trẻ. Còn theo con số ước tính của Unicef, mỗi năm có từ 1.000 đến 1.200 trường hợp trẻ Guatemala nhận cha mẹ nuôi từ các quốc gia Mỹ, Canada, Pháp, Ý và Anh. Dịch vụ cho con nuôi ở Guatemala mỗi năm có thể đem về cho đất nước này 15 triệu mỹ kim. Theo bà Garcia, khách hàng của bà từ tuổi 25 đến 55. Họ có thể là bà mẹ đơn thân hay những cặp vợ chồng có nghề nghiệp chuyên môn hẳn hoi... và nghề nghiệp khiến họ không muốn sinh con. Hoặc là những cặp vợ chồng không có con hoặc đã có một đứa rồi. Mỗi tháng, Công ty New Families của bà Garcia đều "giao" cho khách hàng từ 2 đến 3 con nuôi, hầu hết đến từ Guatemala.

Dường như khi muốn nuôi con nuôi, tất cả dân Mỹ đều nghĩ tới con nuôi ngoại quốc. Danh sách các bậc cha mẹ Mỹ muốn xin con nuôi cứ mỗi năm mỗi dài. Đơn giản chỉ vì một lý do duy nhất như ông bố nuôi

Allan Richards, người dự tính xin đứa con nuôi Trung Cộng vào mùa hè này: "Vấn đề không phải là tiền bạc, mà là bạn có muốn được trở thành cha, thành mẹ hay không. Điều mà chúng tôi mơ ước sau cùng là có được một gia đình".

Mã Lai: Cụ ông 141 tuổi

Một ông lão Mã Lai sống tới 141 tuổi, là người già nhất thế giới, vượt kỷ lục người thọ nhất thế giới của một người Mỹ là cụ Sarah Knauss ở Pennsylvania, 118 tuổi.

Cụ Omar Abas sinh ngày 26.9.1857, là người thọ nhất thế giới, đã được Bộ trưởng Sức khỏe Mã Lai nhìn nhận. Cụ Abas tuy không còn giữ giấy khai sinh, nhưng cơ quan hành chánh nơi cụ cư ngụ đã xác nhận ngày sinh của cụ. Do hoàn cảnh lịch sử Mã Lai, người dân nước này sinh trước tháng 6.1926 không được cấp giấy khai sinh, nhưng ngày sinh của dân chúng được ghi vào một sổ bộ lưu giữ tại cơ quan lo về hộ tịch.

Những bất động sản đắt nhất thế giới

Theo kết quả nghiên cứu năm 1998 của phòng Nghiệp vụ Bất động sản Quốc tế, đại lộ Mike Tyson ở New York, Hoa kỳ, là phố thương mại đắt nhất thế giới. Giá thuê cửa hàng ở đây mỗi năm 6.000 mỹ kim/m². Thứ đến là Hồng-kông, giá khoảng 5.835 mỹ kim/m²/năm. Thứ ba là phố Newton ở Luân đôn, 5.031 mỹ kim/m²/năm. Thứ tư là một đường phố nổi tiếng ở Paris, 4.600 mỹ kim/m²/năm. Thứ năm là Mạc Tư Khoa, Nga (Bách hóa tổng hợp GUM), 3.500 mỹ kim/m²/năm. Một khu vực ở Tokyo, Nhật Bản xếp thứ mười, 2.011 mỹ kim/m²/năm.

Cuộc khủng hoảng tài chính vừa qua đã ảnh hưởng lớn đến giá bất động sản ở châu Á. Trước đây, Hương-cảng là thành phố đắt nhất trên thế giới. Một đường phố ở Tân Gia Ba đã từ vị trí thứ 7 xuống vị trí thứ 12. Bangkok từ 24 xuống vị trí

37.

Giá bất động sản ở Bắc Mỹ và Tây Âu năm 1998 giữ như cũ. Còn Hung Gia Lợi, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, v.v... tăng lên rất nhiều.

10 phi trường đông nhất thế giới

Hội đồng các Phi trường Quốc tế (ACI) cho biết năm 1998, phi trường Atlanta, tiểu bang Georgia, Hoa Kỳ, đứng đầu danh sách các phi trường trên thế giới chuyên chở hành khách nhiều nhất trong năm 1998, đạt 73,5 triệu khách, tăng 7,7% so với năm 1997. Phi trường Chicago O'hare chở 72,4 triệu khách, tăng 3% đứng thứ hai. Phi trường Los Angeles, tiểu bang California, Hoa kỳ, đứng thứ ba với 61,2 triệu khách tăng 1,8%. Heathrow ở Luân Đôn, Anh quốc, chở 60,7 triệu khách, tăng 4,3%; Dallas Fort Worth, tiểu bang Texas, Hoa kỳ, chở 60,5 triệu khách, không thay đổi vị trí so với năm trước. Phi trường Tokyo, Nhật Bản, đứng thứ sáu, vận chuyển 51,24 triệu khách; Frankfurt, Đức, đứng thứ bảy vận chuyển 42,7 triệu khách, tăng 6,1%. San Fransisco, California, Hoa kỳ, đứng thứ tám vận chuyển 40,1 triệu khách, giảm 1,1%. Phi trường Roissy ở Paris đứng thứ chín vận chuyển 38,6 triệu khách, tăng 9,5% và Denver, tiểu bang Colorado, Hoa Kỳ đứng thứ mười, với 36,8 triệu khách, tăng 5,3%.

Thi xâm nhập máy điện toán

Những *hacker* (kẻ đột-nhập phá-hoại) máy điện toán được treo giải 10.000 mỹ kim và 10.000 đô la Tân gia ba (5.882 mỹ kim) trong một cuộc tranh tài quốc tế mang tên "Hackers Zone" (vùng gặp gỡ của những kẻ đột nhập máy tính) sẽ được tổ chức tại Singapore. Đây là lần đầu tiên các *hacker* được pháp luật Tân gia ba cho phép đột nhập các liên mạng trên máy điện toán của các nhà tài trợ.

Tất cả các *hacker* máy điện toán

trên toàn thế giới đều có thể tham dự cuộc tranh tài tại địa chỉ Hyperlink <http://www.infosecurity/.com.sg>. Tại đây họ sẽ được yêu cầu xâm nhập 3 trang web của Voltaire Advanced Data Security, Conclave Integrated Internet Security và Infinitum bằng cách hoặc thay đổi trang chủ, hoặc chuyển hồ sơ ra.

Kết quả cuộc tranh tài sẽ được công bố vào ngày 25.6.1999 tại triển lãm Bảo mật Thông tin Châu Á 99 ở Tân gia ba (Infosecurity Asia' 99). Các nhà tổ chức cuộc thi này là Công ty Triển lãm Reed, Hệ thống bảo mật thông tin Châu Á (Infosecurity Asia) và Hệ thống máy tính quốc gia (National Computer Systems).

Được biết, Tân gia ba năm 1998 đã thông qua đạo luật: Buộc tội những kẻ xâm nhập vào "các hệ thống máy tính được bảo vệ", nếu phạm luật sẽ bị phạt tới 100.000 đô-la Singapore hoặc tới 20 năm tù.

Khủng bố trên Internet

Cùng với sự phát triển của mạng lưới thông tin điện toán, một hình thức khủng bố mới cũng hình thành: khủng bố trên mạng. Không cần đến lựu đạn, súng ngắn, thuốc nổ, cướp máy bay, ném bom... kẻ xâm nhập (Hacker) lúc đầu chỉ là những người đam mê máy điện toán, sau một số biến thành "đạo tặc", sử dụng sự hiểu biết và phương tiện của mình để xâm nhập trái phép những hệ thống điện toán bí mật về kinh tế hoặc quốc phòng.

Khắp thế giới, chính phủ các quốc gia phải dành ngân sách nghiên cứu để bảo đảm an ninh cho các hệ thống điện toán. Từ đầu năm 1999, Hoa kỳ đã phải chi 1.46 tỉ mỹ kim cho chương trình này, chủ yếu bảo vệ Ngũ Giác Đài, tăng 40% so với năm tài khoá trước. Bộ Quốc phòng Mỹ nhìn nhận mỗi ngày họ bị từ 60 đến 80 cuộc tấn công vào mạng máy tính tối mật. Ngay từ 1997, Cơ quan An ninh Quốc gia Mỹ đã phải thuê 35 hacker để tổ chức tấn công giả vào hệ

thống cơ sở hạ tầng điện tử của nước Mỹ. Kết quả các *hacker* đã xâm nhập được 36 khu vực của bộ Quốc phòng với 4 vạn mạng máy tính. Cuộc tấn công giả cũng làm tê liệt một phần mạng lưới năng lượng điện quốc gia, "khóa chặt" một bộ phận của 911 mạng máy tính ở Washington D.C, thậm chí truy cập tới cả hệ thống máy tính trên tuần dương hạm đang hoạt động ngoài khơi.

Ngay từ cuộc chiến tranh vùng Vịnh Ba Tư, một số *hacker* Hoà Lan đã từng lấy cắp thông tin về quân đội Mỹ di chuyển từ hệ thống điện toán bộ Quốc phòng Mỹ. Họ tìm cách gửi thông tin này cho người Iraq, nhưng người Iraq lại nghĩ rằng đây là trò lừa bịp nên bỏ qua. Mới đây nhất là vào tháng 2.99, một số *hacker* chưa xác định được quốc tịch đã giành quyền kiểm soát vệ tinh truyền thông quân sự của Anh quốc và đòi được trả tiền mới ngừng công việc kiểm soát của họ.

Hiện nay trên thế giới có khoảng 30.000 *hacker* có trình độ nhằm vào các site trên Internet.

Anh: Rung chuông đón năm 2000

Trong vòng 5 phút đón giao thừa năm 2000, Anh quốc sẽ có khoảng 5.500 chiếc chuông đồng loạt ngân lên, tạo không khí rạo rực và thiêng liêng hơn cả cái đêm Thủ tướng Winston Churchill long trọng tuyên bố đệ II Thế Chiến kết thúc vào hơn nửa thế kỷ trước. Việc đúc chuông mới và tân trang những chiếc chuông cũ đã trở nên vô cùng tất bật ở xứ sương mù.

Chính phủ đã thông qua việc cấp kinh phí 5 triệu mỹ kim từ quỹ xổ số quốc gia cho việc này. Phần lớn các chiếc chuông năm 2000 đều ra lò ở xưởng đúc John Taylor, nằm ở khu ngoại ô bắc Luân Đôn, là một trong 2 cơ sở đúc chuông còn tồn tại ở Vương quốc Anh.

Năm 1999 là năm lao động cật lực bất kể ngày đêm ở đây, để khoảng 120 cái chuông ra lò kịp thời hạn -

gấp đôi sản lượng năm ngoái. Căn xưởng bằng gạch từ thời Nữ hoàng Victoria này, với các bộ khuôn bằng kim loại cổ xưa và những đồng đất sét màu vàng nâu hoàn toàn đối nghịch với khung cảnh phát triển cuối thế kỷ XX. Từ năm 1859, tại nơi này, các bộ chuông của John Taylor đã ra lò, kể cả chiếc chuông của Vương cung Thánh đường Washington (Hoa kỳ). Các lõi chuông được đổ khuôn bằng tay; vật liệu vẫn là đất sét, phân ngựa, rơm và gạch vụn. Trong nồi nấu, kim loại nóng chảy có sắc màu vàng đỏ. Các thợ đúc vẫn dùng nhánh cây dương liễu làm dụng cụ vớt hết bọt, rồi mới đổ hỗn hợp nóng chảy vào khuôn mẫu. Tiếp đó, họ chôn toàn bộ khối khuôn vật liệu này xuống lòng đất, để bảo đảm cho

mở dung nham nóng sền sệt ấy nguội và cứng dần.

Hoa hậu "phì"

Trong cuộc thi Hoa hậu béo lần thứ ba tại Thái Lan vừa qua, ban tổ chức đã nêu cao khẩu hiệu "Béo đẹp" để thu hút những ứng cử viên nặng ký.

Kết quả rất khả quan, hơn 100 thí sinh tham dự cuộc đua tài sắc với số cân lý tưởng ít nhất gần... 160 kg. Nói chung, ngoài tiêu chuẩn béo tròn; khẩu hiệu "Béo Đẹp" của các nhà tổ chức còn hàm ý rằng, thí sinh phải yêu kiều, duyên dáng và thanh lịch thì càng hay.

Cuối cùng, cô sinh viên năm thứ 4 của trường đại học Hua Chiêu -

Intraporn Improm đã lọt vào mắt giám khảo, giành vương miện nữ hoàng và khoản tiền thưởng là 25.000 бат, tương đương 695 mỹ kim.

Trong đêm đua sắc tại khu ngoại ô Bangkok 24 thí sinh đã lọt vào chung kết và... 2,5 tấn (trọng lượng của 24 thí sinh) được đồn lên sân khấu. Tuy nhiên 2,5 tấn ấy mới chỉ là trọng lượng tính bởi ngay đêm đó tất cả còn phải trình diễn những màn khiêu vũ đến nghệt thở, rồi cùng nhau hát một bài với phong thái của Spice Girls.

Cuộc thi có màu sắc hài hước, mang lại tiếng cười thoải mái cho dân chúng. Năm tới, Hoa hậu Intraporn Improm sẽ khoác áo sứ giả kêu gọi sự bảo tồn đàn voi ở Thái Lan.

Những người giàu nhất thế giới

Tạp chí *Forbes* vừa đưa ra 2 danh sách những người giàu nhất thế giới cho đến ngày 30.4.1999. Một gồm những người thân lập thân. Danh sách kia gồm những ông hoàng, bà chúa và những nguyên thủ quốc gia.

1. Bill Gates, Hoa kỳ, chủ nhân công ty Microsoft: 90 tỉ mỹ-kim.

2. Warren Buffett, Hoa kỳ, công ty đầu tư Berkshire Hathaway: 36 tỉ.

3. Paul Allen, Hoa kỳ, nguyên sáng lập viên công ty Microsoft: 30 tỉ.

4. Steven Ballmer, Hoa kỳ, giám đốc công ty Microsoft: 19.5 tỉ.

5. Hoffman Oeri và gia đình Sacher, Thụy sĩ, công ty dược phẩm Roche: 17 tỉ.

6. Philip Anschutz, Hoa kỳ, chủ các công ty dầu hỏa, xe lửa, viễn thông: 16.5 tỉ.

7. Michael Dell, Hoa kỳ, công ty điện toán Dell: 16.5 tỉ.

8, 9, 10. Alice Walton, Helen Walton, Jim Walton, Hoa kỳ, chủ hệ thống tiệm Wal Mart. Tài sản mỗi người: 16 tỉ.

Hạng 11 là nhà đầu tư Alwaleed Talal Alsaud người Ả rập: 15 tỉ. Hạng 12: Theo & Karl Albrecht và gia

đình, Đức: 13.6 tỉ. Hạng 13 là nhà địa ốc Hương cảng Li Ka-shing: 12.7 tỉ.

Trong 100 người giàu nhất thế giới, Gia nã đại chỉ có Ken Thomson, chủ công ty thông tin và báo chí

Thomson Corp: 11.9 tỉ, đứng hạng 19. Kế đến là Charles Bronfman, chủ hãng rượu Seagram Co. đứng hạng 122 với tài sản 3.7 tỉ. Hạng 123 là anh em nhà Irving ở New Brunswick, làm giàu nhờ lâm sản, giao thông và năng lượng với 3.7 tỉ.

Phụ nữ giàu nhất thế giới là bà Liliane Bettencourt, Pháp; tài sản khoảng 13.9 tỉ nhờ thừa kế hãng mỹ phẩm l'Oréal.

Về danh sách những ông hoàng bà chúa, báo *Forbes* kể tên:

1. Ông hoàng xứ Brunei, Hassanal Bolkiah: 30 tỉ.

2. Vua Fahd của Saudi Arabia: 28 tỉ.

3. Sheikh Zayed Sultan Nahyan, Ả rập: 20 tỉ.

4. Amir Jaber Ahmed Jabal Sabah, xứ Kuwait: 17 tỉ.

5. Nữ hoàng Elizabeth, Anh quốc: 16 tỉ.

6. Sheikh Maktoum Rashid Maktoum, Ả rập: 12 tỉ.

7. Saddam Hussein, Iraq: 6 tỉ.

8. Nữ hoàng Beatrix, Hoà lan: 5.2 tỉ.

9. Amir Hamad Khalifa Thani, xứ Qatar: 5 tỉ.

10. Tổng-thống Hafez Assad, Syria: 2 tỉ.

Gates



Buffett



Bolkiah



Anschutz



Dell



Hussein



tin việt-nam

Lê Khả Phiêu thú nhận đảng viên cao cấp biến chất

Vào ngày 18.5, nhân buổi lễ gọi là kỷ niệm 109 ngày sinh và 30 ngày phổ biến di chúc của Hồ Chí Minh; Lê Khả Phiêu, Tổng bí thư đảng CSVN, đã ra lệnh cho 2,4 triệu đảng viên phải tham gia vào một cuộc vận động tự phê trên toàn quốc để "chống nạn tham nhũng", và cuộc vận động này bắt đầu vào ngày 19.5. Trước buổi tụ họp có mặt đầy đủ các quan chức lãnh đạo đảng và nhà nước CSVN, sau khi đề cao Hồ Chí Minh "lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam, người thầy vĩ đại của đảng" và tự khen ngợi đảng "đã đạt được thành tựu kỳ diệu", Lê Khả Phiêu dành hầu hết bài diễn văn còn lại để nói về việc "chỉnh đốn đảng rất cấp bách" để "không để rơi vào tình trạng dao động, bí quan;ngăn ngừa bệnh kiêu ngạo, chủ quan, tự mãn, lạc quan tếu;... rất dễ đánh mất mình, ngày hôm qua vĩ đại, không nhất định hôm nay vẫn được mọi người yêu mến nếu họ không trong sáng, sa vào chủ nghĩa cá nhân". Lê Khả Phiêu cũng thú nhận rằng "có một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo

đức, lối sống....; giảm sút ý chí, phai nhạt lý tưởng, dao động về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đáng chú ý là có cả một số cán bộ, Đảng viên cấp cao làm trái Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, vi phạm luật pháp Nhà nước, thiếu tinh thần trách nhiệm khi giải quyết những vấn đề của đất nước cũng như của địa phương mình, ngành mình, đơn vị mình". Phiêu cho rằng "các thế lực thù địch đang dùng mọi thủ đoạn nham hiểm, trắng trợn và độc ác chống lại hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc vẫn diễn ra phức tạp và quyết liệt đòi hỏi bản lĩnh chính trị vững vàng và tinh táo thì một số cán bộ Đảng, cán bộ Nhà nước lại mơ hồ, mất cảnh giác. Nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm, kỷ luật và quản lý Đảng viên lỏng lẻo, chế độ sinh hoạt tự phê bình và phê bình không nghiêm, tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng kéo dài ở một số cấp uỷ, địa phương...". Lê Khả Phiêu nhấn mạnh rằng: "Nếu chúng ta không kiên quyết chặn đứng, đẩy lùi sự suy thoái đang diễn ra trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước thì sẽ dẫn đến nguy cơ làm biến chất Đảng, đe dọa sự sống còn của chế độ, độc lập và an ninh của Tổ quốc". Từ ngày 18.5 đến 21.5, đảng CSVN đã cho tổ chức "Hội nghị cán bộ toàn quốc triển khai thực hiện

Nghị quyết trung ương 6 (lần 2)" để học tập về xây dựng và chỉnh đốn Đảng do Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng CSVN tổ chức. Theo bản tin, dự hội nghị này có gần 600 cán bộ đảng chủ chốt là Bí thư hoặc phó Bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân; các Trưởng ban Tổ chức kiểm tra, Tuyên giáo các đảng bộ của 61 tỉnh, thành phố trong cả nước và các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương. Trong phiên họp khai mạc hội nghị này có Phạm Thế Duyệt, Ủy viên thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị CSVN; và Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, nói về quy chế học tập lý luận chính trị trong Đảng.

Biểu tình chống tham nhũng trước Quốc Hội

Ngày 20.5.1999, khoảng 250 nông dân đã biểu tình trước trụ sở quốc hội CSVN tại Hà Nội để tố cáo các cán bộ tỉnh tham nhũng. Đa số những người biểu tình đến từ các tỉnh gần Hà Nội, và muốn chuyển đơn tố giác của họ đến các "đại biểu" quốc hội CSVN đại diện tỉnh của họ đang ngồi họp ở Hà Nội. Theo hãng AFP có khoảng vài chục cảnh sát sắc phục và thường phục đã lẫn lộn trong hàng ngũ đoàn biểu tình ngăn chặn không cho họ tiến gần tòa nhà quốc hội. Một nông dân tại tỉnh Hưng Yên cho biết họ đã bị đồn đến đường cùng, các cán bộ đảng ở địa phương đã bỏ túi riêng các khoản tiền đền bù đất đai của họ bị trưng thu để xây lò gạch. Những người biểu tình cho biết là họ sẽ ở lại Hà Nội biểu tình hàng ngày cho đến khi nào các "đại biểu" trả lời các kiến nghị của họ nếu quả thật "đại biểu" đứng về quyền lợi người dân. Cuộc biểu tình này diễn ra 2 ngày sau khi Lê Khả Phiêu, Tổng bí thư đảng Cộng sản Việt Nam, đưa ra chiến dịch kêu gọi "phê bình và tự phê bình" trong đảng và chính phủ để gọi là đấu tranh chống tham nhũng tại Việt Nam.

Tổ chức Thái Bình Nổi Dậy: bị “bóp cổ trong bóng tối”

Những người “có khả năng tổ chức” trong vụ nông dân Thái Bình nổi dậy chống tham nhũng trước đây đã lần lượt bị nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam “bóp cổ trong bóng tối.” Nhà văn CS Dương Thu Hương đã tuyên bố như trên với đài BBC, phát thanh từ Luân Đôn, Anh-quốc.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm vụ sinh viên Trung Cộng biểu tình chống tham nhũng và bị tàn sát tại Thiên An Môn, đài BBC đã ôn lại biến cố nông dân tại Thái Bình nổi dậy chống tham nhũng, và phỏng vấn Dương Thu Hương, hiện đang sống tại Việt Nam.

Lên tiếng trong chương trình BBC phát thanh liên tiếp hai ngày 4 và 5 tháng 6, Dương Thu Hương nói rằng, khác với lối đàn áp bằng bạo lực dễ thấy trong vụ Thiên An Môn, cách thức Cộng Sản Việt Nam đối phó với vụ nổi dậy của nông dân Thái Bình thâm độc hơn nhiều. Đảng Cộng Sản Việt Nam vô cùng sợ hãi hậu quả vụ nông dân nổi dậy. Cách thức của họ, đối ngoại là nhấn nhai tối đa để làm dịu dư luận và báo chí quốc tế. Đối nội, họ vượt vế hứa hẹn, hết thanh tra này đến thanh tra kia, cho qua ngày qua tháng. Trong khi đó thì đòn đối phó thật của họ là “bóp cổ trong bóng tối”.

Trả lời câu hỏi của phóng-viên BBC về bằng chứng của lời tố cáo trên, Dương Thu Hương nói: “Chị quên chính tôi là người quê ở Thái Bình à?” với ngụ ý: chính bà là nhân-chứng sống.

Dương Thu Hương xác nhận là bà biết rất rõ những người có khả năng hiểu biết, tổ chức trong vụ nổi dậy tại Thái Bình đã bị bắt giam ra sao, hành hạ và chuyển trại thế nào. Dương Thu Hương cũng nói thêm: “Nông dân Việt Nam, tự thân họ, chưa thể hiểu biết về dân chủ, họ chỉ nổi dậy khi bị dồn vào đường cùng”.

Dương Thu Hương là một người cộng sản lý tưởng, trong thời kỳ Nguyễn Văn Linh cho phép “đổi

mới”, bà lên tiếng phê bình một số các đảng viên tham nhũng với mục đích xây dựng. Đối với bà, đảng Cộng sản vẫn đúng, và khẳng định “Tôi không bỏ hàng ngũ cộng sản để đứng về phía những người chống cộng”.

Dương Thu Hương từng được sang Pháp ra mắt sách dịch sang Pháp ngữ và cũng từng được Hàn Lâm Viện Pháp tuyên dương. Khi trở về nước, bà bị bắt giam một thời gian ngắn rồi lại thả. Từ vài năm nay, không thấy có tác phẩm mới nào của bà được công bố, và gần đây, Dương Thu Hương bắt đầu lên tiếng phê bình nhà nước CSVN.

CSVN không chịu cải cách chính trị

Giới ngoại giao Tây Phương ở Hà Nội đã mạnh mẽ phê phán chế độ Cộng Sản Việt Nam về tình trạng kiểm chế tự do ngôn luận và tôn giáo cùng những vi phạm khác về nhân quyền, không đáp ứng những điều kiện cải cách mà nhà cầm quyền đã hứa hẹn để được nhận viện trợ quốc tế.

Các quốc gia cung cấp viện trợ cho CSVN có hai phiên họp bắt đầu vào ngày 15.6.1999 tại Hải Phòng. Nhóm Tư Vấn cho Việt Nam do Ngân Hàng Quốc Tế bảo trợ tổ chức kỳ họp giữa năm này nhằm duyệt xét tình hình viện trợ phát triển và cải cách.

Với vẻ thất vọng, đại sứ Đức tại Hà Nội, ông Wolfgang Erck, than phiền rằng: “Năm nào cũng vậy, họ mong muốn được trợ giúp và khi được hỏi vấn đề cải cách ra sao, họ vẫn trả lời bảo đảm là thế rồi, nhưng chúng tôi muốn biết là bao giờ chứ!”. Phê phán của đại sứ Đức được coi như trái thủ tục ngoại giao bình thường, công kích mạnh mẽ vào chế độ mà theo ông là vẫn theo đường lối cố hữu với sự kèm kẹp tiếp tục gia tăng.

Kể từ 1993, Việt Nam đã được hứa hẹn một ngân khoản viện trợ chính thức tổng cộng 13.1 tỷ mỹ

kim. Nhưng sự chậm trễ thi hành những cải cách đã khiến các quốc gia cung cấp viện trợ phải đặt thêm điều kiện cho những hứa hẹn trợ giúp tương lai. Một số thành quả tươi sáng buổi đầu của cuộc đổi mới kinh tế khởi sự từ 10 năm trước đây đến nay đã mờ nhạt dần. Mức tăng trưởng kinh tế năm nay dự đoán sẽ từ 3% đến 4% so với khoảng 8% năm 1997. Xuất cảng sút giảm và đầu tư của ngoại quốc chậm lại.

Tất cả đều đồng ý rằng tại Hà Nội còn rất nhiều vấn đề cần phải được thanh toán, trong đó có việc hoạt động kém hiệu quả của lãnh vực kinh tế quốc doanh, những quy định kỳ thị về kinh doanh, sự thiếu sót một cơ cấu luật pháp toàn bộ và hệ thống ngân hàng thiếu an toàn.

40% tiền viện trợ bị tiêu phí

Chương trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc trong một bản báo cáo mới đã ước lượng có tới 40% ngân khoản viện trợ cho một dự án Việt Nam đã bị sử dụng phí phạm. Điều mỉa mai là dự án có sự lãng phí này, lại được dùng vào việc cải thiện chính quyền tỉnh Quảng Bình.

Năm ngoái, Hà Nội đã nhận được khoảng 1.7 tỉ đô la tiền nợ với lãi suất nhẹ cùng các khoản viện trợ từ những nước cấp viện. Chương Trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc là một trong những chương trình cấp viện lớn nhất của Việt Nam bên cạnh những chương trình của Ngân Hàng Thế Giới, Ngân Hàng Phát Triển Á Châu, Nhật Bản, Úc, Thụy Điển và Pháp.

Quảng Bình với dân số 800,000 người, là tỉnh nghèo nhất Việt Nam. Dự án Quảng Bình bắt đầu từ năm 1997, mục đích cải thiện cơ quan hành chánh tỉnh và trong số 3 triệu đô la dự trù dành cho dự án này, các nước cấp viện đã cho tới 1.7 triệu mỹ kim. Một toán chuyên viên Liên Hiệp Quốc đã khám phá những viên chức tỉnh này đã trả tới 2000 mỹ kim cho một máy điện toán trị giá 600 mỹ kim, sử dụng những loại xe do

Chương Trình Phát Triển cung cấp để tổ chức những chuyến đi dài ngày không lý do, tiêu tới 60.000 mỹ kim cho khóa học tiếng Anh ở Hà Nội mà vẫn không qua được kỳ thi khảo sát khả năng.

Ngành du lịch VN xuống dốc

Theo báo *Tiền Phong*, chuyện khó khăn trong ngành du lịch giờ đây được xem gần như "trong nhà ngoài phố. Đi đến đâu người ta cũng bàn về nó, từ trong hội nghị cho đến khi ngồi tán gẫu bên tách cà phê". Vào đầu tháng 6 vừa qua, hơn 100 doanh nghiệp đã tụ họp tại thành phố Sài Gòn để tham dự Hội thảo "Thị trường du khách trọng điểm và lối tiếp cận". Đây là một hội thảo xúc tiến du lịch khá quan trọng, nhất là trong thời điểm mà lượng du khách nước ngoài vào Việt Nam đang giảm sút như hiện nay.

Theo số liệu do hội thảo đưa ra, lượng du khách Nhật, Pháp vốn chiếm thị phần quan trọng của ngành du lịch Việt Nam nay đang giảm sút. Còn lượng du khách Mỹ hiện rất ít ỏi. Sự sụt giảm du khách đáng báo động. So với các nước Đông Nam Á, hiện lượng du khách Nhật vào thăm Việt Nam chỉ vào khoảng trên dưới 90.000 người một năm. Con số này đứng thứ 10 sau Nam Hàn, Trung Quốc, Hương-cảng, Đài Loan, Thái Lan, Tân Gia Ba, Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân và chỉ xếp trên con số của Miến Điện, Cao-miên và Lào mà thôi.

Lượng du khách Nhật đến thành phố Sài Gòn đã giảm từ mức 95.273 người năm 1997 xuống còn 78.244 người năm 1998.

Theo con số của Tổng cục du lịch Việt Nam thì lượng du khách Pháp, kể cả Việt kiều Pháp đã từng tăng đến 137.890 người vào năm 1995, nhưng đến năm 1998 chỉ còn 83.371 người.

Cũng theo tài-liệu của Tổng cục du lịch CSVN thì lượng du khách Mỹ chính gốc, bao gồm cả khách đi công vụ vào Việt Nam còn rất ít, hầu

như chưa đáng kể. Trong khi tại Trung Cộng, Nhật và Thái Lan, lượng du khách Mỹ đến rất lớn.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc lượng du khách của các thị trường trọng điểm ít đến Việt Nam hay là giảm đi đáng kể so với trước.

Ông Yoshida Harunorbu, Trưởng đại diện Công ty IDI Nhật Bản cho biết, Hà Nội rất cần bảo đảm về mặt an ninh cho du khách, bảo đảm về đường hàng không, cải thiện cơ sở hạ tầng. Trong thời gian gần đây, nhiều du khách Nhật bị móc túi hay cướp giật ngoài đường; bị quấy rối và chịu cảnh nài nỉ, chèo kéo của những người bán rong và đập xe xích lô. Theo ông, Hà Nội cần thành lập một đội cảnh sát du lịch giỏi nghề.

Về hàng không, Việt Nam hiện còn có nhiều chuyến bay nội địa, nhất là các chuyến bay ra miền Trung bị huỷ hay hoãn do tận dụng chuyến bay hay do thời tiết thất thường mà không có biện pháp giải quyết. Sân bay Tân Sơn Nhất cần phải cải tiến một số điểm vì du khách bị tài xế tắc-xi ép buộc phải đi xe của họ, du khách phải đi bộ và không có xe đẩy hành lý ra tận nơi đậu xe, nhân viên phục vụ sân bay chưa có tinh thần hiếu khách cao. Các tài xế các chuyến xe buýt đường dài ở Việt Nam thường hay vi phạm luật giao thông khiến du khách e ngại.

Về chi phí ăn ở, Việt Nam hiện nay tương đương nhiều nước châu Á khác với nhiều khách sạn mới đạt tiêu chuẩn quốc tế, nhưng về chi phí hàng không thì cao hơn các nước trong khu vực.

Ông Y. Mizoguchi đề nghị Hà Nội nên đơn giản hoá thủ tục cấp chiếu-khán, giảm giá cước vận chuyển hàng không, giá cả dịch vụ nội địa nên để có sự bình đẳng giữa người nước ngoài và người Việt Nam. Còn đối với các loại giấy tờ kê khai khi nhập cảnh Việt Nam, ông đề nghị đơn giản hoá từ 4 tờ xuống còn 2 tờ.

Lương Mỹ Hưng, đại diện cho Tổng công ty du lịch Sài Gòn thừa

nhận những điều mà các công ty Nhật đưa ra cũng là nguyên nhân chung làm giảm lượng khách du lịch nước ngoài, trong đó có khách du lịch Pháp.

Những than phiền về giá cước điện thoại và fax quá đắt cũng như trở ngại trong hệ thống thư điện tử do quá tải cũng được nêu ra và yêu cầu cần khắc phục sớm. Vấn đề thời sự đặt ra là làm sao khôi phục lại việc thu hút du khách Nhật, Pháp, Mỹ đến Việt Nam với số lượng cao để nâng doanh thu của ngành du lịch Việt Nam cũng như khắc phục tình trạng dư thừa phòng ở các khách sạn.

Sốt rét bột phát

Theo thống kê mới nhất của bộ Y tế CSVN, cho đến đầu tháng 5.1999, cả nước có 74.562 bệnh nhân sốt rét và có 44 trường hợp tử vong do sốt rét. So với cùng kỳ năm trước, bệnh nhân sốt rét đã giảm 0,2%, nhưng số tử vong do sốt rét đã tăng gấp 2,5 lần. Các ca tử vong do sốt rét đều ở khu vực miền Trung và Nam bộ. Theo nhận định của ngành y tế, các tỉnh khu vực miền Trung - Tây Nguyên tình hình bệnh sốt rét vẫn không ổn định và diễn biến ngày càng phức tạp. Riêng số người chết do sốt rét đã tăng 56%. Điều đáng ghi nhận là một số tỉnh đồng bằng Bắc phần, sốt rét đang bùng trở lại. Ba tỉnh có số người mắc gia tăng nhanh chóng là Nam Định, Hưng Yên, Bắc Ninh.

Sài gòn: sinh viên, học sinh nghiện ma túy tăng

Theo bản báo cáo chưa đầy đủ của Sở Lao động - Thương binh & Xã hội CSVN tại hội nghị tổng kết ba năm chiến dịch bài trừ tệ đoan xã hội, tỷ lệ nghiện ma túy trong học sinh, sinh viên tăng hàng năm (từ 0,68% năm 96 tăng lên 3,25% năm 1998), riêng tỷ lệ nghiện bạch phiện trong số người nghiện ma túy từ 0,92% năm 96 tăng lên 86% năm 1998.

Sài gòn: 10.500 người ở vỉa hè

Số liệu chưa hoàn chỉnh từ chi cục phòng chống tệ nạn xã hội thành phố cho biết: Hiện Sài gòn có khoảng 10.500 người cư trú ở vỉa hè, nơi công cộng. Trong đó, 3.000 người là công nhân lao động đang thi công tại các công trường, 4.000 người sinh sống bằng các nghề tự do (đạp xích lô, bán hàng rong...), hơn 3.000 người sinh sống bằng nghề ăn xin.

90% dân VN bị bệnh răng miệng

Trần Văn Trường, Viện trưởng viện Răng Hàm Mặt, cho biết theo kết quả khám điều tra toàn quốc, trên 90% dân số có bệnh răng miệng như viêm lợi, viêm quanh răng... có ảnh hưởng đến sức khỏe. Đặc biệt có trên 50% bị sâu răng. Trong khi đó, tỉ lệ bác sĩ răng hàm mặt tại Việt Nam chỉ có 1/40.000 dân (các nước Tây phương từ 1/2.000-1/5.000), phần lớn lại tập trung ở các thành phố lớn.

Voi giày chết người

Từ cuối tháng 5.99 đến nay, dư luận ở Bình Thuận rất xôn xao vì lo sợ sự xuất hiện của đàn voi phá hoại hoa màu và giết chết 5 người.

Theo lời một viên chức trách nhiệm địa phương, gần đây một bầy voi rừng từ 5 tới 7 con đã xuất hiện tại vùng cao nguyên trung phần Việt Nam gieo rắc kinh hoàng cho nông dân trong vùng. Từ đầu năm tới nay đã có cả thảy 5 người bị voi giày chết khi chúng từ trong rừng ra tìm thức ăn, đặc biệt là tìm muối trong nhà dân.

Việt Nam hiện ước lượng có khoảng 300 voi rừng, nhưng chúng bị hao hụt gần đây do nạn khai thác rừng bừa bãi, săn bắn voi bất hợp pháp của các cán bộ lãnh đạo địa phương.

Tiền trao, “cháo” không chịu mức

Theo báo *Người Lao Động*, cần phải đặt vấn đề về việc mua bán đất của công ty Quản lý - Phát triển nhà Bình Thạnh: Người đóng tiền mua đất từ 6, 7 năm nay vẫn chưa được giao đất; kẻ được giao đất xây nhà, nhà ở đã cũ mà vẫn chưa có giấy tờ công nhận chủ quyền nhà.... B à i báo đưa ra một thí dụ: Anh Đỗ Duy Ngôn đành dùm được một số tiền mua đất ở khu quy hoạch Đinh Bộ Lĩnh của Công ty Quản lý Phát triển nhà Bình Thạnh. Giá chính thức công ty bán là 4,5 chỉ vàng SJC/m². Lô đất anh Ngôn mua 64 m² (4 x 16m) trị giá 28,8 cây vàng, nhưng anh phải trả 47 cây vàng vì mua lại đất của một cán bộ ở Viện Kiểm sát Nhân dân Sài-gòn. Anh Ngôn đã đóng gần 50 triệu đồng cho công ty từ năm 1997 nhưng đến nay vẫn chưa được giao đất. Chưa kể sau khi đóng tiền đợt một gần 35 triệu, vì sợ bị đổi đất, anh Ngôn đã phải chi thêm hơn triệu đồng để được nhận biên bản giao nền, bởi vì không có biên bản giao nền, đất quay hướng đông dễ bị đổi sang hướng tây, lô bìa trong chốc lát bị đẩy vào lô giữa. Đương nhiên khoản tiền kia không hề có chứng từ. Gần đây nhất, ngày 5.5, anh liên lạc với công ty thì được một cán bộ đảng trả lời: “Đất chưa giải tỏa được, lấy đâu mà giao nền cho anh. Thôi ráng đợi thêm một năm nữa đi, công ty sẽ lo...”.

Tương tự như anh Ngôn, nhưng trường hợp chị T. không phải mua một mà những ba nền nhà ở khu quy hoạch này từ năm 1992. Hai nền ở đường Chu Văn An, chị T. đã được giao để xây nhà. Nhà xây xong không có điện cũng chẳng có nước. Chị T. phải tự lo gắn đồng hồ nước, đồng hồ điện (nhưng đồng hồ vẫn mang tên Công ty QL-PT nhà Bình Thạnh). Khi đã đủ điều kiện ăn ở, sinh hoạt, chị T. xin dời trụ sở công ty của chị về nhà mới. Đến lúc này chị mới tá hỏa vì thiếu cái quan trọng nhất: giấy tờ chủ quyền nhà.

Điều 4 của bản hợp đồng Công ty QL-PT nhà Bình Thạnh ký với chị có ghi “Bên A lo toàn bộ thủ tục bàn giao và chủ quyền nhà cho bên B”. Chị T. thắc mắc: “Ghi là thế nhưng hỏi thì công ty bảo chưa hợp thức hóa được. Đến nước này, tôi lại phải lo luật sư mất 3 triệu đồng nữa mới dời trụ sở về được”. Còn một nền ở lô G4 cho đến nay chị vẫn chưa được giao đất sau nhiều lời hứa hẹn của công ty.

Thuốc giả giết chết rau thật

Lâm Đồng hiện đang lưu hành một loại thuốc trừ sâu mang nhãn hiệu ĐVP-50EC. Đây là một loại thuốc bảo vệ thực vật nằm trong danh mục được phép lưu hành, nhưng cũng được khuyến cáo hạn chế sử dụng. Tại Việt Nam ít có xí nghiệp sản xuất loại thuốc kể trên, và một trong vài đơn vị sản xuất ĐVP-50EC là công ty thuốc trừ sâu Sài Gòn. Trong tháng 4.1999, nhiều gia đình nông dân ở Lâm Đồng không tránh khỏi hoang mang khi hàng ngàn mét vuông rau quả bị hư hại vì thuốc trừ sâu.

Khi nhận được lời than phiền của nông dân, ông Nguyễn Đức Cứ, trưởng trạm bảo vệ thực vật Đà Lạt, đã thử nghiệm lại bằng cách dùng 50cc ĐVP-50EC của chai thuốc nông dân sử dụng, pha với 8lít nước, sau đó xịt thử vào cây khoai tây và bông cải. Kết quả là lá cây khoai tây cháy 100% còn công cải bị cháy 80%. Khi nhận mẫu để phân chất Nguyễn Đức Nam, Trưởng chi cục bảo vệ thực vật Lâm Đồng, tuyên bố đây là thuốc trừ sâu giả. Dù vỏ chai và nhãn hiệu giống loại thuốc ĐVP-50EC sản xuất tại Sài Gòn, nhưng nước thuốc bên trong hoàn toàn giả, chẳng hạn cụ thể là không có hợp chất Dihlorvos. Hiện nay nội vụ đang được tiến hành điều tra, nhưng trước mắt là những gia đình nông dân kể trên đang là nạn nhân không được bồi thường thiệt hại.

Heo, tôm chết hàng loạt

Hàng ngàn gia-đình nuôi heo ở Đồng Tháp đang khốn đốn vì heo chết hàng loạt. Từ đầu năm đến nay, đã có hàng chục ngàn con heo chết.

Phần lớn heo con được chở từ các tỉnh ở phía bắc với giá chỉ 60.000-70.000 đồng một con, bằng 1/4 so với giá heo địa phương. Theo Chi cục Thú y Đồng Tháp thì sở dĩ heo bị chết hàng loạt là vì heo chuyên chở nhiều ngày mà không cho ăn uống, môi sinh thay đổi, chuồng nhốt lại chật chội... nên dễ phát sinh bệnh dịch.

Một ngành nông-nghiệp khác hái ra tiền trước đây là nuôi tôm, nay cũng bị phá-sản. Ở tỉnh Trà Vinh, chỉ trong nửa tháng 4.99 đã có tới 3 triệu 316.000 con tôm sú nuôi từ 1 tháng đến 1 tháng rưỡi tuổi bị chết, trong đó có hơn 2 triệu con được nuôi theo mô hình công nghiệp tại nông trường nhà nước.

Theo nhận định ban đầu, tôm chết là do những cơn mưa đầu mùa làm thay đổi môi sinh đột ngột, độ mặn giảm, độ chua tăng làm tôm nuôi bị "sốc".

Tại một tỉnh khác là Bến Tre, trên diện tích 1.767 mẫu sản xuất một vụ lúa của 104 gia đình nông dân nuôi thêm một vụ tôm sú. Năm 1999 bỗng nhiên bị chết hàng loạt. Có xã mất đến 95%.

Trung tâm khuyến ngư Bến Tre cho biết có mấy nguyên nhân: Năm 1999 mưa đến sớm và kéo dài làm giảm đột ngột độ mặn vùng nuôi tôm; trên diện tích cấy một vụ lúa kết hợp nuôi tôm, hệ thống thủy lợi chưa hoàn chỉnh, đặc biệt đã phát sinh mầm bệnh đốm trắng (một loại vi khuẩn) trên đầu ngực tôm.

Không riêng gì miền Tây Nam-phần, tại quận Phú Vang, Huế, 4 hồ nuôi tôm sú sắp đến lúc thu hoạch thì bị chết hàng loạt. Tại Phú Yên, 40% diện tích tôm sú bị dịch bệnh. Tôm bị đốm rong, đen mang, thân đốm đỏ trắng, chết hàng loạt và lây lan rất nhanh.

Bạc Liêu: tồn đọng 75.000 tấn muối

Tỉnh Bạc Liêu hiện còn tồn đọng 75.000 tấn muối của năm 1998 do không có nơi phân phối, giá thị trường lại rẻ mà vụ thu hoạch mới đang bắt đầu. Các nhà chuyên môn cho rằng sản lượng muối năm nay sẽ chỉ bằng nửa năm ngoái vì mưa sớm 1 tháng, khiến nhiều đồng muối bị mất trắng.

Sinh viên, học sinh phạm pháp tăng

Tại Hà Nội, chỉ hơn một năm trở lại đây, tổng số học sinh, sinh viên phạm pháp gia tăng đáng kể. Trong đó, số sử dụng các chất ma túy chiếm tỷ lệ cao nhất; tiếp đến là các hành vi đánh bạc, sát phạt tiền và gây rối trật tự công cộng. Còn lại thuộc các tội danh khác như: Trộm cắp xe máy, trộm cắp các tài sản khác, tàng trữ các chất ma túy; làm dấu giả, giấy tờ giả; cố ý giết người, hiếp dâm, lừa đảo, N g u y ê n nhân của tình hình học sinh, sinh viên vi phạm pháp luật là do nhà nước không quan tâm đến giới trẻ nói chung.

Hàng giả tràn lan

Một quan chức cao cấp nhà nước CSVN thú nhận rằng nhà cầm quyền Hà Nội đang phải "đương đầu với cuộc chiến khó khăn chống lại tình trạng càng ngày càng có nhiều hàng hóa giả mạo trên thị trường toàn quốc". Trần Việt Hùng, Phó Tổng giám đốc Cơ quan tài sản công nghiệp Việt Nam, nói rằng những vi phạm về hàng hóa và dịch vụ giả mạo đã gia tăng trong nhiều năm qua và ảnh hưởng đến quyền lợi của nhiều công ty nước ngoài. Trờ ngại chính trong việc ngăn chặn những vi phạm đó là nhà nước CSVN "đã không có các biện pháp răn đe và những khó khăn trong việc thi hành luật lệ". Trần Việt Hùng cho biết đã nhận được nhiều đơn khiếu nại và

chưa có biện pháp cụ thể nào ngăn chặn nạn mạo hóa. Cho đến nay có 39 loại hàng hóa và 8 dịch vụ giả mạo trong đó có những mặt hàng liên quan đến nhu liệu điện toán. Ngoài ra còn có nhiều sản phẩm giả mạo khác, từ thực phẩm, nước giải khát, thuốc men, mỹ phẩm, bột giặt cho đến vật liệu xây dựng và các phụ tùng xe gắn máy.

Ngộ độc thực phẩm tăng

Tình trạng ngộ độc thực phẩm gia tăng nguy hiểm ở Việt Nam đã khiến bộ Y Tế CSVN phải tổ chức chương trình đặt tên "tháng hành động vì chất lượng vệ sinh thực phẩm" hàng năm kể từ năm nay. Theo con số thống kê ghi nhận được, thuốc trừ sâu là tác nhân chính của 61% các vụ ngộ độc thực phẩm. Thực tế hiện nay nhiều loại thuốc trừ sâu đã bị cấm lưu hành, nhưng vẫn được nhập cảng lậu và nông dân sử dụng không hạn chế. Những loại hóa chất độc hại thường thấy nông dân sử dụng là Lindan, Methamidophos, Monocrotophos,... không những chỉ hại cho người mà còn tác hại xấu lên cây trồng và đất canh tác. Đ ư ợ c biết, trên cả nước có khoảng 10.000 cơ sở sản xuất thuốc trừ sâu lớn nhỏ, trong đó có 30 công ty và 20 xí nghiệp quốc doanh, cộng với 100 công ty ngoại quốc. Thuốc trừ sâu nhập lậu giá rẻ nên nông dân có khuynh hướng thích sử dụng những loại thuốc này. Một số loại thuốc trừ sâu, sau khi phun 5 ngày mới được bán cho người tiêu thụ, có loại thuốc phải để cách 10 ngày hoặc nhiều hơn. Tuy nhiên vì lợi nhuận, nông dân thường không tôn trọng yếu tố an toàn vệ sinh này, mà bán rau vài ngày sau khi phun thuốc. Ngoài ra việc giết gia súc bữa bãi, không tuân thủ theo những yêu cầu về an toàn vệ sinh cũng đang là vấn nạn chưa được giải quyết. Chi cục thú y Hà Nội thừa nhận rằng cơ quan trách nhiệm chỉ kiểm soát được 30% trong tổng số 6.000 cơ sở sản xuất, biến chế thực phẩm. Trung tâm Vệ sinh

Dịch tễ Hà Nội vừa thực hiện cuộc thanh tra 2.700 cơ sở sản xuất thị tươi, thực phẩm, nước giải khát, bánh mứt, v.v... và kết quả công bố là có 43% cơ sở sản xuất không đạt tiêu chuẩn vệ sinh. Trần Thị Thắng, Trưởng Trung Tâm, than phiền việc kiểm soát gặp nhiều khó khăn vì "Thứ nhất là quá nhiều yếu điểm. Thứ hai là quá nhiều chợ. Kiểm tra được chợ này thì chợ kia đã bán hết hàng. Kiểm tra đầu chợ, cuối chợ đã bán hết hàng. Chỉ cố gắng làm sao kiểm soát được khoảng 70% thực phẩm là may".

Thiên tai, lũ lụt

Thời tiết VN năm nay đã xảy ra các hiện tượng bất thường, nguy hiểm: hàng chục cơn lốc ở Nam Bộ, lũ quét ở Yên Bái. Thời tiết diễn biến gần như ngược lại so với mọi năm, nhất là ở Nam phần và Tây Nguyên. Đã có những biểu hiện như: có mưa nhiều trong mùa khô, mùa mưa đến sớm và có mưa lớn ngay từ đầu. Cùng với gió mùa Tây Nam, các hiện tượng thời tiết đặc trưng cho mùa hè cũng xuất hiện sớm hơn bình thường. Bão và áp thấp nhiệt đới xuất hiện ngay từ cuối tháng 4, mới đầu tháng 6 đã có 3 cơn bão, 3 áp thấp nhiệt đới. Các nhà chuyên môn cho rằng, thời tiết sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp. Đối với Nam phần cần đề phòng khả năng bị ảnh hưởng trực tiếp của bão và áp thấp nhiệt đới vào thời kỳ cuối mùa, đề phòng lũ lớn trên sông Cửu Long.

Ở Nam phần, từ khi chuyển sang mùa mưa đến nay đã xảy ra hàng chục cơn lốc, gây thiệt hại không nhỏ. Mới đây, một cơn gió lốc đã làm 9 căn nhà bị sập và hư hại nhiều hoa màu tại xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Trước đó, cũng tại huyện Tân Thành, một trận cuồng phong đã xảy ra trên địa bàn các xã Gia Thuận, Tân Trung, Tân Phước làm 1 người chết, 18 người bị thương và sập 175 căn nhà.

Trong 2 đêm 4 và 5.6, tại 2 xã Hoàn Tre và An Sơn thuộc huyện

đảo Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang một cơn mưa to kèm theo gió lốc đã nhận chìm 10 tàu đánh cá đang neo đậu tại bến, làm hư hại nhiều nhà cửa, hệ thống thông tin liên lạc, điện thấp sáng, vườn cây.

Cuối tháng 5 vừa qua, một cơn lũ quét lớn chưa từng có trên 20 năm qua đã gây thiệt hại trầm trọng cho các xã Quế Hạ và Bảo Ái, huyện Yên Bình tỉnh Yên Bái.

Những cơn mưa đầu mùa trong tháng 5.99 đã nhanh chóng làm ngập lụt một số khu vực. Mưa cộng thêm tình trạng rừng khai thác bừa bãi, khiến nước không kịp ngấm xuống lòng đất, mà chảy tự do xuống các vùng đất thấp, khiến 750 hecta của huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk nằm trong biển nước. Trên 5.000 tấn lúa, trị giá khoảng 12 tỷ đồng bị nước cuốn trôi, và 10.000 nông dân đang ở trong cảnh màn trời chiếu đất. Tại Bình Thuận, sau nhiều trận mưa lớn liên tục, nước sông La Ngà dâng cao gây lũ lụt làm nhiều xã thuộc huyện Đức Linh ngập trắng, khiến hệ thống giao thông tại tỉnh lộ 710 bị tắc nghẽn hoàn toàn, 650 ngôi nhà bị ngập, gần 2000 hecta lúa và cây công nghiệp bị xoá trắng, hai người bị nước cuốn mất tích.

Bắc Giang: khai thác cát làm sạt lở đê

Hiện 40-50 tàu, thuyền có gắn động cơ đang ngày đêm khai thác cát trên sông Thương, sông Lục Nam và sông Cầu với khối lượng lớn, làm sạt lở bờ bãi sông và nhiều nơi phạm vào thân đê, gây nứt và sạt đê. Tại thị xã Bắc Giang và huyện Tân Yên đã có 15 vị trí sạt lở với tổng chiều dài gần 1.000m, có nơi bị sạt lở chiều rộng tới 6-7m. Ngoài ra còn xuất hiện các khe nứt sát mái đê, thân đê tới hàng chục mét chiều dài và rộng 10-20cm.

Đắp đê chống lụt

Theo Cục Phòng chống lụt bão và quản lý đê điều của nhà nước

CSVN, hiện nay 13 trong tổng số 19 tỉnh, thành phố có đê ở miền Bắc đã phải lo đắp đê nhằm đối phó với mùa lũ lụt năm 1999. Hầu hết các địa phương đang tiến hành kế hoạch làm kè. Theo bài báo, tình trạng khai thác cát bừa bãi trên các tuyến sông làm sạt lở bờ và ảnh hưởng tới an toàn của đê đang gây lo sợ cho dân chúng ở những vùng hay bị lụt lội. Hà Nội là một trong những địa phương chịu ảnh hưởng nhiều của đê với 7 tuyến đê, tổng chiều dài 151 km đê chính, trên 15 km đê bồi, đê bao.

Kiên Giang: khám phá 2 loài chim hiếm

Theo kết quả khảo sát ban đầu của đoàn nghiên cứu về đa dạng sinh học thuộc Viện Sinh thái Tài nguyên Quốc gia, ở khu vực rừng Tràm thuộc ấp Rạch Đùn, Ba Núi (huyện Kiên Lương) và ở khu rừng bảo tồn đặc dụng U Minh thuộc 2 huyện An Minh, Vĩnh Thuận vừa xuất hiện 2 loài chim quý hiếm: cò quắm cánh xanh và hạc cổ trắng. Mỗi loài có khoảng hơn 10 con, là loài chim quý hiếm cần được bảo vệ và phát triển. Trước đó, ở khu rừng Tràm Rạch Đùn cũng đã xuất hiện trên 100 con sếu cổ trụi.

Ninh Bình: khám phá mộ cổ

Cuối tháng 3 vừa qua, tại thôn Bạch Liên, xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, Viện Khảo cổ học đã khai quật lần thứ nhất di chỉ Mán Bạc. Tại đây, họ tìm thấy 5 ngôi mộ cổ có niên đại cách đây từ 3000 - 3500 năm. Sự kiện này lập tức gây chấn động dư luận, vì đây là lần đầu tiên tìm thấy các di cốt người cổ còn khá nguyên vẹn... Vùng núi Mán Bạc nằm trong hệ thống đứt gãy của dải núi đá vôi Tam Điệp, Ninh Bình, chạy ra tới biển. Xung quanh vùng này còn thấy nhiều ngọn núi đá nhỏ có lưu lại ngấn nước biển. Cuối năm 1923 đầu năm 1924, một nhà Khảo cổ học

người Pháp - bà Madelein Colany, đã phát giác tại hang Chợ Gành (Đồng Giao, Ninh Bình) một di tích của người tiền sử cư trú trong hang Núi Một (cách quốc lộ 1 khoảng 1 cây số). Tới năm 1928, tài liệu về hang Chợ Gành mới được công bố trong tập san của Sở Địa chất Đông Dương. Theo tài liệu của bà Colany thì tại hang Chợ Gành đã tìm thấy đồ gốm, đồ trang sức thuộc hậu kỳ thời đại đá mới và một mũi tên đồng (thuộc thời sau). Lần theo công bố về hang Chợ Gành của Colany, năm 1981, một nhóm các nhà Khảo cổ học Việt Nam đã trở lại hang Chợ Gành và tìm thấy ở đây nhiều đồ trang sức, đồ gốm cũng như phác vật vòng đá. Từ kết quả này các nhà Khảo cổ học cho rằng: hang Chợ Gành thuộc thời đại kim khí là nơi cư trú cận biển của người Việt cổ, có mối giao lưu với nhiều trung tâm văn hóa ở phía Bắc là vùng sông Hồng, phía Nam là vùng sông Mã, sông Cả. Tháng 3.1998, nhân chuyến khảo sát về nguồn gốc gốm sứ Bát Tràng thời Lý - Trần tại làng Bồ Bát, Yên Thành, Ninh Bình, chuyên viên Khảo cổ học và Bảo tàng Ninh Bình đã tìm ra một di chỉ cư trú thời sơ sử. Di chỉ này phân bố rộng trên sườn đồi cao và ở những thửa ruộng bậc thang phía dưới, nằm kẹp giữa hai dãy núi đá vôi nhỏ là Mán Bạc và Dải Phồn. Sau núi Mán Bạc là dòng suối nhỏ chảy xuôi về phía đông ra cửa biển Thần Phù. Tại khu di chỉ này, ngoài phần đất đặt mộ là các khu ruộng trồng lạc và ngô. Lần đầu tiên di chỉ Mán Bạc được tổ chức khai quật với tổng diện tích 42m² chia làm hai hố. Tầng văn hóa ở hố 1 chỉ sâu từ 0,9m - 1m đất màu nâu ken dày gốm và vỏ nhuyễn thể. Tầng văn hóa ở hố 2 dày từ 1,5 - 1,6m chia làm 3 tầng: tầng trên cùng đất nâu đen lẫn nhiều gốm, than tro; tầng tiếp theo nhiều vỏ nhuyễn thể và tầng dưới là lớp đất màu nâu đỏ. Đây là nền đất cổ được kiến tạo trên sinh thổ trước khi người cổ Mán Bạc đến định cư sinh sống. Căn cứ trên nền đất sinh thổ qua 2

hố khai quật, cho thấy dải Gò Vung xưa được sóng biển dồn vỏ nhuyễn thể vào bờ nên đã tạo ra lớp sò vón kết ở hố. Về di vật, qua 42m² khai quật, các nhà KCH đã thu được 408 hiện vật thuộc các chất liệu khác nhau như: đá, xương, gốm. Về đồ đá, chủ yếu là công cụ sản xuất và đồ trang sức như: rìu bôn, đục, lao, bàn mài, chày lưới, vòng tay, khuyên tai, hạt chuỗi, bàn đập, đá có vết lõm chưa rõ công dụng. Về đồ xương, có lao và những mảnh xương gia công chưa rõ công dụng. Về đồ gốm, ngoài những nồi, vò, bát, chậu, âu, cốc, đồ gốm hình lăng hoa còn tương đối nguyên dạng (hoặc phục dựng được hình dáng), còn thống kê được 273 320 mảnh gốm là những đồ dùng bị vỡ trong quá trình sử dụng của người xưa. Ngoài ra còn tìm thấy chày lưới, bi gốm, chạc gốm và vật hình nấm bằng gốm chưa rõ công dụng. Về di tích, các nhà Khảo cổ học đã phát hiện được 5 ngôi mộ thuộc 6 cá thể chôn trong tầng văn hóa. Đặc biệt ngôi mộ số 5 có hai cá thể chôn chồng lên nhau. Cá thể người lớn chôn ở phía dưới, nằm co nghiêng về bên trái, bàn tay phải đặt sát sọ, bàn tay trái đặt trước mặt, chân co gấp lên. Phía trên là một cá thể nhỏ, nằm ngửa hai tay duỗi thẳng. Trên đầu hai tử thi đặt một bát gốm phía dưới, 1 đồ gốm phía trên nằm nghiêng, cả hai đồ gốm này là di vật chôn chung cho 2 cá thể. Ngôi mộ táng chồng cả 2 cá thể này hiếm thấy trong các khu mộ táng thời tiền sử được phát hiện từ trước đến nay. Cả 5 ngôi mộ đều tìm thấy vật chôn theo người chết, ngôi mộ số 2 có 7 hiện vật: nồi gốm, đồ gốm hình lăng hoa trang trí đẹp và 4 chuỗi hạt bằng đá được đặt dưới cổ tử thi, chứng tỏ chủ nhân những ngôi mộ này đã có sự phân biệt giàu nghèo khá rõ. Dựa trên những đặc trưng về di tích và di vật, các nhà Khảo cổ học cho biết cư dân Mán Bạc thuộc thời đại đồng thau tồn tại cách ngày nay từ 3000 - 3500 năm. Đây là giai đoạn phát triển văn hóa Phùng Nguyên - Hoa Lộc và giai

đoạn sau Đồng Đậu Đan Nè. Cư dân cổ Mán Bạc có mối quan hệ trao đổi với các cư dân vùng sông Hồng, sông Mã và cư dân ven biển được thể hiện qua những di vật của họ còn để lại như chúng ta đã thấy.

Hoà Bình: Di cốt đười ươi

Ngày 18.5.99, viện Bảo tàng đã khai mạc phòng trưng bày chuyên đề " Di cốt đười ươi mới phát hiện và cổ vật Hòa Bình". Phòng trưng bày này giới thiệu một khám phá mới về khảo cổ học, đó là hai di cốt đười ươi, hầu như còn nguyên vẹn, được tìm thấy ở hang Núi Sáng, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình vào tháng 12.1997. Giống đười ươi này, trước đây các nhà khoa học đã cho là tuyệt diệt ở Đông Nam Á cách đây từ 10.000 đến 12.000 năm. Phát giác hai di cốt đười ươi chưa hóa thạch sẽ cung cấp bằng chứng để các nhà khảo cổ học xem xét lại sự tồn tại của loài linh trưởng này. Phòng trưng bày còn có hơn 300 hiện vật, giới thiệu một phần di sản văn hóa Hòa Bình, một tỉnh miền núi phía Tây Bắc của Việt Nam.

Biển Hội An: 171.000 cổ vật

Theo báo *Thanh Niên*, từ năm 1994, các nhà khảo cổ đã biết đến một con tàu chở gốm bị đắm ở vùng biển Hội An, ngoài khơi cù lao Chàm thuộc tỉnh Quảng Nam. Mấy năm qua, hàng vạn đồ sứ cổ ở tàu này đã được vớt lên và lưu lạc tại các cửa hàng buôn đồ cổ trong cả nước. Tháng 6.1998, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam ở Quảng Nam đã trực vớt cổ vật ở con tàu này. Với sự trợ giúp của các nhà khoa học trường Đại học Oxford (Anh) và hai công ty trực vớt Saga (Mã Lai), Visan (Việt Nam), đến tháng 6.1999 đã có 171.000 hiện vật được trực vớt bao gồm nhiều loại đồ gốm sứ Chu Đậu (Hải Dương) có niên đại thế kỷ XV-XVI, trong đó có nhiều hiện vật quý hiếm lần đầu tiên được tìm thấy.

Theo các nhà khoa học, đây là

cuộc khảo cổ dưới nước có độ sâu nhất từ trước đến nay (72m).

Bình Thuận: bãi mìn 2 mẫu

Hiện nay, trên địa bàn xã Vĩnh Hảo (huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận) vẫn còn tồn tại một bãi mìn rộng chừng 2 mẫu, cách quốc lộ 1A chừng 200 mét. Chưa kể gia súc bị chết vì giẫm phải mìn, theo nguồn tin từ Ủy ban Nhân dân CSVN tại xã Vĩnh Hảo thì cũng đã có 1 người chết và 1 người bị tàn phế. Theo báo *Lao Động* tháng 5.1999, bãi mìn này do du kích CSVN gài trước năm 1975, chung quanh không có hàng rào bao quanh.

**14 triệu dân nghèo,
90% ở quê**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư Cộng sản

Việt Nam cho biết mãi lực của nông dân Việt nam vẫn cứ tiếp tục sút giảm. Các cuộc điều tra gần đây cho thấy dân cư các vùng nông thôn mỗi năm chỉ mua có 29% nhu yếu phẩm trong khi họ chiếm 80% dân số. Tỷ lệ tiêu thụ của nông dân mỗi năm sa sút dần, từ 37,7% năm 1996 xuống 30,66% năm 1997.

Lý do chính của sự sa sút đó là lợi tức trung bình thấp của dân cư vùng thôn quê, lối 2 triệu đồng mỗi năm (khoảng 150 đô la). Nhiều vùng xa xôi, trên cao nguyên hay núi non lợi tức đó không quá 1 triệu đồng. Hiện nay có 14 triệu người được liệt vào hạng người nghèo ở Việt Nam, 90% ở nông thôn. Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội CSVN đặt tiêu chuẩn cho những người nghèo đói ở Việt nam như sau; không có lợi tức đầu người 25 kí gạo/tháng ở thành thị, 20 kí gạo/tháng ở nông thôn, và 15 kí gạo/tháng cho những

người ở vùng sơn cước.

Cầu Sài Gòn bị hư hỏng nặng

Theo số thống kê của thành phố, hiện nay Sài Gòn có tổng cộng 304 cây cầu lớn nhỏ, với số chiều dài 15 km. Những cây cầu này đang nằm trong tình trạng bị hư hỏng, cần được tu sửa. Kể từ đầu năm nay, công ty quản trị công trình giao thông Sài Gòn đã kiểm tra 196 cây cầu ở Sài Gòn, với kết quả 90% bị hư hỏng nặng như lún đất, bê tông rạn nứt, mặt cầu mục vỡ, còn sườn cầu thì rỉ sét, mục nát. Trong số đó chỉ 19 cây cầu có thể sửa chữa, 64 cây cầu ở trong tình trạng cần được phá bỏ và xây mới lại.

Hiện nay, nhấp nhô dưới các chân cầu là những chiếc ghe vừa là nhà, lợp xúp chen lẫn giữa luồng nước đen. Sở Giao Thông Công Chánh Sài Gòn cho biết hiện có 332

**ỦNG-HỘ ĐÀI VIỆT-NAM TỰ-DO
(RFV - RADIO FREE VIETNAM)
VÀ GIỜ VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT
PHÁT-THANH VỀ VIỆT-NAM
LÀ TRỰC-TIẾP THAM-GIA VẬN-ĐỘNG
GIẢI-THỂ CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI CỘNG-SẢN,
MANG LẠI TỰ-DO DÂN-CHỦ
CHO TOÀN DÂN**

bến bãi, nhà cửa vi phạm hành lang an toàn cầu. Tất cả đều xây dựng trái phép, dẫn đầu là cầu Chữ Y với 151 căn nhà và cầu Calmette có 101 căn nhà. Nhỏ nhất là cầu Văn Thánh cũng có 3 căn nhà xây dựng bất hợp pháp, xâm lấn chân cầu.

Nước thải ở Sông Bé gây ô nhiễm

Cuối tháng 5.99, hàng trăm hộ dân ở ấp Hoà Vinh, thị trấn Chơn Thành, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước đã gửi đơn kêu cứu đến các cơ quan chức năng vì chất thải do Cty chế biến tinh bột mì Sông Bé Singapore (Song Be Singapore Tapioca Starch Co, Ltd viết tắt là Cty SST) gây ô nhiễm môi sinh, ảnh hưởng đến sức khoẻ người dân một cách trầm trọng.

Gần 10.000m², thuộc 7 hồ chứa nước thải của Cty SST đang từng ngày gây ô nhiễm nghiêm trọng bầu không khí của ấp Hòa Vinh. Tại hồ chứa số 4, nước thải đen đặc gần như ngập tràn miệng hồ. Mặt hồ số 4 nổi lên một thứ váng màu trắng đục hết sức bẩn thỉu. Toàn bộ bầu không khí nơi đây, càng về chiều, càng khó thở. Gia súc bị chết, người bị viêm, ghẻ lở, ho hắng...

Nước mưa bốc cháy

Trưa ngày 13.6, một cơn mưa đầu mùa nặng hạt trút xuống thành phố Hà Nội và kéo dài hơn một tiếng. Nước mưa chảy theo con mương đi ngang phường Khương Thượng bị ngập. Tại đoạn cống đi ngang đường nội phường, bỗng phát hoả ngay trên mặt nước. Ngọn lửa bùng lên nhanh chóng trên một đoạn mương, bén tấp vào hai gia đình nằm cạnh.

Lửa tấn công dữ dội vào nhà ông Trần Văn Viễn, cháy xém đen bức tường nhà cao 3 tầng, nổ kính và gia đình phải liều hết sức mới "di tản" được số đồ đạc. Lửa cũng tấp mạnh vào nhà ông Nguyễn Công Nhân (nhà làm sơn sửa tủ lạnh), và nhanh

chóng thiêu rụi số hàng (tủ lạnh chờ sửa) và các nguyên liệu sản xuất. Lửa bốc cao thành những luồng khói đen kịt, sặc mùi hoá chất.

Theo dân địa phương, đó là do chất thải công nghiệp từ một số cơ sở sản xuất nằm ở đầu dòng chảy gồm: Công-ty thuỷ tinh Hà Nội, Xí nghiệp Hoá Dược và Công-ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu. Sự việc này đã cảnh báo cho dân Hà Nội những điều đáng lo ngại mới: Mức độ ô nhiễm môi sinh đến mức báo động - nước thải hoá chất đã bùng cháy; và chính thói quen xấu không tuân thủ luật lệ giao thông đã gây thiệt hại trực tiếp cho chính họ.

Hà Nội: Nhà cửa hư hỏng đến mức nguy hiểm

Riêng ở phường Kim Liên đã có gần 1000 gia đình ở chung cư thuộc diện phải di tản khi có gió cấp 5. Còn 610 hộ với 1901 nhân khẩu ở phường Chương Dương phải sống trong 19 dãy nhà gỗ hai tầng ọp ẹp làm từ những năm 60. Có những công trình vừa giao nhận đã thấm dột, hư hỏng thiết bị nước, vệ sinh. Và gần như 100% những nhà tầng trên đều làm "chuồng cọp" để phơi phóng quần áo, để chậu cây cảnh... Có những "chuồng cọp" được lao ra từ 1,5 tới 2m để "nhốt" người. Phía ngoài cũng gần như kín bởi những ống nhựa đủ các cỡ dẫn đủ mọi thứ thải của từng hộ xuống thẳng "bể phốt". Hậu quả là "bể phốt" bị sử dụng không đúng chức năng nên bực lung tung.

Kim Liên chỉ là một trong rất nhiều khu chung cư cao tầng của Hà Nội như Văn Chương, Ngọc Khánh, Thành Công, Giảng Võ, Khương Thượng, Phương Mai, Nghĩa Đô, Nghĩa Tân... có tới 67 công trình bị lún nứt với 3.829 gia đình đang ở. Trong đó có 42 công trình bị lún nứt, hư hỏng nặng thuộc diện nguy hiểm đang là nơi trú ngụ của 2.174 hộ. Ngoài ra ở phường Chương Dương còn 1901 nhân khẩu phải sống trong 19 dãy nhà gỗ hai tầng luôn cột kẹt,

cột kết mỗi khi có người đi lại. Cứ vài năm lại một lần những dãy nhà này bị ngấm "chân" trong nước lũ sông Hồng; và việc những dãy nhà gỗ này dột nát sắp xuống là một điều rất dễ xảy ra.

Cà Mau: lạm sát cá con

Sau những cơn mưa to vào hạ tuần tháng 4 và 5.99, tại các chợ phường 1, phường 5, phường 8... (thuộc thành phố Cà Mau) đã xuất hiện nhiều tay bán cá lòng tong (cá lóc con) với số lượng vài kí lô mỗi ngày và vẫn kéo dài cho tới nay. Thậm chí ở một số phường, nhiều người bán còn đi rao bán cá lòng tong khắp các ngõ hẻm, cho thấy đây là một "hệ thống" kinh doanh do cán bộ nhà nước chủ xướng, chứ không phải là việc làm vô ý của một vài nông dân nghèo. Chưa thấy nhà cầm quyền CSVN tại các địa phương này có biện pháp gì ngăn chặn nguy cơ lạm sát cá lóc con trên diện rộng này.

Hà Nội: Thẩm phán bị đánh

Vào trưa ngày 12.6 vừa qua, ngay tại trụ sở của Toà phúc thẩm - Toà án Nhân dân Tối cao đã xảy ra vụ hành hung một đại diện tư pháp. Người bị tấn công là thẩm phán Phạm Cáp, thành viên hội đồng xét xử trong phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự giữa bị đơn là Nguyễn Hữu Thọ và nguyên đơn là Lê Thị Kim Ngân (nguyên là vợ của Nguyễn Hữu Thọ).

Ngay khi phiên toà kết thúc, trong lúc từ phòng xử án đi ra, thẩm phán Phạm Cáp đã bị ông Thọ lao ra đâm thẳng vào mặt. Một đám đông (thân nhân của bên bị đơn) gồm khoảng gần chục người đã la ó, nhục mạ và đòi hành hung các thẩm phán của Hội đồng xét xử mà họ cho là chỉ "chăm ăn hối lộ hơn là xét xử công bằng".

Được biết, mới đây, liên ngành Toà án - Viện Kiểm sát CSVN đã đề xuất thành lập lực lượng cảnh sát tư

pháp để bảo vệ các cán bộ của ngành tư pháp trong hoạt động thực thi pháp luật. Tuy nhiên cho đến nay yêu cầu này vẫn chưa được chấp nhận.

Giá vàng giảm, mỹ kim tăng

Trên cả nước, giá vàng tiếp tục giảm thêm 2.000 - 3.000 đồng/chỉ. Giá mỹ kim của các ngân hàng đều tăng, nhiều ngân hàng đã tăng giá mua mỹ kim chuyển khoản lên 13.915 đ/mỹ kim. Giá mua từ 50 và 100 mỹ kim lên 13.905 - 13.910 đ/mỹ kim và bán ra 13.918 - 13.921 đ/mỹ kim. Ngày 11/6, tư nhân ở Sài Gòn mua mỹ kim tiền mặt từ 100 mỹ kim với giá 13.970 đ/mỹ kim, bán ra 13.980 đ/mỹ kim. Giá vàng giảm xuống mức thấp kỷ lục đã làm tăng nhu cầu mua gom mỹ kim tiền mặt để nhập khẩu lậu vàng, đẩy giá mỹ kim tiền mặt tăng lên.

Thuốc chợ đen

Tình trạng thả nổi thị trường thuốc chữa bệnh đã đe dọa mạng sống của dân nghèo ở Việt Nam.

Giá thuốc liên doanh cao gấp 3 - 4 lần thuốc làm ở trong nước. Với cùng hoặc nhiều loại hợp chất giống nhau, tác dụng như nhau nhưng do nguồn gốc, hoạt động quảng cáo không giống nhau dẫn đến giá bán chênh lệch lớn. Chẳng hạn như viên thuốc bổ Pharaton sản xuất tại Pháp giá trung bình tại các nhà thuốc từ 2.200 đồng - 2.500 đồng/viên, trong khi viên Homtaminginseng (cùng một thành phần và tác dụng như Paraton) của Nam Hàn giá chỉ 1.500 - 1.700 đồng/viên. Hoặc một số thuốc cảm cúm thông thường nhập ngoại giá bán rất cao: 800 - 1000 đồng/viên (Decolgen, Tiffi, Phanadol...), viên Pamim có tác dụng chữa cảm cúm tương tự sản xuất trong nước rẻ bằng 1 phần 10 so với thuốc nhập: 100 - 120 đồng/viên.

Một trong những điểm lộn xộn khác của thị trường thuốc hiện nay

là không có giá rõ ràng, mỗi nhà thuốc bán một giá theo kiểu "mạnh ai nấy bán", từ các hiệu thuốc đại lý đến các nhà thuốc ở gần bệnh viện chênh nhau từ 10 - 20%.

Trong tình hình thiếu kiểm soát của thị trường thuốc, với đủ loại giá cả, chủng loại, thật giả... nhiều người dân sau khi uống thuốc đã xảy ra các tai biến như dị ứng thuốc vì dùng phải thuốc hết hạn sử dụng, thuốc giả... Để kiếm được nhiều tiền, người ta còn sẵn sàng kê các loại đơn thuốc không có chất chữa bệnh nhưng có đến 2-3 loại thuốc bổ nhập cảng...

Kinh doanh với nước ngoài: coi chừng bị lừa

Hiện tượng lừa đảo trong các hoạt động kinh doanh với nước ngoài hiện nay ngày một tinh vi, phức tạp, diễn ra đa dạng và phong phú, thể hiện trên 3 dạng chính. Báo *An Ninh Thủ Đô* ngày 18.6.1999, đã cho biết như vậy.

- Lừa đảo trong môi giới đầu tư: Những năm gần đây, người ta thường thấy nhiều Việt kiều đại diện cho các tổ chức, công ty ở nước ngoài về nước tìm đối tác để đầu tư. Họ có mẽ ngoài rất xịn, đại diện cho các tổ chức và công ty rất kêu. Họ thích tiếp xúc và làm việc với chủ các doanh nghiệp lớn. Khi giao tiếp, họ thường đưa ra những lời hứa hẹn tốt đẹp về các khoản đầu tư với lãi suất hấp dẫn. Kết quả là họ luôn được đón tiếp nồng hậu, ăn nghỉ ở những khách sạn, nhà hàng sang trọng, nhiều khi còn được tặng biếu những món quà không nhỏ. Lợi dụng tâm lý đối vốn đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam, họ đi hết doanh nghiệp này đến doanh nghiệp khác, từ địa phương này đến địa phương khác và trở thành một dạng khách du lịch không mất tiền.

Cao thủ hơn, nhiều tổ chức nước ngoài còn bày đặt ra việc trao phần thưởng này, huy chương nọ cho các sản phẩm của các doanh nghiệp Việt Nam. Họ gửi thư mời hoặc cử cá nhân sang thông báo mời nhận giải.

Kết quả là các doanh nghiệp ta phải bỏ ra những khoản tiền lớn để tiếp đãi, đi nước ngoài để nhận những giải thưởng không đâu, nhiều khi chỉ là một tờ giấy chứng nhận, tặng phẩm sơ sài của một tổ chức không tên tuổi.

- Lừa đảo trong hoạt động đầu tư: Phát triển mạnh trong các liên doanh đầu tư với nước ngoài. Sơ hở hay gặp là các hợp đồng liên doanh thường không nêu rõ tiến trình thực hiện việc góp vốn đầu tư. Cũng vì sơ hở này mà các công ty nước ngoài có thể dễ dàng bán lại hợp đồng liên doanh cho các công ty khác lấy lời. Một công trình liên doanh có khi qua tay ba bốn chủ nước ngoài. Các bạn hàng kinh doanh nước ngoài cũng thường tìm cách nâng cao giá thiết bị góp vốn từ 15-20% từ đó nâng cao vốn góp thực tế để thu thêm lợi nhuận. Trong quá trình hoạt động của các liên doanh do không có sự khống chế chi phí nên phía nước ngoài thường đẩy chi phí quảng cáo, tiếp thị lên rất cao. Họ sử dụng phương pháp dùng công ty liên doanh tại Việt Nam quảng cáo không công cho công ty mẹ. Một biện pháp thôn tính mà nước ngoài đang áp dụng là đẩy các khoản chi phí nhân công, khấu hao thiết bị và quảng cáo khuyến mại lên rất cao làm cho công ty liên doanh bị lỗ. Nếu không có vốn đóng góp bổ sung, họ sẽ mua lại toàn bộ cổ phần của phía Việt Nam. Rốt cục là biến công ty thành 100% vốn nước ngoài.

- Lừa đảo qua hợp đồng mua bán và hợp tác sản xuất hàng hoá: Thường liên quan đến các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá các doanh nghiệp nước ta với công ty nước ngoài. Họ lợi dụng triệt để sự thiếu kinh nghiệm và non yếu trong nghiệp vụ quản lý kinh doanh mà cụ thể là sự thiếu chặt chẽ trong các cam kết khi mua hàng. Nhiều doanh nghiệp đã không nêu rõ được các điều khoản về ngân hàng bảo đảm, điều kiện mở tín dụng thư, thưởng phạt, bảo hiểm, quy cách hàng hoá cụ thể dẫn đến bị thua thiệt. Có

trường hợp bạn hàng nước ngoài mới thông báo sẽ mua hàng, doanh nghiệp Việt Nam đã đi vay vốn ngân hàng với số lượng lớn, mở rộng quy mô sản xuất, đến khi sản xuất xong không có người nhận hàng bị tồn kho hàng tỉ đồng dẫn đến phá sản. Có doanh nghiệp nhập hàng vụn vặt sát nhưng do không ghi rõ kích cỡ nên khi nhập hàng về không đúng chủng loại, không bán được bị thua lỗ hàng trăm triệu đồng.

Có công ty nước ngoài còn lợi dụng sơ hở trong điều khoản giao nhận hàng, cố tình trì hoãn nhận hàng và thanh toán chờ cho đến khi giá cả có lợi nhất mới nhận hàng, trong khi đó các doanh nghiệp ta phải chịu chi phí lưu kho rất lớn. Trong hợp tác làm ăn các công ty nước ngoài thường đưa ra điều kiện hấp dẫn là họ bán trang thiết bị, vật tư, bao tiêu sản phẩm, phía Việt Nam tổ chức sản xuất. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ta mở tín dụng thanh toán thiết bị trước mà họ chưa mở tín dụng trả tiền sản phẩm, rút cuộc là ta bị chiếm dụng vốn. Nhiều trường hợp họ còn ép giá vật tư thiết bị cao và hạ giá sản phẩm làm cho ta bị thua thiệt. Một kiểu gian lận khác là hàng hoá của ta sản xuất ra nhưng buộc phải đóng mác thương mại của họ. Sang thị trường nước ngoài bị phụ thuộc hoàn toàn vào họ. Họ bán ra thị trường theo giá chính phẩm của công ty nhưng chỉ thanh toán cho ta với giá công bèo bọt.

Giáo hội VN có thêm Giám mục

Theo hãng thông tấn Fides, giáo hội Việt Nam vừa có thêm 3 giám mục mới tại các địa phận Qui Nhơn, Lạng Sơn, và Long Xuyên. Theo bản tin, Linh mục Pierre Nguyễn Soạn

được phong làm Giám mục Giáo phận Quy Nhơn. Linh mục Joseph Ngô Quang Kiệt làm Giám mục Giáo phận Lạng Sơn. Linh mục Joseph Trần Xuân Tiểu là Phó Giám mục Giáo phận Long Xuyên.

Sau bao nhiêu cuộc thảo luận căng thẳng giữa hai bên, Giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam mới có thêm 4 Giám mục và 1 Phó Giám mục. Giám mục Trần Đình Tứ ở Bình Dương được phong chức tháng 1 và Giám mục Bùi Văn Đọc ở Mỹ Tho được phong chức tháng 5 vừa qua. Giới quan sát về nhân quyền tỏ ra rất thận trọng về sự nhượng bộ này của Hà Nội và cho rằng bên cạnh sự chấp thuận phong chức cho một số giám mục này, các sinh hoạt mục vụ vẫn bị kiểm soát chặt chẽ. Và đây chỉ là một hình thức nhượng bộ giai đoạn mà Hà Nội muốn giảm bớt bộ mặt đàn áp tôn giáo; trong khi chờ đợi quy chế tối huệ quốc về thương mại từ Hoa kỳ.

Thuế lợi tức cao gây trở ngại

Giới luật sư và kế toán ngoại quốc tại Việt Nam cho hay mức thuế lợi tức nhà nước CSVN đưa ra cao nhất Á Châu và đã làm trì trệ sự phát triển của giới chuyên viên vì các công ty ngoại quốc ngần ngại khi thuê họ.

Các công ty ngoại quốc thường phải trả thuế lợi tức cho nhân viên Việt Nam - điều này có nghĩa là số tiền họ phải trả ra tăng cao nếu lương của nhân viên lên quá 850 mỹ kim mỗi tháng. Tình trạng thuế cao, giá thuê bao đất, điện, nước và điện thoại với giá cắt cổ, guồng máy hành chính quan liêu trì trệ và nạn tham nhũng tràn lan đã làm mất khả năng cạnh tranh thu hút đầu tư ngoại quốc của Việt Nam.

Báo cáo của công ty kế toán Ernst & Young cho hay mức thuế lợi tức tại Việt Nam lên đến 60%. Tại các nước khác như Nam Dương và Phi Luật Tân, con số này chỉ vào khoảng 30%. Tại Nam Hàn và Trung Cộng là 20%. Sự kiện này cũng làm

cho nhân viên Việt Nam thiệt thòi so với nhân viên ngoại quốc. Đối với một người ngoại quốc lãnh lương 2,000 mỹ kim một tháng tại Việt Nam, công ty sẽ phải trả 375 mỹ kim tiền thuế; trong khi đó nếu muốn một người Việt Nam thì sẽ phải trả tới 3,850 mỹ kim.

Kênh Tân Hóa - Lò Gốm ô nhiễm trầm trọng

Khu vực kênh Tân Hóa-Lò Gốm có khoảng 300.000 gia đình cư trú, với hệ thống thoát nước rất phức tạp, phân chia không đồng đều trên từng khu vực khác nhau. Trước tình trạng các dòng nước thải bị tù đọng, thành phố Sài Gòn cứu xét kế hoạch chỉnh trang lại kênh này, với ngân khoản 80 triệu mỹ kim.

Được biết, hiện nay hệ thống thoát nước cấp 1 gồm các kênh, rạch lộ thiên, là trực thoát nước chính thu nhận tất cả lượng nước mưa và nước sinh hoạt. Chiều dài của hệ thống cống cấp 2, 3 khoảng 1.276km, xả ra kênh chính bằng 25 cửa và 5 kênh mương nhánh. Mật độ ống cống không đồng đều, có nơi khá dày đặc như ở quận 6 và 11, nhưng có nơi khác lại thiếu. Điểm đáng lưu tâm của kênh là nằm trên khu vực có ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đang phát triển mạnh. Các cơ sở sản xuất hiện diện khắp lưu vực, tập trung nhiều về ngành sản xuất hàng tiêu dùng và thực phẩm. Các xí nghiệp sản xuất này đều không có hệ thống khử trùng nước thải, nên đã nhanh chóng làm ô nhiễm nguồn nước. Hiện nay khả năng thoát nước của kênh Tân Hóa-Lò Gốm gần như bị tê liệt, nên vào mùa mưa dân chúng trong vùng thường xuyên rơi vào cảnh ngập lụt, và bệnh tật bắt đầu gia tăng. Được biết, chính quyền Bỉ quốc chấp thuận tài trợ 5,5 triệu mỹ kim, cộng với 1,5 triệu mỹ kim của nhà nước CSVN, để thực hiện một đoạn kênh mẫu dài 2,5km. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có chuyển động rõ rệt nào, vì thiếu hụt ngân khoản thực hiện trầm trọng.

ĐỌC VÀ CỔ-ĐỘNG

làng văn

TỜ BÁO CỦA CHÍNH BẠN

Nhân dịp Vu-Lan, Mùa Báo Hiếu sắp tới,
HÃY MUA BIẾU BÁO DÀI HẠN

làng văn

cho bố mẹ và các bậc trưởng thượng

Giá đặc-biệt cho quý bạn mua báo dài hạn biếu bố mẹ
(một năm 24 số kể cả số Xuân)

- Trong Canada: **85 gia-kim** (đã được bớt 20\$)
- Báo gửi đi Mỹ (bằng đường bộ) và các nước khác (bằng đường thủy):
85 mỹ-kim (đã được bớt 20 mỹ-kim)
- Báo gửi đi các nước khác (ngoài Canada và Mỹ) bằng máy bay:
140 mỹ-kim (đã được bớt 30 mỹ-kim)

Chỉ cần điền vào Phiếu Biếu Báo sau đây, gửi kèm chi-phiếu về tòa-soạn,
chúng tôi sẽ lo chu-tất việc gửi báo 24 lần mỗi năm cho quý bạn.

PHIẾU BIẾU BÁO

Tên người nhận báo:

Địa-chỉ:

Bắt đầu từ số: Kèm chi-phiếu:

Xin ghi: do mua biếu

Khi báo hết hạn, xin gửi Phiếu Nhắc Tái Hạn cho:

Tên người mua biếu:

Địa-chỉ:

Xin cắt hay copy phiếu này, gửi kèm chi-phiếu về:

Làng Văn, P.O. 218 Station "U", Toronto, ON M8Z 5P1, Canada



trong làng

Văn Bút Quốc-Tế can-thiệp cho 3 tù-nhân lương-tâm VN

Mặc dù lâm vào tình-trạng "dormant" (ngưng hoạt-động, trên giấy tờ) nhưng các thành-viên Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại vẫn ráo-riết vận-động Văn Bút quốc-tế can-thiệp cho các tù-nhân lương-tâm và văn-ngệ-sĩ Việt-Nam bị CS cầm tù.

Nhân Đại hội Văn Bút Quốc-Tế kỳ 66 nhóm vào giữa tháng 6 vừa qua tại Warsaw, Ba-lan, Văn-hữu Hoàng Bảo Việt (nguyên Phó Chủ-tịch trong Ban Chấp-hành Sơn Tùng) đã đệ trình danh-sách các văn-ngệ-sĩ bị CSVN cầm tù, nhờ Trung-tâm Thụy-sĩ đệ-trình lên Đại Hội-đồng để đưa vào nghị-trình.

VH Hoàng Bảo Việt ngoài tư-cách Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại (Trung-tâm Âu-châu), còn là hội-viên của Văn Bút Thụy-sĩ.

Bản dự-thảo nghị-quyết này được Trung-tâm Thụy-sĩ cùng các trung-tâm Ba-lan, Anh-quốc đồng bảo-trợ, đã được Đại-Hội-đồng biểu-quyết thông-quá.

Bản Nghị-quyết yêu-cầu Hà-nội phóng-thích tức-khắc và vô điều-kiện ba nhân-vật kể sau:

- Ông Nguyễn Đình Huy, nhà báo lỗi-lạc, chủ bút, hội-viên danh-dự của hai trung-tâm Anh-quốc và

Ba-lan. Ông là khuôn mặt lãnh-đạo phong-trào ủng-hộ dân-chủ, hiện đang bị bệnh Parkinson hành-hạ trong trại khổ-sai Hàm-tân. Ông Nguyễn Đình Huy đã bị giam giữ trong 17 năm, sau 1975; bị bắt lại tháng 11.1993 và bị kêu án 15 năm tù hồi tháng 8.1995. Ông được quốc-tế trao giải Hellman/Hammett năm 1997 về quyền tự-do phát-biểu.

- Ông Nguyễn Ngọc Tân, bút hiệu Phạm Thái, nhà báo và nhà thơ, hội-viên danh-dự của hai trung-tâm Anh-quốc và Ba-lan, hiện bị giam tại trại khổ-sai Hàm-tân. Ông Nguyễn Ngọc Tân bị giam 15 năm sau 1975, bị bắt lại năm 1995 và bị kêu án 11 năm tù vì liên-can đến phong-trào

dân-chủ Nguyễn Đình Huy.

- Tu-sĩ Thích Huệ Đăng, thế-danh Nguyễn Ngọc Đại, trí-thức Phật-giáo, học-giả nghiên-cứu Nhân-văn, hiện bị giam tại trại khổ-sai Xuân-lộc. Ông bị bắt về tội viết cuốn sách cấm-ky "*Tiểu-luận về Nhân-văn*", bị kêu án 20 năm tù hồi tháng 5 năm 1992.

Ngoài việc đòi hỏi trả tự-do cho ba tù-nhân lương-tâm nêu trên, Văn Bút Quốc-Tế còn kêu gọi nhà cầm quyền CSVN tôn-trọng những nguyên-tắc và dân-quyền được ghi rõ trong Hiến-pháp của họ cũng như trong Bản Tuyên-ngôn quốc-tế nhân-quyền, đặc-biệt là điều 19 về quyền tự-do phát-biểu.

Résolution on Vietnam proposed by the Polish PEN Centre, seconded by English Centre, Swiss Italian Centre and Swiss Romand Centre.

The Assembly of Delegates of International PEN, meeting at its 66th International Congress, held in Warsaw; Poland, from 15-21 June 1999

Appreciates Vietnamese authorities' decision to amnesty some of the country's best-known prisoners of conscience in August 1998;

Concerned, however, that the recent economic changes are not accompanied by similar changes in the approach to the problem of human rights and freedom of expression;

Distressed by the fact that several Vietnamese intellectuals, writers and journalists still remain in prison;

Deplores the very poor conditions of detention (in prisons and hard labour camps) under which these prisoners of conscience are currently held;

Appeals to the Vietnamese authorities to release immediately and unconditionally all individuals imprisoned for exercising the right of freedom of expression, among them:

Nguyen Dinh Huy, eminent journalist, press editor and leading figure in the pro-democracy movement who is suffering from Parkinson's Disease. He is now held in Ham Tan hard labour camp. Formerly held in 1975 for 17 years in re-education camps, he was arrested again in November 1993 and sentenced to 15 years imprisonment in August 1995. He is a recipient of the 1997 Hellman/Hammett award for freedom of expression and an honorary member of the Polish and English PEN Centres;

Nguyen Ngoc Tan (pen-name Pham Thai), journalist and poet, now held in Ham Tan hard labour camp. Previously detained in 1975 and held for 15 years in a re-education camp. Arrested again in July 1995 and sentenced to 11 years imprisonment for his involvement in Nguyen Dinh Huy's pro-democracy movement. An honorary member of the Polish and English PEN Centres;

Nguyen Ngoc Dai (other name Nguyen Ngoc Dai and religious name Thich Hue Dang), Buddhist intellectual and humanist scholar, now held in Xuan Loc hard labour camp. Arrested for writing forbidden work as "Essay on Humanism" and sentenced on May 27, 1992 to 20 years imprisonment;

And calls upon the Vietnamese authorities to observe the principles and rights set out in their own Constitution, as well as in the Universal Declaration of Human Rights, particularly Article 19, which deals with the right of freedom of expression.

Nữ-sĩ Quỳ Hương qua đời

Nữ-sĩ Quỳ Hương, một khuôn mặt thi-ca trong Thi-đàn Quỳnh Dao, đã qua đời lúc 3 giờ sáng Thứ Hai, 21.6.1999 tại Houston, Texas, hưởng thọ 83 tuổi.

Nữ-sĩ Quỳ Hương tên thật Đào Thị Quỳ, sinh năm 1916 (giấy tờ ghi sinh năm 1920), con của Tuần-phủ Đào Hữu Khôi. Bà nguyên là giáo-sư Việt-văn trường Trung-học Anh Đức, Chợ Lớn; tham-gia Văn Bút Việt-Nam trước năm 1975; và hiện là cố-vấn Ban Chấp-hành Văn Bút Việt-Nam hải-Ngoại (khối đa-số, do nhà văn Minh Đức Hoài Trinh làm chủ-tịch).

Nữ-sĩ Quỳ Hương là tác-giả các tập truyện:

- *Hai mối tình*, truyện ngắn, Nam Cường xuất-bản năm 1958.

- *Tiếng không-gian*, truyện ngắn, xuất-bản năm 1962.

- *Hoa tâm tư*, tập I, xuất-bản năm 1963, và

- *Hoa tâm tư*, tập II, xuất-bản năm 1969.

Sách mới:

Nhẹ bước vào thơ

Nhà thơ Thảo Chi, tức nhiếp-ảnh gia Bùi Mỹ Hoa vừa trình làng tập

thơ và ảnh nhan-đề *Nhẹ bước vào thơ* tại tiểu-bang California, Hoa-kỳ.

Tập thi-ảnh dày 128 trang in rất đẹp. Ngoài 40 bài thơ ký bút hiệu Thảo Chi còn có 10 tác-phẩm nhiếp-ảnh nghệ-thuật của cùng tác-giả.

Thảo Chi, tức Bùi Mỹ Hoa quê ở Cần-thơ, định-cư tại Hoa-kỳ từ 1975. Cô có thơ đăng trên tạp-chí Làng Văn cùng một số ảnh đã được chọn làm bìa báo.

Thơ Thảo Chi nhẹ-nhàng và truyền-đạt thẳng, với những câu như:

"Anh ơi nghe em nói
Tình mình vừa bắt đầu
Tình ta không đoạn cuối...
Vì ta mãi yêu nhau!"

Phần lớn, đều là thơ tình, với những lời chân-chất. Có bài lấy ca-dao làm gốc, rồi từ đó dẹt rộng ra, như:

"áo anh sứt chỉ đường tà,
Thôi đừng khâu nữa, về nhà em
thương.."

hay là:

"Qua đình ngả nón trông đình
Đình bao nhiêu ngói, ấy tình em
trao.."

Về ảnh, Bùi Mỹ Hoa chú-trọng ở kỹ-thuật. Phần lớn tác-phẩm của cô đẹp như những bưu-ảnh, thường bày bán ở các cửa hàng kỷ-niệm, nhà ga, phi-trường, v.v. Trong số các bức ảnh loại này có ảnh bìa tập thơ, chụp một

cành lan hồ-diệp.

Nhẹ bước vào thơ, một tác-phẩm đẹp đã đưa tác-giả vào thơ, và cả vào thế-giới nhiếp-ảnh nghệ-thuật.

Sao Chúa Mãi Im và Căn Nhà Búp Bê

Nhà xuất bản Anh Em vừa cho ấn hành hai dịch phẩm: *Sao Chúa Mãi Im* và *Căn Nhà Búp Bê*.

Sao Chúa Mãi Im, nguyên tác Nhật ngữ Chin Mokur (*Trăm Mặc*) của nhà văn nổi tiếng, Endo Shusaku (tức Viễn Đằng Chu Tác), bản Việt ngữ của Mặc Tĩnh Nguyễn Văn Thực. *Căn Nhà Búp Bê*, nguyên tác Na-uy ngữ, Et Dukkehjem của kịch tác gia Henrik Johan Ibsen, bản Việt ngữ của Bạch Liên Trương Kim Anh.

Cả hai dịch giả hiện ty nạn chính trị tại Bergen, cố-đô của Na Uy, nơi được gọi là "Thành phố ô dù", mưa gần như quanh năm. Tên khác là "Thành phố không bụi" và "Cửa vào Na-uy".

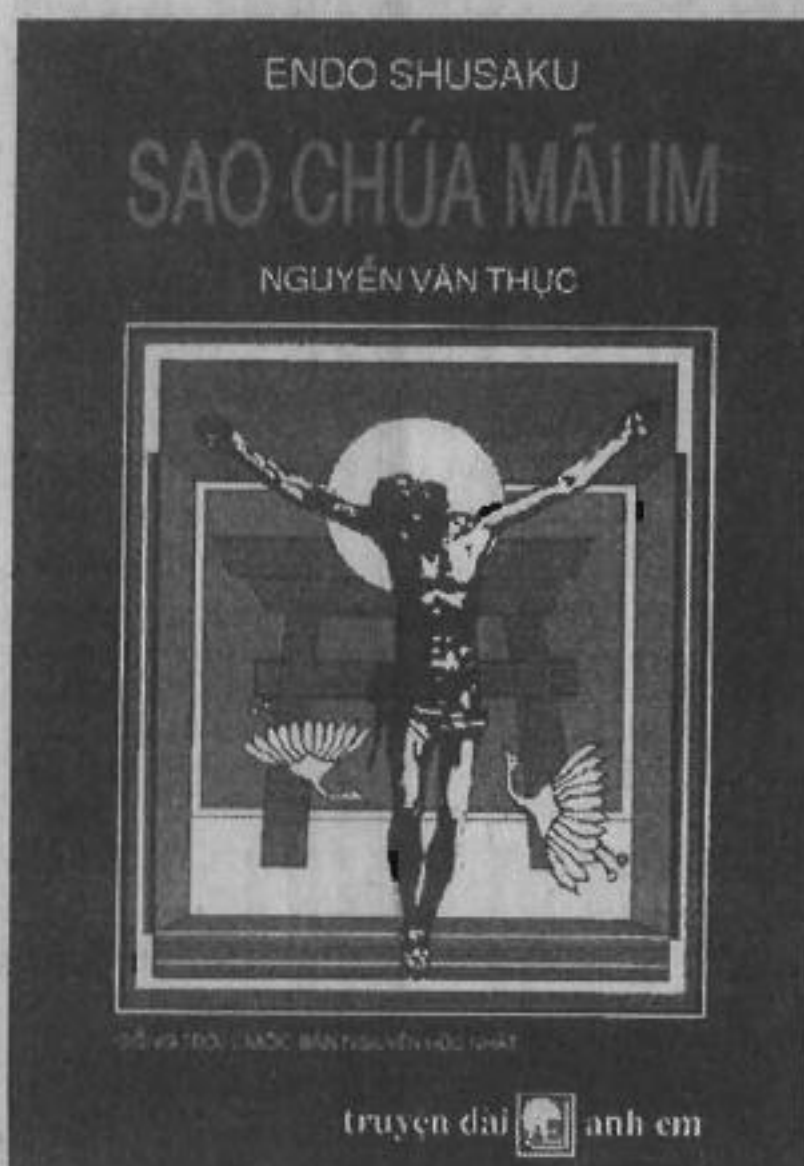
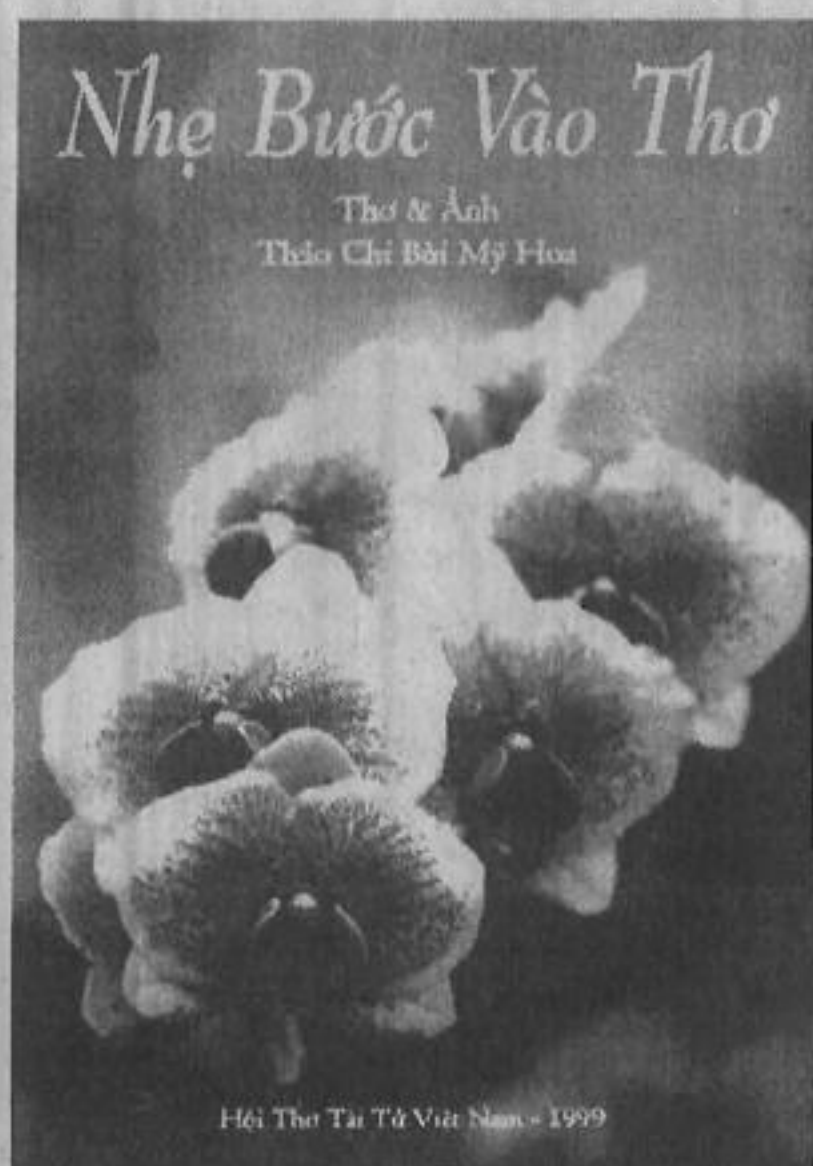
Sao Chúa Mãi Im, truyện dài, 334 trang chia làm 5 phần:

- Thân thế, sự nghiệp văn học của Viễn Đằng Chu Tác (1923-1996).

- Dẫn nhập về tinh thần Nhật Bản.

- Nội dung truyện dài.

- Bạt của nhà xuất bản Anh Em và phần chú thích.



Sách in trên giấy quý với 2 bản cổ họa và nhiều hoa văn Nhật, tranh bìa và 5 minh họa của Nguyễn Hữu Nhật.

Nguyên tác Chin Mokur ra đời năm 1993, tức thời gây sóng gió trên văn đàn Nhật và thế giới, đặc biệt ở những quốc gia quan tâm tới các vấn đề liên hệ tới Thiên Chúa giáo. Người bệnh hay chống, vì đề tài thần học cùng văn học quỵên chặt lấy nhau như keo sơn trong tác phẩm, rồi cuộc cũng đều chia xẻ với cái nhìn của văn hào Graham Green về *Sao Chúa Mãi Im*: "Theo tôi tác phẩm này là một trong những tác phẩm hay nhất thời đại chúng ta."

Nhà xuất bản Anh Em, khi in sách, lại tự hỏi: "Đạo phải chăng là Đẹp? Nếu không, trong hoàn cảnh tù tội bị chà đạp, như: "Khi đoàn người đi qua một cái làng có tên là Linh Điền, cha thấy được khu vườn quê nở đầy hoa trắng, thứ hoa mà cha không biết tên." Sao trong lòng vẫn cứ: "Khi thất thểu ra đi, cùng những người áp tải, cha còn quay đầu nhìn lại. Tự nhiên, cha cảm thấy se buồn, vì không biết lúc nào mới có dịp nhìn lại loài hoa trắng đó nữa."

Cuốn *Sao Chúa Mãi Im* giá 20 mỹ-kim (32 gia-kim). Làng Văn phát hành

Căn Nhà Búp Bê, kịch bản, 138 trang in trên giấy quý, bìa và phụ bản của Nguyễn Hữu Nhật cùng nhiều tranh hí họa của các họa sĩ Na Uy.

Bạch Liên Trương Kim Anh chọn và dịch *Căn Nhà Búp Bê*, Et Dukkehjem, một kịch bản lừng danh thế giới, được viết từ năm 1879 bởi chủ đề «bi kịch tình yêu và hôn nhân» của vở kịch tới nay vẫn còn là chuyện nóng bỏng nơi nhiều gia đình và đất nước Việt Nam.

Căn Nhà Búp Bê, nơi người này chẳng coi người kia là người, mà chỉ xem như con búp bê. Nền Ibsen coi việc tranh đấu cho nữ quyền cũng chính là tranh đấu cho nhân quyền. Nhân vật kịch Nora, hay chính bao người nữ nào đó ngoài đời, đã nói: «Em tin trước hết, em như anh, là một con người, và ít nhất em cũng cố gắng

trở nên một con người!»

Cuốn *Căn Nhà Búp Bê* giá 12 mỹ-kim (19 gia-kim). Làng Văn phát hành.

Ngõ trúc

Nhà văn, và cũng là nhà thơ Minh Đức Hoài Trinh đã cho xuất-bản tập *Ngõ trúc*, tức phần 2 của bộ sách *Bất đáo trường thành phi hảo hán* của bà.

Thực ra, *Ngõ trúc* là sự «tái đáo trường thành», tiếp nối câu chuyện còn dang dở với tướng Mông Diêm, và là dịp để một số nhân-vật mới xuất-hiện.

Minh Đức Hoài Trinh sinh năm 1930 ở Huế, tham-gia kháng-chiến rồi sang Pháp học về Báo-chí, Chính-trị và Hoa-ngữ.

Năm 1964 bà bắt đầu có sách xuất-bản gồm thơ, truyện và kịch và hành nghề báo-chí. Bà tham-gia Văn Bút Việt-Nam và làm Tổng Thư-ký Văn Bút.

Năm 1968, bà được cử sang Pháp theo dõi Hoà-dàm Ba-lê.

Năm 1974 về Việt-nam, dạy Báo-chí tại Đại-học Vạn Hạnh.

Sau 1975, Minh Đức Hoài Trinh lưu-vong sang Pháp, vận-dộng thành-lập Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại; và hiện bà là chủ-tịch Ban Chấp-hành nhiệm-kỳ 1998-2000.



Ngõ trúc giá 15 mỹ kim, 24 gia kim. Làng Văn phát hành.

Bộ sách Krisnamurti

Dịch-giả Nguyễn Ước và nhà xuất-bản Nguồn Sống vừa cho phát-hành tại Toronto, Gia-nã-đại bộ sách 3 cuốn sách về Krisnamurti, gồm có:

- *Krisnamurti tinh-yếu*: gồm phần «tinh» (sạch và sáng) và «yếu» (quan-trọng) trong minh-triết Krisnamurti.

- *Krisnamurti, Giòng sông thanh tẩy*: gồm hai phần. Phần I là *Krisnamurti, A Biography* của Púpul Jayakar. Phần II là các bài giảng của Krisnamurti từ 1978 đến 1985, gồm 10 cuộc đối-thoại.

- *Krisnamurti, Đời không tâm điểm*: là một cái nhìn đại-thể vào cuộc đời và tư-tưởng Krisnamurti.

Krisnamurti (1895-1985), sinh tại miền Nam Ấn-độ trong giai-cấp Bà-la-môn, thể-chất yếu-đuối nhưng có năng-lực thông-huyền vũ-trụ. Ông gia-nhập Thông Thiên Hội. Năm 21 tuổi trở thành thủ-lãnh Dòng tu Ngôi Sao Phương Đông, và năm sau được Thông Thiên Hội công-nhận là hoá-thân của Đấng Cứu Thế. Năm 1929 ông giải-tán Dòng tu, tự phế ngôi giáo-chủ, đoạn-tuyệt với Thông Thiên Hội và tuyên-bố rằng «Chân-lý là đất



không lối vào. Không thể đến với chân-lý qua bất cứ hình-thức tổ-chức nào, đặc-biệt là các tôn-giáo có tổ-chức.» Từ đó, ông chỉ đi rao giảng như một sứ giả của Thượng đế.

Dịch-giả Nguyễn Ước có cái nhìn rất sâu vào tư-tưởng Krisnamurti. Từ chỗ thâm hiểu, bản dịch của ông sáng-sủa, dễ cảm nhận, không cứng nhắc, gò bó như phần lớn sách dịch tôn-giáo trước đây.

Nói chuyện về Kiều

Ngày 24.5 vừa qua, thi đàn Lạc Việt đã tổ chức một buổi nói chuyện về Truyện Kiều tại San Jose, tiểu bang California, Hoa kỳ.

Diễn giả có giáo sư Đặng Cao Ruyện, ông Hoàng Xuyên và nhà văn Diệu Tân. Buổi nói chuyện đã thành công mỹ mãn với số khách tham dự đông đảo vượt sự mong đợi của ban tổ chức.

GS Nguyễn Đăng Thục mất

Giáo-sư Nguyễn Đăng Thục, nhà nghiên-cứu văn-hoá Á-đông, đã qua đời hôm 2.6.1999 vừa qua tại Việt-nam, thọ 92 tuổi.

GS Nguyễn Đăng Thục sinh năm 1908 tại huyện Gia-lâm, Bắc Việt (các sách ghi cụ sinh ngày 14.6.1913 tại Bắc-ninh, và như vậy cụ du-học năm 14 tuổi?).

Cụ du-học ở Pháp, Bỉ và Thụy-sĩ từ 1927 đến 1934. Làm chủ báo *L'Avenir de la Jeunesse*, xuất-bản tại Hà-nội. Năm 1950, cụ dạy tại Đại-học Hà-nội.

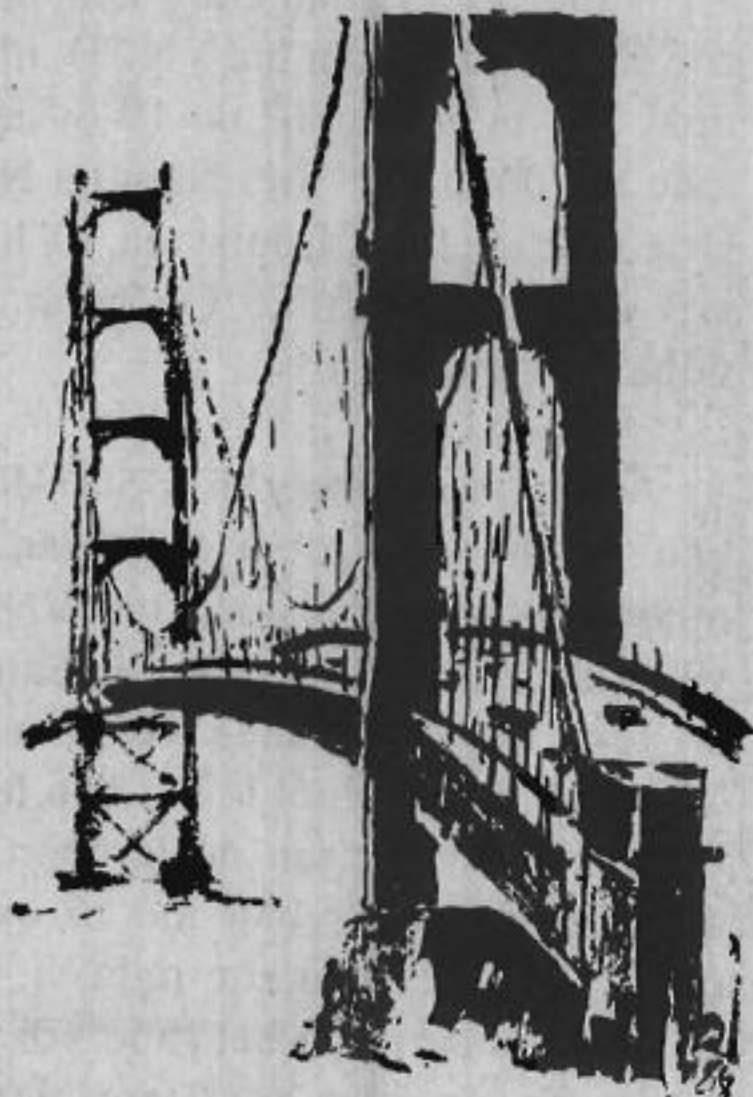
Năm 1954, cụ di-cư vào Nam dạy tại Đại-học Văn-khoa Sài-gòn và làm chủ nhiệm kiêm chủ-bút tạp-chí *Văn-ngệ* và *Văn-hoá Á-châu*. Năm 1961, làm Khoa-trưởng Đại-học Văn-khoa Sài-gòn kiêm Trưởng ban Triết-học.

Tác-phẩm:

- Đại-học, 1940.
- Triết-lý Nguyễn Công Trứ, 1950.
- Tinh thần khoa học đạo học, 1953.
- Dân-tộc tính, 1956.

- Triết-lý văn-hoá khái-luận, 1956.
- Triết-học Đông-phương nhập môn, 1958.
- Văn-hoá Việt-nam và Đông Nam Á, 1961.
- Triết-học Đông-phương tập I, 1956.
- Triết-học Đông-phương tập II, 1956.
- Triết-học Đông-phương tập III, 1956.
- Triết-học Đông-phương tập IV, 1962.
- Triết-học Đông-phương tập V, 1964.
- Tư-tưởng Việt-nam, 1964.
- Lịch-sử Tư-tưởng Việt-nam, tập I, 1964.
- Lịch-sử Tư-tưởng Việt-nam, tập II, 1970.
- Thiền-học Việt-nam, 1967.
- Democracy in traditional Vietnamese society, 1962.
- Asian Culrure and Vietnamese Humanism, 1965.

ngoài xã



Chủ tịch Phong trào Nhân quyền VN từ trần

Giáo sư Lương Thị Nga, Chủ

Tịch Phong Trào Nhân Quyền Việt Nam, đã từ trần lúc 10 giờ 40 phút ngày 4 tháng 6 năm 1999 tại bệnh viện Paris, hưởng dương 58 tuổi. Tin này gây xúc động mạnh trong cộng đồng người Việt, trong các tổ chức nhân quyền trên thế giới, nhất là các cựu nữ sinh trung học Marie Curie Sài-gòn.

Giáo sư Lương thị Nga, sinh năm 1940, trong một gia đình Thiên-chúa giáo gương mẫu, tên thánh của bà là Joséphine. Một trong các người anh của bà là linh mục Denis Lương Tấn Hoàng hiện phụ trách chăn chiên tại họ đạo Châtenay-Malabry, ngoại ô Paris.

Hồi niên thiếu, giáo sư Nga theo học tại trường trung học Marie Curie, năm 1958 bà đỗ tú tài triết học, rồi theo học đại học Văn Khoa Sài-gòn. Sau ba năm, bà tốt nghiệp Cử nhân Giáo khoa Văn chương và được tuyển làm giáo sư trường Marie Curie.

Sau biến cố năm 1975, giáo sư Nga tỵ nạn tại Pháp. Bà trở lại học đường với hy vọng lấy bằng Tiến sĩ văn chương. Rồi bà gặp Tiến sĩ Phạm Thanh Dân, luật sư tòa thượng thẩm Paris. Giáo sư Nga là con chiến ngoan đạo, luật sư Dân là một thiền giả. Hai vị trở thành chiến hữu, thành bạn đời.

Kể từ năm 1990, giáo sư Nga cùng một số nhân sĩ, trí thức, đại diện các tôn giáo như Thiên-chúa, Phật-giáo, Cao-dài, Hòa-hảo... đứng ra thành lập Liên-đoàn nhân quyền Việt-Nam. Giáo sư được bầu làm chủ tịch. Người bạn đời của bà là luật sư Phạm Thanh Dân làm cố vấn luật pháp. Với sự trợ giúp của cơ quan Trí thức Thiên chúa giáo quốc tế, Liên đoàn nhân quyền VN đã được mời đến diễn đàn Liên hiệp quốc tại Genève (Thụy sĩ) thuyết trình về tình hình vi phạm nhân quyền tại Việt Nam nhiều lần.

Năm 1998, một phái đoàn Liên hiệp quốc được cử đến Việt Nam để điều tra. Trước khi phái đoàn lên đường, trong khi Liên đoàn nhân quyền VN về Paris, thì giáo sư Nga ở lại trụ sở LHQ để giúp phái đoàn

chuẩn bị tài liệu. Sau khi tiến phái đoàn lên phi cơ, thì giáo sư Nga bị nhức đầu khủng khiếp. Lập tức bà được chở vào nhà thương. Y sĩ điều trị cho biết bà bị xuất huyết não, phải giải phẫu khẩn cấp. Sau khi xuất viện, y sĩ điều trị khuyên bà phải tĩnh dưỡng, không nên làm việc nữa. Bà ngừng tất cả những việc khác, chỉ còn làm việc cho Liên đoàn nhân quyền VN mà thôi.

Sự ra đi đột ngột của Giáo sư Lương Thị Nga là một mất mát lớn cho công cuộc đấu tranh đòi nhân quyền của người Việt.

Biểu diễn võ thuật Hoà Hảo

Theo bản tin Đuốc Từ Bi, cụ bà Lương Huỳnh Anh, 68 tuổi, với cú đá cao trong bài võ Ngũ Hồ Ly Sơn, đã khiến cử tọa trên 300 người ngạc nhiên và nồng nhiệt vỗ tay tán thưởng. Cụ là cựu Trung đội trưởng chỉ huy 36 nữ binh của đoàn Nữ Chiến Sĩ Phật Giáo Hoà Hảo ấp Bình Thạnh Đông, làng Tân Hội, tỉnh Rạch Giá. Vào thời Phật Giáo Hoà Hảo (PGHH) kháng chiến chống Pháp và Việt Minh, bà cùng trên một ngàn nữ chiến sĩ khắp các tỉnh miền Tây Nam Việt âm thầm trau dồi võ nghệ. Các nữ binh phải lấy mía làm roi, các thanh giường làm kiếm để luyện tập hàng đêm dưới ánh trăng.

Tiếp theo là cụ ông Phan Thanh Nhân, 84 tuổi, biểu diễn đường quyền Thần Đổng của Thiếu Lâm Thất Sơn Cổ Truyền do ông Cử Đa, đệ tử đức Phật Thầy Tây An sáng lập. Cụ Nhân là Tổng Cai đoàn Thanh niên PGHH đã thường xuyên cùng 12 thanh niên võ nghệ xuất sắc theo bảo vệ Đức Thầy những lúc ngài đi thuyết giảng Phật pháp. Sau phần trình diễn của thân phụ; anh Phan Thanh Hải, Đoàn Trưởng Thanh Niên đoàn PGHH tiếp nối với bài Uyên Ương Kiếm.

Buổi biểu diễn võ thật trên nhằm mục đích yểm trợ buổi tiệc gây quỹ giúp Sinh hoạt Thanh niên Đoàn PGHH được tổ chức tại nhà hàng Emerald Bay, thành phố Fountain

Valley vào trưa chủ nhật 13.6.1999.

Kỷ niệm ngày Quân lực 19.6

New Orleans, Louisiana: Sáng 20.6.1999 tại tiền đình Tòa Thị Sảnh thành phố New Orleans, Lễ Thượng Kỳ Việt Nam đã được long trọng cử hành trước sự hiện diện của nhiều tầng lớp đồng bào, cùng đại diện các đoàn thể. Đặc biệt còn có sự hiện diện của các Cựu chiến binh Hoa Kỳ từng tham chiến tại Việt Nam và Ban quân nhạc Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ tại New Orleans.

Sau Lễ Thượng Kỳ là cuộc diễn hành từ lễ trường tới Đài Tưởng Niệm Tử Sĩ Việt Nam-Hoa Kỳ cách đó khoảng 1 dặm, giữa khu phố đông đúc của New Orleans. Đoàn diễn hành được dẫn đầu bởi Ban Quân Nhạc TQLC Hoa Kỳ với những bản nhạc hùng tráng, hòa lẫn những tiếng hô vang dội "Nhân Quyền, Tự Do, Dân Chủ cho Việt Nam".... khiến cho khí thế của cuộc diễn hành hết sức tung bừng, sôi nổi. Nghi thức đặt vòng hoa trước Đài Tử Sĩ diễn ra thật trầm hùng trong tiếng kèn truy điệu âm u của Ban Quân Nhạc.

Người Việt tỵ nạn cũng vinh danh các Chiến hữu Quân lực VNCH, nhân ngày kỷ niệm Quân Lực 19-6, cùng toàn thể đồng bào Việt Nam tại New Orleans, tiểu bang Louisiana, đã luôn giữ vững ngọn cờ Tổ Quốc tại nơi mình cư ngụ.

Nam California: Hơn 500 đồng bào đã tham dự đêm thắp nến kỷ niệm và vinh danh quân lực VNCH vào tối ngày 19.6.99 tại Little Saigon do Liên hội Cựu Chiến sĩ Quân lực VNCH tổ chức. Buổi lễ bắt đầu bằng lễ rước quân kỳ, sau đó là chào cờ, dâng hương trước bàn thờ tổ quốc; phân phát biểu của các nghị sĩ, dân biểu địa phương và kết thúc với bản tuyên cáo của Liên hội Cựu Chiến sĩ.

San Diego, California: Trưa ngày 20.6.99 tại công viên Colina Park, 400 đồng bào gồm đại diện các hội đoàn, các hội cựu quân nhân và gia

đình, đã đến tham dự lễ kỷ niệm Ngày Quân Lực 19.6. Sau phần nghi lễ là phần văn nghệ với sự góp sức của các nghệ sĩ địa phương. Buổi lễ kết thúc trong ngày bằng một tiệc trà.

Denver, Colorado: Vào sáng ngày 19.6.99, tại tiền đình Quốc hội Tiểu bang Colorado, một số đại diện các đoàn thể trong Ủy ban Liên kết Người Việt Quốc gia Colorado đã tổ chức phân phối truyền đơn và tài liệu về tội ác HCM nhân ngày Quân lực 19.6 để tố cáo trước dư luận ngoại quốc về việc CSVN vẫn đang vi phạm Nhân quyền và Tự do Dân chủ.

Melbourne, Úc: Chiều ngày 19.6, Tổng hội Cựu Quân nhân Quân lực VNCH tiểu bang Victoria đã tổ chức buổi lễ kỷ niệm ngày Quân lực 19.6 với sự tham dự của các gia đình quân binh chủng VNCH; mục đích là để xiển dương sự tranh đấu của người lính VNCH.

Toronto, Canada: Hội Cựu Quân Nhân QL/VNCH Vùng Ontario do chiến-sĩ Lưu Văn Giỏi làm chủ-tịch, đã tổ-chức Ngày Quân-lực vào chiều 19.6 tại thành-phố Mississauga, với sự tham-gia của khoảng 200 chiến-sĩ và đại-diện các hội-đoàn.

Trong dịp này, Hội đã mời Thiếu-tướng Lê Minh Đảo, cựu Tư-lệnh Sư-đoàn 18 Bộ-binh, từ Connecticut (Hoa-kỳ) sang để tường-thuật trận 12 ngày tử-thủ Xuân-lộc, từ 8 đến 20.4.1975.

Nhìn chung không-khí sinh-hoạt rất trang-trọng, và ấm-cúng.

Thành lập Hội đồng Liên tôn Massachusetts

Trong buổi họp cuối tháng 3.99 vừa qua tại phòng họp của Cộng đồng Công giáo thánh Phêrô Boston, đại diện các tôn giáo Cao Đài, Công giáo, Phật giáo và Phật giáo Hoà Hảo đã đồng thuận việc thành lập Hội đồng Liên Tôn VN tiểu bang Massachusetts, mục đích để: Khuyến khích đời sống đạo đức của tín đồ; Trao đổi

tin tức, tạo sự cảm thông và ngăn chặn các âm mưu chia rẽ tôn giáo; Bảo vệ và tranh đấu cho nhân quyền, đặc biệt là quyền tự do tín ngưỡng; Hướng dẫn các sinh hoạt lành mạnh để xây dựng xã hội.

Hội đồng Liên tôn Tiểu bang Massachusetts đã suy cử một hội đồng lãnh đạo gồm 12 thành viên của 4 tôn giáo, một Ban Chấp Hành gồm 1 chánh thư ký, 2 phó thư ký, 1 thủ quỹ và 1 phụ tá thủ quỹ.

Đại hội Quốc tế vận

Trong mục đích tường trình thành quả chiến dịch Quốc tế vận nhân quyền và Tự do tôn giáo cho Việt Nam, cũng như để thảo luận tìm phương thức đấu tranh cho đất nước; Ủy ban Tổ chức Chiến dịch Quốc tế vận với chủ tịch là Hoà thượng Thích Giác Lượng, sẽ tổ chức một đại hội tại Trung tâm Văn hoá Thánh đường Tự do, San Jose, tiểu bang California, Hoa kỳ vào 2 ngày 9 và 10 tháng 7, 1999.

Chương trình tổng quát gồm:

- Tổng kết thành quả chiến dịch.
- Thảo luận về hiện tình đất nước.
- Nhu cầu và phương thức đấu tranh chung.
- Bàn thảo quyết định duy trì hoặc giải tán Ủy ban Tổ chức Chiến dịch.
- Hội thảo.

Đặng Văn Nhâm bị Việt-nam Quốc Dân Đảng khai-trừ

Đặng Văn Nhâm, một người chuyên lạm-dụng phương-tiện truyền-thông, chế-tạo đời tư người khác để lăng-mạ, đã bị Việt-Nam Quốc Dân Đảng khai-trừ.

Sau đây là nguyên-văn Bản Thông-cáo của Việt-Nam Quốc-Dân Đảng Thống-Nhất:

"VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG
Dân tộc - Độc lập - Dân quyền -
Tự-do - Dân sinh - Hạnh phúc

Số: 01VP/PCT/NV/HĐCĐ

QUYẾT ĐỊNH

Trích yếu: V/v thâu hồi đảng tịch của ông Đặng Văn Nhâm

Thứ nhất: Chiếu tôn chỉ và mục đích của VNQDD là diệt Cộng, bài Phong, đả Thực để mang lại Độc Lập, Hạnh Phúc và Tự Do Dân Chủ cho Việt Nam;

Thứ hai: Qua hai cuốn sách của ông Đặng Văn Nhâm vừa phổ biến nhan đề "Bí Mật Hậu Trường Chính Trị Miền Nam VN" và "Lịch Sử Báo Chí VN", với nội dung gây xáo trộn, phá tình đoàn kết của tập thể đồng hương đang cần một niềm tin để giải trừ chế độ CSVN nơi quê nhà, hoàn toàn làm lợi cho CSVN được dịp tuyên truyền xuyên tạc;

Thứ ba: Chiếu Nghị Quyết của Hội Đồng Chỉ Đạo Trung Ương VNQDD, nay thâu hồi đảng tịch của ông Đặng Văn Nhâm khỏi hàng ngũ VNQDD kể từ ngày ra bản Quyết định này.

Mọi sinh hoạt của ông Đặng Văn Nhâm, kể từ nay, hoàn toàn không liên quan gì tới VNQDD.

Làm tại Hải Ngoại ngày 1 tháng 6 năm 1999

*T.M. Chủ tịch Hội Đồng Chỉ Đạo
Phó Chủ Tịch Đảng Vụ
Hội đồng Trung Ương VNQDD
Thống Nhất, kiêm Ủy Viên Báo Chí
1966-1975*

Nguyễn Thạch Kiên"

Nhắc lại, Đặng Văn Nhâm là người từng ra mặt tiếp-đón Võ Văn Kiệt khi Kiệt công-du Đan-mạch với tư-cách thủ-tướng CSVN.

Sau đó Đặng Văn Nhâm tiếp tay phá-hoại Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại, khiến tình-trạng xáo-trộn bị kéo dài.

Gần đây nhất, Nhâm cho in hai cuốn sách, một lăng-mạ tất cả tướng-lãnh VNCH và một cuốn lăng-mạ toàn-thể báo-chí VN tại hải-ngoại. Hai cuốn sách của Đặng Văn Nhâm là nhất búa tàn độc, có dụng ý phá-hoại niềm tin của công-chúng, nhắm

vào các giá-trị tinh-thần của tập-thể người Việt lưu-vong.

Việt-Nam Quốc Dân Đảng đã đưa ra một quyết-định kịp lúc và sáng-suốt nhằm loại trừ một kẻ phá-hoại khỏi hàng ngũ một đoàn-thể cách-mạng.

Văn Bút Nam Cali có hy-vọng hợp nhất

Sau khi Đặng Văn Nhâm bị Việt-Nam Quốc Dân Đảng khai-trừ, hai trung-tâm Văn Bút Nam Cali (khối đa-số) và Tây Nam Hoa-kỳ (theo Đặng Văn Nhâm) đã tổ-chức một buổi họp chung để tìm phương hướng hợp nhất.

Hai ban chấp-hành đã đồng ý thống-nhất trên nguyên-tắc dưới danh xưng chung là "Trung-Tâm Nam Cali / Tây Nam Hoa-kỳ". Tạm thời, bên nào lo sinh-hoạt bên đó, chờ khi có Đại-hội Thống-nhất Văn Bút Việt-nam Hải-Ngoại, sẽ đề ra một ban Chấp-hành thống-nhất của Trung-tâm để đi họp. Mỗi khi cần đưa ra thông-cáo hay bản tin, Trung-tâm Nam Cali / Tây Nam Hoa Kỳ sẽ có hai chữ ký của hai vị chủ-tịch trung tâm (hiện là nhà văn Cao Xuân Huy và nhà văn Viên Luông).

trang toronto



Nhóm thợ hàn VN gây quỹ

Nhằm mục đích gây quỹ cho nhóm thợ hàn VN Ontario, một số anh em

trong nhóm đã thực hiện 1 cuốn video tự học hàn và hướng dẫn cách làm bài thi để lấy bằng của chính phủ.

Mỗi bộ gồm 1 cuốn video và 1 cuốn sách, giá 28 gia kim cộng 8 gia kim cước phí. Thư từ, ngân phiếu xin gửi về:

1541 O' Connor dr.

Toronto, ON

M4B 2V7 Canada

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc Huỳnh Văn Mến (416) 465 4585; hoặc Tào Phạm (416) 751 8161 sau 4 giờ chiều.

Hành hương DC

Chùa Linh-sơn tổ-chức hành-hương và du-ngoạn Washington DC từ ngày 2 đến 4.7.1999, đi thăm các chùa VN, dinh Tổng-thống, Quốc-hội Mỹ.

Lớp ca nhạc cổ truyền

Với mục đích bảo tồn văn hoá, hội Nghệ thuật và Kịch nhạc VN phối hợp với cơ quan Hồng Phúc mở 2 lớp dạy ca, nhạc cổ truyền. Lớp A về đàn tranh, bầu, nhị, nguyệt, sáo.

Lớp B về kỹ thuật ca cải lương và dân ca.

Các lớp học hoàn toàn miễn phí. Xin liên lạc ông Huỳnh Trang (416) 745 3931 hoặc anh Hùng Tôn (416) 595 1103 ext. 31.

Hội thảo phụ huynh học sinh

Để giúp các bậc cha mẹ VN những kỹ năng cần thiết trong việc giáo dục con cái và tạo nên sự gần gũi giữa hai thế hệ, gìn giữ truyền thống văn hoá VN; hội Sức khoẻ Tâm thần Hồng Phúc và hội Phụ huynh Học sinh VN sẽ tổ chức một buổi thuyết trình và hội thảo vào 12 giờ trưa thứ bảy 24.7.1999.

Tham dự hoàn toàn miễn phí. Có giải lao, ăn trưa. Xin ghi danh giữ chỗ trước. Liên lạc: Hùng Tôn (416) 595 1103 ext. 31.

Khai mạc Đại-hội Thể-thao Bắc Mỹ

Đại-hội Thể-thao Bắc Mỹ đã khai-mạc lúc 5 giờ chiều ngày Thứ Tư 30.6 tại Vận-dộng-trường Centennial, số 56 Centennial Park Rd. Toronto,

Canada.

Đêm Thứ Bảy 3.7, Đại-hội tổ-chức Đêm văn-nghệ *Nổi vòng tay tuổi trẻ* lúc 6 giờ chiều tại Humber College Athletic Centre, góc xa-lộ 27 và Humber College Blvd. Chương-trình gồm dạ tiệc, văn-nghệ, thi karaoke *Giọng ca vàng lực-sĩ Bắc Mỹ*.

Cộng-Đồng VN North York và Quốc-khánh Canada

Cộng-Đồng VN tại North York tổ-chức mừng Quốc-khánh Canada lúc 12 giờ trưa Thứ Bảy 3.7 tại Driftwood Community Centre, số 4401 đường Jane.

Chương-trình gồm văn-nghệ, karaoke, khiêu-vũ, ăn uống miễn-phí, vào cửa tự-do.

Họp mặt cựu-học-sinh Phan Chu Trinh, Đà-nẵng

Cựu-học-sinh Phan Chu Trinh - Hoàng Đạo họp mặt lúc 11 giờ sáng Chủ-nhật 11.7 tại Jack Darling Park, Lakeshore Blvd., Toronto.

Liên lạc: Trần Gia Phụng: (416) 652-0686.

**Quý độc-giả hãy báo tin
cho người nhà tại VN đón nghe
GIỜ VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT LÀNG VĂN
phát-thanh lúc 7 giờ 30
tối Thứ Hai hàng tuần
trên làn sóng 9965 Kilo chu-kỳ (31m)**

ta-bà thế-sự

Phan Nguyễn Minh Minh

Bàng quan mãi sao?

Theo nhận xét của Massimo Rocchi, nghệ sĩ hài nổi tiếng ở Thụy-Sĩ, đất nước này “đang diễn ra một cuộc cách mạng vĩ đại. Thụy-Sĩ nay sống buông tuồng, càng ngày càng trở nên ồn ào và buông thả, có phần nào rất giống Ý-Đại-Lợi.” Massimo Rocchi cho rằng sở dĩ có hiện tượng này là vì Thụy-Sĩ không còn thấy được an toàn như xưa nữa.

Từ ngày các ngân hàng nhỏ bị phá sản, những ngân hàng lớn kết hợp lại và mạnh tay sa thải nhân viên, thêm vào đó là chuyện tài sản người Do-Thái và vàng Đức-Quốc-Xã, người dân Thụy-Sĩ cảm thấy bất ổn và đâm ra quan tâm đến hiện tại nhiều hơn.

Tạp chí *Cashual* (Cash kết hợp với Casual, có nghĩa là “tiền và cuộc sống thoải mái”) xác nhận Thụy-Sĩ là một quốc gia say mê tư cách “ngoại lệ” như người ta ghiền cần sa ma túy. Hợp bang này có nguy cơ trở nên “bất trị và vô phương cứu chữa”, và tính trung lập, chế độ dân chủ trực trị và quy chế hợp bang của đất nước này là “một lô những vấn đề không có đáp số”. Đây cũng là những chủ đề căn bản trong cuộc đấu tranh của bà Véronique Buro về tương lai Thụy-Sĩ. Từ 6 năm qua, người phụ nữ tuổi 35 được đào tạo về khoa học chính-trị này đã đấu

tranh nhằm đưa Thụy-Sĩ vào liên hiệp châu Âu. Bà là một trong 4000 thành viên của Phong Trào Châu Âu Mới đã yêu cầu chính phủ phải trưng cầu dân ý để điều đình ngay chuyện gia nhập Cộng-Đồng này. Cũng như đông đảo giới trẻ Thụy-Sĩ, bà Véronique đã chán cảnh sống như trên một hoang đảo. Bà không muốn bỏ lỡ cơ hội gia nhập một châu Âu không biên giới và được tự do đi lại. “Thế hệ chúng tôi phải di động. Khi không có công ăn việc làm thì người ta phải làm một điều gì đó.”

Mãi chú tâm đến những yêu sách, người dân Thụy-Sĩ không thấy rằng trong 6 năm qua đất nước của họ đã có nhiều cải cách quan trọng; như gia nhập Ngân-hàng Thế-giới và Quỹ Tiền-tệ Quốc-tế cũng như Tổ-chức Thương-mại Thế-giới; như giảm bớt một phần ba quân số; và một cách âm thầm, thay đổi về chính sách trung lập, chẳng hạn như từ hai năm nay, quân quốc tế bảo vệ hòa bình đã được phép bay qua lãnh thổ Hợp-Bang để sang Nam-Tur. Từ 1996, Thụy-Sĩ cũng là thành viên của bộ phận Liên-Kết Vì Hòa-Bình ở Liên Hiệp Quốc. Ngày nay, Thụy-Sĩ đã áp dụng một chính sách đối



ngoại tích cực mà xưa kia người ta cho rằng không thích hợp với một quốc gia nhỏ bé.

Ngay cả chế độ dân chủ trực trị, một đặc trưng chính yếu của nước này, cũng đang chuyển biến. Chẳng hạn như hồi cuối 1996, công dân của Unterwald Nidwald đã thẳng thắn quyết định hủy bỏ đại hội quần chúng hằng năm tập họp ngoài trời từ 650 năm qua mà chẳng chút hối tiếc. Ở Appenzell cũng thế và đa số dân chúng ở đây cho rằng thời buổi bây giờ bầu phiếu kín thích hợp hơn.

Hợp bang Thụy-Sĩ đã trở thành một quốc gia nặng tính đô thị vì trên 2/3 dân số trong nước sinh sống ở thành phố và nơi thị tứ. Ở những nơi này, dân cư nhiều quốc tịch khác nhau cùng chung sống, không một sự ngăn cách nào cả. Dư luận cho rằng khi khoảng cách thu hẹp lại và khi chuyên gia và chính-trị không xa rời quần chúng thì càng dễ thay đổi. Ở Âu châu, Thụy-Sĩ có phần giống như một phòng thí nghiệm cỡ nhỏ. Nhờ sống trong một môi trường đa văn hóa, nhờ có mức độ đào tạo cao và nhờ biết tranh đấu đứng đắn nên người Thụy-Sĩ đã sẵn sàng để xông vào thị trường thế giới. Họ đang tìm cách hòa mình cùng thế giới bên ngoài, nghĩa là đang trở thành “bình thường hơn”. Trong cơn lốc khoa học kỹ thuật, lẽ nào Thụy-Sĩ cứ bàng quan đứng mãi bên lề lịch sử với lý do truyền thống?

Marseille là một phụ nữ

Đừng nhìn thành phố cảng Marseille (Pháp) từ trên cao vì dưới góc độ quan sát đó thành phố này chỉ là một dải đất trải dài phẳng lì, chẳng có bản sắc gì! Phải đến gần nó bằng đường sắt hay đường biển. Từ tàu hỏa thoáng nhìn xuống, Marseille như một thành phố kín cổng cao tường với những bảng hiệu gây cộm; không sao thấy hết được một Marseille thênh thang, trắng toát dưới nắng hè; một Paris-sur-Mer (Ba-Lê duyên hải), thậm chí còn rộng hơn thủ đô. Phải nói Marseille không

phải là một thành phố mà là “một phụ nữ”, như cách nói của diễn viên Gérard Meylan. Một người đàn bà kỳ lạ, quyến rũ và dơ bẩn, hào phóng và bội bạc, sang trọng nhưng nghèo nàn!

Trước ngưỡng cửa năm 2000, Marseille chuẩn bị chào mừng 2600 tuổi. Là một thành phố Phú-Lãng-Sa xưa cũ nhất, nhiều tuổi hơn cả thủ đô Ba-Lê, Marseille hồi tưởng quá trình sinh ra và lớn lên của chính mình. Sáu trăm năm trước ngày Thiên Chúa giáng sinh, người Hy-Lạp từ Phocée đã đổ bộ lên địa điểm mà họ đặt tên là Massalia và ngày nay mang tên Marseille, do đó còn được gọi là Thành Phố của Phocée (Cité Phocéenne). Dưới thời La-Mã, thành phố này rất phồn vinh sung túc. Năm 1720, Marseille bị bệnh dịch hạch tàn phá nặng nề. Thành phố này phát triển mạnh về thương mại cho đến khi cuộc Cách-Mạng 1789 bùng nổ mà Marseille đã tích cực dự phần. Chính đoàn nghĩa quân của Marseille đã đồng dạ hát lên lần đầu tiên ca khúc “Chiến Ca Cho Đoàn Quân Sông Rhin” (sau này trở thành quốc ca “La Marseillaise”) khi tiến vào Ba-Lê trong cuộc bạo loạn ngày 10.8.1792. Cùng một lúc với vùng Provence, Marseille sáp nhập vào nước Pháp năm 1481. Sau một thời gian bị các cuộc chiến tranh thời Cách Mạng và thời Đế-Chế làm suy sụp nặng nề, thành phố này bắt đầu tái thịnh vượng với đà chiếm đất thuộc địa của Pháp và vào lúc kênh đào Suez được mở cho lưu thông đường thủy. Rồi đến Thế-Chiến II, Marseille cũng hy sinh không ít tài sản vào chiến tranh.

Nằm trên giao điểm lưu thông đường biển cũng như đường bộ, thành phố cảng này sinh sống trong tinh thần đa nguyên, mở rộng cửa đón gió muôn phương của Địa-Trung-Hải và từ những miền xa xôi hơn nữa. Đây là địa điểm chung sống của gần 800.000 dân cư đủ mọi màu sắc như người Provence (Đông-Nam nước Pháp), người Ý, người Tây-Ban-Nha, người Armenia, người Do-

Thái, người Ả-Rập, người Phi Châu, người Á Châu, và gần đây nhất là người dân quần đảo Comoro sống chen chúc trong các khu phố, hay những người Ba-Lan sống bám phía dưới những con đường triền núi, như những con nhím biển.

Marseille quyến rũ khách viễn phương vì nó vừa danh tiếng vừa tai tiếng! Nhờ đội bóng đá OM (Olympic de Marseille) mà cũng tại OM. Nhờ những truyện và phim của Marcel Pagnol, nhờ tài chọc cười thiên hạ của Fernandel, nhờ giọng nhạc Rap từ IAM cho đến Massilia Sound System trên làn sóng phát thanh của các nước Pháp ngữ. Mặt trái của Marseille là những tòa nhà bệ rạc và một tỷ lệ vô công rồi nghề cao nhất nước. Cũng nằm ở phía nam nước Pháp nhưng Marseille không phải là Cannes hay Nice. Nó có một tâm hồn.

Sống nhờ tinh dịch

Ở Do-Thái, có những dự luật trời đánh không chết, ném ra cửa cái nó lò dò trở vào bằng cửa con! Đây cũng là trường hợp của dự luật nhằm quy định phụ nữ nào cuỗm tinh dịch theo cung cách gian manh sẽ phải bồi thường thiệt hại. Theo dự luật này, vừa được thông qua ở tiểu ban tư pháp Knesset (quốc hội Do-Thái), người đàn ông nào trở thành cha ngoài ý muốn (chẳng hạn như vì đối tượng của ông báo cáo láo là có áp dụng biện pháp ngừa thai khi thỏa thuận nhau lên chín từng mây) có thể đòi đối tượng bồi thường thiệt hại và có quyền không trợ cấp sau khi bà ta khai hoa nở nhụy. Dự luật này đã được đưa ra quốc hội để thảo luận hai lần rồi, nhưng không đi đến đâu. Tuy nhiên, sáng kiến gần đây của dân biểu Eliezer Zandberg có khả năng sẽ tạo nên một cái mốc trong lịch sử đất nước này. Chừng đó, Do-Thái sẽ là quốc gia độc nhất vô nhị trên hoàn vũ có bộ luật về chuyện mang bầu gian lận.

Thế nhưng, trong chuyện thu đạt tinh dịch, thế nào là lừa dối đây?

Nạn nhân bị hù dọa, bị cưỡng bức hoặc bị lừa đảo rõ rệt thì có quyền đòi bồi thường thiệt hại rồi. Tuy nhiên các ông cũng khó mà thắng kiện lắm vì trong mọi tình huống, chính ông ta phải lo lấy chuyện bao cao su. Trong những trường hợp quá quắt, tòa án có thể xét cho người đàn ông được kiện dù không có luật lệ chuyên biệt. Tại sao những người làm luật lại phải nhòm ngó vào chuyện phòng the của thiên hạ chứ? Liên quan đến điểm thắc mắc này, dân biểu Zandberg chủ trương rằng quan hệ giữa đàn ông và đàn bà căn cứ trên sự tin tưởng lẫn nhau và nếu có vi phạm thì luật lệ sẽ trừng phạt kẻ nào phá vỡ niềm tin đó.

Tác giả và người bênh vực dự án này là ông Shemouel Beniel, người sáng lập hội “Cha Bất Đắc Dĩ”. Ông Beniel cho biết ở Do-Thái có những người phụ nữ sinh sống phây phây bằng cách cưỡng đoạt tinh dịch một cách có tính toán. Theo Beniel thì luật này sẽ góp phần vào việc hạn chế số lượng gia đình có cha không mẹ hay có mẹ không cha, làm vơi cảnh khốn quẫn của những người đàn ông có gia đình mà hành động làm lạc bị phát hiện, thậm chí còn làm giảm được nguy cơ sát nhân. Quả thực khó mà mong rằng một kẻ không thể kèm hãm dục vọng mà cũng chẳng nghĩ gì đến hậu quả lại không điên tiết đến mức sát nhân khi hấn ta biết rằng hấn phải làm cha ngoài ý muốn.

Thế nhưng mặt trái của dự luật này là sẽ tạo cơ hội cho những người đàn ông muốn trốn tránh trách nhiệm đối với những đứa con ngoại hôn.

Mượn đờ chế độ quân chủ

Trong lòng người dân Ai-Lao ngày nay, hoàng gia Thái hầu như đã chiếm ngôi vị của hoàng gia Lào, khi chế độ quân chủ nước này cáo chung vào lúc cộng-sản khổng chế đất nước nghìn voi này. Vị hoàng đế cuối cùng của vương quốc này, Sri Savang Vatthana, đã bị cưỡng bức

thoái vị hồi năm 1975 để người ta dựng lên nước Cộng-Hòa Dân-Chủ Nhân-Dân Ai Lao. Một quan sát viên cho rằng biến cố đó đã “làm cho người Lào không tìm đâu ra thần quyền và thế quyền của đất nước họ”. Nhưng, theo tác phẩm *The Politics of Ritual and Remembrance* (Đường lối nghi thức và hoài niệm) xuất bản hồi gần đây của nhà nhân loại học kiêm giáo sư đại học Hương-Cảng Grant Evans, thì dường như nền quân chủ Thái-Lan đã trầm được lỗ hổng đó. Ông Evans nhận xét: “Trong các cửa hiệu, các xí nghiệp và trong nhiều nhà, người ta treo lịch có ảnh hoàng gia Bhumibol Adulyadej vào nơi mà trước kia được dành cho vua Savang Vatthana. Hoàng gia Bhumibol bảo trợ những dự án phát triển và nâng đỡ Phật Giáo Ai-Lao cũng như ở bên Thái.”

Không có vị vua nào ở Á Châu trị vì lâu bằng Sisavang Vong (1904-1959). Dưới triều đại ông, Ai-Lao đã áp dụng chính thể quân chủ lập hiến từ năm 1947. Dù chỉ đóng một vai trò chính-trị hạn chế nhưng ảnh hưởng thần quyền của ông rất rộng lớn. Theo truyền thống, ông là người bảo vệ Phật Giáo Theravada (tiểu-thừa) và là hiện thân của những lý tưởng cao siêu của tôn giáo này. Con của ông, vua Savang Vatthana, đã chết trong tình trạng mờ ám, sau khi bị đưa vào trại cải tạo tỉnh Houaphan (Bắc Lào) cùng với vợ con hồi năm 1977.

Thời gian vừa qua, công chúa Siridhorn của Thái-Lan được xem như là “Công chúa của Ai-Lao”. Năm 1994, vua Bhumibol Adulyadej và hoàng hậu đã dành chuyến xuất ngoại đầu tiên sau 27 năm cho Ai-Lao. Vua và hoàng hậu đã đến Vạn-Tượng để khánh thành chiếc Cầu Hữu-Nghị nối liền vương quốc Thái và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Trong lễ bế mạc, ông Evans vô cùng ngạc nhiên khi thấy cấp lãnh đạo cộng-sản của Lào đã dễ dàng “thi hành nghi lễ hoàng gia và đã vui sướng ra mặt khi tiếp cận với nhà vua Thái-Lan”. Năm sau, cũng vị

quân vương này đã gia ân đỡ đầu hàng năm cho giáo hội Phật giáo Lào, một sự kiện hết sức quan trọng. Ông Evans cho rằng: “Như thế vua Thái-Lan đã trở thành biểu tượng của hoàng gia Ai-Lao.”

Không được mặc quần bao-bị

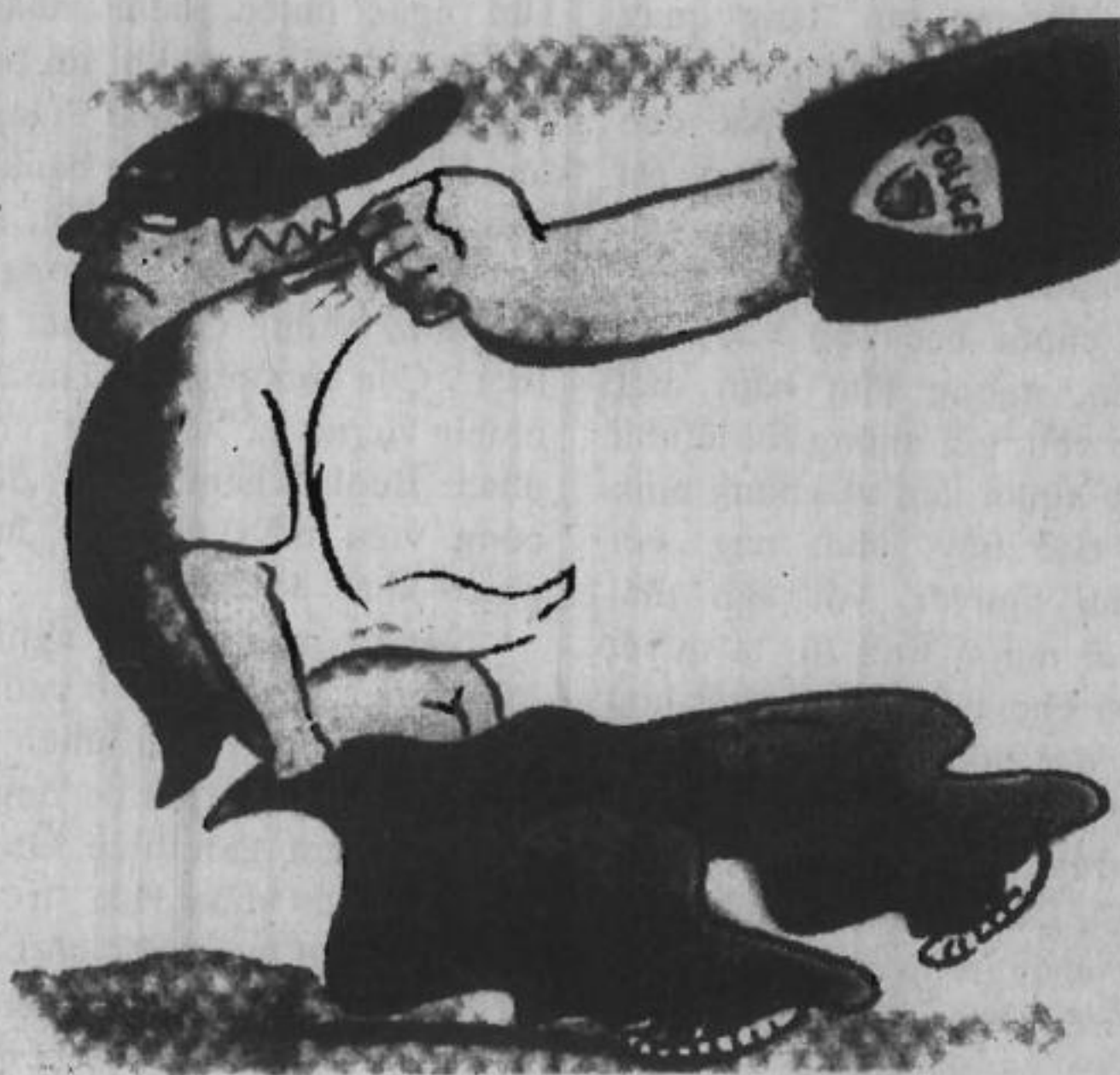
Cái nóng bức của mùa hè kết hợp với cảnh vô công rồi nghề của giới thanh niên nam nữ thường tạo ra nhiều chuyện lời thôi phiến phức. Vì thế cho nên hồi mùa hè năm rồi ở Opelousas (tiểu bang Louisiana, Hoa-Kỳ) nhà cầm quyền thị xã dự tính quy định kích thước cho phần dưới của y phục đám con trai. Nhà nước tính là một chuyện còn được hay không thì phải chờ xem.

Dư luận cho rằng lối ăn mặc của lớp thiếu niên mặc quần bao-bị (loại quần jean rộng thênh thang quá khổ) xuất phát từ mấy cậu người Mỹ da đen khu ổ chuột ở Nữ-Uớc, thích bắt chước những người tù bị tịch thu dây nịt. Opelousas là một thị xã nhỏ chừng 20.000 dân, không thể nào sinh sống như Nữ-Uớc được vậy mà bọn trẻ ở đây lại thích ăn mặc kiểu đó, thích đến nỗi làm người lớn gai mắt, phải kêu cứu nhà cầm quyền sở

tại. Những người đứng đắn của thị xã mong muốn nhà chức trách ban hành một lệnh cấm quần bao-bị, xệ đến lòi cả quần lót về tội công xúc tu sỉ, một tội có thể phải nằm nhà đá 6 tháng.

Quả thực, các cậu cứ lang thang ngoài phố với cái quần xệ tới mức để lòi một nửa quần lót bên trong. Thậm chí một nhóc con chừng 10 tuổi còn mở toang cửa quần ra khi khuất mặt bà mẹ của cậu. Cho nên, dư luận thấy cần phải có biện pháp. Thế là trường đồn cảnh sát sở tại quyết định ghi phạt cậu nào cả gan phơi bày của quý ra thanh thiên bạch nhật.

Người lớn ở Opelousas hoan hô quyết định của cảnh sát nhưng bọn trẻ thì cho biết là sẽ khiếu nại lên trên vì như thế đụng chạm đến quyền tự do ăn mặc của chúng; và nếu không phản ứng thì người lớn sẽ làm tới và cấm đoán lung tung. Cứ cái đà này thì rồi đây trai tráng Opelousas phải lên cây, vét-tông cà-vạt hết. Ông hiệu trưởng trường trung học địa phương cũng tán đồng quan điểm của nhà chức trách và cho rằng phải hạn chế sự quá trớn trong thời buổi cởi mở quá độ này. Ông hợp tác với nhà nước địa phương bằng cách cấm



cửa trường những cậu nào không chịu mang dây nịt. Cho đến nay, chưa có biện pháp nào như thế liên hệ đến nữ sinh vì các cô thì trái lại, có khuynh hướng ăn mặc bó sát người. Nhưng đây lại là một vấn đề khác nữa.

Thầy “Chuột bạch”

Trong thời buổi bệnh hoạn phát sinh ra nhiều loại mới khiến thuốc men chạy theo hụt hơi và bác sĩ y khoa chẳng biết đâu mà chữa, thì các thầy phù thầy phép đua nhau xuống núi. Đành rằng các thầy được liệt vào hạng lang băm nhưng phước chủ lộc thầy sao đó, có bệnh lại tiêu tán mới lạ. Thắc mắc, có người đi tìm hiểu rồi về kể lại như sau về một trường hợp xảy ra trên đất nước Peru (Nam Mỹ).

Thò tay mặt, đặt tay trái, “Thầy Jorge” lôi một con chuột bạch từ trong hộp giấy bìa ra. Thầy bật lửa châm diếu thuốc, rít lấy một hơi dài rồi phả vào con chuột bạch. Kế đó thầy lấy một chai nước ướp hoa, hớp một ngụm phun lên toàn thân con vật. Một mùi nồng nặc khó tả loan đi khắp phòng. Trong một xó, con bệnh nằm chờ, lo sợ và thắc mắc, bao nhiêu là câu hỏi đang quay cuồng trong đầu óc. Tâm tư chưa được giải tỏa thì thầy đã bảo con bệnh lấy nước ướp hoa xoa tay rồi đưa vào mồm và nuốt đầu con vật.

Phiên chữa bệnh bắt đầu. Thầy nắm con chuột bạch áp vào trán bệnh nhân, miệng lẩm bẩm một tràng thần chú, với những lời lẽ như của những người tâm trí không bình thường: “Giờ này, phút này, với vàng minh nguyệt, với ánh thái dương, với nghìn tinh tú, ta quyết chữa bệnh cho thằng nam, kết hợp cùng với đất thiêng, đất mẹ, cùng mamapacha, với thần Huiracocha, với phá trắng và phá xanh...” Con chuột bạch kêu lên thảm thiết vì bị thầy xiết chặt trong tay và xoa tới xoa lui trên khắp thân thể người bệnh. Thầy cứ thần nhiên cầm con

chuột xoa khắp người con bệnh, miệng tiếp tục lải nhải: “Phải cạo cho tận cùng khỏi xác con bệnh này những làn gió độc, những thứ ứ tập và những lời dơ tiếng tục, mọi thứ tị hiềm, những oan hồn ngoài khơi, trên đất. Tại Lima này, ta rửa sạch cho người, ta chữa bệnh cho người và ta phục hồi cho người. Nay Francisco, ta lau cho người từng lóng xương, từng khớp xương...” Thầy nhìn về những người quan sát phân trần: “Bệnh nhân yếu quá! Con chuột đã thiếp ngủ.” Mọi người trong phòng đều biết nếu con chuột bạch chết đi trong khi thầy chữa trị thì con bệnh đã đến thời kỳ trầm trọng và có nguy cơ sẽ cùng chung số phận với con vật kia.

Ông thầy, tuổi trạc tứ tuần, quê quán Chinchá phía nam Lima, được bà mẹ truyền nghề từ thuở thanh xuân. Thầy đọc tiếp mấy câu thần chú rồi im tiếng. Con chuột ngất ngư, gần như bất tỉnh. Thầy bèn lấy một lưỡi dao cạo cắt cổ con chuột, bóc da con thú từ cổ đến đuôi rồi quan sát màu thịt của nó. Căn cứ theo kết quả quan sát, thầy phán: “Người ông đầy lực âm khiến ông rất căng thẳng”. Kế đó, thầy mổ xác con chuột, phanh phui bộ lòng của nó, quan sát cẩn thận rồi kê bệnh trạng. Hơi ngạc nhiên, bệnh nhân đáp: “Thầy nói đúng, có khi tôi bị đau ở dạ dày, ở ngực.” Thừa thắng xông lên, thầy phán rằng con bệnh còn bị đau ở chân và ở cột sống, rồi quả quyết: “Cứ theo đây thì ông hơi bị mệt tim, nhưng chỉ vì kiệt sức mà thôi.” Con chuột bạch đã hoàn thành nhiệm vụ, nó đã “tẩy sạch” cho bệnh nhân. Buổi “khám bệnh” đã thành công viên mãn và thầy hẹn một phiên khác để “chữa trị”.

Người quan sát để nghiên cứu hiện tượng bất thường ở cuối thế kỷ XX không phải ngẫu nhiên mà gặp được thầy Jorge, mà do ông Víctor Reyna Pinedo giới thiệu. Ông này là trưởng phân khoa Hóa, trường đại học kỹ thuật quốc gia, có bằng tiến sĩ của Pháp và tác giả quyển *Pasada del cuy y diagnóstico en la medicina*

tradicional peruana (Xoa chuột bạch để chẩn bệnh trong ngành y khoa truyền thống của Peru). Dù là một nhà khoa học, ông Reyna cũng quả quyết rằng với phương thức này người ta có thể chẩn đoán được bệnh. Lần đầu tiên ông tiếp xúc với lối chẩn bệnh như thế là vào năm 1982, khi ông nghiên cứu về được thảo. Ông kể rằng: “Tôi tham dự một cuộc sưu tầm ở Pucalpa và chúng tôi có gặp một thầy lang địa phương. Ông này đã chữa bệnh bằng Ayahuasca (thức uống gây ảo giác nấu bằng rễ cây), một buổi chữa trị vô cùng bổ ích cho tôi. Tôi nhận ra rằng các thầy lang hiểu biết rất nhiều chứ không phải như người ta nghĩ.” Mấy năm sau, ông Reyna tiếp tục nghiên cứu về được thảo và tìm cách tiếp xúc với y khoa truyền thống. Ông đã tham dự 406 phiên “tẩy bệnh”.

Công trình của ông Reyna cũng được nhà sử học Pablo Macera đề cập đến qua bài viết trên tờ *La República*. Ông Macera nhận xét: “Việc dùng chuột bạch để tẩy bệnh không phải là chuyện kỳ dị trong khoa học kỹ thuật. Hay đúng hơn là đừng cho nó là như thế, mà phải coi đó như là một phương pháp chẩn đoán hữu hiệu trong ngành y khoa vùng núi Andes.” Nhà siêu tâm lý học Félix Rivera nêu vấn đề là con người chúng ta chứa đầy năng lực âm hay dương là tùy theo những biến cố lật vạt của đời sống hàng ngày. Theo ông, chuyện “tẩy bệnh” có tác dụng chẳng khác nào như điều hòa năng lượng đời sống riêng biệt cho mọi sinh vật. Về chuyện “xoa chuột bạch”, ông Rivera cũng cho biết thêm là nguyên tắc đó cũng được áp dụng trong việc lăn trứng, trong việc dùng chim chóc ở vùng Caribbean hay dùng rắn ở Ai-Cập. Chủ yếu là để thực hiện việc chuyển lực từ một cơ thể lành mạnh sang một cơ thể bệnh hoạn.

Ông Rivera còn cho biết là bất cứ ai cũng có thể lăn trứng để giúp cho một người khác khỏi bệnh, chứ không cứ gì phải là thầy lang. ●



Trong Nôi Súp Thập Cẩm

Sơn Tùng

Cuối tháng Năm vừa qua, cùng một lúc với khắp nơi trên nước Mỹ, các trường đại học tại thủ đô Washington và vùng phụ cận đã rộn rịp làm lễ tốt nghiệp. Georgetown, George Washington, George Mason, Maryland...

Các nhà chính trị tên tuổi, các trí thức ưu tú được mời làm diễn giả trong những buổi lễ ra trường long trọng của các sinh viên cử nhân, cao học, tiến sĩ.

Năm nay, hai diễn giả chính của trường Đại học Maryland là hai người đáng lẽ không thể xuất hiện chung một diễn đàn, nhưng chẳng những họ đã cùng chia nhau chiếc máy vi âm mà còn ở chung với nhau dưới cùng một mái nhà, và chia nhau một cái giường: Mary Matalin và James Carville.

Mary Matalin là phó giám đốc chiến dịch tái tranh cử của Tổng thống George Bush, đảng Cộng Hoà, năm 1992. James Carville là chiến lược gia của ứng cử viên Dân Chủ Bill Clinton, đối thủ của ông Bush.

Sau mùa bầu cử, hai phụ tá hàng đầu của hai "kẻ thù chính trị" đã làm đám cưới với nhau, và cho đến nay chưa có dấu hiệu gì cho thấy họ sẽ chia tay vì "có những khác biệt không thể dung hòa", một lý do chính đáng để xin ly dị tại Mỹ.

Trước ban giáo sư và mấy ngàn sinh viên trường Đại học Maryland, cộng với vài ngàn thân nhân sinh viên tốt nghiệp, Mary Matalin nói:

"Cảm giác mình đang sống quan trọng hơn là cảm giác an toàn. Tôi sẽ phải thú nhận rằng tôi đang có một đời sống kỳ dị và kết hôn với một người đàn ông rất tuyệt, hay (ngược lại) có một đời sống rất tuyệt và kết hôn với một người đàn ông kỳ dị".

Người đàn ông kỳ dị James Carville bắt đầu theo như sau: "Nếu một gã với đẳng cấp như tôi mà có thể gọi điện thoại nói chuyện với tổng thống ở đầu dây bên kia và với sắc diện của tôi mà có thể lấy một người đẹp như Mary làm vợ, thì tất cả bọn con trai ngu ngốc và xấu xí các anh vẫn còn nhiều hy vọng".

Carville không nói đùa. Anh ta có một "nhân sắc" rất kỳ dị với cái đầu trọc nhon như một quả trứng, cặp mắt nhỏ xếch lên và sắc như của một con chó sói, với hai gò má cao làm khuôn mặt trở thành méo mó. Nếu anh ta đóng vai một "người hành tinh" ngoài không gian trong một phim khoa học giả tưởng thì sẽ không cần hóa trang gì cả. Carville có giọng nói the thé và nói nhanh như... chó sủa, có bước đi lúc nào cũng hấp tấp như bị ma đuổi. Một số báo Mỹ gọi anh ta là "con chó luôn luôn sủa" của Bill Clinton, và sẵn sàng cắn bất cứ ai thuộc đảng Cộng Hoà.

Vậy mà người đẹp Matalin của đảng Cộng Hoà đã bằng lòng lấy Carville làm chồng và lại có vẻ rất hạnh phúc cho tới hôm nay.

Nhìn vào cặp uyên ương này tôi không thể không liên tưởng tới chuyện... giai nhân và ác thú. Có thể nói đây là một cặp vợ chồng kỳ lạ nhất nước Mỹ.

Giới chức trường Đại học Maryland đã có một sáng kiến độc đáo khi mời cặp Matalin-Carville làm diễn giả chính cho buổi lễ ra trường long trọng. Diễn giả chính trong lễ tốt nghiệp của một trường Đại học thường được chọn để chuyển tới các sinh viên ra trường một thông điệp mang tính thời đại mà nhà trường cho là quan trọng và hữu ích.

Các sinh viên đã lo ngại sẽ phải nghe một cuộc tranh cãi về chính trị của cặp vợ chồng Cộng Hoà - Dân Chủ nổi danh, nhưng họ đã hài lòng với những gì được nghe.

Cái thông điệp mà cặp vợ chồng kỳ lạ Matalin-Carville muốn chuyển tới những tân khoa của trường Đại học Maryland là lạc quan và dấn thân trong một xã hội đầy tranh đua và căng thẳng hôm nay.

Matalin từng làm bồi bàn và một công nhân nhà máy thép trước khi trở thành chánh văn phòng Ủy Ban Toàn Quốc của Đảng Cộng Hoà và phó giám đốc chiến dịch tái ứng cử của Tổng thống Bush.

James Carville không phải là một sinh viên xuất sắc ở trường Đại học trước khi trở thành bộ óc đằng sau cuộc thắng cử bất ngờ của William Jefferson Clinton năm 1992, và anh ta mới trở về Mỹ được vài ngày để

lên diễn đàn của trường Đại học Maryland sau khi sang Do Thái bí mật giúp Ehud Barak đánh bại Thủ tướng tại chức Benjamin Netanyahu trong cuộc bầu cử vào đầu tháng 5 vừa qua.

Trái hẳn với James Carville, Tiến sĩ William J. Bennett, diễn giả chính trong buổi lễ tốt nghiệp tại trường Đại học George Mason ở Virginia, là một tên tuổi lớn trong giới trí thức Mỹ, một biểu tượng cho lương tâm và đạo đức Mỹ ngày nay. Bennet làm bộ trưởng Giáo Dục thời Tổng thống Ronald Reagan, tư lệnh mặt trận chống ma túy (drug czar) thời Tổng thống George Bush, là tác giả của 12 cuốn sách viết về những vấn đề quan trọng nhất của nước Mỹ hôm nay, trong đó có cuốn *The Death of Outrage: Bill Clinton and the Assault on American Ideals*, đã đứng số một trong danh sách "best-seller" của tờ *New York Times*.

Bài nói của ông Bennet là một thông điệp chỉ đạo cho thanh niên Mỹ về những giá trị tinh thần trong đời sống tôn thờ vật chất ngày nay.

Hai trường Đại học Maryland và George Mason là nơi có nhiều sinh viên Việt Nam theo học. Nhìn các thanh niên Việt Nam góp mặt trong những sinh viên tốt nghiệp mọi cấp, từ cử nhân tới tiến sĩ, bên cạnh những sinh viên mang đủ màu da, đến từ mọi nơi trên thế giới, là một cơ hội quý báu để có những cảm giác tự hào và thấy rõ hơn bất cứ ở đâu khác cái "nồi súp thập cẩm" (melting pot) của xã hội Mỹ. Đó cũng là đặc tính đã làm Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ trở nên vĩ đại.

Nhưng, không khí hòa đồng chủng tộc đẹp đẽ trong các trường học tại Mỹ và trong các lễ tốt nghiệp long trọng cũng là một yếu tố làm cho một số không ít thanh niên Việt Nam mang một ảo tưởng về cái "nồi súp thập cẩm" nhiệm màu. Họ nghĩ rằng họ đã hoàn toàn Mỹ hóa, và quên đi nguồn gốc của mình, quay lưng lại với cộng đồng mình.

Với những người này, tôi nghĩ, ngoài những thông điệp do William

Bennett, James Carville, Mary Matalin..., họ cần được nghe những "thông điệp" khác, đến từ những đồng hương đi trước. Trong tháng 5.1999, ít nhất đã có hai chuyện đáng nói đến.

Chuyện thứ nhất là cuốn phim *Three Seasons* của Tony Bui, một người Mỹ gốc Việt 26 tuổi. Tony theo gia đình di tản khỏi Việt Nam năm 1975 lúc 2 tuổi và lớn lên tại Sunnyvale, California.

Trên tờ *New York Times* ngày 9.5.99, Laura Winters đã viết một bài dài về Tony Bui và về cuốn phim *Three Seasons*. Cùng ngày hôm ấy, Paula Span cũng viết một bài trên tờ *Washington Post* về Tony Bui và phim *Three Seasons*.

Cả hai bài viết đều thuận lợi cho phim *Three Seasons* và tỏ thiện cảm với Tony Bui, và đã đem nhiều khán giả tới xem phim. Tại Washington, *Three Seasons* đã chiếu tới tuần lễ thứ sáu và vẫn còn nhiều người coi. Nó được giới phê bình phim xếp vào hạng 3 sao và đã được trao 3 giải thưởng tại Hội Liên hoan Phim ảnh Sundance. Điều đáng chú ý là khán giả của phim *Three Seasons* hầu hết là người da trắng, rất ít người Việt, dù phim nói tiếng Việt Nam, quay tại Việt Nam với tài tử Việt Nam.

Đi xem phim, tôi có cảm giác

đang ngồi trong một rạp ở Sài-gòn coi một phim Việt Nam, dù đang ở giữa thủ đô Washington với những khán giả Mỹ đang chịu khó theo dõi những hàng phụ đề chữ Anh trên màn ảnh. Cảm giác ấy nhắc tôi rằng trong sự thành công của Tony Bui có một yếu tố quan trọng là anh đã làm một phim về Việt Nam với con mắt của người Việt Nam và trái tim của người Việt Nam.

Khán giả Mỹ tới xem một phim Việt Nam chứ không phải xem một phim Mỹ.

Tony Bui thú nhận với Laura Winters rằng trước đây anh cũng đã muốn hội nhập vào xã hội Mỹ và quên Việt Nam (*Vietnam, to me, was a past-tense word.*) Nhưng, nay anh đã nhận ra chẳng bao giờ có thể Mỹ hóa hoàn toàn: "Tôi không cần phải mổ xẻ xem phần nào trong tôi là người Việt, và phần nào là người Mỹ. Tôi đã thu nhận được rất nhiều bằng những kinh nghiệm của cả hai" (*I don't need to dissect which part of me is Vietnamese, and which American. I've gained a lot by having experience of both.*)

Nếu Tony không phải là Tony Bui mà là Tony Smith hay Tony MacDonald, đến từ một nước Âu Châu nào đó, vấn đề trên đây không cần đặt ra.



Zoe Bui trong phim "Three Seasons" của Tony Bui

Nếu anh chỉ cần có một việc làm để tậu nhà, mua xe, sinh sống, có lẽ vấn đề chủng tộc không gây trở ngại gì. Đã có những ông Nguyen, ông Pham, cô Tran... trên danh sách các nhân viên kỹ thuật, hóa trang, ánh sáng, phụ tá cameraman... của các phim Mỹ. Nhưng, nếu anh muốn "có danh gì với núi sông", muốn trở thành một đạo diễn, giám đốc sản xuất ở Hollywood để làm những phim nói tới các vấn đề của xã hội Mỹ, thì anh phải là ông Smith hay bà MacDonald...

Nếu có tiền, anh có thể mua cả một hãng phim Mỹ, như các nhà tỉ phú Nhật đã mua hãng Columbia, nhưng tôi chưa thấy ông Suzuki, ông Kim, cô Lee nào làm đạo diễn phim Mỹ chiếu cho người Mỹ coi! Có lẽ Tony Bui đã hiểu rõ điều đó hơn ai hết.

Sự "về nguồn" của Tony Bui chắc hẳn đã trải qua một tiến trình không đơn giản, và cuốn phim của anh cũng có nhiều điều đáng nói.

Hai bài trên *New York Times* và *Washington Post* đã viết nhiều về Tony Bui và về cuốn phim *Three Seasons*, qua lăng kính của người Mỹ với những tựa đề như "*Bearing Lotus Blossoms And Hope, Not Guns*" (Cầm hoa sen và hy vọng, không cầm súng) trên *New York Times*, hay "*Tony Bui's 'Seasons' of Change*" (Mùa thay đổi của Tony Bui) trên *Washington Post*. Người Việt Nam coi phim này không có cái nhìn lạc quan... tếu như vậy.

Sau khi xem phim *Three Seasons*, tôi nghĩ rằng nhà đạo diễn trẻ Mỹ gốc Việt Tony Bui - với tất cả những khó khăn giới hạn trong việc làm một cuốn phim tại Việt Nam hiện nay - đã cố nói lên điều sau đây: bế tắc. Mọi con người Việt Nam còn giữ tâm hồn trong sạch như hoa sen - gần bốn mà chẳng hôi tanh mùi bùn - (như được lập đi lập lại trong suốt cuốn phim) đều bị dìm ả trong một xã hội đang băng hoại đến cùng cực.

Mong rằng tôi không hiểu lầm chủ đích của người làm phim.

đốt cháy nỗi buồn

*Lên non đốt cháy nỗi buồn
Mới hay mình vẫn còn vương lòng trần
Một mình giữa chốn phong vân
Đã nghe mòn mỏi dấu chân giang hồ.*

*Chập chờn trong cuộc hư vô
Mênh mông khói phủ, mịt mờ sương vương
Chấp tay niệm Phật mười phương
Nửa thời kinh nguyện, nửa chương kinh cầu.*

*Thôi về bỏ ý cơ cầu
Bỏ thân tầm gửi, bỏ sầu đơn côi
Thôi về nuôi mộng cuối đời
Nuôi tâm vô nhiễm, nuôi lời vô ngôn.*

tuỳ anh

Ngoài cuốn phim *Three Seasons*, trong tháng 5, một cuốn sách viết bằng Anh ngữ của một tác giả gốc Việt cũng được báo Mỹ giới thiệu với nhiều thiện cảm: cuốn *The Sacred Willow* của Duong Van Mai Elliott, do cơ sở xuất bản của trường Đại Học Oxford, New York, xuất bản.

Bà Vân Mai (?), trong cuốn sách dày hơn 500 trang bìa cứng, đã thuật lại những chuyện xảy ra cho gia đình bà trong bốn thế hệ, cùng với những biến cố trong lịch sử Việt Nam cận đại theo cái nhìn của tác giả.

Xuất thân từ một gia đình quan lại ở miền Bắc di cư vào Nam năm 1954, bà Mai đã hưởng nhiều ưu đãi của xã hội miền Nam, đã được đi Mỹ du học và lấy chồng Mỹ (1964). Bà đã chìm đi trong xã hội Mỹ cho đến lúc cuốn *The Sacred Willow* được xuất bản.

Khác với phim *Three Seasons* đưa lên màn ảnh những mảnh đời bị dìm ả trong xã hội Việt Nam ngày nay, *The Sacred Willow* viết về giòng dõi gia thế của bà Mai trong đó có nhiều người "làm lớn", cả về phía Quốc Gia lẫn phía Cộng sản,

mà ngày nay tình gia tộc đã được hàn gắn, không còn tranh chấp, hận thù nữa! Cây tông chi và một số ảnh của tác giả và thân nhân tác giả được in vào sách, gồm cả ngôi mộ của ông cố tác giả vừa được xây lại trông rất uy nghi bề thế (với đô-la Mỹ của con cháu ở nước ngoài?).

Hai người Mỹ gốc Việt thuộc hai thế hệ khác nhau đã nhìn quê hương cũ của mình với hai con mắt khác nhau: một đất nước bất hạnh với những nạn nhân không tìm được lối thoát (Tony Bui), một dân tộc bị xâu xé vì những tranh chấp ý thức hệ nay đã... hòa giải và bình thường hóa (?) (Duong Van Mai Elliott).

Nhưng, Tony Bui và Duong Van Mai Elliott đã có một điểm giống nhau: Họ có được một chút tên tuổi nhờ "về nguồn".

Bức thông điệp thâm lặng cho những sinh viên Mỹ gốc Việt tốt nghiệp năm 1999, mà ông Viện trưởng Đại Học George Mason, Alan G. Merten, trong diễn văn khai mạc gọi là khóa ra trường cuối cùng của thế kỷ 20. Thực ra là áp chót chứ... chưa phải là cuối cùng! ●



Các Khoa Thi Hương Triều Nguyễn

Đào Đức Chương

Ngày mùng 2 tháng 5 năm Nhâm Thân (1802) Gia Long lên ngôi với một lãnh thổ chạy dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau đang tơi tả vì chiến tranh kéo dài trong nhiều năm. Thủ túc của nhà vua phần nhiều là quan võ, quen với kinh nghiệm chiến trường hơn là việc trị dân thời bình. Bởi vậy, guồng máy hành chánh của triều Gia Long cần nhiều quan văn hơn lúc nào hết để nhanh chóng ổn định xã hội và kiến thiết xứ sở. Cấp thời, nhà vua xuống chiếu lục dụng các cựu thần nhà Lê; mặt khác về lâu về dài, triều đình lo đào tạo lớp quan lại trẻ trung. Năm 1803, lập nhà Quốc tử giám tại kinh đô, tập trung con các quan và những thường dân ưu tú để dạy chữ Hán; tại các trấn các tỉnh thì đặt chức Chánh, Phó Đốc học và mở trường ở mỗi phủ huyện đón nhận sĩ tử vào học.

Việc thi Hương dưới triều Nguyễn được quan tâm hàng đầu, bởi đó là nhịp cầu bước vào đại khoa nên luật lệ rất nghiêm minh và phép thi luôn luôn cải tiến. Các chức vụ ở trường thi được bổ túc chu đáo, với sự phân quyền rõ rệt của bốn nhóm quan trường là Giám khảo, Phân khảo, Đề điệu và Giám sát.

Ban Giám khảo chỉ chuyên việc chấm bài thi, gồm 1 Chánh chủ khảo, 1 Phó chủ khảo, 2 Giám khảo, 4 Phúc khảo và 8 Sơ khảo. Qui định

thí sinh làm bài bằng mực Tàu màu đen, chấm bài lần đầu là quan Sơ khảo với mực đỏ nội hóa, Phúc khảo chấm lần thứ hai với mực xanh, quan Giám khảo với mực màu hồng đơn chấm lần thứ ba và phân loại điểm số. Nếu được điểm đậu thì quyển thi được chuyển lên Chánh Phó chủ khảo quyết định lần chót với mực son Tàu. Những quyển bị quan Sơ, Phúc và Giám khảo đánh hỏng thì chuyển cho Chánh, Phó Phân khảo xét duyệt lại để khỏi bị oan.

Ban Phân khảo gồm 1 Chánh Phân, 1 Phó Phân và hội đồng Phân khảo chuyên lo việc ngoại trường như phân quyển, chia thẻ. Ngoài ra hai vị Chánh, Phó Phân khảo còn kiêm cả việc nội trường như duyệt lại quyển thi bị điểm loại, đã nói trên.

Ban Đề điệu gồm 1 chánh Đề tuyển, 1 Phó Đề tuyển và hội đồng Đề tuyển lo việc đánh dấu mặt mã, rọc phách, ráp phách rồi lập danh sách ra bằng phước hạch.

Ban Giám sát gồm Giám sát nội trường có 1 quan Ngự sử đứng đầu với 4 viên Mật sát coi ngó ở nội trường tức chỗ chấm quyển thi. Việc Giám sát ngoại trường có 1 quan Chương án và 8 viên Thể sát coi ngó việc trường thi. Ban Giám sát chịu trách nhiệm việc gian lận, không những kiểm soát hành động của thí sinh mà còn dò xét các quan trường

thi; có quyền hạch tội, chặn đứng những việc làm mờ ám, trái phép và phải phước trình những điều sai trái ấy về triều. Tóm lại mỗi ban phải làm tròn phận sự của mình và tuyệt đối không can thiệp hoặc phụ giúp công việc của ban khác.

Các quan Chủ khảo, Phân khảo, Đề điệu, Ngự sử, Chương án, Giám thí, Giám khảo, Phúc, Sơ khảo đều do bộ Lễ vâng mệnh vua lựa chọn và điều động từ nơi xa đến. Còn các chức vụ cấp dưới thì được tỉnh hữu quan tuyển chọn trong các quan tại địa phương có đủ khả năng để sung vào hội đồng thi. Ngoài các chức quan, khoa thì cần khoảng 40 Lại phòng cũng do tỉnh hữu quan cung cấp gồm thông lại, đề lại, lễ sinh để giúp việc giấy tờ và một số lính cơ, lính lệ để các quan sai bảo.

Ngày thi cả Hội đồng phải có đủ mặt tại nhà Thập đạo. Trước giờ thi, Chánh Chủ khảo mới ra đề trước mặt Đại hội đồng để tránh việc tiết lộ. Thời hạn làm bài thi là một ngày, buổi trưa thí sinh phải đến nhà Thập đạo để được đóng dấu Nhật trung trong quyển thi ngay chỗ bài đang làm nửa chừng để tránh việc gian lận đổi quyển vào giờ chót. Thí sinh làm bài xong, đến nhà Thập đạo nộp quyển. Hết giờ làm bài có ba hồi trống dài báo hiệu. Tiếng trống vừa dứt, lệnh quan trường cho khóa thùng đựng quyển thi và đóng niêm, chuyển giao ban Đề điệu. Những quyển nộp trễ, vẫn nhận nhưng để ngoài thùng, gọi là quyển ngoại hàm, đương nhiên bị loại, nhưng hội đồng Giám khảo phải đọc kỹ để tìm lỗi phạm trường qui. Luật còn buộc tất cả thí sinh phải nộp quyển dù bỏ quyển trống để hội đồng xét lỗi vi phạm, nếu phạm lỗi nặng không những đương sự mà cả thầy dạy cùng với quan đề cử dự thi đều phải chịu trách nhiệm.

Suốt thời gian mở khoa thi, viên Đề đốc hoặc Lãnh binh tỉnh hữu quan chịu trách nhiệm giữ an ninh trật tự bên ngoài trường thi. Chấm thi xong, Chủ khảo phải đệ nạp về triều bằng danh sách đính kèm quyển thi

của những người đậu Cử nhân, Tú tài và cả những người được vào kỳ 3. Hội đồng Tam nha gồm bộ Lễ, Nội các và Khoa đạo phối hợp duyệt xét lại lần chót rồi tấu lên vua, nếu y cho, lúc ấy mới thực thụ trúng tuyển.

Theo *Quốc triều Hương khoa lục* của Cao Xuân Dục, bản dịch của Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Lâm

và tổng hợp một số tài liệu khác, các khoa thi hương triều Nguyễn dưới đây được trình bày sơ lược theo thứ tự thời gian:

1- Khoa Đinh Mão (1807), Gia Long thứ 6 là khoa thi hương đầu tiên của triều Nguyễn. Phép thi vẫn theo lệ của nhà Lê nhưng định lại 6 năm thi một lần vào những năm

Mẹo, Dậu. Đứng đầu việc điều hành trường thi có 3 vị là Đề điệu (coi như Chủ khảo), Giám thí và Giám khảo đều do Triều đình cử đến. Đề điệu, Giám thí lo việc ngoại trường. Giám khảo điều hành nhiều Phúc khảo và Sơ khảo lo việc nội trường.

Phép thi có 4 kỳ, kéo dài 1 tháng đến 1 tháng 10 ngày. Trường nhất thi kinh nghĩa 5 đề, Truyện 1 đề; thí sinh chỉ cần làm 1 đề về Kinh và 1 đề về Truyện là đủ, nếu thêm nữa càng tốt. Trường nhì thi chiếu, biểu, chế mỗi loại 1 đề, thí sinh phải làm đủ. Trường ba thi thơ, phú mỗi loại 1 đề. Thơ thì thất ngôn bát cú Đường luật, thí sinh phải khai triển đầu đề đúng theo luật, bài phú phải làm đủ 8 vần bắt buộc. Trường tư thi sách vấn 1 đề, đầu bài là một câu trong cổ thư hay tân thư, thí sinh làm bài nghị luận. Người nào trúng kỳ nhất mới được thi kỳ nhì và cứ như thế đến lần đầu kỳ ba, gọi là trúng Tam trường thì được Sinh đồ, trúng Tứ trường mới được Hương cống (vẫn gọi như nhà Lê). Đậu Hương cống được xướng danh, ban mũ áo, quan tòng dải yếm và vinh qui bái tổ, sau đấy được bổ ngay chức Tri huyện. Đậu Sinh đồ cũng được đón rước về quê quán nhưng chỉ cấp làng, còn Hương cống thì đón rước rầm rộ hơn và ở cấp tổng.

Khoa năm Đinh Mão (1807) mở 6 trung tâm thi hương và lấy đậu ở trường Nghệ An 8, Thanh Hoa 2, Sơn Nam 20, Sơn Tây 19, Kinh Bắc 7, Hải Dương 5, tổng cộng có 61 Hương Cống.

2- Khoa Quý Dậu (1813), Gia Long thứ 12 là chính khoa vì mở thi hương đúng hạn kỳ. Lần này vẫn 6 trung tâm thi nhưng không còn dùng các địa điểm cũ của nhà Lê nữa mà đã dời về các nơi khác hợp với tình trạng thống nhất đất nước từ Bắc đến Nam. Vì vậy, bỏ hẳn trường thi Sơn Tây và Kinh Bắc để lập trường Thăng Long. Trường thi Hải Dương giải thể, sát nhập về trường Sơn Nam. Tại kinh đô Huế mở trường thi Quảng Đức và miền Lục Tỉnh lập trường Gia Định. Khoa năm Quý



Dậu (1813) lấy đậu 82 Hương cống cho cả nước, gồm trường Thăng Long 16, Sơn Nam 28, Thanh Hoa 9, Nghệ An 12, Quảng Đức 9, Gia Định 8. Kể từ khoa này áp dụng đạo dụ của Gia Long ban hành vào tháng 5 năm Nhâm Thân (1812) về quyền lợi của người thi đậu trường nhất được miễn phu và lính 1 năm, trúng trường nhì được miễn 3 năm.

3- Khoa Kỷ Mão (1819), Gia Long thứ 18, mở đúng hạn kỳ, có vài thay đổi nhỏ. Trường thi Quảng Đức đổi tên là Trục Lệ, trường Sơn Nam di chuyển đến đất Vị Hoàng nên cũng đổi tên. Vẫn giữ mức 6 trung tâm thi như các khóa trước, nhưng hạn định lấy đậu ở các trường đều tăng: Trường Thăng Long 23, Vị Hoàng 30, Thanh Hoa 16, Nghệ An 14, Trục Lệ 17, Gia Định 12, nâng số người thi đậu Hương cống trên toàn quốc từ 61 người ở khoa đầu, lên 82 người ở khoa thứ 2 và khoa này là 112 người.

4- Khoa Tân Ty (1821), Minh Mạng thứ 2 là ân khoa thi Hương đầu tiên, lệ mở ân khoa dưới triều Nguyễn có từ đây. Năm này cũng đánh dấu lần đầu mở khoa thi Hội và năm sau có cả ân khoa thi Hội.

Nhằm nâng cao học lực thí sinh thi Hương, đặt lệ sĩ tử thi ở khoa trước bị rớt ngay từ trường nhất thì khoa này học quan địa phương phải khảo hạch lại đủ trình độ mới cho đi thi. Minh Mạng cho sửa tên trường Thanh Hoa đọc trại thành Thanh Hóa, tránh trùng tên vợ của nhà vua, theo luật kiêng húy. Lịch thi cũng sửa đổi, các trường không thi cùng một lúc mà phân ra trường Trục Lệ thi vào tháng 7 âm lịch, còn trường Thanh Hóa, Vị Hoàng, Thăng Long lại thi vào tháng 9. Khoa Tân Ty (1821) lấy đậu 132 Hương cống trong đó trường Thăng Long 23, Vị Hoàng 34, Thanh Hóa 19, Nghệ An 15, Trục Lệ 25, Gia Định 16.

5- Khoa Ất Dậu (1825), Minh Mạng thứ 6 là chính khoa với nhiều cải tổ lớn trong việc thi cử. Về hạn kỳ, trở lại áp dụng lệ cũ của nhà Lê, mỗi ba năm một khoa thay vì 6 năm.

Qui định thi hương vào những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu và vào mùa thu là mùa thu hoạch cây trái. Thi hội thì sau thi hương một năm tức là Sửu, Thìn, Mùi, Tuất và vào mùa Xuân là mùa đâm chồi nảy lộc. Việc tuyển thí sinh được sàng lọc kỹ lưỡng. Sĩ tử phải trải qua hai kỳ thi tại địa phương được tổ chức hằng năm. Đầu tiên là Sơ khảo do Huấn đạo ở huyện và Giáo thụ ở phủ tổ chức sát hạch năng lực. Ai đậu sẽ được cấp bằng Tuyển sinh và được gửi danh sách về tỉnh để dự thi Phúc khảo do quan Đốc học tổ chức. Trúng tuyển sẽ được cấp bằng khóa sinh và được lập danh sách đệ nạp về triều để dự kỳ thi hương sắp tới. Do đó, bộ Lễ nắm vững số thí sinh từng trung tâm thi để quyết định con số lấy đậu và phân phối nhân sự điều hành trường thi cho hợp với nhu cầu thực tế.

Về khâu tổ chức, kể từ khoa này nhà vua cấp bài Phụng chỉ và cờ Khâm sai cho các quan trường. Vì vậy, cử hành lễ Bái vọng và lễ Tiến trường rất long trọng. Đi đầu đám rước là cờ, biển, ấn của vua ban, tượng trưng cho quyền hành của các quan trường. Tuy nhiên để tránh sự độc đoán có thể xảy ra, bắt đầu từ khoa này, bộ Lễ lập Hội đồng Tam nha để duyệt xét lại việc lấy đậu của các trường thi. Sự thay đổi tên trường, tên học vị cũng xảy ra ở khoa này. Trường Vị Hoàng nay theo tên tỉnh đổi là trường Nam Định, trường Trục Lệ đổi thành trường Thừa Thiên. Người đậu Tứ trường gọi là Cử nhân thay cho Hương cống, đậu Tam trường gọi là Tú tài thay cho Sinh đồ.

Khoa năm Ất Dậu (1825) lấy đậu 117 Cử nhân, phân ra trường Thăng Long 28, Nam Định 27, Thanh Hóa 14, Nghệ An 23, Thừa Thiên 10 (đổi tên từ năm 1822), Gia Định 15.

6- Khoa Mậu Tý (1828), Minh Mạng thứ 9 là chính khoa đầu tiên theo lệ 3 năm 1 lần thi Hương và áp dụng thống nhất danh xưng Cử nhân và Tú tài. Minh Mạng còn tiếp tục cải tổ việc thi cử, bắt đầu đặt chức Chánh, Phó Chủ khảo, lại có thêm

chức Phân khảo để làm việc với nội, ngoại trường ở hai lãnh vực khác nhau. Còn đặt chức Chánh, Phó Đề điệu chuyên điều hành ngoại trường và ở một khu riêng biệt lo việc thu quyển, niêm phong, soạn quyển đưa đi chấm, đôn quyển đã chấm theo từng người, biết ai đậu rớt nhưng tuyệt đối không được dự vào việc lấy đậu rớt. Khoa năm Mậu Tý (1828) lấy đậu 113 Cử nhân, trong đó trường Thăng Long 20, Sơn Nam 30, Thanh Hóa 11, Nghệ An 23, Thừa Thiên 13 và Gia Định 16.

7- Khoa Tân Mão (1831), Minh Mạng thứ 12 là chính khoa, lấy đậu ở 6 trường thi là 100 Cử nhân gồm Thăng Long 20, Nam Định 31, Thanh Hóa 9, Nghệ An 18, Thừa Thiên 12, Gia Định 10.

8- Khoa Giáp Ngọ (1834), Minh Mạng thứ 15 là chính khoa với bắt đầu áp dụng phép thi 3 kỳ: Kỳ nhất thi chế nghĩa dùng lối văn bát cổ, sĩ tử vẫn phải làm 1 đề kinh và 1 đề truyện. Kỳ hai thi thơ phú, thể thức y như khoa Đinh Mão (1807) nhưng phú dùng thể đời Minh, Thanh. Kỳ ba thi văn sách làm 1 bài nghị luận. Tuy có 3 kỳ nhưng lại phải trải qua kỳ Phúc khảo làm 1 đề biểu mừng. Đặt lệ ngày mừng 1 âm lịch thi kỳ nhất, ngày mừng 6 thi kỳ hai, ngày 12 thi kỳ ba, ngày 22 ra bằng Phúc hạch.

Cũng kể từ khoa này tăng cường nhân viên Giám sát ở nội trường và ngoại trường, mỗi bên đều đặt 1 chức quan đứng đầu điều hành việc giám thí nên phép tắc trường thi được chặt chẽ hơn. Lại chia phách ra làm nhiều màu để dễ phân biệt sĩ tử các tỉnh thi chung một trường. Số lấy đậu ở mỗi trường thi lại được phân chia ra từng tỉnh, nhiều hay ít tùy theo tỉnh lớn nhỏ. Trường thi Thanh Hóa bị giải thể nên phân định lại địa bàn thu nhận thí sinh cho mỗi trường, đồng thời chia lịch thi theo nhóm trường. Chẳng hạn, nhóm Thừa Thiên Gia Định thi vào tháng 7 âm lịch, các trường khác thi vào tháng 9. Vì ở Gia Định gặp biến (loạn Lê Văn Khôi 1833 - 1835) nên

khoa năm Giáp Ngọ (1834) chỉ có 4 trường dự thi, lấy đậu 77 Cử nhân, gồm trường Hà Nội 23 (lập tỉnh Hà Nội năm 1831, trường thi đổi tên), Nam Định 9, Nghệ An 14, Thừa Thiên 31.

9- Khoa Ất Mùi (1835), Minh Mạng thứ 16, tổ chức riêng cho trường Gia Định vì năm trước không thi, lấy đậu 9 Cử nhân. Đặt lệ khoa triển hạn bắt đầu từ đây. Lại chia khu vực thí sinh dựng lều tại trường thi thành hai vi: Giáp ở bên trái, Ất ở bên mặt nên trường thi được trật tự hơn và quyển thi dễ phân biệt.

10- Khoa Đinh Dậu (1837), Minh Mạng thứ 18 là chính khoa với vài thay đổi như sĩ tử tỉnh Thanh Hóa vào thi ở trường Nghệ An, sĩ tử tỉnh Ninh Bình thi ở trường Nam Định, khoa trước thí sinh ở hai tỉnh này vẫn còn thi ở trường Hà Nội. Cũng kể từ đây, hai trường Hà Nội và Nam Định không theo lệ mở thi vào tháng 9 âm lịch mà đổi thi vào tháng 10. Nhà Nguyễn vẫn còn giữ cổ lệ con nhà xướng ca không được đi thi, nạn nhân là Mai Văn Mỹ đã được quan trường Thừa Thiên lấy đậu Cử nhân, bộ duyệt lại hồ sơ lý lịch phát hiện được, truất xuống Tú tài.

Khoa năm Đinh Dậu (1837) lấy đậu 90 Cử nhân, chia ra trường Hà Nội 16, Nam Định 17, Nghệ An 14, Thừa Thiên 32, Gia Định 11.

11- Khoa Canh Tý (1840), Minh Mạng thứ 21, đúng vào năm định kỳ Tý, Mão, Ngọ, Dậu nhưng gặp dịp mừng Ngũ tuần đại khánh nên đổi thành ân khoa, chính khoa dời vào năm sau. Mở thi đủ 5 trường, lấy đậu cả thảy là 81 Cử nhân, trong đó trường Hà Nội 14, Nam Định 12, Nghệ An 20, Thừa Thiên 29, Gia Định 6.

12- Khoa Tân Sửu (1841) đúng ra là chính khoa của năm Canh Tý dời qua, nhưng lại gặp dịp Thiệu Trị lên ngôi (1841-1847) nên vẫn còn là ân khoa. Kể từ khoa này lệ qui định số trúng tuyển Cử nhân ở các trường thi như sau: trường Hà Nội 23 người, trường Nam Định 21, trường Nghệ

An 25, trường Thừa Thiên 38, trường Gia Định 16, tổng cộng lấy đậu 123 người cho mỗi khoa. Tuy nhiên còn tùy thuộc vào thực tế mà gia giảm, như ngay cả khoa Tân Sửu này chỉ lấy đậu ở trường Hà Nội 21 người, Nam Định 17, Nghệ An 21, Thừa Thiên 40 và Gia Định 15; tổng cộng có 114 Cử nhân thay vì 123 như đã qui định.

13- Khoa Nhâm Dần (1842), Thiệu Trị thứ 2 mở thi cho năm Canh Tý đã triển hạn đến hai lần. Lấy đậu Cử nhân ở trường Hà Nội là 16, Nam Định 20, Nghệ An 18, Thừa Thiên 38, Gia Định 16; tổng cộng có 108 người trúng tuyển.

14- Khoa Quý Mão (1843), Thiệu Trị thứ 3 là chính khoa, có vài sửa đổi trong điều lệ thi hương. Lịch thi được định lại ngày mùng 1 âm lịch thi kỳ nhất, ngày mùng 9 thi kỳ hai, ngày 18 thi kỳ ba, ngày mùng 1 tháng sau ra榜. Trường Thừa Thiên và Nghệ An thi vào tháng 7 âm lịch, trường Gia Định thi vào tháng 9, trường Hà Nội và Nam Định thi vào tháng 10. Cất đặt 1 hay vài vị Phúc khảo chấm lại các quyển thi bị quan Sơ khảo loại. Khoa này lấy đậu 121 Cử nhân, gồm trường Hà Nội 21, Nam Định 21, Nghệ An 25, Thừa Thiên 39, Gia Định 15.

Tháng 10 năm Quý Mão (1843) bộ Lễ khởi công xây cất trường thi Thừa Thiên và gửi mẫu họa đồ cho các tỉnh có trường thi lo việc tiến hành xây cất bằng vật liệu kiên cố. Đó là những nhà riêng ăn ở và làm việc cho Chánh Phó Chủ khảo, Chánh Phó Phân khảo, Chánh Phó Đề điệu, Giám sát nội ngoại trường; những dãy nhà tập thể cho các quan Sở, Phúc, Giám khảo, Đề tuyển, Lại phòng... Ngoài ra còn cất nhà Giám viện, Thí viện, Thập đạo làm nơi hội họp và làm việc.

15- Khoa Bính Ngọ (1846), Thiệu Trị thứ 6, gặp dịp Tứ tuần đại khánh nên mở ân khoa và tăng số lấy đậu, còn chính khoa hoãn lại năm sau. Căn cứ định lệ lấy đậu đã được qui định năm 1841, khoa này trường Thừa Thiên có số đậu vượt trội nhất

với 46 người, rồi đến Gia Định 18 người, Hà Nội 23 và Nam Định 21 (y số), Nghệ An trụt còn 24; tổng cộng 132 Cử nhân. Tuy nhiên vẫn còn giữ cổ lệ đang có tang không được đi thi, nạn nhân là Mai Thế Quý đậu thủ khoa trường Nghệ An, bị phát giác, bộ truất hẳn học vị.

16- Khoa Đinh Mùi (1847), Thiệu Trị thứ 7, là khoa triển hạn với số trúng tuyển vượt hẳn các khoa trước. Tổng cộng đến 136 Cử nhân, trong đó Hà Nội 26, Nam Định 21, Nghệ An 23, Thừa Thiên 46, Gia Định 20.

17- Khoa Mậu Thân (1848) là ân khoa vì năm ấy Tự Đức lên ngôi (1848-1883) mở thi chưa đến hạn kỳ và lấy đậu nhiều nhất so với các khoa trước của triều Nguyễn.

Khoa này đặt lệ thêm một lần khảo hạch nữa gọi là kỳ thi Tuyển thí sinh, nhằm loại bớt những người chưa đủ trình độ thi hương và để thực tập sĩ tử quen với đường lối khoa trường. Kỳ thi rất quan trọng vì nếu tỉnh nào để cho những người học kém đi thi hương sẽ bị lỗi với triều đình. Tất cả Huấn đạo, Giáo thụ phải tập trung về tỉnh, cùng với các học quan khác lập thành Hội đồng thi, do Đốc học làm Chánh Chủ khảo. Phép thi giống như thi hương nhưng đơn giản hơn. Sĩ tử cũng làm bài trên quyển thi nhưng không rọc phách, để cho hội đồng Giám khảo là những ông thầy địa phương, nhận biết ngay những học trò kém nhưng nhờ gian lận nên vẫn làm bài khá, mà loại ra. Vài tháng trước khi thi hương, tỉnh còn mở một kỳ thi tuyển sinh bổ túc, dành cho những người vắng mặt ở kỳ trước, có cơ hội được nằm trong danh sách dự thi hương. Lệ còn đặt ra, trong khoa thi hương, nếu thí sinh bị 2 điểm liệt thì không được yết bảng thi tiếp kỳ sau. Nhờ qua nhiều khâu sàng lọc, việc trường thi trở nên nhẹ nhàng hơn.

Khoa năm Mậu Thân (1848) nhà vua cho mở lại trường thi Thanh Hóa đã bị giải thể suốt 9 khoa, nên có đủ 6 trường dự thi, lấy đậu 165 Cử nhân

gồm trường Hà Nội 28, Nam Định 27, Thanh Hóa 16, Nghệ An 22, Thừa Thiên 52 và Gia Định 20.

18- Khoa Kỷ Dậu (1849), Tự Đức thứ 2 là chính khoa nhưng chỉ có trường Gia Định mở thi lấy đậu 17 Cử nhân, còn ở Bắc và Trung kỳ đang có bệnh dịch lan tràn nên phải đình.

19- Khoa Canh Tuất (1850), Tự Đức thứ 3 là khoa triển hạn, mở thi cho 5 trường đã hoãn thi năm trước, lấy đậu 143 Cử nhân, chia ra trường Hà Nội 28, Nam Định 27, Thanh Hóa 16, Nghệ An 24, Thừa Thiên 48.

Khoa này có nhiều sửa đổi quan trọng như dùng lại phép thi 4 kỳ. Ở kỳ nhất có 7 đề chế nghĩa gồm 5 đề Ngũ kinh, 1 đề Trung dung hoặc Đại học, 1 đề Luận ngữ hay Mạnh tử, thí sinh phải làm 3 đề trở lên. Kỳ hai làm 1 đề sách văn bản về đạo lý, chế độ, lịch sử. Kỳ ba có 1 bài chiếu, 1 bài biểu và 1 đề luận ngữ; bài chiếu, biểu phải viết từ 250 chữ trở lên, bài luận ngữ phải tối thiểu 400 chữ. Kỳ tư có 1 đề thơ và một đề phú, thể thức y như khoa Đinh Mão (1807).

Kể từ khoa này không còn phân chia số lấy đậu theo từng tỉnh nữa, nên cũng bỏ lệ dùng phách màu. Lại chia thang điểm làm 7 bậc: ưu, ưu thứ, bình, bình thứ, thứ, thứ thứ, liệt. Kết quả mỗi kỳ đều có yết bảng nơi vi dã thi, và được phân phối vào thi kỳ kế tiếp ở 4 vi Giáp, Ất, Tả, Hữu. Qua mỗi kỳ số người đậu bớt dần, đến kỳ 4 chỉ còn thi ở 2 vi Giáp, Ất. Quyền lợi người trúng trường nhất và nhì y như khoa Quý Dậu (1813), chỉ hơi khác là trúng trường nhì nay chỉ được miễn 2 năm phu và lính, thay vì 3 năm. Người trúng trường ba được Tú tài, trúng trường tư được Cử nhân rồi cộng điểm cả 4 kỳ để định vị thứ. Trường thi chia làm 3 nhóm và ấn định tháng thi như khoa Quý Mão (1843).

20- Khoa Nhâm Tý (1852), Tự Đức thứ 5 là chính khoa, với sự ra đời của trường thi Bình Định. Đánh dấu sự phát triển về giáo dục, lần đầu tiên trong lịch sử khoa cử triều

Nguyễn mở nhiều trường thi nhất. Trên toàn quốc có 7 trường thi hương, bộ Lễ phải phân phối lại địa bàn thu nhận thí sinh và ấn định số người đậu của mỗi trường cho hợp với tình trạng mới. Tổng số lấy đậu Cử nhân không thay đổi mấy, lệ định từ khoa Tân Sửu (1841) là 123 người, kể từ nay là 124 người, nhưng con số qui định cho các trường thi biến động đáng kể (so với lệ định từ năm 1841): Trường Hà Nội 20 trước là 23, trường Nam Định 20 trước là 21, trường Thanh Hóa 20 trước không có, trường Nghệ An 18 trước là 25, trường Thừa Thiên 20 trước là 38, trường Bình Định 13 trước chưa có, trường Gia Định 13 trước là 16. Tuy lệ định như vậy, số người lấy đậu ở các khoa vẫn linh động tùy thuộc vào trình độ và sĩ số của thí sinh. Ngay cả khoa năm Nhâm Tý này cũng chỉ lấy đậu 118 Cử nhân, chia ra trường Hà Nội 22, Nam Định 20, Thanh Hóa 12, Nghệ An 16, Thừa Thiên 22, Bình Định 13, Gia Định 13.

21- Khoa Ất Mão (1855), Tự Đức thứ 8 là chính khoa, lấy đậu 119 Cử nhân, thấp hơn lệ định là 6. Chỉ có trường Nam Định, Nghệ An, Bình Định, Gia Định lấy đúng theo số qui định là 20, 18, 13, 13. Các trường khác trời, sứt không chừng như trường Hà Nội lấy 22 trời 2, trường Thừa Thiên 21 trời 1, trường Thanh Hóa 12 trụt 8.

22- Khoa Mậu Ngọ (1858), Tự Đức thứ 11 là chính khoa với nhiều thay đổi quan trọng. Kể từ khoa này dùng lại phép thi ba kỳ của thời Minh Mạng (1834), nhưng lại khác nhau đôi chỗ về môn thi. Kỳ nhất vẫn thi chế nghĩa có ám tả, truyện, chú; ám tả thì viết một đoạn Kinh văn; truyện, chú thì trước hết phải chép một hai câu căn án. Kỳ hai thi chiếu, biểu, luận chứ không thi thơ, phú. Kỳ ba vẫn thi môn văn sách, nhưng thời Minh Mạng chỉ làm 1 bài nghị luận, nay có đến 10 câu hỏi gồm 5 câu Ngũ kinh (Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân thu mỗi kinh 1 đề). 2 câu về truyện, 3 câu về sử các triều

Hán Đường Tống; nhưng thí sinh chỉ cần làm 5 câu gồm 2 câu về Kinh (1 câu chuyên Kinh tức là chỉ nói về một Kinh và 1 câu kiêm Kinh tức là đề cập đến nhiều kinh), 1 câu về truyện, 2 câu về sử là đủ. Môn thơ, phú gác lại đến thi hội mới dùng. Xem ra phép thi 3 kỳ dưới thời Tự Đức tương đối thực dụng hơn là thời Minh Mạng.

Năm Mậu Ngọ (1858) là khoa thi cuối cùng có đủ 7 trường thi, lấy đậu 118 Cử nhân gồm trường Hà Nội 22, Nam Định 22, Thanh Hóa 12, Nghệ An 18, Thừa Thiên 22, Bình Định 13, Gia Định 9.

23- Khoa Tân Dậu (1861), Tự Đức thứ 14 là đúng kỳ mở chính khoa nhưng lại gặp lúc liên quân Pháp và Tây Ban Nha đánh chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ (1859-1861). Vấn đề chiến sự đặt lên hàng đầu, nên khoa này chỉ mở được 4 trường. Sĩ tử trường Thanh Hóa phải ra thi chung với trường Hà Nội. Trường Bình Định ra thi chung với trường Thừa Thiên. Trường Gia Định vĩnh viễn xóa tên từ đây. Khoa năm Tân Dậu (1861) lấy đậu 102 Cử nhân, chia ra trường Hà Nội 34, Nam Định 20, Nghệ An 18, Thừa Thiên 30.

24- Khoa Giáp Tý (1864), Tự Đức thứ 17 là chính khoa được tổ chức trong tình thế triều đình đang



bồi rồi vì 3 tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và đảo Côn Lôn phải nhường đất cho Pháp kể từ hòa ước Nhâm Tuất ký ngày 5-6-1862. Tuy vậy, nhà vua vẫn cố gắng mở khoa ở 5 trường thi cũ và lập 1 trường thi mới, đó là trường An Giang thay cho trường Gia Định. Khoa năm Giáp Tý (1864) lấy đậu 117 Cử nhân gồm trường Hà Nội 24, Nam Định 21, Thanh Hóa 15, Nghệ An 19, Thừa Thiên (có trường Bình Định thi chung) 28, An Giang 10.

25- Khoa Đinh Mão (1867), Tự Đức thứ 20 là chính khoa. Năm này triều đình chuẩn bị mở 7 trường nhưng gần đến khoa thi Pháp lại mở chiến dịch chiếm nốt 3 tỉnh miền Tây Nam kỳ (từ 20 đến 24-6-1867), trường thi An Giang cũng theo số phận của trường Gia Định vĩnh viễn xóa tên. Từ ấy, nước ta chỉ còn 6 trường thi và khoa năm Đinh Mão (1867) lấy đậu 139 Cử nhân, nên số đậu ở các trường đều tăng gồm trường Hà Nội 26, Nam Định 23, Thanh Hóa 18, Nghệ An 22, Thừa Thiên 32, Bình Định 18.

26- Khoa Mậu Thìn (1868), Tự Đức thứ 21, mở án khoa vì gặp dịp Tứ tuần đại khánh có đủ 6 trường thi tham dự (không kể miền Lục tỉnh vì Pháp đã chiếm), lấy đậu 129 Cử

nhân, chia ra trường Hà Nội 24, Nam Định 22, Thanh Hóa 15, Nghệ An 22, Thừa Thiên 31, Bình Định 15.

Khoa này có hai trường hợp điển hình bị truất Cử nhân ở giờ chót bởi Hội đồng Tam nha. Lê Đăng Lĩnh và Hà Hoàng Nghi thi ở trường Thừa Thiên bị truất hẳn vì phạm trường qui. Còn Lê Văn Vịnh, thi ở trường Nam Định bị giáng Tú tài chỉ vì viết chữ cầu thả.

27- Khoa Canh Ngọ (1870), Tự Đức thứ 23 là chính khoa mở đủ 6 trường thi, lấy đậu 131 Cử nhân, gồm trường Hà Nội 26, Nam Định 24, Thanh Hóa 15, Nghệ An 21, Thừa Thiên 29, Bình Định 16.

Khoa này cũng có 2 trường hợp điển hình bị Hội đồng Tam nha truất Cử nhân, đó là Dương Bá Đĩnh thi ở trường Nghệ An đã man khai lý lịch và Trần Xuân Khanh ở trường Nam Định đã mạo danh để được đi thi.

28- Khoa Quý Dậu (1873), Tự Đức thứ 26 là chính khoa nhưng chỉ có các trường ở Trung Kỳ là được tổ chức thi, lấy đậu 78 Cử nhân, trong đó Thanh Hóa 15, Nghệ An 23, Thừa Thiên 25 và Bình Định 15. Hai trường Hà Nội là Nam Định bị biến cố Hà thành thất thủ lần thứ 1 (20-11-1873) nên hoãn thi.

29- Khoa Giáp Tuất (1874), Tự Đức thứ 27 là triển khoa dành riêng cho 2 trường Hà Nội và Nam Định, mỗi trường lấy đậu 25 cử nhân.

30- Khoa Bính Tý (1876), Tự Đức thứ 29 là chính khoa có đủ 6 trường thi tham dự, lấy đậu 125 Cử nhân, trong đó trường Hà Nội 25, Nam Định 21, Thanh Hóa 15, Nghệ An 22, Thừa Thiên 30 và Bình Định 12.

Kể từ khoa năm Bính Tý (1876) qui định lấy đậu cứ 1 Cử nhân thì 2 Tú tài, vẫn dùng phép thi 3 kỳ nhưng sửa đổi lại. Kỳ nhất vẫn thi chế nghĩa nhưng chỉ giữ lại phần trung giải, hậu giải còn phần cần án, bài ám tả, truyện chú với 10 bài sách vấn đều bỏ. Kỳ hai, khác hẳn với lần cải cách năm 1858 vì dùng lại môn thơ, phú. Kỳ ba thi văn sách theo bộ

cục có nhập đề bằng câu tổng mao, chuyển đề liên hệ việc cổ rồi mới tới thân đề là phần chính như thể thức phép thi cũ, bỏ văn tứ lục lên thi hội mới dùng. Kỳ phúc hạch lệ cũ dùng thể thơ ngũ ngôn 8 vắn, nay đổi làm một bài chiếu hoặc biểu để bổ sung cho bài văn tứ lục đã bị loại bỏ.

31- Khoa Mậu Dần (1878), Tự Đức thứ 31 mở án khoa vì gặp dịp Ngũ tuần đại khánh, có đủ 6 trường thi tham dự, lấy đậu 121 Cử nhân, chia ra trường Hà Nội 18, Nam Định 24, Thanh Hóa 14, Nghệ An 22, Thừa Thiên 32 và Bình Định 11.

Mặc dù là án khoa, nhưng Hội đồng Tam nha ở bộ vẫn xét duyệt kỹ lưỡng và nghiêm minh. Hội đồng đã truất hai Cử nhân trường Thanh Hóa là Lâm Quang Diệu đậu thủ khoa và Nguyễn Tấn Tuệ đậu thứ 14 vì có bài phúc hạch trùng vắn, qui tội xem bài của nhau nên phải truất không thương tiếc.

32- Khoa Kỷ Mão (1879), Tự Đức thứ 32 là chính khoa, mở đủ 6 trường thi, danh sách lấy đậu Cử nhân ở các trường gửi về bộ là 122 người gồm Hà Nội 25, Nam Định 24, Thanh Hóa 16, Nghệ An 22, Thừa Thiên 27 và Bình Định 8. Hội đồng Tam nha xét duyệt cho y số, không truất, không thêm, cũng không xáo trộn vị thứ.

33- Khoa Nhâm Ngọ (1882), Tự Đức thứ 35 là chính khoa nhưng ở Bắc kỳ gặp đại biến. Ngày 25-4-1882 thành Hà Nội thất thủ (lần thứ 2), ngày 20-6-1882 Bộ trưởng Hải quân và thuộc địa Pháp hạ lệnh Thống đốc Nam kỳ là Le Myre de Vilers cho quân đánh chiếm các vùng châu thổ sông Hồng. Trường thi Hà Nội và Nam Định phải đình. Trung kỳ còn yên tĩnh, 4 trường thi vẫn mở, lấy đậu 77 Cử nhân, chia ra Thanh Hóa 14, Nghệ An 21, Thừa Thiên 31, Bình Định 11.

Lẽ ra năm 1883 mở khoa triển hạn cho 2 trường Hà Nội và Nam Định nhưng chiến sự ở Bắc Kỳ càng khốc liệt, kể đến ngày 19-7-1883 vua Tự Đức băng hà, tình hình lại rối

ngựa hồng mới vó

Bass Hill,
đồi thấp em về
Chợt nghe
chiều cũng náo nề xuống mau.
Dấu tình
không nợ gì nhau
Sao người giữ mãi
niềm đau cho người?
Ngựa hồng mới vó phương trời
Lạc loài trên
những chặng đời bỏ hoang
Đêm mơ, chìm ánh trăng tàn
Thấy em khăn áo về ngang
lưng đồi...

nguyễn tư

ren hơn nên triển khoa đình hần.

34- Khoa Giáp Thân (1884), Kiến Phúc thứ 1 là ân khoa với vài sửa đổi trong phép thi cử. Thí sinh phải trúng cả 3 kỳ và được điểm ưu, bình thì vào phúc hạch. Chương trình phúc hạch cũng đổi khác so với lần sửa đổi năm 1876, bỏ lệ xướng danh trước khi phúc hạch, nhưng lại không đơn giản như các khoa trước chỉ làm một bài tứ lục để định thứ bậc. Kể từ khoa này, kỳ phúc hạch coi như một kỳ tổng quát bao gồm cả ba kỳ thi trước gồm chế nghĩa, thơ phú, văn sách. Thời gian làm bài trọn 1 ngày ở các vi đã được phân phối sẵn. Điểm phúc hạch được cộng chung với điểm 3 kỳ thi trước để lấy đậu cao thấp Cử nhân, Tú tài hay không đậu.

Mặc dù triều đình đã ký hàng ước năm Quý Mùi (25-8-1883), trong đó có điều thứ tư buộc Nam Triều phải ra lệnh bãi binh ở Bắc kỳ, nhưng cuộc kháng chiến của văn thân miền này vẫn sôi động. Cho nên khoa thi Giáp Thân (1884), hai trường Hà Nội và Nam Định phải mượn địa điểm trường Thanh Hóa để tổ chức khoa thi. Như vậy, trên danh nghĩa có đủ 6 trường thi tham dự nhưng chỉ được tổ chức ở 4 địa điểm thuộc Trung kỳ, gồm Hà Nội - Nam Định lấy đậu 52 người (quen gọi là khoa xứ Thanh), trường Thanh Hóa 16, Nghệ An 22, Thừa Thiên 31, Bình Định 18; tổng cộng có 139 Cử nhân.

35- Khoa Ất Dậu (1885), Hàm Nghi thứ 1 là chính khoa thi Hương và ân khoa thi Hội. Khoa ấy chỉ có trường Bình Định mở thi hương sớm, còn tại trường Thừa Thiên thi Hội đã xong đợi ngày truyền lộ thì rạng ngày 5 tháng 7 dương lịch kinh đô thất thủ vua Hàm Nghi bôn đào. Các trường chưa thi thì đình, trường Bình Định đang thi phải cố thi cho xong, tuy nhiên phần lớn sĩ tử bỏ thi kéo nhau về quê. Vào phúc hạch chỉ có 7 người ở Bình Định và 1 người ở Phú Yên, quan trường lấy đậu Cử nhân cả 8 người.

36- Khoa Bính Tuất (1886) là ân khoa vì năm đầu của niên hiệu Đồng

Khánh. Cũng có thể gọi là khoa triển hạn, vì dành riêng cho các trường năm trước hoãn thi. Tuy vậy, phần lớn các trường vẫn chưa tham dự được, như trường Thừa Thiên chưa sửa chữa xong, trường Nghệ An và Thanh Hóa vì chiến sự lan tràn. Chỉ có trường Hà Nội, trường Nam Định và sĩ tử tỉnh Ninh Bình gộp lại thi chung tại trường thi Nam Định, ghép tên gọi là trường Hà Nam bắt đầu từ đây, lấy đậu 73 người, Hội đồng Tam nha duyệt vớt thêm 1 người nữa là 74 Cử nhân.

37- Khoa Đinh Hợi (1887), Đồng Khánh thứ 2 là khoa triển hạn dành cho trường Thừa Thiên, lấy đậu 29 Cử nhân. Hội đồng Tam nha duyệt vẫn giữ y số nhưng truất Nguyễn Tố xuống hạng Tú tài vì văn chương tầm thường, còn Hồ Hiền bài làm của 3 kỳ đều thông suốt nên được vớt cho vào cuối bảng Cử nhân. Hai trường Nghệ An và Thanh Hóa vẫn chưa tổ chức thi được vì phong trào Cần Vương của Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nha ở Nghệ An; và Ba Đình, Hùng Lĩnh ở Thanh Hóa đang bùng bùng khí thế.

38- Khoa Mậu Tý (1888), Đồng Khánh thứ 3 là chính khoa. Ở Thanh Hóa cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh của Tống Duy Tân đang hoạt động, sĩ tử phải vào thi chung ở trường Nghệ An nhưng ít người tham dự, nên chỉ có Nguyễn Tư Siêu người làng Phượng Đình đậu Cử nhân. Trường Bình Định cũng chưa đủ an ninh để mở khoa thi, sĩ tử ra thi chung với trường Thừa Thiên. Khoa Mậu Tý (1888) lấy đậu 133 Cử nhân trong đó trường Hà Nam 56, Nghệ An 37, Thừa Thiên 40.

39- Khoa Tân Mão (1891), Thành Thái thứ 3, từ đây chỉ có chính khoa và mở đúng niên hạn với thường xuyên có đủ 5 trường tham dự. Nếu gặp dịp những năm có lễ mừng thì lấy thêm số đậu, chứ không mở riêng ân khoa, cũng không có lệ triển khoa nữa. Vì vậy, mặc dù năm 1889 Thành Thái lên ngôi vẫn không mở ân khoa, phải đợi đến năm Tân Mão (1891) đúng kỳ mở chính khoa mới

gia ân lấy số đậu. Chẳng hạn trường Hà Nam lệ định lấy đậu 50 Cử nhân, khoa này lại gia ân 15, bộ duyệt vớt thêm 5 người nữa vào bảng Cử nhân và 7 người vào bảng Tú tài.

Khoa Tân Mão tổng số lấy đậu 151 Cử nhân, chia ra trường Hà Nam 70, trường Thanh Hóa 17, trường Nghệ An 20, trường Thừa Thiên 27 và Bình Định 17. Theo lịch, trường Nghệ An thi trước, Thanh Hóa thi sau nên khoa này ban chủ khảo gồm Tham tri bộ Công là Phạm Hữu Xứng làm chánh và Tham biện Nội các Bùi Hữu Tạo làm phó, lần lượt điều hành hai trường thi kể trên, một trường hợp ít thấy xảy ra ở các khoa trước.

40- Khoa Giáp Ngọ (1894), Thành Thái thứ 6, trường Thanh Hóa không còn nhận sĩ tử tỉnh Ninh Bình nữa nhưng số thí sinh vẫn nhiều, lấy đậu 14 Cử nhân và giữ mức ấy cho các khoa sau. Trường Hà Nam nguyên định là 53 nhưng vì số dự thi tăng lên đáng kể từ 7.200 người ở khoa Tân Mão (1891) lên đến 9.700 người ở khoa Giáp Ngọ (1894), lại gặp dịp khánh điển (lễ mừng) nên lấy đậu 60 người. Các trường khác như Thừa Thiên lấy đậu 33, Nghệ An 22, Bình Định 19, tổng cộng 5 trường có 148 Cử nhân.

41- Khoa Đinh Dậu (1897), Thành Thái thứ 9, lấy đậu 166 Cử nhân, chia ra trường Hà Nam 80, Thanh Hóa 14, Nghệ An 22, Thừa Thiên 32 và Bình Định 18. Nhưng cũng kể từ khoa này, chi phối bởi chế độ trực trị ở Bắc kỳ do Toàn quyền Paul Doumer (1896-1902) đề ra, việc phái biện các quan Sơ khảo, Phúc khảo tại trường thi Hà Nam thì do phủ Thống sứ Bắc kỳ đảm nhận, các trường thi ở Trung kỳ vẫn còn thuộc bộ Lễ điều động.

42- Khoa Canh Tý (1900), Thành Thái thứ 12, đúng hạn kỳ mở chính khoa lại đúng vào năm nhà vua tại ngôi tròn 1 giáp. Thay vì mở riêng ân khoa, Thành Thái gia ân lấy thêm số người đậu Cử nhân ở các trường như sau: trường Hà Nam thêm 10, Thanh Hóa thêm 4, Nghệ An thêm

8, Thừa Thiên thêm 10 và Bình Định thêm 6. Vì thế, khoa này lấy đậu Cử nhân nhiều nhất trong lịch sử thi cử của triều Nguyễn, với 204 người đậu, phân ra trường Hà Nam 90, Thanh Hóa 18, Nghệ An 30, Thừa Thiên 42 và Bình Định 24.

Khoa Canh Tý (1900) còn đánh dấu một hiện tượng đáng nhớ, trường Nghệ An có Phan Bội Châu vừa chiếm giải nguyên vừa chiếm độc bảng, trường Thừa Thiên có Huỳnh Thúc Kháng chiếm giải nguyên. Hai vị thủ khoa này trở thành hai nhà Cách mạng nổi tiếng trong lịch sử chống Pháp. Cụ Phan Bội Châu lãnh tụ phong trào Đông Du (1904), cụ Huỳnh Thúc Kháng là một trong các lãnh tụ nòng cốt của phong trào Duy Tân chống sưu kháng thuế (1908) ở miền Trung.

43- Khoa Quý Mão (1903), Thành Thái thứ 15 vẫn mở thi đủ 5 trường như bấy lâu nay, lấy đậu 135 Cử nhân, gồm trường Hà Nam 50, Thanh Hóa 14, Nghệ An 22, Thừa Thiên 31 và Bình Định 18.

Sang thế kỷ 20 mà các trường thi Hán học triều Nguyễn vẫn còn giữ cổ lệ khắt khe xét lý lịch đến 3 đời. Nạn nhân là Lê Tấn đậu Cử nhân vị thứ 11 trên 32 ở trường Thừa Thiên bị phát giác là mạo danh gian dối lý lịch để được đi thi nên bị truất hẳn.

44- Khoa Bính Ngọ (1906), Thành Thái thứ 18, có trường Nghệ An nguyên mở thi vào tháng 6 âm lịch, nay được đổi thi vào tháng 4 như các trường Thừa Thiên và Bình Định. Lại năm 1904 gặp lễ Ngũ tuần đại khánh của Từ Minh Huệ hoàng thái hậu chưa tổ chức riêng cho ân khoa được, nên sẵn kỳ chính khoa này bộ Lễ phụng chuẩn số Cử nhân các trường ở Trung kỳ như sau: trường Thanh Hóa 19 (nguyên ngạch 14 lấy thêm 5), trường Nghệ An 30 (nguyên ngạch 22 lấy thêm 8), trường Thừa Thiên 42 (nguyên ngạch 32 lấy thêm 10), trường Bình Định 24 (nguyên ngạch 18 lấy thêm 6). Chỉ có trường Hà Nam thuộc phủ Thống sứ Bắc kỳ, nên không được hưởng ngạch gia ân, vẫn giữ lệ lấy

đậu 50 Cử nhân. Còn trường Thừa Thiên, quan Chủ khảo lấy đúng 42 Cử nhân theo số phụng chuẩn, nhưng vì sĩ tử đã làm đơn khiếu nại với tòa Khâm sứ về việc 11 người học kém mà được lấy đậu. Lần đầu tiên trong lịch sử khoa cử triều Nguyễn, bộ Lễ thành lập Hội đồng duyệt lại bài thi có cả quan Pháp dự phần vào để giải quyết việc thưa kiện. Kết quả, hội đồng truất 8 người trong số 11 người bị khiếu nại; nhưng lại có 1 người bị quan trường đánh rớt, nay được vớt cho vào cuối bảng Cử nhân, nên trường Thừa Thiên chỉ chính thức đậu 35 người. Vậy khoa năm Bính Ngọ (1906) có 5 trường dự thi, với 158 người thực thụ đậu cử nhân.

45- Khoa Kỷ Dậu (1909), Duy Tân thứ 3 là chính khoa với nhiều cải tổ quan trọng trong phép thi cử.

Bộ Học được lập vào năm Đinh Mùi (1907) Duy Tân thứ 1, nên kể từ khoa này việc thi cử không còn do ty Tân hưng thuộc bộ Lễ nắm giữ mà đã chuyển sang bộ Học. Vẫn giữ phép thi 3 kỳ nhưng các môn thi có đổi khác. Kỳ nhất thi văn sách, tương tự như kỳ ba ở lần cải tổ năm 1858, vẫn có 10 đề gồm 5 đề ngũ kinh, 1 đề truyện, 2 đề Bắc sử và 2 đề Nam sử. Thí sinh chỉ cần làm 5 đề gồm Ngũ kinh 2, truyện 1, Bắc sử 1, Nam sử 1 là hợp lệ, nếu làm thêm nữa thì càng tốt. Kỳ hai thi thơ phú mỗi loại 1 đề, y như lần cải tổ năm 1876. Kỳ ba khác hẳn với các lần cải tổ trước, thí sinh phải làm 2 đề luận gồm 1 bài bằng chữ Nho và 1 bài bằng chữ Quốc ngữ.

Thang điểm cho từ 0 đến 20. Bài làm được 10 điểm trở lên thì trúng kỳ và mới được thi kỳ kế tiếp. Ngoài ra còn có kỳ thi tình nguyện dịch Pháp văn ra chữ Quốc ngữ do tòa Khâm sứ ra đề. Môn thi này không bắt buộc nhưng có quyền lợi là nếu bài dịch làm được trên 10 điểm thì sẽ được nhập số điểm thặng dư vào điểm cộng của 3 kỳ chính thức. Thí sinh phải đạt từ 40 điểm trở lên mới được dự kỳ thi phúc hạch. Đề thi phúc hạch gồm 1 đề văn sách, 1 đề

phú, 1 đề luận chữ quốc ngữ, đều phải đạt 7 điểm trở lên mới đậu phúc hạch và cộng điểm thi 3 kỳ để xem cao thấp mà xếp hạng Cử nhân. Những thí sinh rớt phúc hạch và cả những người trúng 3 kỳ, nếu được từ 30 điểm đến 39 điểm đều được dự vào xếp bảng Tú tài, theo nguyên tắc cứ 1 Cử nhân thì có 3 Tú tài, lấy đậu từ trên xuống cho đến khi đủ số. Hạn tuổi dự thi cũng được quy định phải từ 50 trở xuống, ngoại trừ những thí sinh có bằng Tú tài, hoặc có chân Tôn ẩm, Học sinh và những người được đặt cách miễn.

Quan chức điều hành trường thi cũng được bổ sung để hợp với phép thi mới. Bổ nhiệm thêm 1 quan Giám sát cho nội trường, do ban Khoa đạo lựa chọn những người nhanh nhẹn và xuất thân từ khoa bảng, đang giữ chức Lang trung Viên ngoại hay Chủ sự. Ngoài ra, còn đặt 2 viên Kiểm độc, cũng xuất thân khoa cử lại thông hiểu chữ Quốc ngữ và chữ Pháp để chấm các bài làm bằng 2 thứ chữ ấy và đọc duyệt giúp Chánh Phó chủ khảo quyết định số điểm. Phụ cấp ở trường thi từ Chánh chủ khảo đến Lại phòng đều tăng lên một bậc tiền, chẳng hạn như Chánh chủ khai trước kia được cấp 19 đồng, nay tăng 20 đồng. Phụ cấp cho 2 viên Kiểm độc y như viên Phân khảo.

Những việc sửa đổi trên đây chỉ áp dụng cho các trường thi ở Trung kỳ, riêng trường Hà Nam cũng có cải cách nhưng theo một đường lối khác, hợp với phủ Thống sứ hơn là Nam triều. Vẫn thi 3 kỳ, kỳ nhất văn sách có 5 đề gồm văn chương, luân lý, Nam Bắc sử, địa dư và chính trị Đông dương. Kỳ hai thi luận chữ Hán có 2 đề, kỳ ba thi luận chữ Quốc ngữ cũng 2 đề. Kỳ Phúc hạch phải làm 2 bài luận, 1 bằng chữ Hán và 1 bằng chữ Quốc ngữ. Các đề thi chữ Quốc ngữ thì do phủ Thống sứ soạn ra, có hội đồng chọn đề và lo việc chấm điểm các bài ấy. Xong giao kết quả cho Chánh Phó Chủ khảo vào điểm kỳ thi. Ngoài những khác biệt đã nêu trên, trường Hà Nam vẫn theo khuôn khổ cải cách của các trường

thi ở Trung kỳ.

Khoa năm Kỷ Dậu (1909) có 5 trường mở thi như thường lệ, lấy đậu 134 Cử nhân, trong đó trường Hà Nam 50, Thanh Hóa 14, Nghệ An 22, Thừa Thiên 32 và Bình Định 16.

46- Khoa Nhâm Tý (1912), Duy Tân thứ 6 phép thi vẫn tiếp tục cải cách. Ở Trung kỳ bỏ hẳn môn thi phú và mô phỏng theo phép thi 3 kỳ của trường Hà Nam đã áp dụng ở khoa thi trước. Kỳ nhất thi văn sách có 5 đề gồm các môn văn chương, luân lý, Nam Bắc sử, hình luật, địa dư; chủ khảo tùy ý ra đề. Kỳ hai làm luận chữ Hán, kỳ ba làm luận chữ Quốc ngữ. Kỳ phúc hạch phải thi cả 3 môn gồm văn sách, luận chữ Hán và luận chữ quốc ngữ, mỗi môn 1 bài.

Trường Hà Nam phép thi gọn lại chỉ có 2 kỳ. Kỳ nhất thi chữ Hán, có 4 bài văn sách gồm luân lý, văn chương, Nam sử, chính trị Đông dương hoặc luật lệ Nam triều, mỗi thứ 1 đề. Kỳ hai thi bằng chữ quốc ngữ có 3 đề gồm các môn văn chương, toán, địa dư hoặc sử ký hay cách trí, mỗi thứ 1 đề. Mặc dù qua 2 kỳ thi (mỗi kỳ phải 10 điểm trở lên) nhưng cộng lại kể cả điểm thặng dư (nếu có) của bài thi tình nguyện chữ Pháp dịch ra Việt, phải từ 26 điểm trở lên mới được vào phúc hạch. Kỳ phúc hạch làm luận chữ Hán và chữ quốc ngữ mỗi thứ 1 đề, ngoài ra có đề tình nguyện Pháp dịch ra Việt để hưởng điểm thặng dư. Số quan trường do triều đình phái đến trường Hà Nam, kể từ khoa này chỉ còn 5 vị gồm Chánh Chủ khảo, Phó Chủ khảo, Giám khảo, Đề tuyển, Giám sát; còn các chức vụ khác trong trường thi đều do phủ Thống sứ đảm nhận. Số tuổi tối đa được dự thi là 40, thể lệ này áp dụng chung cho tất cả các trường thi ở Trung và Bắc kỳ.

Khoa năm Nhâm Tý (1912) vẫn đủ 5 trường mở thi, lấy đậu 116 Cử nhân, chia ra Hà Nam 30, Thanh Hóa 14, Nghệ An 22, Thừa Thiên 32, Bình Định 18.

47- Khoa Ất Mão (1915), Duy

Tân thứ 9, phép thi có hơi khác với khoa trước, chẳng hạn đề thi môn luận quốc văn lại dùng toàn chữ Pháp, nhằm ý hướng bắt buộc thí sinh phải biết dịch Pháp ra Việt mới làm bài được. Đây là khoa thi Hương cuối cùng có đủ 5 trường thi lấy đậu 126 Cử nhân, gồm trường Hà Nam 40, Thanh Hóa 14, Nghệ An 22, Thừa thiên 32 và Bình Định 18.

48- Khoa Mậu Ngọ (1918), Khải Định thứ 3 phép thi đổi sang 4 kỳ với nhiều cải cách. Kỳ nhất thi chữ Hán, làm 2 bài văn sách gồm văn chương hoặc luân lý 1 đề và chính trị hoặc luật lệ 1 đề, đồng thời có thêm 2 đề về từ trát gồm chiếu dụ hoặc sớ 1 đề và công văn thư từ 1 đề. Kỳ hai thi chữ quốc ngữ gồm 1 đề luận về thời vụ, 2 đề về toán pháp đo lường, 1 đề thiết vấn về Việt sử hay địa dư. Kỳ ba 1 bài dịch Pháp ra Việt, môn thi này không còn là tình nguyện nữa. Mỗi kỳ phải đạt 10 điểm trở lên thì gọi là trúng và được thi kỳ kế tiếp. Đến kỳ tư thi tổng quát gồm 1 đề luận chữ Hán, 1 đề luận Quốc văn và 1 đề dịch Pháp ra Việt, mỗi đề đều phải đạt 7 điểm trở lên mới đậu phúc hạch. Còn cách xếp vị thứ Cử nhân và lấy vào bảng Tú tài y như thể thức khoa Kỷ Dậu (1909).

Khoa năm Mậu Ngọ (1918) là lần thi Hương cuối cùng của nền Hán học tại Việt Nam. Khoa này không có trường Hà Nam, còn ở Trung kỳ trên danh nghĩa vẫn đủ 4 trường tham dự, nhưng đồn thi ở hai địa điểm là Nghệ An và Thừa Thiên. Sĩ tử trường Thanh Hóa vào thi chung với trường Nghệ An, trường Bình Định ra thi chung với trường Thừa Thiên, để bớt tốn kém về khâu tổ chức, nhưng hạn ngạch lấy đậu và ra bảng mỗi trường đều riêng biệt. Bốn trường, lấy đậu 59 Cử nhân, trong đó Thanh Hóa 10, Nghệ An 15, Thừa Thiên 22, Bình Định 12.

Trên đây là 48 khoa thi Hương của triều Nguyễn, trải dài từ năm Đinh Mão (1807) đến năm Mậu Ngọ (1918) ngót 111 năm, qua các đời

vua Gia Long (1802-1819) mở 3 khoa, Minh Mạng (1820-1840) mở 8 khoa, Thiệu Trị (1841-1847) mở 5 khoa, Tự Đức (1848-1883) mở 17 khoa, Kiến Phúc (1883-1884) mở 1 khoa, Hàm Nghi (1885) mở 1 khoa, Đồng Khánh (1886-1888) mở 3 khoa, Thành Thái (1889-1907) mở 6 khoa, Duy Tân (1907-1916) mở 3 khoa và Khải Định (1916-1925) mở 1 khoa rồi chấm dứt. Phân loại có 33 chính khoa, trong đó có 3 khoa ở những năm 1891, 1900 và 1906 gia ân lấy thêm số đậu Cử nhân và Tú tài, lại có 9 lần mở ân khoa và 6 lần khoa triển hạn, cả thảy là 195 lượt thi hương đã cung cấp cho đất nước 5.236 Cử nhân và trên 12.000 Tú tài. Chỉ có con đường khoa cử mới cung ứng cho triều đại một cách điều hòa và chính xác những hiền tài xây đắp guồng máy chính quyền vững mạnh trong việc giữ nước yên dân. Vì vậy, dưới triều Nguyễn việc thi cử luôn luôn sửa đổi cho hoàn hảo.

- Về cách thi, từ khoa Đinh Mão (1807), Gia Long thứ 6 áp dụng phép thi 4 kỳ, môn thơ phú thi ở kỳ thứ 3. Đến năm Minh Mạng thứ 15 (1834) mở khoa Giáp Ngọ đổi lại phép thi 3 kỳ, môn thơ phú thi ở kỳ thứ 2. Năm Tự Đức thứ 3 (1850) mở khoa Canh Tuất trở lại phép thi 4 kỳ, môn thơ phú dùng ở kỳ thứ 4. Nhưng đến khoa Mậu Ngọ (1858) Tự Đức thứ 11 thì đổi ra phép thi 3 kỳ, môn thơ phú gác lại lên thi hội mới dùng. Cũng chưa ổn, năm Tự Đức thứ 29 (1876) mở khoa Bính Tý vẫn áp dụng lối thi 3 kỳ, nhưng thơ phú lại được dùng ở kỳ thứ 2. Mãi đến năm Duy Tân thứ 6 (1912) ở khoa Nhâm Tý trở lại phép thi 4 kỳ nhưng môn thơ phú không được dùng đến, còn trường Hà Nam có lối thi riêng, chỉ có 2 kỳ.

- Về hạn kỳ, đầu tiên lệ 6 năm một khoa, áp dụng từ năm Gia Long thứ 6 (1807) ở khoa Đinh Mão. Đáng lý đến năm Dậu mới đúng hạn kỳ, nhưng năm Tân Ty (1821) Minh Mạng lên ngôi vừa được 2 năm thì mở ân khoa, và lệ ân khoa có từ đây. Đến năm Minh Mạng thứ 6 (1825)

mở tiếp chính khoa Ất Dậu, và từ đây định lệ 3 năm 1 khoa, Năm Minh Mạng thứ 16 (1835) mở khoa Ất Mùi riêng cho trường Gia Định vì năm trước không thi được, lệ triển khoa có từ đây. Chính khoa có hạn kỳ nhứt định, xen vào đó còn có những ân khoa và khoa triển hạn, nên dưới triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh khoảng cách giữa 2 khoa ngắn hơn thời gian qui định. Chẳng hạn, dưới thời Thiệu Trị (1841-1847) mở 5 khoa liên tiếp trong các năm 1841 (ân khoa), 1842 (triển khoa), 1843 (chính khoa) và năm 1846 (ân khoa), 1847 (triển khoa) mà khoa nào cũng có đủ 5 trường dự thi, lấy đậu cả thầy 611 Cử nhân.

Nói chung thời Gia Long không có sự thay đổi trong phép thi cử, từ đời Minh Mạng đến Thành Thái sửa đổi luôn nhưng cũng chỉ lần quần trong khuôn khổ xưa cũ. Năm Duy Tân thứ 1 (1907) bộ Học được thành lập và từ khoa thi Kỷ Dậu (1909) mới có nhiều thay đổi mới mẻ. Môn thi Việt sử là 1 trong những đề bắt buộc phải có trong bài văn sách ở kỳ nhất. Môn luận văn bằng chữ quốc ngữ lần đầu tiên xuất hiện và được xem ngang hàng với luận chữ Hán trong kỳ thứ 3. Còn có môn thi tình nguyện Pháp dịch ra Việt, được cộng điểm thẳng dư vào bài thi. Các khoa thi hương sau còn cải tiến hơn nữa, đến độ chữ Hán, chữ Việt, chữ Pháp đều quan trọng ngang nhau và còn mang tính khoa học vì môn toán pháp, đo lường, địa dư xuất hiện trong khoa cử.

Nếu xét riêng về sự tổ chức và điều hành thì các khoa thi Hương triều Nguyễn đã cải tiến đến mức độ hoàn hảo. Bài thi được chấm điểm đến 3 lần, còn trình lên Chánh, Phó Chủ khảo quyết định việc đậu rớt và còn 1 lần duyệt xét kỹ lưỡng ở Hội đồng Tam nha, rồi trình lên nhà vua quyết định tối thượng, nếu được y cho, mới chính thức đậu. Bài thi bị điểm loại thì có quan Phân khảo xem xét lại để tránh việc bị rớt oan. Sự phân nhiệm của các chức quan, sự

ngăn cách nơi làm việc của nội ngoại trường, sự cách ly ban Đề điều và luôn luôn có ban Giám sát dò xét bất cứ ai, bất cứ nơi nào trong trường thi. Còn bên ngoài thì có quân canh lính gác suốt ngày đêm, không cho bất cứ ai không có phận sự xác đáng được vô ra trường thi, Luật định, Chánh chủ khảo chỉ ra đề lúc đầu giờ thi và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước triều đình, nên việc lộ đề rất khó xảy ra.

Vì vậy, có thể nói lối cấu trúc thi cử ấy đã đặt vấn đề công bằng lên hàng đầu. Người học giỏi ắt phải đậu, nếu rùi bị rớt là do "học tài thi phận" đã định sẵn, không nên oán trách ai cả. Người xưa quan niệm rằng trường thi là cơ hội để cho các vong hồn trả nợ ân oán. Trong buổi sáng trang nghiêm của lễ Tiến trường, vị Truyền lệnh sứ bắc loa gọi "Báo ân giả tiên nhập, báo oán giả thứ nhập, trường quan thứ thứ nhập chi!". Cho nên học giỏi chưa đủ, còn phải nhờ vào phúc đức của cha ông, kết hợp với sự ăn ở hiền lương của bản thân. Bởi Truyền lệnh sứ đã gửi thông điệp cho thần linh: Mời kẻ báo ân vào trước, báo oán vào sau, và sau cùng mới đến các quan trường lần lượt theo phẩm trật mà vào trường thi, để dự phần vào việc tuyển chọn hiền tài cho triều đình.

Nhưng dù cho cải tiến đến đâu, nền Hán học cũng không thể thích ứng với thời đại văn minh khoa học đang tiến triển rất nhanh. Ý hướng muốn dứt bỏ nền cựu học, đã xảy ra từ nhiều phía. Với những nhà yêu nước thức thời, lối học ấy đã quá lỗi thời, không giúp ích gì được trong việc cứu nguy đất nước, trước làn sóng xâm lược của Tây phương. Nguyễn Khuyến đã than:

Sách vở ích gì cho buổi ấy,

Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già.

(Ngày Xuân Dặn Con Cháu)

Đã vậy, nghi lễ của khoa cử không còn mang ý nghĩa thiêng liêng triều đình chọn hiền tài, mà chỉ là một trò hề của thời kỳ nô lệ:

Hạch triều Hàm Nghi

Thi đời Đồng Khánh

*Bái mệnh Toàn quyền
Bà đầm ngồi trửa (giữa)
Ông lớn ngồi bên
Các ông lạy xuống trông lên,
Vinh hoa áo mao nhục quên mất rồi!*

(Ca dao)

và thậm thía hơn, Trần Tế Xương đã cười chua chát:

*Trên ghế bà Đầm ngoi đít vịt,
Dưới sân ông Cử ngóng đầu rồng!*

(Giễu Người Thi Đồ)

Với những nhà Cách mạng chống Pháp, nền cựu học không những lạc hậu mà còn mê muội, làm cản trở sự tiến bộ của dân tộc, trong công cuộc giải thoát đất nước, ra khỏi ách thống trị của thực dân Pháp. Phan Châu Trinh cho nổ quả bom "Chí Thành Thông Thánh" giữa trường thi Bình Định (1905), làm thức tỉnh sĩ tử cả nước:

*Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bất cổ văn chương thụy mộng trung.*

Trường thử bách niên cam thỏa mạ,

Bất tri hà nhật xuất lao lung.

Trần Quý Cáp dịch:

Muôn dân tôi tớ phùng quyền mạnh,

Tám vế văn chương giấc ngủ mơ.

Dày mặt mĩa mai đành chịu mãi,

Thoát thân trời buộc biết bao giờ.

Còn đối với thực dân Pháp thì ngày nào Nam triều vẫn duy trì nền Hán học tức là còn độc lập về mặt giáo dục, còn thoát ra khỏi quỹ đạo của Bảo hộ. Và nguy hiểm hơn nữa, các thủ lãnh chống Pháp của phong trào Cần Vương, Duy Tân, Đông Du, Kháng thuế, Đông Kinh Nghĩa Thục... hầu hết đều xuất thân từ khoa bảng của nền cựu học. Với họ, muốn bảo vệ ách thống trị, cần phải chận đứng nền cựu học... Vì thế các khoa thi Hương phải vĩnh viễn cáo chung nhường bước cho nền Học chính Tổng qui, quen gọi là nền học Pháp Việt, ban hành bởi nghị định ký ngày 21-12-1917 của Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut. ●

Xuân Tình Trong Ngâm Khúc

Hồng Huy

Trong cổ văn Việt-Nam, ngâm khúc có nhiều hơn, nhưng ở đây, chúng ta sẽ chỉ đề cập tới hai ngâm khúc nhiều người biết: *Chinh Phụ Ngâm Khúc* và *Cung Oán Ngâm Khúc*.

Trước hết, xin định nghĩa chữ “xuân tình” dùng ở đây. Xuân tình là một kết hợp giữa tâm hồn và thể xác. Xuân tình nảy sinh từ cả hai nguồn, tình dục và tình cảm. Tình dục thì vị kỷ, mà tình cảm thì vị tha. Nếu trên chiều xung phát, rung động nặng dần về dục, thì xuân tình chuyển thành dục vọng; nếu rung động thiên về cảm, thì xuân tình được giữ ở mức cảm vọng. Dù là gì, xuân tình chỉ có ở những trường hợp tình đôi lứa, tình nam nữ không có điều kiện để trọn vẹn. Hoặc vì ly cách trong không gian, hoặc vì trở ngại trong tâm lý. Nếu có điều kiện để trọn vẹn, chữ “xuân tình” không hợp. Nói cách khác, “xuân tình” là một thứ tình đơn phương, khác khoái, có cả ở nam lẫn nữ. Nhưng cổ văn thường chỉ chú ý hiện tượng này của nữ giới.

Hãy lấy một thí dụ: Trong bài *Khuê Oán* của Vương Xương Linh, người thiếu phụ thốt nhiên hối hận đã xúi chồng đi xa để lập công danh. Vợ chồng nàng không phải chỉ mới sống xa nhau một đôi ngày, mà có thể đã khá lâu. Nhưng tại sao bấy lâu, nàng vẫn “bất tri sầu”, đợi tới hôm ấy mới “hối”? Chỉ vì khi nhìn thấy màu cây liễu xanh tươi ở bên kia đường, nàng chợt nhớ đến tuổi xuân của mình. Chồng được phong hầu thì có ích gì? Chỉ là chuyện phù phiếm, không cần thiết cho hạnh phúc! Đang tuổi thanh xuân, sức sống dồi dào, nàng có khác gì cây liễu kia? Nhưng sao cây liễu kia xanh tươi mơn mớn như thế, mà nàng thì không? Cây liễu có mưa xuân chăm bón, được gió xuân mơn



trốn, còn nàng thì chồng không ở bên cạnh. Màu xanh của cây liễu gợi cho nàng một thứ tình vọng thầm kín, nhưng không phải là không mãnh liệt. Tình vọng ấy là “xuân tình”.

Trong Truyện Kiều, xuân tình được gợi ra ở chỗ này: Trong đêm sơ ngộ, khi Thúy Kiều vừa đánh đàn xong, trước ánh đèn, dung nhan của nàng trở nên thiên kiều bá mị. Kim Trọng đắm đuối nhìn nàng, nàng âu yếm nhìn lại. Thế là “tắm yêu” bắt đầu nồng, và “sóng tình” bắt đầu xiêu. Nhưng Thúy Kiều đã kịp tự trấn tĩnh và ngăn Kim Trọng lại, cho nên chuyện đáng lẽ xảy ra đã không xảy ra. Và vì thế, khi thất thân với Mã Qui, Thúy Kiều mới ân hận. Ở đây, “tắm yêu nồng” và “sóng tình xiêu” đó là những trạng thái động của “xuân tình”.

Về sau, trong mười lăm năm chìm nổi, Thúy Kiều lăn lóc qua tay không biết bao nhiêu đàn ông, trong đó cũng có người yêu thương nàng không chỉ với tấm tình dành cho kỹ nữ; rồi cũng có khi nàng phải sống xa họ, nhưng chưa bao giờ trong sự nhớ thương của nàng có pha lẫn “xuân tình”. Với Thúc Sinh, không; với Từ Hải, không; cả với Kim Trọng, cũng không! Vì sao? Vì cái oán của Truyện Kiều, của Thúy Kiều, là nỗi oán mệnh, chứ không phải nỗi oán tình. Người thiếu phụ trong bài *Khước Oán*, nghĩ nhớ tới chồng trong khi đang sống yên ổn. Sự yên ổn này, Thúy Kiều không bao giờ có được, suốt đời, và nhất là trong những lúc đang sống xa những người mà nàng yêu thương. Tóm lại, điều kiện của “xuân tình”, ngoài một tuổi trẻ đa tình đa cảm, một khuê gọi của ngoại cảnh, thì một cuộc sống bình yên cũng rất cần.

Nhưng trong hai ngâm khúc mà chúng ta sắp đưa ra phân tích, “xuân tình” nhiều lắm.

Hãy xét *Chinh Phụ Ngâm* trước. Với từng chỗ trích dẫn, chúng ta nên đối chiếu lời thơ dịch với nguyên tác Hán-văn, để thấy rõ ai, Đoàn Thị Điểm hay Đặng Trần Côn, có ý nhấn

mạnh vào “xuân tình” hơn.

Cũng cần lưu ý điều này: *Chinh Phụ Ngâm* chính là một khúc “oán tình”, nhưng không phải toàn thị là “oán tình”. Nàng chinh phụ, ngoài việc thương nhớ chồng, muốn chồng kề cận bên mình, cũng biết nghĩ đến những gian lao nguy hiểm mà chồng phải chịu ngoại chiến địa; cũng biết cân nhắc thiệt hơn. Tuy “*lúc ngoảnh lại ngẫm màu dương liễu*”, thì trong lòng cũng phát sinh niềm ân hận như nàng thiếu phụ của Vương Xương Linh, nhưng rồi cũng biết nghĩ lại, muốn chồng lập được chiến công để đền ơn vua nợ nước. Nỗi oán tình tuy vẫn có đó, hiện diện suốt cả khúc ngâm, nhưng lẫn vào những tình cảm khác, không trở thành quá khác khoải, quá nặng nề. Mà “oán tình” và “xuân tình” có tương quan nhân quả, không phân biệt cái nào là nhân cái nào là quả. Cái kia là nhân mà cũng là quả của cái nọ.

Xin đi vào chuyện.

Bản dịch viết hai câu 53-54 như vậy: *Chàng thì đi cõi xa mưa gió; thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn*. Tại sao chữ “chiếu chăn” xuất hiện ở đây? Chẳng lẽ trong phòng ngủ của hai vợ chồng chỉ có chiếc chiếu nằm và cái chăn đắp là những thứ đáng nói? Chắc chắn còn nhiều thứ khác. Nhưng sau khi tiễn chồng ra trận trở về nhà, vào phòng, nàng chỉ nhìn lại cái giường mà thường đêm vợ chồng nàng cùng nằm. Mới đó, mà người cùng nằm đã đi xa; chiếu chăn đã trở thành kỷ niệm.

Trong nguyên tác, ý trên được viết: *Làng khứt trình hề mộng vũ ngoại; thiếp qui xứ hề tạc dạ phòng* (Đường chàng đi là nơi mưa gió; nơi thiếp về là căn phòng tối hôm qua). Đáng để ý hơn hết là mấy chữ “tạc dạ phòng”. Căn phòng đã có từ lâu, không phải chỉ mới có tối hôm qua. Từ ngày vợ chồng lấy nhau, hai người đã ở trong căn phòng ấy. Nhưng bây giờ chồng đã đi xa, người vợ trẻ nhớ lại những gì gần gũi, những gì vừa mới xảy ra... Chỉ mới tối qua đây thôi, chàng còn nằm đây bên cạnh ta, mà bây giờ ta ngồi đây

một mình, với căn phòng vắng lặng...

Đoàn Thị Điểm hiểu Đặng Trần Côn muốn nói gì với mấy chữ “tạc dạ phòng”, nên đã dùng chữ “chiếu chăn” để diễn ý, không câu nệ theo chữ.

Để tả nỗi mong chồng của người chinh phụ, nguyên tác viết (158-161): *Tín lai nhân vị lai; dương hoa linh lạc ủy thương đài. Thương đài, thương đài, hựu thương đài; nhất bộ nhân đình bách cảm thôi*. Bản dịch theo sát ý (141-144): *Tin thường lại, người chưa thấy lại; hoa dương tàn đã trải rêu xanh. Rêu xanh mấy lớp chung quanh; dạo sân một bước, trăm tình ngẩn ngơ*. Trích cả bốn câu để nhận ra hoàn cảnh, nhưng liên hệ đến vấn đề đang bàn chỉ có mấy chữ “bách cảm thôi”, và “trăm tình ngẩn ngơ”. Hay nhất là chữ “thôi” (thúc giục), và chữ “ngẩn ngơ”. Trong văn chương, những chữ “bách”, chữ “trăm”, chỉ có giá trị tượng trưng, không cần phải đúng “một trăm”. Trong khi sống xa chồng, mong đợi chồng trở về, thư tín thỉnh thoảng cũng có nhận được, nhưng người vẫn bất tâm. Những lần ra sân đi dạo, người vợ trẻ nhận thấy những bông hoa dương rơi xuống đất đã bị rêu xanh phủ lên... Và lần nào, cũng chỉ thấy cảnh thê lương tàn tạ ấy... Ngày qua tháng qua năm qua, nàng chợt giật mình nhớ đến tuổi xuân của mình cũng đang trôi qua. Trong tâm nàng, trong trí nàng, vẫn lên nhiều ý nghĩ, nhiều cảm xúc, không có cái nào nhẹ nhàng trong sáng hết cả. Lo cho chồng ở nơi xa, buồn cho mình đang lẻ loi, tủi cho ngày xanh của mình đang bị lãng quên giống như những cánh hoa đang bị rêu phủ trên sân kia... Và nàng còn rất trẻ (khi ra đi, chồng nàng chỉ mới hai mươi: *Lương nhân nhị thập Ngô-Môn hào*). Và vợ chồng nàng đã từng có những tháng ngày khăng khít bên nhau (*Trang phong lưu đang chừng niên thiếu; sánh nhau cùng đan dẫu chữ duyên*). Những lúc nhớ chồng, hồi tưởng lại cảnh chung sống ngày trước, trong lòng nàng ngổn ngang

trăm mối...

Nguyên tác viết (186-187): *Quân yêm lưu nhị niên, tam niên, cánh tử niên; thiếp tình hoài bách lữ, thiên lữ, hoàn vạn lữ* (Chàng ở mãi nơi xa hai năm, ba năm, rồi bốn năm; thiếp nhớ chàng trăm mối, ngàn mối, rồi vạn mối). Bản dịch viết (165-166): *Kể năm đã ba tư cách diễn; mối sầu thêm nghìn vạn ngọn ngang*. Lời thơ dịch phải được coi là thoát và hay, nhưng xét kỹ, không thật đúng nguyên ý. Với ý đầu, câu “Kể năm đã ba tư cách diễn” chỉ nói lên được cái dài của sự chờ đợi, không diễn tả được sự thấp thỏm, hi vọng rồi lại thất vọng của người vợ trẻ mong chồng. Với ý thứ hai, mấy chữ “mối sầu thêm” không lột được ý ba chữ “thiếp tình hoài”.

Đến chỗ này, tình lo, tình buồn đã nhường chỗ cho tình nhớ. Người thiếu phụ không còn nghĩ đến việc thay chồng lo miếng ăn miếng uống cho mẹ già; thay chồng lo việc dạy bảo con thơ nữa. Cái tình của nàng thu hẹp vào chữ “nhớ”, vào những kỷ vật thân yêu của hai vợ chồng (cành thoa, tấm gương, chiếc nhẫn, viên ngọc), vào những chuyện riêng tư giữa hai người.

Chữ “tình hoài” là chữ đặc địa. Và trong cái “tình hoài” của người thiếu phụ xa chồng ấy, nếu không có “tình xuân” pha lẫn, thì khúc ngâm sẽ không còn là khúc ngâm của thể nhân.

Trong khúc ngâm, có mấy câu rất hay, tả tâm tình người chinh phụ trong khi ngắm hoa dưới trăng: (263-266): *Hoa tiền nguyệt hạ nguyệt tự bạch; nguyệt hạ hoa tiền hoa tự hồng. Nguyệt hoa hoa nguyệt hề ảnh trùng trùng; hoa tiền nguyệt hạ hề tâm xung xung*. Xin để ý mấy chữ “ảnh trùng trùng” và “tâm xung xung”. Bản dịch viết (225-228): *Hoa giải nguyệt nguyệt in một tấm; nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông. Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng; trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu*. Xin để ý chữ “lồng”, chữ “xiết đâu”. Đối chiếu, chúng ta thấy rõ chữ “lồng” dùng rất hay, và đã chữa

lại được sự dùng không đặc của hai chữ “tự” trong nguyên tác. Còn mấy chữ “trong lòng xiết đâu” tuy mơ hồ, nhưng đã lột được ý của chữ “tâm xung xung” trong nguyên tác. Có người hiểu “xung xung” ở đây là “lo buồn”, nhưng hiểu như vậy là “đi từ hại ý”, tách vãn ra khỏi cảnh. Thiếu gì lúc để cho người chinh phụ lo buồn, sao phải đợi đến lúc ngắm hoa dưới trăng nàng mới lo buồn? Lúc này nàng không lo buồn đâu. Nàng chỉ thấy tủi thân! Hoa có trăng nên hoa thắm; trăng có hoa nên trăng trong. Nhưng nàng không có chồng bên cạnh, lòng nàng tan nát rồi. “Tâm xung xung” ở đây có nghĩa như thế, và là mặt tiêu cực của “xuân tình”.

Nhưng không phải tâm tư của nàng chinh phụ lúc nào cũng bóng gió xa xôi như thế. Cũng có khi tâm tư nàng nói lên những lời cụ thể, chân thực hơn, và cũng đáng thương hơn. Nguyên tác viết (301-312): *Thiếp thân bất đáo quân chinh trướng; thiếp lệ bất đáo quân chinh cân. Duy hữu mộng hồn vô bất đáo; tầm quân dạ dạ đáo giang tân. Tầm quân hề Dương-Đài lộ; hội quân hề Tương-Giang tân. Ký đặc kỷ phiên hoan hội xứ; vô phi nhất chấm mộng trung xuân. Thủ thân phản hận bất như mộng; Lũng-Thủy, Hàm-Quan dữ tử thân. Mộng khúc mỗi tăng kinh cánh đoạn; mộng hồi hoàn ố huyễn phi chân* (Thân của thiếp không thể đến chỗ chàng đóng quân; lệ của thiếp không thấm vào khăn của chàng ngoài mặt trận được. Nhưng hồn của thiếp không chỗ nào là không thể tới; cứ đêm đêm hồn thiếp lại tìm đến với chàng. Hồn thiếp đã tìm gặp chàng ở Dương-Đài; đã gặp chàng ở Tương-Giang. Nhưng dù được gặp nhiều lần như thế, cũng chỉ là xuân trong giấc mộng mà thôi. Tấm thân thật này [nghĩ cho cùng] không bằng tấm thân trong giấc mộng; trong giấc mộng thiếp còn được gần gũi cùng chàng ở Lũng-Thủy, Hàm-Quan. Mỗi khi mộng qua, thiếp lại sợ mộng không tiếp; mỗi khi mộng đến, thiếp lại sợ

chuyện không có thật). Bản dịch viết (257-268): *Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng; lệ thiếp nào chút vương bên khăn. Duy còn hồn mộng được gần; đêm đêm thường đến giang tân tìm người. Tìm chàng thuở Dương-Đài lối cũ; gặp chàng nơi Tương-Phố bến xưa. Sum vầy mấy lúc tình cờ; chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân. Giận thiếp thân lại không bằng mộng; được gần chàng bến Lũng, thành Quan. Khi mơ những tiếc khi tàn; tình trong giấc mộng, muôn vãn cũng không*.

Theo sát nguyên tác, nhưng hai câu cuối của bản dịch cực hay. Một nhà thơ cả đời làm thơ, chỉ cần làm được chừng vài chục câu hay như vậy, là danh bất hư truyền.

Còn về “xuân tình”, thì trong suốt ngâm khúc, đoạn này có những ý rõ hơn cả. Ngoài những chữ “Dương-Đài”, “Tương-Phố” thường được dùng để đề cập chuyện nam nữ ái ân, nam nữ tương hội, những chữ “trên gối, mộng xuân” còn là những chữ nói thẳng. Nhưng đối chiếu cho tinh vi, chúng ta sẽ thấy ba chữ “mộng trung xuân” của Đặng Trần Côn táo bạo và thật hơn mấy chữ “một giờ mộng xuân” của Đoàn Thị Điểm. “Mộng xuân” là “giấc mộng của tuổi xuân, giấc mơ xuân, giấc mơ của xuân tình”. Còn “mộng trung xuân” là cái “xuân hoan” trong giấc mộng. Chính chữ này mới khớp được với câu cuối: “Tình trong giấc mộng, muôn vãn cũng không”. Nghe cũng tội nghiệp như câu “Một tháng đôi lần, có cũng không” của Hồ Xuân Hương.

Với câu 349-350, nguyên tác mượn ý và lời của bài *Khuê Oán*: *Hồi thủ trướng đề dương liễu sắc; hối giao phu tế mịch phong hầu*. Bản dịch viết (297-298): *Lúc ngoảnh lại ngắm màu dương liễu; thà khuyên chàng đừng chịu tước phong*. Đây cũng là một trường hợp cảnh xuân gợi tình xuân, như trường hợp ánh trăng quện màu hoa trên kia. Và chữ “xuân” nói đây nên hiểu theo nghĩa “sức sống rạo rực”.

Trong khúc ngâm, có một đoạn

nhắc đến một thi tứ có từ đời Đường “những đóa hoa hoan phối với gió” (đào lý giá đông phong), và một hình ảnh tình hoan truyền thống “Chức-nữ Ngưu-lang tương hội”. Nguyên tác viết (381-384): *Khả lân ngộ tận lương thời tiết. Lương thời tiết, Diêu-hoàng Ngụy-tử giá đông phong; lương thời tiết, Chức-nữ Ngưu-lang hội minh nguyệt. Khả lân uổng thủ nhất không phòng!* (Thật đáng thương, bao nhiêu ngày tháng đẹp đều bỏ lỡ! Ngày tháng đẹp, những đóa mầu đơn diêu-hoàng từ-ngụy đón gió đông; ngày tháng đẹp, Chức-nữ và Ngưu-lang gặp nhau dưới ánh trăng. Nhưng thật đáng thương cho phận thiếp, lúc nào cũng phải giữ một căn phòng trống). Bản dịch viết (328-333): *Khá thương lỡ hết mấy phen lương thì! Xảy nhớ khi cành Diêu đóa Ngụy, trước gió xuân vàng tía sánh nhau... Nọ thì ả Chức chàng Ngâu, tới trăng thu lại bắc cầu sang sông... Thương một kẻ phòng không lương giữ!*

Đây cũng là “xuân cảnh, xuân ý” gọi “xuân tình”. Nhưng đến câu cuối của đoạn này, “tình oán” trở nên chất ngất, thảm thiết. Xin để ý những chữ “uổng thủ nhất không phòng” và “phòng không lương giữ”. Hai chữ “uổng” và “lương” thể hiện nỗi oán. Riêng chữ “không” thể hiện cái “xuân” của người thiếu phụ xa chồng.

Căn phòng ngủ của vợ chồng nàng, trước kia cũng như bây giờ, đâu có lúc nào là một căn phòng trống? Sau ngày chồng ra tòng chinh, chắc chắn đồ đạc trong phòng vẫn được giữ nguyên như cũ. Nhưng vắng người thương, thiếu phụ cảm thấy căn phòng trống vắng. Cũng giống một người quen ngủ đôi, bây giờ có đắp chăn nhưng nằm một mình thì vẫn cảm thấy lạnh. Đây là cái “trống không”, cái “lạnh lẽo” tâm lý, và cũng là hướng phát động tiêu cực của tình xuân.

Khía cạnh này thường được cổ văn khai thác. *Tì Bà Hành* của Bạch Cư Dị có câu: *Khứ lưu giang khẩu, thủ không thuyền; nhiều thuyền*

minh nguyệt, giang thủy hàn. Phan Huy Vịnh dịch: *Thuyền không đỗ bến mặc ai; quanh thuyền trăng giải, nước trôi lạnh lùng.* Chữ “không” ở đây cũng là chữ “không” nói trên kia. “Không” tức là “không có người đàn ông thương yêu bên cạnh”. Hiểu theo một cách khác, nếu trong thời gian vắng chồng, nếu người vợ không còn trẻ nữa, thì chữ “không” này sẽ giảm đi sức nặng.

Nhưng nỗi nhớ chồng của người chinh phụ cũng có khi trở nên đa diết, và cụ thể. Nguyên tác viết (401-402): *Xuân các, trùng hoài bồi tiểu kiếm; hoa lâu, thượng ký giải hương la* (Đứng trên gác xuân, ta nhớ mãi những lần cùng chàng kề mặt tươi cười; bước lên lầu hoa, ta nhớ lại những lần mở giải lụa thơm). Nên chú ý mấy chữ “giải hương la”. Nàng chinh phụ không phải là phụ nữ Hồi-giáo, lúc bấy giờ lại đang ở nhà cùng chồng. “Hương la” nói đây chắc không phải là tấm khăn che mặt. Vậy “giải hương la” là cởi cái gì ra? Ngòi bút của Đặng Trần Côn không đủ bạo để nói cho hết ý, mà Đoàn Thị Điểm là đàn bà, nên đã dịch tránh đi (349-350): *Gác nguyệt nọ, mơ màng về mặt; lầu hoa kia, phảng phất mùi hương.*

Ở phần gần cuối, khúc ngâm có vẽ lại những hình ảnh “chung đôi” có tính cách ước lệ trong văn chương: *Đôi uyên ương ngoài đồng; hai con én trên rường; đôi chim “kiếm” liềm cánh bay; cặp sâu “cùng” lúc nào cũng châu đầu; giống cây liễu cành nhánh quán quýt nhau; loại hoa sen luôn nở hai bông...* Thật ra, vì có tính cách lý trí, những hình ảnh này không vẽ nên cái “tình xuân” của người vợ trẻ mong chồng. “Tình xuân” có tính cách xung phát, không thông qua lý luận. Cũng giống như thế, những ý “*xin làm bóng theo cùng chàng vậy; chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên*” (nguyện vì ảnh hề tùy quân biên; quân hữu hành hề thiếp bất viễn), nghe hay, nhưng không thật.

Trong *Chinh Phụ* bản dịch, gọi được tình “xuân tình” một cách kín

đáo thường là những chữ rất đơn sơ: *Nương song lưỡng ngán ngơ lòng* (235); *Ngửa trông xem vẻ thiên chương thần thờ* (312). Chúng ta chỉ cần tự hỏi tại sao trong khi đứng dựa song, người vợ trẻ xa chồng lại “ngán ngơ”; trong khi ngước mắt nhìn sao, nàng lại “thần thờ”, thì tự khắc hiểu “tình xuân” là cái gì. Và cũng từ đó, nhận ra Đoàn Thị Điểm không là chinh phụ, nhưng đã thấu hiểu nỗi lòng của nàng chinh phụ. Hiểu đúng hơn Đặng Trần Côn. Vì bà là đàn bà.

Bây giờ, xin bàn đến *Cung Oán Ngâm Khúc* của Nguyễn Gia Thiều.

Có mấy điều cần nói chung, để khỏi thắc mắc cho từng trường hợp: Khác với *Chinh Phụ*, *Cung Oán* từ đầu chí cuối là một khúc “tình oán”. Cũng có những chỗ, người cung phi suy nghĩ đông dài về những điều triết lý của kiếp phù sinh. Nhưng đó không phải là chuyện cốt lõi. Suốt khúc ngâm là một tràng hồi ức: Nàng cung phi nhớ lại thời chưa nhập cung, tiếp theo là những lần được sủng ái, rồi sau cùng là chuỗi tháng ngày bị bỏ quên. Tình xuân xuất hiện mọi lúc, nhưng đúng mức khác khoải là ở phần cuối.

Người viết *Chinh Phụ* là một thi sĩ-văn quan; người dịch *Chinh Phụ* là một bậc nữ lưu khuê các. Người viết *Cung Oán* là một nhà thơ-vương hầu có nếp sống phong lưu phóng túng, đã từng làm tướng xông pha trận mạc. Ngôn từ của hai tác phẩm có chỗ khác nhau là lẽ tất nhiên. Giả sử hai bà được hỏi thích khúc nào, thì có lẽ bà huyện Thanh-Quan chọn *Chinh Phụ*, nhưng Hồ Xuân Hương sẽ chọn *Cung Oán*.

Xin đi vào truyện.

Trong *Cung Oán*, có những chỗ kể lại chuyện cũ, có những chỗ ghi lời than trách, có những chỗ vẽ nên ước vọng... Nhưng tất cả đều là những ý nghĩ thầm kín trong tâm trí của người cung phi. Không có ý nào được nói lên thành lời, kể cả những câu mới nghe có thể tưởng là phải hét lên thật to: *Tay nguyệt lão chẳng*

xe thì chớ; xe thế này, có dở dang không? Tác giả nghĩ rằng người cung phi của ông nghĩ như thế, thì ghi ra như thế.

Ý nghĩ thầm kín của một người cung phi tài mạo, đã một thời được vua sủng ái, bây giờ bị bỏ rơi, hẳn phải có nhiều điều đặc biệt. Nói ra thành lời cho kẻ khác nghe, thì có chỗ khó nói. Nhưng chỉ nghĩ trong lòng, thì không còn điều gì trở ngại. Và như trên đã nói, những ý nghĩ thầm kín ấy lại được một ngòi bút đàn ông ít kiêng kỵ nói giùm, thiết tưởng phải thành thực. Vậy, chúng ta hãy xem người cung phi của Ôn Như Hầu thành thực đến mức nào.

Trước hết, đây là nàng cung phi tự đánh giá về đẹp của mình (15-16): *Bóng gương thấp thoáng trong màn, cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa.* Còn ai dám bảo là cây cỏ vô tình nữa không? Chỉ mới thoáng thấy bóng người đẹp, cỏ cây đã động lòng. Nhưng chuyện lạ ở đây không ở chỗ “cỏ cây biết động lòng”. Vì đẹp quá thì cỏ cây làm sao khỏi động lòng? Chuyện lạ là cỏ cây động lòng mà người biết. Và cái biết ở đây trở lại trong hồi ức, nhiều năm sau.

Nhưng cứ cho là như thế đi, nếu không thì không thành chuyện. Vấn đề nằm ở chữ “mây mưa”. Một người cung phi, dù khi hồi tưởng đang ở cái thế tức nước, nhưng dám dùng chữ ấy để ám cho mình, thì kẻ cũng là bạo. Bước được một bước khó khăn đầu tiên ấy, câu chuyện giữa nàng với chúng ta chắc sẽ dễ dàng.

Từ cỏ cây, chuyện mới thấy đã động lòng được chuyển sang người. Đàn ông chưa gặp nàng, chỉ mới nghe đồn về tài mạo của nàng, cũng nổi lên lòng ham muốn: *Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn, bệnh Tề-Tuyên đã nổi lên dùng dùng* (31-32). Bệnh của vua Tề Tuyên là bệnh hiếu sắc. Nhưng thói hiếu sắc mà “nổi lên dùng dùng” thì kẻ cũng là ghê gớm. Và ở đây, nàng cung phi nghĩ nhớ về những hiệu ứng ngầm mà nàng đã gây cho đàn ông ngày trước, ngày còn trẻ chưa nhập cung. Nhưng lúc hồi tưởng, xung quanh nàng không

có người đàn ông nào. Cho nên “di ảnh” này được kể cho tình xuân của riêng nàng.

Trong khúc ngâm, còn có những chữ khác nhẹ nhàng hơn, kín đáo hơn, nhưng cũng được dùng để chỉ trạng thái tình động của con người, hay rõ hơn, của một người đàn bà đã từng hiểu biết chuyện đời. *Nước dương muốn rảy nguội dần lửa duyên* (48). Cho chữ “lửa” đi đôi với chữ “duyen” là đã gọi đúng tên sự việc. Vì “duyen” đây là tình nam nữ, là lòng trần; nó là ngọn lửa, có khi bùng to, có khi âm ỉ, nhưng rất khó dập tắt. Trong Truyện Kiều cũng có một ý giống: *Cho hay giọt nước cành dương, lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyen* (1931-1932). Những giọt cam lộ của Đức Quán Thế Âm có hiệu lực tới đâu thì cũng còn tùy duyên, nhưng con người mà đem “lòng trần” của mình ra so với lửa, thì cũng đã là tự hiểu và thành thực.

Có một đoạn gọi lại cái đêm đầu tiên nàng cung phi chung chăn gối với vua (135-156): *Cái đêm hôm ấy đêm gì... Ký ức của nàng cung phi thật cường kiện; hình ảnh nào cũng đầy sức sống: - Bóng dương lồng bóng trà mi trập trùng; - chồi thược được mơ màng thụy vũ; - gió đông thổi đã cợt đào ghẹo mai; - xiêm nghề nọ tả tơi trước gió; mây mưa mấy giọt chung tình; - mây ngai lẩn mặt rồng lồ lộ; - sắp song song đôi nổ nhàn duyen; - hoa thơm muốn đội ơn trên; - cam công mang tiếng thuyền duyên với đời.*

Nhớ đủ, nhớ rõ đến mức ấy, làm sao nàng không hồn oán khi “bỗng không mà hóa ra người vị vong”?

Nhưng thật ra, khi chưa bị trăm bề ghẻ lạnh, nàng cung phi cũng đã ý thức được cảnh “ba ngàn chiếc én chen nhau trên một cây cù mộc”. Tuy biết như thế, nhưng những tiếng lòng thốt ra trong tâm tư nghe thật đau xót: *... mặt trời gang tấc; chữ xuân riêng sớm chực trưa chiều. Phải duyen hương lửa cùng nhau; xe dè lộ rắc lá dâu mới vào? Đứng về mặt dùng chữ, không có trường hợp nào khác trong cổ văn, chữ “chữ xuân”*

được dùng hay bằng ở đây. Các bạn thử tìm một chữ khác thay vào xem. Có lẽ không có chữ nào thay được, phải không? Chỉ có chữ ấy mới thể hiện đúng điều nàng cung phi nghĩ tới.

Rồi, tiếp theo là những chữ “thừa ân” (171: *Thừa ân một giấc canh tà*), “gần gũi” (174: *Những khi nào gần gũi quân vương*), “mộng xuân” (176: *Đố ai mua được một tràng mộng xuân*) cũng đều nói lên nỗi “hoài xuân” của nàng cung phi. Nhưng những chữ ấy không đủ kín để trở thành ý nhị thâm trầm, lại không đủ rõ để trở thành bạo như “bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra”.

Đủ bạo là những câu này:

- *Thôi cười nọ lại nhần mây liễu; cợt hoa kia lại giễu gót sen; thân này uốn éo vì duyên* (177-179). Các bạn có thấy chữ “duyen” dùng rất khéo không?

- *Vốn đã biết cái thân câu chớ; cá no mồi cũng khó nhử lên* (201-202). “Câu chớ” là câu kén, không phải đúng chỗ mình có quyền câu mà cũng tới buông câu. Chữ này cực tả được thân phận chung chông của người đàn bà. Khi bực mình, người cung phi nhận ra mình chỉ là phận “câu chớ”, nên cũng dám bạo gan ví vua với con cá no mồi.

- *Trên gác phượng, dưới lầu oanh; gối du tiên hãy rành rành song song* (247-248). Chữ “du tiên” mang nghĩa bóng, nhưng chữ “song song” là chữ tả chân hình tượng. Nàng cung phi đã từng cùng nhà vua dặt nhau lên tiên bên cặp gối kia, bây giờ đôi gối vẫn còn nằm cạnh nhau; nhưng hai người không còn gần nhau nữa. Thế cho nên, đã lăm phen dưới ánh trăng khuya, nàng cung phi (nghĩ mình đã luống tuổi), lại càng thêm “bực mình hoài xuân” (252: *Cành hoa tàn nguyệt bực mình hoài xuân*).

Nhưng người cung phi tự biết sống trong tuyệt vọng thì sẽ không sống nổi, nên nàng cũng cố gắng nuôi hi vọng một đêm nào đó được vua vời. Thật ra, có hi vọng để rồi thất vọng thì lại càng thêm thê thảm hơn

không có chút hi vọng nào. Những người đàn bà đang có cuộc sống chung đôi, không bị chút dằn vặt nào về thể xác lẫn tâm hồn, nghe những câu này liệu có ai là không xúc động (269-284): *Khi trận gió lung lay cành bích; nghe rì rầm tiếng mách ngoài xa; mơ hồ nghĩ tiếng xe ra; đốt phong hương hã mà hơi áo tàn. Ai ngờ tiếng đế ran rì rĩ; giọng bi thu gọi kẻ cô phòng; vắng tanh nào thấy vân mông; hơi thê lương lạnh ngắt song phi huỳnh. Khi bóng thỏ chênh vênh trước nóc; nghe vang lừng tiếng giục bên tai; đề chùng nghĩ tiếng triệu đời; nghiêng bình phấn mốc mà gởi má nheo. Ai ngờ tiếng quên kêu ra rả; điệu thương xuân khóc kẻ sương khuê. Lạnh lùng nào thấy ủ ê; khí bi thương sức nức hè lạc hoa.* Đọc đoạn này, hãy bỏ qua những điều thậm xưng, chỉ dùng tâm tình chân thật của người “ở chốn bình yên no đủ” mà cảm, thì không khỏi tự hỏi sao ở đời lại có sự bất công tàn nhẫn đến như thế.

Trong cảnh huống tuyệt vô hi vọng, cũng có khi nàng cung phi cảm thấy hối hận. Nàng hối đã trót ham bả vinh hoa mà chịu tiến cung để bây giờ, khi tỉnh “giấc mơ vua” thì không có được những điều tối thiểu mà bất cứ người đàn bà quê mùa nghèo khổ nào cũng có. *Cùng nhau một giấc hành môn; lau nhau riu rít cô con cũng tình (295-296); Thà rằng cục mịch nhà quê; dầu lòng nũng nịu nguyệt kia hoa này (299-300).* Đem hồng thúy mà làm chi, bóng bội hoàng mà làm gì, một khi một chút yêu đương cũng không thỏa!

Nhưng tất cả đều đã muộn! Nàng cung phi đã tự giam mình vào kim ốc rồi. Chỉ còn một cách là sống trong thèm khát, trong ước mơ, trong ganh tị, cho qua ngày... Để rồi thỉnh thoảng, những hoài niệm ái ân lại trở lại giày vò. *Vườn thượng uyển hoa cười với nắng; lối đi về ai chẳng chiều ong; duềnh nhâm một dải nông nông; bóng dương bên ấy, đứng trông bên này (317-320).* Câu cuối nghe thật thảm thiết. *Tình rầu rĩ làm*

cô quạnh

*Một góc trời riêng cạnh cuộc đời
Ta về che giấu nỗi đơn côi
Xin đừng gõ cửa, đừng kêu gọi
Đừng gọi buồn thêm, nhân thế ơi!*

*Sáng nắng dằng đông, chiều nắng tây,
Nửa ngày hoang vắng, nửa vòng quay.
Nửa đêm gối chiếc, phòng đơn lạnh
Vụt sớm tàn theo giấc ngủ say.*

*Cứ thế thời gian chuyển bước đều
Trăm năm còn lại được bao nhiêu?
Còn chăng một chút tình di hận
Một dấu hỏi to sau chữ yêu.*

*Bóng dáng ngày xưa đã nhạt nhoà
Hương nồng một thuở cũng phai pha
Còn đây một góc trời cô quạnh
Một góc trời riêng, ta với ta.*

b.h.t.



khuây nhĩ mục; chốn phòng không như giục mây mưa. Giấc chiêm bao những đêm xưa; giọt mưa cứu hạn còn mơ đến rày (321-324). Ôi, nàng cung phi bây giờ không còn dám làm cao nữa, đã phải coi mình là cánh đồng lâu ngày nắng hạn chờ mưa. Nhưng đợi mãi, mưa vẫn không rơi xuống. *Tay tạo hóa có sao mà độc; buộc người vào kim ốc mà chơi! Chống tay ngồi ngẫm sự đời; muốn kêu một tiếng cho dài kéo cãm. Nơi lạnh lẽo, nơi xem gần gần; há phai son lạt phấn ru mà? Đau lòng cho nàng cung phi hơn nữa là trong cung không phải là ai cũng bị bỏ rơi. Vẫn có người, son không tươi phấn không thắm gì hơn nàng, nhưng lại được vua sủng ái. Đôi khi nàng tự hỏi nàng có lỗi gì, mà mới đó... Nàng quay lại nhìn nơi lần đầu được thừa tiếp long ân. Ngọn hoa chúc vẫn còn kia. Chùm hoa “tịnh đế” biểu tượng cho duyên đôi lứa vẫn*

còn kia. Thế mà....

Cuối cùng, nàng cung phi trở về với chính nàng, với thực trạng không thể thay đổi: *Buồn này mới gọi buồn sao; một đêm nhớ cảnh, biết bao nhiêu tình (351-352).* Đáng lẽ hai câu này kết thúc khúc ngâm, nhưng Nguyễn Gia Thiều lại viết thêm mấy câu kéo dài cái hi vọng hão huyền của nàng cung phi, khiến không khí lại loãng ra. Chúng ta thử đọc lại câu bát dẫn trên: *Một đêm nhớ cảnh, biết bao nhiêu tình.* Cảnh mà nàng cung phi nhớ trong một đêm nào đó là cảnh gì? Những thứ tình gì đã đến với nàng trong một đêm nhớ cảnh kia. Ngẫm nghĩ về những ý ấy, chúng ta sẽ thấu hết cái tình xuân của *Cung Oán Ngâm Khúc*. Khác với *Chinh Phụ*, *Cung Oán* là một tình khúc bi đát. Xuân tình trong *Cung Oán* là một thứ xuân tình đốn đau. ●

Tôi đã để hồn vía mình xiêu lạc trong nhiều ngày tháng qua, cho nên cứ mãi ngẩn ngơ không giải quyết được một điều gì. Đôi chân nhẹ tênh như người phiêu phưởng trên mây, dù đầu óc nặng nề trăm nghìn nghĩ suy phiền toái khóc và cười. Cùng một lúc, hai trạng thái đối nghịch đó chiếm lĩnh con người tôi bất cứ giờ khắc nào, ngày hay đêm, biến tôi thành ương ương, dở dở, không cách chi kèm chế để tự bình phục.

Không có Ba. Không còn má. Không anh em và bà con thân thuộc. Tôi không có một ai bên cạnh để có thể vấn kế, hay chỉ để trút bỏ một chút tâm sự u ám của riêng mình, cho nên, tôi cứ mãi loay hoay, lặn ngụp trong những nỗi niềm riêng và dự đoán, một ngày nào đó, tôi sẽ trở thành một người điên thật sự, chứ không phải nửa mê, nửa tỉnh, như bây giờ.

Bây giờ của tôi thì thật là thê thảm và khốn khổ. Có thật khốn khổ và thê thảm lắm không, khi con người ta đang yêu? Hay tôi chỉ tự bi thảm hoá tình trạng rắc rối của mình? Mười sáu tuổi lần đầu yêu đương điên cuồng. Để rồi mười tám năm sau đó, biết thêm một lần yêu đương cuồng dại. Tôi đưa hai bàn tay lên, ôm siết cái đầu hỗn độn của mình, ao ước tìm chút thanh thản dù biết, có lẽ, sẽ không bao giờ sống lại được những năm tháng yên bình, trước đây. Người ta có tình yêu, nghĩa là người ta có hạnh phúc. Tôi đang có tình yêu, nhưng trái tim tôi lại đập những nhịp trầm thống rã rời và đầu óc không ngừng đau đớn với những suy tưởng về quá khứ lẫn hiện tại. Làm sao, tôi có thể dễ dàng đốt cháy quá khứ, để chỉ còn hiện tại và chuẩn bị cho tương lai?

"Hiện tại là anh, Tương lai là anh. Bỏ qua quá khứ. Anh sẽ không bao giờ để cho em nhắc lại quá khứ nữa". Đôi tay Thiều áp lấy mười ngón tay gầy guộc của tôi, dỗ dành. Tôi nhắm mắt để trái tim mình run rẩy nghe theo. Tôi gật đầu thấy Thiều là hiện tại, là tương lai, là tất cả. Nhưng khi trở về nhà, nhìn lại khuôn mặt sầu thảm của mình trong gương, lập tức, tôi nhìn thấy cái mặt gương kia cất tiếng kêu gào: "Hãy dừng lại. Hãy biết dừng lại". Nước mắt tôi rơi rụng tức thì và môi cười cùng những phút giờ hạnh phúc bên Thiều tan biến nhanh chóng. Tôi chìm đắm trong những dần vật, xót xa. Tôi khổ sở, ray rứt cho đến lúc gặp lại Thiều. Cứ thế, ngày tháng của tôi qua đi, rất mau mà cũng rất chậm chạp, nặng nề. Xem như hơi thở tôi chỉ là lát lay thoi thóp lúc một mình và hồi sinh, khi có Thiều bên cạnh. Những mâu thuẫn cứ dâng xé lấy nhau. Tôi nhai nhai câu bài học vạn vật năm nào: "Phía giữa tim là một vách ngăn không cho hai tâm nhĩ và hai tâm thất thông với nhau. Như vậy, tim được chia ra làm hai nửa riêng biệt: nửa phải chứa máu đen và nửa trái chứa máu đỏ", để ngậm ngùi trầm nghĩ: phía giữa tim tôi là một bức tường, máu đen là quá khứ, máu đỏ là tương lai, hai ngăn tim không được thông nhau, nhưng nếu một ngăn không hoạt động thì bức

Đời Mãi Ngậm Ngùi

Dương Thị Vành Khuyên



tường hiện tại kia, con chim khuyen nhỏ có bộ lông màu vàng chấy cùng tiếng hót ngọt ngào là đứa con gái yêu dấu của tôi kia, liệu có cùng tôi đứng vững giữa đời?

Mười mấy năm qua, chưa hề một lần trong đời tôi tưởng nghĩ, mình lại có thể yêu đương đắm mê, cuồng nhiệt như đã thế, với Thiều. Đời sống của một người đàn bà độc thân nhưng có đứa con luôn luôn bên cạnh, như tôi, đã trôi qua, bình lặng và êm đềm. Tôi đã đợi chờ trong nhiều năm, ước ao ngày trùng phùng để nói với người một đời, rằng chúng mình đã có với nhau, một đứa con. Nhưng khi tới được bến bờ, mới hay, người năm xưa thề hứa đã vui duyên mới, thôi đành một mình bẽ bàng, câm nín nuôi con. Tôi đã sống với một tương quan duy nhất trên xứ người, là đứa con của một lần trao thân ma muội. Tôi tự từ chối bạn bè và những mối liên hệ chung quanh, tuyệt vọng khốn khổ nhưng sau đó đã gắng gượng vui sống để dạy dỗ con mình. Tôi tập từ bỏ khuôn mặt lạnh buốt vì mặc cảm và tự ái để cười với đứa con, để can đảm đối phó với đời sống muôn mặt. Sau những mất mát và đổ vỡ, tôi đã thành đứng vững trước mọi sự việc để bình thản bước tới.

Sự xuất hiện của Thiều đối với tôi không có chút gì gọi là đặc biệt. Bởi lẽ, tôi đã tự quá lâu không còn thấy xuyên xao, hay rung động trước một người khác phái nào. Cuộc đời tôi đã tan nát. Duyên số tôi đã lỡ làng. Cuộc sống tôi quá chông chênh. Chỉ còn là trách nhiệm nặng nề vừa làm cha, vừa làm mẹ, cố sao cho đứa con được nên người. Tôi tự nhủ phải tránh xa chuyện tình cảm lứa đôi, cho nên đã chỉ cười buồn trước những lời tán tỉnh, mời mọc. *Đời sống sẽ qua mau. Mình chắc sẽ quên nhau. Một chốc lát nhớ tới cho hồn giàu.* Tôi tự an ủi mình bằng những câu hát, những lời thơ. Tôi tìm giải khuây sau những mệt nhọc, rã rời chạy đua với cơm áo, gạo tiền bằng cách chuyện trò với đứa con, học hành chung và tham dự luôn cả những sinh hoạt của nó. Tôi tự trấn an lấy mình khi miệt mài dồn hết năng lực vào việc

dạy dỗ đứa con, rằng con của tôi sẽ có một đời sống tốt đẹp, rằng tương lai của con tôi sẽ là bình minh rực rỡ. Bởi, tôi đã và sẽ nhận đủ hẩm hiu cho đời mình.

Tôi với Thiều đã quá quen mặt nhau trong nhiều năm. Mỗi ngày đụng đầu mấy lượt, chuyện mưa nắng, chuyện trên trời dưới đất, chuyện đầu đầu cũng dễ dàng trao đổi trong tình đồng nghiệp. Bởi, Thiều có cái miệng tía lia, còn tôi sau nhiều năm tháng làm mặt lạnh với đời, đã tự rút được kinh nghiệm, là cứ nếu làm thinh, thiên hạ sẽ tưởng mình hiền lành, nhút nhát nên tha hồ tán tỉnh, bông đùa. Nếu cười nói dạn dĩ, họ sẽ thấy mình cũng "thường tình", tự động họ tránh xa ra.

- Tên cúng cơm của tôi là Thiều. Tôi thật không thích cái Tên Mỹ này. Nhưng vì không muốn phụ lòng má bảo trợ của tôi, nên đã giữ lại trên giấy tờ. Ngờ có thể gọi tôi là anh Thiều.

Lời giới thiệu dông dài cho tôi cái kết luận "ba hoa" và hai tiếng "anh Thiều" như kẻ cả làm cánh môi tôi cong lên:

- Được thôi. Chào anh khô cá Thiều! Tôi là Ngộ, không phải Ngò.

Nụ cười mang chiếc răng khểnh cùng hai cái lúm đồng tiền sâu ngoáy vẫn chưa chịu tắt, như cố tình khoe cái đặc biệt của mình:

- Tôi thích là Ngò. Vì Ngò nghe dễ thương hơn.

Tự buổi đầu đã giờ trò tấn công. Tôi dùng nụ cười để chống đỡ. Không biết tự lúc nào, tôi đã bỏ được khuôn mặt khó đăm đăm và đỏ bừng mỗi lúc bị chọc ghẹo. Tôi đã biết sử dụng nụ cười phớt đời và "đồng tình", tự xem mình ngang hàng như đàn ông con trai và cùng tham dự luôn những trò nghịch phá của họ. Tôi đã dám héch mui gật gù khi Thịnh trêu "tôi biết Ngộ bây giờ cũng tỷ như là con gà cứng cựa, sẵn sàng ra trận thi đấu lúc nào". Tôi cũng nhíp theo, khi Ngà gõ bàn "nữ hãy còn xuân xanh, má nữ còn đỏ, môi nữ vẫn hồng, tức là tình duyên vẫn nồng, nữ đừng mang mặt nạ,

đừng tập băng giá, mà hãy nghe ta, lựa một thằng cha, làm bạn cận kề, buồn vui kể lể, nếu được tiện thể, tiến đến hôn nhân." Phải nói là tôi may mắn lắm khi được nhận vào làm việc ở đây, vì tình đồng nghiệp êm ấm như gia đình. Có lẽ, bởi bản thân tôi đã nhận chịu quá nhiều thiệt thòi, khổ ải nên ông trời cũng đoái thương cho gặp người hiền, việc tốt. Ở chỗ làm cũ, tôi luôn luôn phải sống trong "tình trạng chống đỡ", vì thiên hạ thích soi mói, bươi móc cảnh đời riêng của tôi hơn là cảm thông, chia sẻ. Nơi đây, tôi không phải gồng mình, không phải thủ thế và chưa một ai hỏi tôi về một-người-đã-gọi-là-chồng, chưa một ai dè bĩu khi thấy đàn ông nói chuyện với tôi. Và tôi đã có được một cuộc sống yên bình, đầu tôi đã bớt những nghĩ suy nhức nhối, không còn trách oán chi kẻ bạc tình mà chỉ thấy ngậm ngùi cho duyên số, cho hoàn cảnh. Đầu phải chỉ riêng tôi lỡ làng! Có biết bao cuộc phân ly, tan tác vì sự thay đổi vận mệnh của đất nước. Thì thôi hãy chấp nhận và yên phận để sống cho qua kiếp này.

Kiếp này của tôi sau một lần vấp ngã đã đủ thấm thía để vẽ cho mình một tương lai cực kỳ đơn giản. Là đứa con sẽ học thành tài, sẽ có một mái ấm gia đình hạnh phúc, tôi sẽ sung sướng làm một bà ngoại chăm chút cháu thơ. Nhịp sống sẽ đều đặn, êm đềm trôi qua theo ngày tháng cho mãi đến khi nhắm mắt lìa đời.

Nhưng, mọi chuyện đã xáo trộn một cách không ngờ. *Tình yêu đã đến đây như một ngày con bão chuyển qua đại dương.* Tôi vẫn nhai nhai những câu hát, để đôi lúc mỉm cười một mình, vì thấy, chuyện tình yêu bây giờ đối với tôi chỉ là một thứ gì đó xa xôi mà tôi đã trải qua, lâu như từ kiếp trước. Làm gì có chuyện *phút đầu gặp nhau tình tứ quay cuồng*, trong khi tôi đã cũ xưa, như trái đất. Tôi nói chuyện với Thiều dễ dàng như bạn bè, sau khi yên lòng nhận ra, Thiều không hề có ý tán tỉnh gì cả. Thiều tự nhiên và cởi mở với tất cả mọi người, không

riêng gì tôi. Đã có lúc tôi tự chế giễu lấy mình, giờ tuổi đã già, đâu phải xuân xanh, mà cứ tưởng người khác phải hay ghé mắt dòm ngó. Hãy thôi tự phòng thủ, vì môi đâu còn đỏ, má đâu còn hồng, ai hơi sức nào mà tơ tưởng tới thiếu phụ ôm con. Hãy nhìn lại mình. Tóc đã không bao giờ dài ra đủ để cho tròn một bàn tay vuốt. Nó chỉ còn đủ để tay tôi lùa vào, hất ngược lên, ngạo nghễ nhìn mình trong gương, khóc không ra tiếng và nước mắt chảy vào trong lòng. Lâu lắm rồi, tấm gương không còn là nơi nhìn ngắm nhan sắc, mà chỉ để thấy chua chát phận mình. *Em nên điểm phấn tô son lại. Ngạo với nhân gian một nụ cười.* Nhiều lúc tôi cảm thấy mình cũng còn đôi chút ăm ức khó chịu, khi nghĩ tới những câu thơ trong tiểu thuyết, cũng còn muốn ngạo với nhân gian một nụ cười. Nhưng nhìn đứa con lớn lên, lòng tôi lắng xuống, an phận. Quần áo, giày dép của tôi là mặc thừa từ đứa con. Tuổi trẻ cần thay đổi và chăm chút bề ngoài, tôi nhận lấy phần thiệt thòi để cho con mình đầy đủ về vật chất, mặc cho đứa con cứ đứng dậm chân trong phòng thử quần áo nhiều lần, bắt mẹ phải mua quần áo cho chính mẹ. Từ lúc đứa con đủ tuổi để đi làm kiếm tiền sau giờ học, đã hết nhãn nhó cười nhìn mẹ cầm chiếc quần jean, cái áo thun rũ rũ vài cái rồi xỏ vào đi làm, tự nhiên như đàn ông, bắt đầu tự sắm sửa cho mẹ "trang phục như lady", tôi cũng chỉ buồn bã nhận ra, mình đã quá tuổi để trang điểm lại. Thời của tôi đã hết. Tuổi trẻ của tôi đã qua. Đứa con thường hãnh diện khi thiên hạ cho rằng tôi là chị của nó. "đó là sự thật", nó cãi lại, khi tôi "phân tích", rằng người Mỹ luôn luôn giữ lịch sự bề ngoài, cuộc đời họ lúc nào trên miệng cũng sẵn sàng *Excuse me, I am sorry, Thank you, Have a nice day, have a good weekend, You are very good person, You are very smart...* Đôi khi, mẹ thấy đứa nhỏ xấu òm, họ cũng khen rồi rít. Đứa con cười, Mẹ có quá nhiều cay đắng tình đời. Tôi khen, con học tiếng Việt giỏi, áp dụng

đúng và ngậm ngùi thầm nghĩ, đúng là tôi vẫn còn ôm ấp hận sâu, dù tưởng đã quên. Làn ngã đầu đời đau đến đổi cứ mãi e dè khi nghe lời êm ái. Tôi đã nhắm mắt nghe theo lời ngọt ngào để tự hồng hết cả một đời, còn đứa con bây giờ đã biết tự vạch định một tương lai, đã làm lòng tôi ảm áp khi thấy con mình không ngốc khờ, đại dốt như tôi lúc bằng lứa tuổi. "Sau 4 năm đại học, con với Mẹ sẽ *enjoy together*. Nếu không học thêm, con sẽ lập gia đình năm 25 tuổi". Tôi nói, nên lấy chồng lớn hơn khoảng mười tuổi, vì đó là tuổi hiểu biết, chín chắn và từng trải. Con nhỏ phân vân tính toán, vậy là ba mươi sáu. "Mẹ có thể nói cho con biết, người đàn ông nào ở đây khoảng tuổi đó". Tôi chưa biết lấy ví dụ là ai, con nhỏ đã lắc đầu quây quây, không được đâu mẹ, chắc là nhăn nhoe lắm. Đứa con cố diễn tả tiếng mẹ đẻ và hai chữ nhăn nhoe làm hai mẹ con thích thú cười xoà. Đứa con gái không cha có nhiều nghị lực và can cường, như Trời ban thêm sức lực cho sự kém may mắn. Dường như, đâu đây cũng có sự sắp xếp của luật bù trừ. Bên sự yếu đuối của tôi, đứa con lớn lên không hề một lần bệnh hoạn và chưa từng gây cho tôi một sự lo lắng nào. Mười sáu tuổi, ở trường trung học dạy lái xe cho và "Mẹ đừng lo, cứ ngồi bên cạnh, con lái lên hăng mẹ ghi tên con vào chung *insurance* của mẹ để con lấy bằng lái". Suốt một mùa hè tất bật đi làm, nhin shopping, để dành tiền tự mua cho mình một chiếc xe. "Con biết, 5 giờ khuya mẹ đưa con đi làm, trở về nhà mẹ không ngủ tiếp, mà là mẹ khóc. Con nhận *job* này vì nhiều tiền một chút, con chỉ muốn đỡ đàn cho mẹ. Chiếc xe này quá rẻ, cầm bằng ông thầy giáo muốn cho không con vậy mà. Mẹ thấy không, con luôn luôn gặp *lucky*, vừa đúng lúc con của ông ra trường đại học mua xe mới, nên bán xe cũ cho con." - "Sao không nói sớm cho mẹ biết?" - "Nói làm gì, để mẹ lo. Mẹ *worry too much*, con không muốn mẹ lo lắng hoài". Đứa con bây giờ ngược

lại muốn "take care" người mẹ bé nhỏ của nó, khi biết một mình tính toán nhiều việc. "Mẹ đừng buồn. Con đi làm công tác xã hội, biết trên nước Mỹ này rất nhiều người không cha, mẹ. Con may mắn có được mẹ. Trước đây, con ngạc nhiên khi biết mẹ không nhận trợ cấp "*single mom*", nhưng giờ thì con hiểu, Mẹ muốn con lớn lên không bị mặc cảm, đúng không?"

Đứa con gái bây giờ tán đồng chuyện của tôi với Thiệu còn thêm hối thúc, giúp đỡ. Nó còn tự trách, tại sao trước đây đã không nghĩ tới chuyện tìm *boyfriend* cho mẹ. Nó nói chuyện thân thiết với Thiệu một cách dễ dàng, xưng con mềm mỏng ngọt ngào, như chấp nhận tuyệt đối. "*You are lucky* có được mẹ của con, vì mẹ của con là số một trên đời này". Nó hãnh diện khoe khoang, mặc cho ruột gan tôi tan nát, rối bời. Ở từng tuổi này, tôi đã không còn mong muốn gì hơn, là được an phận. Hạnh phúc đâu riêng chỉ có trong cuộc sống lứa đôi. Hạnh phúc của tôi đã có được trong tình mẹ con đầm ấm. Nhưng tình cảm, có phải chẳng muôn đời con người ta không thể biết được lúc nào nó đến và đi? Có phải rằng, tôi tưởng làm chuyện tình yêu đã chết thật ra chỉ là một thứ mà tôi đã tự đè nén quá lâu, đến đổi nó biến thành một sức công phá mãnh liệt cho chính mình? Bằng cách nào, vào lúc nào, bây giờ đâu óc tôi mơ hồ không kiểm chứng được, mình đã yêu Thiệu. Khi biết, cả người tôi run rẩy khi Thiệu ở bên cạnh, thì quá trễ muộn để kèm chế trái tim đập loạn nhịp đến chóng mặt, vì tình. Tôi hàng nhắc nhở lấy mình. Không được xiêu lòng vì đàn ông. Họ là cạm bẫy, là bất trắc cho đời yên bình của hai mẹ con. Và tôi đã giữ lòng, đã yên tâm nhẹ nhõm và sung sướng khi nhìn đứa con rạng rỡ nhận bằng cấp học sinh ưu tú để bước chân vào ngưỡng cửa đại học.

Chính sự xa nhà của đứa con làm tôi rơi vào trạng thái hụt hẫng, trống vắng đến kinh hoàng. Suốt mấy tháng hè, hai mẹ con rộn rịp sắp xếp

mọi thứ cho con lên trường, tôi đã nhiều lần nghĩ tới sự xa cách, nhưng không ngờ được tình trạng lại tồi tệ dù tôi đã chuẩn bị tinh thần để “tiếp nhận”. Thỉnh thoảng một mình đi tới, đi lui trong căn nhà lạnh lẽo, tôi nhớ con đến điên ruột, điên gan. Đứa *roommate* người Mỹ ở chung phòng với con tôi là con nhà khá giả, có cậu từng tham chiến ở Việt Nam nên không ngại vấn đề kỳ thị, hai đứa đã liên lạc nói chuyện, gửi hình trước khi vào học nên thân thiện và cởi mở. Người mẹ trò chuyện với tôi, khi cùng dọn đồ đạc vào phòng cho con, bảo rất yên tâm khi con bà ở chung phòng với con gái Việt Nam, vì biết rằng con gái Việt hiền lành, chăm học, không hút thuốc, không rước bạn trai về phòng. Bà đã rất tử tế, khi cho con nói với con tôi, rằng không cần mua sắm gì, vì ở nhà họ có sẵn mọi thứ, sẽ đem đủ lên trường. Tôi cũng dạy con, phải cho họ biết người mình cũng lịch sự có thừa, nên chia ra, nó mang tủ lạnh, TV thì con mang điện thoại, lò hấp nóng, bình lọc nước... Tôi đã gặp đứa bạn cùng phòng với con và rất yên tâm. Nhưng nghĩ tới, bây giờ, nơi xa xăm đó, hai chiếc giường ngủ đơn độc kê song song, bên cạnh con tôi là đứa con gái tóc vàng... Còn tôi, một mình đi làm, một mình về nhà, một mình rệu rạo nhai cơm, nước mắt ứa ra, cơm nghẹn trong lồng ngực, lồng ngực đau thốn, rên rỉ tiếng kêu con. Mười tám năm. Tiếng cười, tiếng nói đã thấm sâu trong xương tuỷ tôi. Cảm bằng như giờ đây tôi bị ai rút hết máu huyết, khiến không thể nào đứng vững. Những ngày đầu, nước mắt tôi lã chã trong lúc làm việc và Thiệu là người hứng đỡ mọi thứ tôi làm sai trật tử tung. “Trời ơi bà này, con người ta đi đại học mừng thấy mồ, còn ngó bà coi, thiệt dị đời!” Tôi tưởng mình có thể điên lên được, khi cứ một mình mở cửa phòng của con, thò đầu vào dòm cái giường trống không, nhìn những bức tranh của Disney in ra *The Little Mermaid*, *Beauty and The Beast*, *Aladdin*, *Cinderella* mà đứa con vẫn

giữ nguyên trên tường từ những năm học lớp 6, lớp 7, nghĩ đến sự hồn nhiên, trẻ dại của con mình để thấm thía nghĩa chia xa. Cứ thế, tôi ngã bệnh mấy trận liên. Thiệu mang đến chỗ làm việc của tôi chiếc gương con. “Nhìn thử bà coi, ghê thấy mồ! Con ở nội trú đã vậy, mai mốt nó đi lấy chồng thì sao?” Tôi giận dữ ném mạnh chiếc gương vào sọt giấy, hùng hổ đứng dậy, trợn mắt, bậm môi trước mặt Thiệu “*none of your business*”, làm Thiệu quơ tay lia lịa “*sorry, sorry*”, biến mất.

Nhưng rồi tôi cũng lấy lại được bình tĩnh. Những buổi tối gọi điện thoại nói dăm ba câu với con, để sau đó vùi đầu trong gối khóc lóc cũng phải thừa dần. Mỗi cuối tuần chạy lên trường đi, về mất sáu tiếng đồng hồ cũng hạn chế vì thời tiết, vì đứa con cứ phải luôn luôn an ủi mẹ, làm tôi cố tự kềm chế để cho con được yên tâm học hành. “Điện thoại viễn liên, phí tiền đó mẹ. Gọi con cuối tuần là đủ rồi. Năm nay con không được phép mang xe lên trường, chưa ra ngoài làm thêm được, mẹ phải tiết kiệm một chút. Năm tới có xe, con sẽ về thăm mẹ thường xuyên”. “Đừng lo, con ăn uống đầy đủ. Con có bạn học người Việt rồi, nhà ở gần đây, có đem cho con chả giò, xôi vị. Nếu Mẹ cho phép, cuối tuần bạn đó rước con về nhà chơi...” Lo lắng rồi cũng không làm được gì hơn, đứa con đã lớn, đã bước chân vào đời, hãy để nó tự chăm sóc... Tôi cố tự an ủi lấy mình. “Yên tâm. Không sao. Bất hạnh mình đã gánh hết...”

Khi thấm thía và quen dần với cô đơn, tôi bắt đầu cầm lên cây viết. Khởi đi từ một cuộc tình buồn, tôi trang trải niềm riêng trên giấy, cảm thấy nhẹ nhõm khi trái tim đau đớn được phơi bày, rồi nhân vật của tôi biến dạng. Người năm xưa không còn thường xuyên hiện ra bóp nát tình yêu tôi. Tôi không còn là vai nữ trong truyện bị phụ tình đến đổi ôm mối hận thiên thu, cả đời khóc lóc kêu gọi cố nhân ơi hồi cố nhân nữa. Nhân vật nữ được vẽ ra không còn dịu dàng, hiền hoà, công ngôn dung

hạnh, mà đã dữ dằn để không bị đời bắt nạt. Nhân vật nữ của tôi không có nước mắt, chỉ có nụ cười yêu đời. *Hãy ngược mặt nhìn đời. Nhìn tha nhân ta buông tiếng cười*. Không còn bi quan, chán nản vì thất tình mà đã biết dụ dỗ đàn ông con trai, không để cho bị lợi dụng tán tỉnh. Tôi bắt đầu biết cười một mình, khi cho nhân vật nam bị nắm mũi kéo đi, chừng như đã rửa được mối hận của riêng mình. Đứa con gái vỗ tay, Mẹ đã hết buồn, nụ cười của mẹ rất yêu đời. Sau những lần nghỉ lễ, khi đưa con trở lại trường, trên đường về nhà, nước mắt tôi đã thôi còn ràn rụa trên tay lái. Đời sẽ yên bình, vĩnh viễn cho đến ngày tôi bước chân vào huyết mộ, yên nghỉ.

Cho đến một lúc nào đó, khi đọc lại những bài viết lung tung, lang tang không đầu đuôi, thiếu mạch lạc của mình, tôi chợt bàng hoàng nhận ra, tôi đã “bắt” Thiệu xuất hiện quá nhiều lần. Cũng cùng lúc đó, tôi hốt hoảng biết rằng, nụ cười “nguyên nghĩa” của tôi, là từ Thiệu mà có. Tôi đã không chỉ “dùng” Thiệu để hình tượng “người nam” cho truyện mà ngòi bút của tôi trôi đi dễ dàng thành chữ, bởi đầu óc tôi đã bị chiếm lĩnh bởi Thiệu. “Không được nghĩ nhiều đến một người”. Tự chế giễu, tôi điều chỉnh cái đầu óc có chiều hướng sai trái quá độ của mình, bằng cách vứt bỏ những bài viết dang dở, tung hê cây bút, mong sẽ thôi luôn luôn nghĩ nhớ tới Thiệu.

Tôi chuyển hướng, quay sang luyện phim, luyện tiểu thuyết để giết chết thì giờ, để không bắt mình ngồi lì bên ly cà phê, đầu óc rắc rối điều khiển cây viết nữa. Loay hoay một hồi, tôi lại nhận ra thêm, tôi đã quá cổ hủ, lạc hậu. Những truyện phim, những bản nhạc, những giọng ca, những sách vở tôi ưa thích đều giống nhau một điểm, là cũ mèm. Ca sĩ thì đều là ông già, bà lão. Tài tử đều đã qua đời, còn sách vở cũng rất cũ xưa. Nhiều năm về trước, khi nhìn thấy những quyển sách, những đĩa nhạc, tôi cần rằng kèm chế lòng ham muốn, khát khao được có làm của

riêng (vì không đủ khả năng tài chính để mua). Nhưng bây giờ, tôi biết rằng, lòng đam mê trong tôi đã hết. Khi bình thản nhìn thiên hạ bằng đôi mắt biết điều và an phận, không còn ham mê đua đòi một cái gì, con người ta sẽ sống nhẹ nhàng và thoải mái hơn. Điều đó cũng chứng minh cho biết, mình đã đi dần đến tuổi già. Tôi bình thản chấp nhận tuổi già đang tới, nghiền ngẫm đủ điều trong sách vở xưa cũ, nhai đi nhai lại nhiều lần như bò ăn cỏ, đầu óc đã thấy thư giãn hơn, khi thấu hiểu sự cao minh của những bậc danh nhân, thánh hiền mà trước đây chưa “đủ sức” để nghĩ tới.

*a*Ghét của nào trời trao của ấy. Tôi nghĩ đến câu tục ngữ và tự nghĩ, nào tôi có ghét bỏ chi Thiệu mà trời lại oái ăm “trao” Thiệu cho tôi. Tôi đã xem Thiệu “bình thường” và “bình đẳng”, như mọi liên hệ xã giao phải chạm mặt trong đời sống. Nhưng Thiệu nói, vì tôi không để ý tới đàn ông, con trai, nên tôi không giống ai hết. Điều đó làm Thiệu luôn luôn ra sức tìm hiểu tôi.

Con bão đã chuyển qua đại dương và đã cuốn tôi đi, quay lốc trong vùng tình yêu của Thiệu. Bây giờ, tôi sống lao đao, khốn khổ với những mâu thuẫn đầy rẫy trong cái đầu óc không ngừng suy nghĩ của mình. Nếu Thiệu không vào làm chung hãng với tôi, nếu Thiệu không tự ý đặt thêm cho tôi cái tên Ngò ời. “Là lá Ngò thơm hay *anh theo Ngò* về. Lúc đầu, khi nhìn bảng tên trên ngực áo của nhỏ, anh phân vân không biết gọi là gì. Ngò thơm ời, đầu ngò em là Ngổ.” Nếu Thiệu đừng săn sóc tôi quá nhiều. Nếu tôi đừng chạnh lòng vì những “tình nghĩa” đặc biệt... Tôi đã cố lác đầu, nhiều lần xua đuổi cái ý tưởng vương vấn tới một người đàn ông, vì Thiệu thật sự làm tim tôi chơi với. Tôi đã cố tìm đủ mọi lý do để gạt bỏ chút tình vừa nhen nhúm nhưng để rồi bất lực biết rằng, không phải “chỉ một chút” mà tình ấy đã lớn đến đôi phải ray rút nhận ra, một khối tình.

Nhiều chữ “nếu” tôi thở dài đưa

ra, đều không ngăn được con tim sắt đá cùng đôi môi tham lam của Thiệu. Nếu tôi đừng có duyên phận lỡ làng, ôi, tình yêu của Thiệu là cơn bão đến không nằm trong dự báo thời tiết. Há tôi chẳng hề làm cố vấn cho Thiệu đi “cua” con nhỏ Mỹ ở phần sở bên cạnh, mà Thiệu nói “để thương hết ý” hay sao? Há tôi đã từng sùng sộ với Thiệu, khi một lần được quà bất ngờ, là một túi lớn đủ thứ kẹo đặt cái hộp lên bàn, gọn ghẽ hai tiếng “tặng bà”, làm tôi trợn mắt giận dữ “tôi đâu có nói *Trick or Treat*”. Và về nhà, suy nghĩ lại hành động khiếm nhã của mình, đã tự ái bỏ phăng túi kẹo vào sọt rác dưới chân, khi nghe Thiệu kêu lên “Trời đất, bà này! Người ta tặng quà không cảm ơn còn la lối um sùm”, rồi chột hạ giọng: “Là tôi muốn nói. Thay vì đưa tay lên miệng cắn móng nail nhai mất vệ sinh lắm. Mỗi lần như vậy, hãy lấy một chiếc kẹo mà ngậm.” Há tôi đã chẳng từng gọi thăm Thiệu là người xun xoe bởi khi tôi vừa hắt hơi Thiệu đã vội vã đưa thuốc cảm, hay sao?

Những chữ “nếu” trong cuộc đời cứ làm đầu óc tôi muốn nổ tung khi nghĩ đến. Nếu như, buổi chiều hôm đó trời đừng đổ mưa chưa từng, làm tôi kẹt chân, đứng ngóng mưa ở hành lang thư viện, tình cờ đụng đầu Thiệu. Rồi để tình cờ trời bỗng nổ cơn sấm sét cho tôi hốt hoảng ôm chầm lấy Thiệu và bàng hoàng xấu hổ chi dè, bởi cái mặt đã úp trong ngực áo đàn ông. Nếu như, khi tôi chắc lưỡi tức tối vì 5 giờ sáng thức dậy để thu *Farewell* của công chúa *Diana* trực tiếp trên truyền hình, mà vì ngái ngủ không chỉnh đúng nút nên bị lỡ khúc đầu, (5 giờ sáng nơi tôi ở, đã 7 giờ sáng bên nước Anh), thì ngày hôm sau, Thiệu đưa cho tôi cuốn băng do Thiệu thu lấy. Nếu như, Thiệu đừng tặng tôi cuốn băng *Candle in the wind* do *Elton John* hát. Nếu như, một ngày trong tháng 9, sáng sớm vào hãng Thiệu đã chìa bộ video *Titanic* mới tung ra thị trường với môi cười “Tôi đi mua ở cửa hàng mở cửa 24/24.” Tôi đã

không nhận cuốn CD cũng như đã nhún vai - dù xót ruột lắm khi nhìn hình ảnh của Jack đặt cầm lên vai Rose trước mũi con tàu lừng danh *Titanic* - “Chiều đi làm về tôi mua. Tôi không bao giờ nhận quà tặng của ai. Với lại, tôi đã xem ở rạp 3 lần”.

Nếu như, câu nói rần rỏi “tôi không hề nhận quà tặng” đừng bị Thiệu khám phá. Bởi, chiếc gương con xinh xắn có cán bằng bạc chạm trổ rất tinh vi đã được tôi lấy lên từ sọt rác giữ lại trong học bàn làm việc, mà rất lâu sau đó, Thiệu tìm giúp hồ sơ, đã nhìn thấy. Nếu như, “bí mật kinh khủng” của tôi đừng bị Thiệu biết được, là trong truyện viết, tôi đã từng xỏ mũi một nhân vật, chính là Thiệu. Bởi, khi xé bỏ những tập giấy, tôi vì tiếc rẻ “công lao”, đã đọc, thu giữ lại và đôi khi buồn buồn lôi ra bỏ theo xe để nghe lại. Và, nếu như, tôi đừng cho xe cán phải cây đinh tai ác trên đường mà ngu ngốc không biết cho mãi đến khi tan sở nhìn bánh xe bẹp dí mới hay.

Tháng mười hai. 5 giờ tan sở, trời đã âm u và lạnh cóng. Thiệu bảo, về nhà bằng xe của Thiệu, chữa xong, Thiệu sẽ lại đổi xe. Tôi do dự, nhà xa lắm. Thiệu cười, biết rồi mà. Còn phân vân đứng nhìn Thiệu loay hoay tháo gỡ bánh xe đã nghe Thiệu kêu, “Bà này, đã nói đi về nhà, trời lạnh đứng đấy mà thở khói”. Chưa kịp nói, tôi sẽ xuống phân xưởng ngồi chờ, bỗng thấy Thiệu tiến lại mở cửa xe rồi bất ngờ bế tôi đặt sau tay lái, đóng cửa lại. Tôi đã chẳng có lấy một chút xúu phản ứng nào. Chỉ biết mình run lấy bầy không kiểm soát được chính mình nữa. Nóng và lạnh phản ứng nghịch đảo khắp cùng thân thể, mặt mày. Sự “ma sát” làm tôi như bùn rùn, muốn tan biến. Khi thấy Thiệu lần nữa mở cửa xe. Tôi hốt hoảng nghe mình lắp bắp, đừng, đừng. Nhưng Thiệu chỉ lấy chiếc chìa khóa trong tay tôi, để máy xe xong, rút đầu ra nói nhẹ nhàng, về đi, nhỏ.

Nhỏ. Lâu lắm rồi, không còn ai gọi tôi như vậy. Tôi cố dần lòng, cố tự trấn tĩnh. Tự cắn môi mình đến

rướm máu để dần vật lấy mình, đàn bà hư, có vậy cũng run và ra sức giữ nghiêm chỉnh mỗi lúc đương đầu với Thiều. Nhưng mọi chuyện đã xảy ra như thế nào. Tình cảm đến, chậm chạp nhưng chắc chắn. Tôi khuyên lớn tôi. Thiều tấn công chỉ vì tôi là cô phụ phòng không lẻ bóng. Chỉ vì Thiều khám phá ra cái đầu óc không bình thường của tôi trong cuốn băng cassette nghe được, khi Thiều lái xe tôi về nhà. "Tôi muốn được biến thành con chó, chạy le te sau lưng Ngò". Thà độn thổ còn hơn nhìn Thiều nghiêm trang nói như vậy. Từ một người tự hào đã đứng vững giữa đời sống, đã tự một mình nuôi con lớn khôn, tôi bỗng thấy mất bình tĩnh trước Thiều. Trong bao nhiêu năm, tôi chưa hề tưởng tới có một người đàn ông bên cạnh mình. Nhưng bây giờ, Thiều làm cho tôi cảm thấy bé nhỏ và tội nghiệp cách gì. Trong bao nhiêu năm, người đàn ông đối với tôi chưa hề có ý nghĩa "cần thiết". Cát cỏ, hốt lá đã có chủ nhà lo. Hư hao trong nhà, báo chủ nhà sửa chữa. Xe cộ cứ đủ cây số thì đến hãng kiểm tra định kỳ. Lâu dần thành quen, được ông Mỹ già gọi "con gái" và đặc biệt coi sóc kỹ càng cho chiếc xe. Mỗi năm, hai mẹ con đi kiểm tra sức khỏe một lần, thử độ kính cận trở lại một lần. Sáu tháng là định kỳ *clean răng*. Cuộc sống cứ đều đặn trôi đi, như cái máy. Hai mẹ con shopping cũng rất lẹ làng. Quần áo thì vào Gap, Express, Limited. Đồ tế nhuyễn thì ghé qua Victoria Secret. Lâu lâu ghé lại fast food đổi thực đơn. Mùa hè chạy ra biển cho con phơi nắng. Mẹ ngắm người thờ ơ. Mùa thu một lần lên núi ngồi nhìn rừng lá đổi màu. Mùa đông lạnh lẽo nằm nhà, thỉnh thoảng gọi một cái pizza nóng hổi vừa thổi vừa ăn, hai mẹ con vừa tinh nghịch đoán xem người mang bánh đến trẻ, hay già... Dòng đời cứ mãi êm trôi... Nếu như, tôi không thấy mình quá ư đơn độc và tủi thân khốc ngủi, khi nằm bệnh nghĩ đến cái chết lẻ loi, vì không thể tự ngóc đầu dậy lái xe đi bác sĩ. Nếu như, tôi không chảy nước mắt khi

một mình cào tuyết lấp ngập cả xe, ngậm ngủi nghĩ tới một bàn tay giúp. Nếu như tôi đừng lùi thui đi, đứng với cảm giác hao hụt, trống vắng của đứa con từng luôn luôn bên cạnh. Nếu như, Thiều đừng tình nguyện điền vào chỗ trống... Tôi loay hoay chống đỡ với những đổi thay trong cảm nhận của mình. Tôi nói với Thiều, tôi hung tợn, tôi dữ dằn, tôi xấu xa, tôi không chồng mà có con... Thiều gật gù. Ngò thơm ơi, anh biết, anh biết tất cả. Anh đã ở bên cạnh Ngò, mỗi ngày 8 tiếng đồng hồ, trong suốt năm năm. Nếu có ai hỏi. Anh thích mùa hè hay mùa đông, anh sẽ nói anh yêu "mùa sấm sét" trên đất Mỹ này. Vì vào lúc đó, anh đã biết được người đàn bà cứng cỏi và can đảm ngạo đời kia thật ra chỉ là lớp vỏ để ngụy tạo cho cái yếu đuối và bé bỏng của mình. Lúc được Ngò ôm lấy, anh thấy đúng thật là Ngò thơm. Tóc Ngò thơm, hơi thở của Ngò thơm, tinh khiết. *Thò tay ngắt lấy ngọn ngò. Thương em đứt ruột giả dờ ngó lơ*. Anh thương Ngò từ lâu lắm rồi. Nhưng Ngò cứng quá, Ngò nhiều gai quá. Ngò nhìn đàn ông dửng dưng và lạnh lùng quá. Anh thương Ngò, vì Ngò không giống ai, vì Ngò dị đời, vì tâm hồn Ngò nguyên vẹn là thiếu nữ. Ai tưởng được, Ngò có đứa con cao hơn Ngò. Đối với anh, Ngò là nhỏ của anh, nhỏ bé bỏng cần được che chở và nuông chiều mà cứ làm ra vẻ ta đây cứng cáp, từng trải. Đối với anh, nhỏ không cần phải che đậy, hãy sống thật với lòng mình. Dù có lỡ lầm, nhưng đối với anh nhỏ vẫn còn nguyên. Dù có đại dột, nhưng đối với anh, nhỏ đã khờ khạo một cách dễ thương. Anh sẽ dành cho nhỏ đêm tân hôn tuyệt vời. Chúng ta sẽ làm đám cưới. Khô cá thiếu cộng với Ngò thơm, đời đời và đời đời...

Tôi đã kinh hoàng đưa tay lên, bịt kín đôi môi say sưa của Thiều lại. "Đừng đùa quá trớn". - "Anh đâu có đùa" - "Phải suy nghĩ chín chắn". - "Anh suy nghĩ kỹ rồi" - "Đừng bồng bột nhất thời" - "Anh đâu còn nhỏ dại gì mà sôi nổi". Thiều nhắc bỗng

tôi lên, quay tròn. "Đỏ mặt. Thấy chưa. Nhỏ chắc là còn nguyên mà. Chưa thấy ai ngộ như nhỏ. Run như em bé. Nhát như thỏ. Vậy mà dám đẻ ra một đứa con. Anh sẽ để cho nhỏ có thêm mười đứa con nữa..."

Tôi đã yêu Thiều như chưa hề biết yêu lần nào và đã bằng lòng để cho Thiều lồng vào tay mình chiếc nhẫn đính hôn bằng bạch kim có gắn tám hạt đá trắng trên một cái nền hình trái tim xinh xắn. Đêm đêm, ôm điện thoại nằm tán nhảm với Thiều ở đầu dây bên kia, tôi lơ mơ trong cái cảm giác mọi thứ đều không phải là sự thật, rằng tôi đang chiêm bao. Sáng ra, nhìn chiếc nhẫn đính hôn trên tay mình, tôi vẫn còn ngỡ ngàng. Chiếc nhẫn dù không đo ni, vẫn vừa như in trên ngón tay áp út chưa hề một lần được trao nhẫn. Tôi đã suốt đời hoài nghi về tình yêu đôi lứa, về hôn nhân vững bền cũng như hẹn thề đính ước. Có lẽ vì vậy, bây giờ, khi ngồi sẫm soi chiếc nhẫn trên tay mình, tôi có cảm giác, đây chỉ là một giấc mơ và cứ lo sợ ảo ảnh sẽ tan biến. Một thứ cảm giác bất an đầu đó cứ triu triu trong lòng. Tôi sẽ lấy chồng thật sao? Tôi sẽ có ngày vui hôn lễ sau một lần lỡ làng duyên phận hay sao? Nhắm mắt lại, tôi tưởng theo lời Thiều. Sẽ có một đám cưới giản dị, dễ thương và ấm cúng trong vòng thân tộc, bạn bè. Không ồn ào, rình rang. Không phô trương, hào nhoáng. Sẽ có một chiếc áo dài và khăn vành dây giống hoàng hậu Nam Phương, như ý tôi muốn. Sẽ có một cái áo ngủ bằng hàng voile màu mây trời trong suốt dài đến gót chân với năm mươi cái nút nhỏ xíu, do tự tôi vẽ kiểu, may lấy cho mình và mua một bộ đồ lót ren xinh xắn cũng màu mây nhạt. Nhưng rồi, mở mắt ra, cái thực tế phũ phàng của đời riêng làm tôi hoang mang và chán nản. Liệu một người như Thiều có khi nào không cảm thấy tiếc rẻ, hối hận vì cưới vợ đã một lần dang dở, có con riêng, trong khi Thiều dễ dàng sánh duyên cùng con gái son trẻ. Tôi đã trải qua cay đắng tình người, tình cảm bây giờ không say

mê, mù quáng như khi còn nhỏ. Bây giờ, tôi yêu đảm thắm hơn, dịu dàng hơn, trong tình yêu còn có sự tương kính. Thiều ngoài cái miệng tía lia thì rất hiểu biết, tế nhị. Thiều rất hiền, rất chân thành. Biết giữ lời hứa, biết tôn trọng tôi, biết thương yêu lo lắng chăm sóc cho tôi thật sự, tạo cho tôi cảm giác an toàn tuyệt đối khi có người đàn ông bên cạnh và dám hứa với con gái tôi, sẽ đối xử tốt với tôi suốt đời.

Việc tôi tưởng là trở ngại lớn lao khi phải xấu hổ mở lời nói với đứa con, đã được Thiều giải quyết một cách dễ dàng. Thiều kêu, con em còn nhận thấy lòng thành của anh, hơn là em. Tôi chổng chế, thì khi xưa em cũng nhìn đời bằng đôi mắt màu hồng. Thiều búng mũi tôi, bây giờ đời em vẫn còn nguyên một màu hồng.

Khi biết được, bức tường ngăn đôi giữa tôi và Thiều không phải là cô chim nhỏ hiểu biết của tôi, mà chính là bà mẹ của Thiều, tôi bỗng thấy như mình đang hấp hối. Nghiêm nghị và xét nét, ánh mắt bà nghiêm ngẫm, đánh giá trong khi môi cười, miệng nói ngọt ngào, cho tôi cảm giác phạm tội. Sự sợ hãi đè nặng lấy tôi chưa từng có trong đời. Công dung ngôn hạnh, tôi đều dưới điểm trung bình, mà mẹ của Thiều là mẫu người điển hình của phẩm giá đoan trang, nữ công gia chánh vẹn toàn. Khi Thiều trấn an, mẹ khen em hiền, trẻ người hơn tuổi. Tôi đã thở dài, áo nã để hỏi, như vậy là mẹ chưa biết em có con? Thiều gật đầu. Mẹ đã nhiều lần "chọn vợ" cho Thiều, nhưng Thiều không muốn bị ràng buộc nên đã bỏ nhà xuống làm việc ở chỗ tôi, bây giờ chưa thể nói thân thể tôi cho mẹ rõ.

"Vậy mà dám trao nhẫn đính hôn cho em". Khi tôi cay đắng, Thiều dỗ dành, anh có quyền định đoạt hôn nhân cho chính đời mình. Nếu mẹ không bằng lòng, anh vẫn tiến hành lễ cưới, anh nhất định phải có em trong đời. Ôi, lòng tôi tan hoang và đổ vỡ. Có lẽ, những người đa đoan, đa mang như tôi sẽ không thể nào

có được một cuộc sống bình thường. Đường tôi đi sẽ luôn luôn là nan thiên lý, vạn chông gai. Tôi bấu siết cái vầng trán đau buốt của mình, tự nhủ, không thể nào nhắm mắt đưa chân, như đã khờ ngu trước đây. Nhưng Thiều cứ van nài, khẩn khoản. Không phải lời yêu đương ngọt ngào mà là phân tích, lý giải, biện minh. Đứa con đã đi học xa nhà, tôi không cần giữ chỗ làm việc ở đây, hãy theo về nơi mẹ của Thiều. Ở đây, không ai biết được tôi không còn là thiếu nữ, vì tôi vẫn giữ nguyên dáng con gái. Nhìn xem, tôi e ấp, tôi thẹn thùng, tôi khép nép, tôi cười cũng thấy hiền như cỏ. Sẽ nói với mẹ của Thiều, đứa con là cháu gọi bằng dì cùng đi vượt biển, Mẹ bị chết nên sống với tôi. Đứa con gái đồng ý với Thiều và khuyến khích, Mẹ yên tâm, gặp lúc khó khăn, con sẽ giả vờ nói không rành tiếng Việt.

Tôi đã sống những chuỗi ngày sầu thảm biếng ăn, khó ngủ vì bao nhiêu nỗi niềm cứ mãi ray rứt trong thâm tâm. Lẽ nào suốt cuộc đời cứ đối trá? Nếu một ngày nào đó, mẹ của Thiều biết được, cái mặt của tôi sẽ xấu hổ không biết phải cất liệm nơi nào? Yêu Thiều điên dại. Nhưng lấy Thiều? Ôi, tôi thấy tôi chùn chân, muốn té. Trở ngược lại thì không thể. Nhưng bước tới, thấy bao nhiêu tội lỗi chỉ chực chờ bôi đen tối mặt mày. Tôi thêm muốn, tôi ao ước, Thiều đừng xuất hiện khuấy động cuộc sống từ lâu đã êm đềm của tôi.

Không chịu đựng nổi những ngập ngừng, đắn đo, những dằn vặt, khổ sở cứ dằng co kéo dài trong tôi, Thiều đề nghị, sẽ cùng đi hỏi ý kiến một người cậu của Thiều xem có nên nói thật với mẹ Thiều rằng tôi đã có một đứa con mười tám tuổi, trong khi tuổi tôi chưa gấp đôi tuổi nó.

Liệu cậu của Thiều có chấp nhận? Liệu mẹ của Thiều có chấp nhận? Khi Thiều phóng xe hết tốc lực trên xa lộ, đầu óc tôi vẫn mãi hoang mang, chao đảo và rối rắm trăm mối tơ vò. Tôi chưa từng ra mắt ai. Tôi chưa hề làm dâu. Tôi cũng chưa hề có đêm tân hôn trong đời.

Mười sáu tuổi, tôi đã ngốc khờ để cho mình mang thai không biết. Bây giờ, tôi đi đến một nơi để cho người ta phân xét và định đoạt. Lần gặp gỡ mẹ của Thiều đã khiến tôi sau đó sống vật vờ chìm đắm trong sự cắn rứt của cái mặc cảm mình đã lỡ làng duyên phận giờ còn dám đeo bông trai trẻ. Và sự phân vân không dám nói sự thật về tôi với mẹ, đã bắt tôi tự thấy ẽ chề muốn tránh xa Thiều. Nào tôi dám trách cứ mà chỉ tủi thân riêng mình, nên xin Thiều rút lui hôn lễ. Miệng đời, tai tiếng, tôi đã gánh lấy lâu rồi, sao giờ nỡ để Thiều ghé vai chung phận. Ôi, hãy tự vỗ về lấy mình, hãy bình tĩnh chấp nhận mọi chuyện xảy ra. Nhắm mắt lại, tôi tưởng tượng người cậu của Thiều nhếch môi cười và lắc đầu, "cháu còn trai trẻ, đời khối gì thiếu nữ, sao chọn chỉ một người đàn bà đã làm lạc, có con", trong khi tiếng Thiều vẫn rõ ràng bên tai, đừng lo, mẹ bao giờ cũng nghe lời cậu út, vì mẹ chỉ có hai chị em, cậu út khi xưa ở trong quân đội và sống rất phóng khoáng, lãng tử, anh tin chắc cậu sẽ cảm thông...

Cậu út của Thiều bằng lòng. Mẹ của Thiều cũng không từ chối chuyện hôn nhân giữa Thiều và tôi. Chuyện tưởng sẽ khó khăn, nhưng thật ra lại quá dễ dàng. Nhưng, Thiều không bao giờ biết được sự chấp nhận đó. Bởi, chuyến đi định mệnh đã cướp mất đời Thiều và tôi bây giờ hết đời còn lại phải ngồi trên một chiếc xe lăn. Tai nạn thảm khốc đã giáng xuống trên đường là một tai kiếp cho đời chúng tôi. Tại tôi không biết yên phận. Tại tôi không chịu cam lòng. Đời tôi đã là một bất hạnh, nhưng không biết cam tâm, nên đem tai ương cho người khác. Từ nay, hãy cam nín để nhận lấy số phận nghiệt ngã mà Thượng đế đã xếp đặt cho mình. Đời sẽ mãi ngậm ngùi cho đến khi trở về với cát bụi. Tôi nuốt những giọt nước mắt mặn đắng trên môi mình để cứ hoài huỷ chua xót nghĩ đến một kiếp sau. Ôi, có thật là còn có kiếp sau cho chúng ta gặp lại không Thiều?

Dạ nói với Nhự cây tương tự không bao giờ trở bông. Cây tương tự nằm ngay trên con đường hai đứa đi học hằng ngày. Trong một góc vườn nhà ai đó, cành vươn ra hàng rào với những nhánh lá dài mềm rũ, lắc chao trong gió hiền hòa. Mùa hè, lá không xanh mà bạc trắng màu sương khói. Mùa đông đầm ướt hạt mưa lung trời. Nhự đọc trong sách bảo đó là một loại liễu rũ. Thường được trồng ven hồ. Nhưng Dạ nhất quyết nó chỉ là một loại thảo mộc bình thường, không liên quan gì đến “những loại cây bên Tàu”, mà sở dĩ người ta đặt tên “tương tự” là vì cái dáng buồn bã của nó. Nhự tin Dạ. Nhự thấy hình như cái gì Dạ cũng biết hơn mình mặc dầu Dạ chỉ lớn hơn Nhự vài tháng. Năm chưa đầy mười ba, một trưa đi học về thấy quần trắng nhoè nhoẹt đỏ, Nhự nước mắt giọt vắn giọt dài ngỡ mình “ranh” hơn những

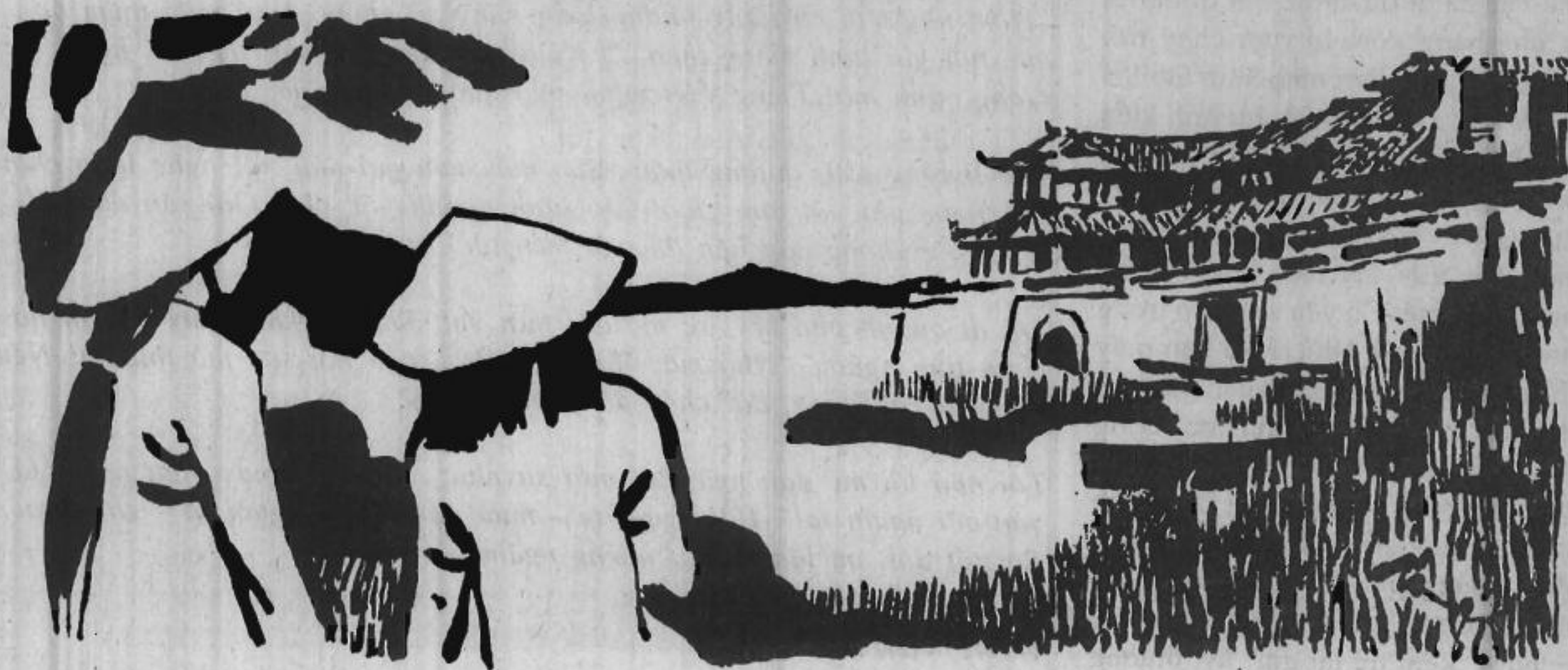
đứa bạn cùng lớp, hoảng hốt đi tìm Dạ. Nhự kể cho Dạ nghe. Dạ chắc lưỡi bảo “có” sớm “hết” sớm, mai mốt già đỡ phải đau. Và dặn dò hễ bao giờ thấy tưng tức ngực, hoặc lâm râm đau bụng dưới thì đi học phải chuẩn bị nai nịt kỹ lưỡng. Hai đứa đi tắm chung với nhau, Dạ chỉ Nhự cách xài băng vệ sinh, và than thở đầu ngực Dạ không hồng như Nhự mà hơi đen. Nhự ngơ ngác nhìn Dạ, không hiểu hết những điều Dạ nói, cũng chẳng biết tại sao Dạ lại than như thế. Hai đứa xấp xỉ tuổi nhau, nhưng hình như chẳng có đứa nào giống đứa nào. Từ tính tình cho đến thói quen, sở thích. Tối đi ngủ, trong khi Nhự quắp người lại như con tôm, nếu không đọc tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung thì xoay mặt ra phía cửa mừng tí toét với hai thằng em chuyện phim cao bồi, batman trên đài

truyền hình chiếu cho quân nhân Mỹ; thì Dạ lại nằm im, rất im bên cạnh. Gối không lót đầu mà lót ở giữa cổ, để cảm ngược lên cao, đầu hơi dốc về phía sau, rồi thở ra hít vào rất đều đặn. Như thể Dạ đang tập thể dục.

Mà thật là Dạ tập thể dục. Dạ bảo con gái nằm ngủ với tư thế như vậy, sẽ có một dáng đi rất nhẹ nhàng, thanh thoát và uyển chuyển như mèo. Dạ hay sợ đen, sợ mụn. Hằng ngày Dạ rửa mặt hai lần với nước vo gạo. Sáng chiều đều đặn. Thỉnh thoảng còn nhờ chị người làm mua giùm một trái dưa leo để làm mặt nạ trước khi đi ngủ như người lớn. Nước da Dạ mịn màng, trắng trẻo. Thường bao giờ ra khỏi nhà, Dạ cũng soi gương năm lần bảy lượt, và chỉ cần thoáng thấy một vết mụn như đầu mũi kim ửng đỏ lên đầu đó trên mặt là Dạ đã hết hồn, lo lắng, chộn rộn suốt mấy ngày. Thỉnh thoảng

Một Thời Tưởng Đã Xa

Hoàng Nga



Dạ đi theo một chị bạn lớn nào đó trong xóm đi se lông mặt, tỉa chân mày. Dạ hay nói tròn mười tám, Dạ sẽ xài son phấn, kẻ mắt đen. Hai đứa, như ở hai thế giới hoàn toàn khác biệt nhau. Cả vấn đề vệ sinh thường thức cũng vậy. Vào phòng tắm, ngoại trừ xà bông bột, vớ được thứ xà bông gì Nhự cũng có thể xát lên tóc, gội lên đầu được cả. Còn Dạ thì cẩn thận nướng từng trái bồ kết, nấu kỹ với lá sả, lá chanh, để hơi nguội mới đem ra xài. Xong, Dạ ra ngồi bên cạnh cửa sổ vừa hong tóc, chải gỡ từng sợi vừa hát nho nhỏ những bài tình ca. *Tóc mai sợi vấn sợi dài...* Tóc Dạ đen nhánh, từng lọn mượt như nhung ôm tròn theo vòng cổ trắng mịn. Tối tối, đầu bài vở nhiều đến đâu đi nữa, Dạ cũng bỏ thì giờ rất lâu ngồi sẫm soi gương mặt, mái tóc. Trong tủ của Dạ, đầy một giỏ ống cuốn, cài kẹp đủ loại. Và giữa lúc Dạ cười khúc khích khi đọc những câu thơ của Mường Mán, *"có rằng theo tui hoài rứa. Cái ông ni mới lạ chưa tề"*, thì Nhự vẫn còn ham nhảy dây, ham cả đánh đáo ăn tiền với bọn con trai trong xóm. Chuyện về "người khác phái" Nhự kể cho Dạ nghe chỉ toàn là những hôm cãi lộn suýt đánh nhau với những thằng bạn trời ơi đất hỡi của mình, toàn là những nỗi sung sướng khoái trá khi bắn lên được dăm phát đạn cao su vào lưng đứa này hay ném được vài ba cục đá trúng đầu đứa nọ đứa kia, hoặc chuyện cả lũ kéo nhau vác ná đi tỉa chim, hái trộm trái cây nhà hàng xóm bị rượt chạy trốn chết. Chị người làm nhà Nhự, lâu lâu trao lại cho Dạ một bức thư tình kiểu "hai bên cùng có lợi", vẫn thỉ thọt với những người làm khác trong nhà, cô Nhự ngó vậy mà ngây thơ hơn nhiều. Mười lăm tuổi Dạ biết yêu. Nhưng Nhự không biết Dạ yêu anh nào trong đám bạn của anh Nhự. Mỗi bận mấy anh đến nhà, Dạ hay ngồi cắn bút trên bàn học với những bài hình học, lượng giác, điện, quang khó ời là khó ở trước mặt; những thứ bình thường Dạ chẳng bao giờ đụng tới, mà đầu có thánh hiện ra giảng giải, Dạ cũng không thể nào hiểu được. Lần nào cũng vậy, sau các buổi "kèm trẻ tại gia" ấy, thường

những điều còn sót lại trong trí Dạ, như Dạ vẫn nói với Nhự, chỉ là "cái bàn tay của ông ni dài như bàn tay con gái mi ời!", hay "mắt của anh nó đẹp dễ sợ!"...

Nói chuyện với người lạ, bao giờ Dạ cũng chom chớp mắt sau những nụ cười nhỏ nhẹ, e ấp và cái đầu nghiêng nghiêng nũng nịu. Cặp môi đỏ ấy luôn luôn được liếm ướt, thỉnh thoảng thì dẩu ra, hay chu lên, và cuối cùng là một cái hất mặt "đính kèm" điệu ời là điệu. Dạ hay chê Nhự con nít. Chê mái tóc chấm cổ, khô cứng, thường vẫn chĩa ra hai bên khi chạm đến bờ vai; chê đôi dép Nhật quai kẹp làm vang lên những tiếng lẹp xẹp khi Nhự lê quanh nhà; chê mớ quần đùi áo cánh Nhự vẫn mặc để dễ leo trèo, chơi tạt lon, u mồi với đám bạn trong xóm; chê cả mớ áo đầm lưng thụng không eo iếc làm người Nhự thẳng đuột như một con búp bê độn vải.

Con trai, theo Dạ từ lúc mới lên trung học. Lẽo đẽo mỗi ngày sau lưng dăm ba người. Lẽo đẽo mòn nhẵn cả giày, vệt cả dép. Dạ hay than không thích thằng này không ưa thằng nọ,

nhưng Nhự để ý thấy mắt Dạ vẫn cứ chớp chớp, đầu vẫn cứ cúi cúi, và vẫn cứ cười cười nói nói những câu nhỏ nhẹ dịu dàng, mỏng mảnh với như sương như khói với các anh chàng ấy. Ban đầu, Nhự khó chịu, và bực mình. Nhưng sau quen, Nhự chỉ còn ngạc nhiên không hiểu sao lúc nào Dạ cũng có thể đóng kịch một cách tài tình đến vậy.

Hằng ngày hai đứa đi học chung với nhau, nhưng thường hễ gần đến trường là Dạ lại tách ra đi một mình. Lưng mềm. Vai áo mỏng. Guốc khua dòn như nhịp đàn. Chỗ hai đứa chia tay là góc vườn của căn nhà có trồng cây tương tự mềm lá, nơi Dạ rẽ sang con đường khác với cố muốn rủ một cô bạn thân trong lớp đi cùng. Nhự đi một mình, thả mắt trên những nhánh lá tương tự phát phơ trong gió. Nhự không để ý, nhưng Dạ bảo nhà ấy có người con trai vẫn thường đứng trong cửa sổ ngó ra ngoài. Mơ mộng như thế đang làm thơ. Dạ nói. Dạ làm Nhự ngạc nhiên hỏi tại sao Dạ biết. Dạ cười:

- Răng không!

một bài thơ làm không cân nhắc

Cảm ơn Nguyễn Trường đài VNCR về bản tin thời tiết

"Hôm nay trời có nắng nhưng lạnh cũng sẽ nhiều. Nhớ mặc thêm áo ấm, bởi gió lạnh mang theo..." Người xướng ngôn nói thế, tôi nghe tưởng mình mơ! Tiếng Việt mình ngộ quá, nói vận là thành thơ!

Thơ thường sâu, thường thâm. Sao mấy câu mở đầu, tôi nghe lòng chợt ấm, nghe như lời tâm giao! Gió lượn quanh góc phố. Gió sấn đuôi gái tơ. Nắng không còn bền đỗ, rớt trên tóc, lụa thưa...

Tôi đi quanh phố Mỹ, xe mở đài thật vui. Thơ tôi không uỷ mị khi nó chứa tình người. "Nhớ mặc thêm áo ấm", câu nói sao mà thương! Nếu đừng ai cay đắng, đời chắc đã thiên đường?

Tôi nhớ lời mẹ dặn ngày tôi mới xa nhà: "Con! Từ nay mưa nắng, là vào cõi người ta!" Cõi người ta - mưa nắng! Cõi người ta - gió mưa! Tôi tắt đài, im lặng. Buột miệng ngâm bài thơ...

trần văn lệ

Về sau Dạ chỉ cho Nhự thấy người con trai tướng tá cao ráo, dáng thư sinh như mọi thư sinh khác đang theo đuổi Dạ. Thỉnh thoảng Dạ đối ý, không tách ra đi một mình, mà đi cùng với Nhự. Tối ngã tư, Dạ hay đi chậm lại, nghiêng mặt nói chuyện với Nhự, bờ tóc mun đen lóng lánh trên vai áo lụa là. Nhự nói với Dạ:

- Hình như ông nó ung mi.

Dạ bật cười khúc khích:

- Ưng "ai" thì có.

Vừa nói Dạ vừa liếc mắt lại phía sau lưng. Đôi môi ướm mọng chúm lại một nụ cười giấu cột. Dạ làm Nhự mắc cỡ, đỏ phừng cả mặt mày. Chân cuống lên như có ai giăng lưới cho Nhự vấp. Guốc Nhự cứ va vào nhau không ngừng. Nhự la Dạ. Vô duyên! Dạ chê "thằng cha" cù lần. Cái giọng chê kèm theo một nụ cười tinh quái. Vậy mà không hiểu sao, khi không Nhự lại thấy đau thấu tận tim tận gan. Nhự có cảm tưởng thể như Dạ muốn bảo, có bao nhiêu con trai dễ thương

chung quanh hàng xóm, trên đường đi học, ngoài ngõ, gần trường, nhất nhất đều ưa Dạ, chỉ còn mỗi "thằng cha" cù lần mới ghé mắt tới Nhự! Cái câu nói như lưỡi gươm xé nát lòng Nhự. Cái câu nói như quật Nhự từ trên trời rớt xuống đất. Bể vụn. Tan tành.

Và chính cái câu nói đầy sự giễu cợt ấy, đã khiến Nhự gần như thay đổi hoàn toàn. Nhự bắt đầu để ý đến nếp áo có nhãn, sợi tóc có rối, bàn chân có gập gáp vôi vàng. Bàn năng con gái trong Nhự chỗi dậy một cách lạ lùng. Nhự bắt đầu rơi vào ngơ ngẩn khi đọc những bài thơ viết về tình yêu trên các trang báo tuổi hồng tuổi xanh. Người quen, lâu ngày không gặp Nhự, thường ngơ ngàng không nhận ra. Dạ bảo thế nào cũng có ngày "thằng cha" chạy theo Nhự đưa thư. Thế nào cũng có ngày Nhự có một cái đuôi. Giống như Dạ vẫn có. Nhự bĩu môi. Vừa không tin, vừa mắc cỡ. Mãi cho đến một hôm, "thằng cha" đi theo Nhự thật. "Thằng cha" làm quen:

- Cô bạn kia đâu mà đi một mình thế?

"Thằng cha" người Bắc. "Thằng cha"... theo dõi hai đứa Nhự. "Thằng cha" tưởng như biết hết mọi thứ, chỉ không biết hai đứa là chị em bạn dì. Nhự quỳnh quáng chân nam đá chân chiêu như người say rượu. "Thằng cha" nói tiếp:

- Cho anh đi phụ một quăng nhé! Chao ơi! "Thằng cha" lớn gan. "Thằng cha" không làm đuôi mà lại đòi song hành với Nhự. "Thằng cha" hỏi, rồi không cần Nhự trả lời, mà ngang nhiên dẫn bước bên cạnh Nhự như thể Nhự đã là "gì" của "thằng cha". Ruột gan Nhự lộn tung phèo. Nhự nhớ tới lời của Dạ, thế nào cũng có ngày... Mặt Nhự nóng bừng bừng. Mồ hôi Nhự rịn ra trên từng kẽ tay. Nhự vừa sợ, vừa hồi hộp chờ "thằng cha" trao lá thư. Quả nhiên, đến một khúc quanh sắp rẽ sang đường đông con gái trường Nhự, "thằng cha" hơi ngập ngừng:- Cảm giúp anh lá thư nhé...

Nhự run lên. Bàn tay nín cứng chiếc cặp trên ngực mới chỉ ướm ướt mồ hôi, bỗng chuyển sang nhoe nhoe lúc "thằng cha" cuộn tròn tờ thư bỏ

vào khoảng trống giữa miệng và nắp cặp. Nhự muốn kêu lên một tiếng phản đối, nhưng miệng môi Nhự hoàn toàn cứng lại. "Thằng cha", đầu cù lần như Dạ nhận xét, đầu không giống hệt như sách vở mô tả, thì cuối cùng, cũng thực hiện điều lãng mạn mà Dạ đã tiên đoán! Suốt buổi sáng hôm ấy ngồi trong lớp học, Nhự cứ như người sốt rét kinh niên, không làm sao nhét được lấy nửa chữ nào vào đầu. Người Nhự nóng lạnh liên hồi. Nhự chẳng muốn làm bất cứ thứ gì ngoại trừ việc chạy bay về nhà mở cái thư ra xem "thằng cha" viết cái gì.

Trời ơi! Thư tình! Nhự chưa bao giờ nhận được một lá thư tình. Chưa bao giờ Nhự bị rơi vào cái cảm giác hồi hộp, run sợ nhưng cũng thích thú một cách kỳ quặc như vậy. Suốt buổi sáng, Nhự cứ vẩn vơ tự hỏi không biết "thằng cha" sẽ xưng hô với Nhự thế nào. "Anh", thì đã hẳn. Bởi sáng "thằng cha" đã xưng như thế. Nhưng còn Nhự, Nhự ngây thơ thắc mắc không hiểu "thằng cha" có biết tên mình hay không...

"Thằng cha", chao ơi, chắc đã chẳng hề biết tên của Nhự, bởi lá thư, cái lá thư tình ấy, "thằng cha" không gửi cho Nhự, mà là cho Dạ. Buổi trưa về đến nhà, chưa kịp thay áo, Nhự thốc tháo chạy vào phòng tắm với chiếc cặp. Nhự run lấy bầy như con gà mắc mưa, quỳnh quáng mở lá thư màu hồng nhạt, phảng phất mùi thơm của trầm. Tim Nhự đập lao xo. Và cuối cùng, Nhự hoa cả mắt khi bắt gặp những hàng chữ đầu tiên của "thằng cha". Gửi Dạ...

Lá thư, thật ra vồn vện chỉ là một bài thơ, viết bằng một lối chữ rất bay bướm nhuần nhuyễn. Không biết do "thằng cha" tự sáng tác hay chép của ai. Nhự đọc, mà chẳng hiểu mình đọc gì. Nước mắt Nhự, không cách gì ngăn được, cứ tràn ra đầy trên mi. Phải gắng lắm, Nhự mới không bật khóc như con nít, và không nhỏ những giọt lệ cay đắng ấy xuống trang thư. Nhự lại run lấy bầy gấp lá thư y như cũ, xếp vào cuối cặp sách, dè ba bốn thứ linh tinh lên bên trên. Rồi Nhự bàn thần không biết tính kế như thế nào để đưa lại cho



Dạ mà không bị Dạ nghi ngờ.

Những ngày sau đó Nhự cứ như mất hồn. Nhự ghét cay ghét đắng “thằng cha”. Ghét cả chuyện phải đi về, ngang qua căn nhà có cây liễu rủ ấy. Nhưng đồng thời Nhự cũng sợ muốn tắt thở, hãi hùng lo không biết khi nào “thằng cha” sẽ nhảy bổ từ trong vườn ra, đi theo hai đứa, và hỏi Dạ có nhận được thư của “thằng cha” nhờ Nhự đem về hay không. Nhự tìm đủ mọi cách để được đi đường vòng... Cuối cùng, chịu không nổi nữa, sau khi liều lĩnh nghĩ, nếu Dạ khám phá ra lá thư đã bị mở trước, thì cùng lắm là Dạ sẽ chì chiết, nhân nhó chứ không có thể làm gì được mình; thu hết can đảm, Nhự gắng không run giọng, tới nói với Dạ, trong lúc Dạ đang chăm chú tĩa chân mày:

- Thằng cha chỗ gần trường mình nhờ tau đưa cho mi cái thơ...

Nhự định ninh thế nào Dạ cũng sẽ buông vội cái nhíp, quay lại tới tấp hỏi “thằng cha” nào, nhờ Nhự đưa thư bao giờ v.v. và v.v..., hay chí ít Dạ sẽ đùa, ủa tưởng hần ung “ai” chứ; dè đâu Dạ chỉ rùn vai, tỉnh bơ, “rứa à?”, rồi tiếp tục sẫm soi khuôn mặt mình trong gương. Trái tim Nhự chừng như muốn nhảy tung lên. Nhự nắm thật chặt tay lại khiến những móng nhọn đâm vào lòng bàn tay đau điếng. Nhự hồi hộp, run rẩy chờ Dạ hỏi cái thư đâu và chờ cả những lời nói xạo thoát ra khỏi môi chính mình một cách tuyệt vọng. “Xin lỗi mi nghe Dạ... Tại không biết tau làm rớt cái thơ rằng chừ...”. Nhự khốn khổ rớt mắt trên bờ tóc Dạ mun đen. Chờ Dạ “phán quyết số phận” mình. Nhưng mãi, cuối cùng, Dạ mới tuyên bố:

- Quảng giùm đi nghe... Thơ thần chi cái thằng cha cù lằn nớ mà giữ.

Dạ bảo Nhự vất cái thư, vậy mà không hiểu sao Nhự vẫn cứ khư khư giữ mãi cho đến trước ngày mất nước mới xé bỏ, dẫu mỗi bận mở cặp ra là tìm Nhự lại tái tê đau, và lại hồi hộp sợ hãi đến run rẩy những khi Dạ đứng gần chỗ Nhự học, hay mượn sách mượn vở gì đó của Nhự.

Mất nước, chạy giặc về, hai đứa Nhự lại cặp sách đi học như cũ, lại

ngang qua con đường có cây tương tư liễu rủ. Nhưng cả hai, trước sự nhốn nháo và tiêu điều của thành phố, đều sợ hãi như nhau nên đều không để ý “thằng cha” có còn đứng mơ màng trong cửa sổ nhìn ra nữa hay không. Nhự cũng gần như hoàn toàn quên mất cái tâm tư xáo trộn, láo nháo đủ điều của mình mỗi bận về, ngang căn nhà ấy. Cái biến chuyển lớn lao quá của đất nước, của xã hội khiến hai đứa bàng hoàng. Dạ có vẻ nhích lại gần với Nhự.

Nhưng chỉ được vài tuần, sau khi mất đã quen với những bộ áo quần xanh bạc nhếch nhác, mũ cối lùm tùm cây lá, giày dép lồi thoi của đoàn người chiến thắng, tai đã quen với các lối nói và loại nhạc tuyên truyền lạ lẫm, Dạ bắt đầu tách ra đi riêng với đám thanh niên cờ đỏ. Dạ chê Nhự không thức thời.

- “Mợ” Nhự khi mô cũng rừ rừ như con gà nuốt dây su. Thanh niên thanh nữ chi mô...!

Dạ hăng hái tham gia tất cả các sinh hoạt mới. Đi dự mít tinh, Dạ thường chọn những chỗ đứng hàng đầu, hô rõ to những câu khẩu hiệu sắt, hát rõ lớn những bài ca bảo nổi, vung rõ cao cánh tay cầm cờ. Dạ tì mĩ lựa ra những chiếc áo màu sậm, cổ kín, tay dài, nghiêm chỉnh chấp hành nội qui ăn mặc đúng tư cách con người mới, xã hội mới. Đi học lại vào thời điểm giao mùa, vào lớp chỉ có những bài thơ hô hào nam tiến và ngợi ca lãnh tụ của Tố Hữu, Chế Lan Viên, cộng thêm vài ba giờ toán. Không có học bạ, không có thành tích biểu, không bảng danh dự, vị thứ thấp cao, nên trông Dạ có vẻ thích đến trường hơn là ở nhà. Dạ học mau tất cả những điều được dạy, được nói tới trong các buổi sinh hoạt thanh niên, nhanh chóng trở thành một trong những tay xuất sắc trong mọi phong trào, chiến dịch thi đua. Dạ điệu rọi điệu rưng biến mất. Dạ tiên tiến hiện ra. Thỉnh thoảng ở nhà, nghe Nhự hát, hay ngâm thơ, là Dạ trừng mắt, nạt lớn:

- Mấy bài thơ bài nhạc tình cảm ủy mị nớ, hay hơ chi mà cũng hát. Thơ thần chi cái thằng cha cù lằn mà

giữ! Nhạc tình cảm ủy mị hay ho chi mà hát! Vẫn một kiểu nói như trước, Dạ lại như đàn chị, răn dạy Nhự nhiều điều. Dạ lại như biết hết, đi trước hết mọi sự. Còn Nhự, lại lố ngố như mán về thành, rụt rè nhút nhát, bị đẩy về phía sau một cách thảm não. Có đôi khi Nhự cũng thêm thường ao ước mình có được sự lanh lợi, nhậm lẹ như Dạ để hòa nhập, để chạy theo kịp những biến chuyển mới của xã hội. Nhưng cũng có lúc Nhự thấy sợ. Nhự hay băng khuâng tự hỏi, không biết sống cách sống giống như Dạ là đúng hay là sai.

Ngày nào đi học về, Nhự cũng bồn chồn như vừa mất đi một cái gì đó thuộc về mình. Cái cảm giác đau đớn, ê chề, hết như lúc nhận lá thư tình lạc điệu ngày trước luôn luôn đến với Nhự. Cố gắng bằng mọi cách, nhưng Nhự vẫn cứ như đang chậm đi vài bước trước những biến đổi chung quanh. Dạ lại nhân nhó. “Mợ Nhự tiếp thu như rùa!”.

Bình thường, Nhự đã ít khi dám thố lộ những tâm tư sâu kín của mình với Dạ, càng về sau, Nhự càng thấy hai đứa thật khó mà gần gũi nhau. Nhự hay có cảm giác sợ sợ. Sợ cái môi cười đã thôi không còn chu lên nũng nịu mà hơi chỉ mím mím, chẳng biết lúc nào thân mật, lúc nào mỉa mai, lúc nào khen ngợi lúc nào chê bai. Nhự cũng sợ nhìn thẳng vào đôi mắt soi mói tinh quái ấy, sợ phải hần lên trong lòng cái tình cảm nhờn nhờn, khó chịu.

Tuy nhiên, có lẽ điều Nhự sợ hơn cả, là những lời lẽ danh thép được sử dụng trong lớp, ngoài đường, trước mặt cán bộ, thầy cô giáo, lại được Dạ mang về nhà, ra rả dùng với Nhự mỗi ngày. Làm gì, đi đâu, Nhự cũng có cảm giác Dạ đang len lén nhìn mình từ phía sau, len lén nghe từng tiếng thở, suy đoán từng điều Nhự nghĩ ngợi, rồi trong các giờ phê và tự phê, giờ họp tổ, giờ thảo luận, lại mang ra nói trước đám đông, bảo chủ ý “giúp” Nhự nhận ra khuyết điểm, “giúp” Nhự trở thành con người mới.

Ở trường, Nhự ít chơi với ai, bị phê bình, Nhự chỉ ứa nước mắt, không tìm ra được đứa bạn nào làm đồng minh.

Về nhà, qua những lời kể lể của Dạ, Nhự còn bị ba mẹ la, hỏi sao Nhự không chịu cố gắng theo kịp với bạn bè, để sau này còn có đường tiến thân. Nhự sống như một kẻ hụt chân, mấp mem trên miệng hố, trong khi mọi phương hướng đều đã tàng hình biến mất ở trước mặt.

Ngày mỗi ngày, Nhự không khác gì một cái đuôi, lẻo đẻo đi theo phía sau Dạ. Nhưng càng theo, Nhự càng bị tuột hậu một cách tẻ nhạt. Những điều Nhự cố gắng bắt chước Dạ, hoặc bị buộc phải làm giống như Dạ, bởi chậm chạp, nên đều trở nên lạc hậu, quái gở. Hai đứa cứ như hai giòng nước chảy, đứa trầm trôi trầm trệ chỗ xoáy trũng, đứa hanh thông phơi phơi từ sườn non về đồng bằng. Thi vô đại học, chiến đấu cam go tới bởi khói lửa với sách vở, cuối cùng Nhự cũng chỉ lấy được một chỗ ngồi khiêm tốn ở trường trung cấp y tế giống hệt Dạ. Dạ nói lúc ở nhà:

- Theo học ngành y để có điều kiện quơ được một thằng cha bác sĩ. Lúc đã vô trường, Dạ giương tay thề nguyên lương y như từ mẫu, và đòi đi bất cứ nơi đâu tổ quốc cần một cách hết sức cảm động. Bạn học cùng khóa, nhiều đứa ưa nịnh Dạ. Nhưng cũng có đứa ghét Dạ mà không dám trêu chọc, không dám cả nói xấu sau lưng, vì Dạ là phó bí thư chi đoàn của lớp. Trong trường, Dạ có một đám con trai xun xoe chung quanh, nên trông Dạ rực rỡ tựa một con công đang xòe cánh bên cạnh một "thanh niên quần chúng" Nhự, mờ tịt, lu mờ như ngọn đèn hết dầu. Dạ la Nhự:

- "Mợ" mất dây vừa thôi. Cự nự thằng cha Biền cho cố vô, ra trường hẳn đẩy lên núi ở với mọi thì đừng có than!

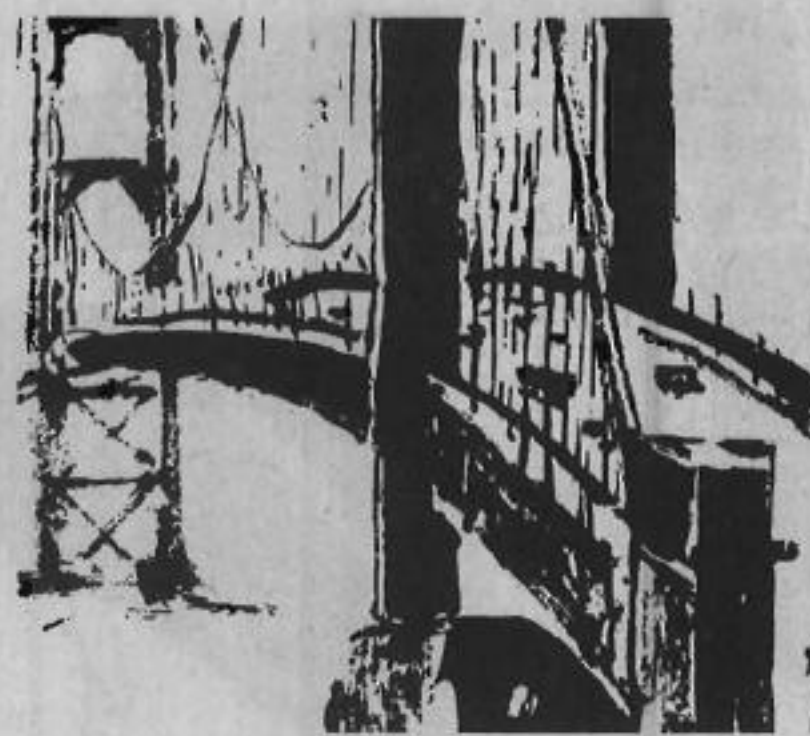
"Thằng cha" Biền là phó bí thư đảng bộ của nhà trường, chuyên phụ trách việc phân công công tác cho học sinh mới tốt nghiệp. Dạ nói với Nhự, "thằng cha" ưa Nhự. Ưa thật. Lần này là ưa thật. Nhưng "thằng cha" làm Nhự sợ. Nhự nghĩ, nếu như trên đời mà còn có thằng có cái bản mặt đáng ghét hơn "thằng cha" này, thì chắc có lẽ Nhự đã đầu hàng số phận. Đã sẵn

cầu sông trăng

*Bờ Đại Tây Dương trắng nửa đêm
Cầu sông giắt bạc sương buông rèm
Vời xa chân biển mờ mây phủ
Thấp thoáng vờn bay cánh hạc tiên.*

*Một chút hương trời không động lại
Nhạc nào vương bên, tiếng vô thanh?
Đèn khuya hắt sáng vàng khuya bãi
Gió đẩy rừng phong lá động cành.*

*Phải kiếp chim ngàn cho sải cánh
Không như loài cá vượt trùng dương
Đã qua hơn nửa đời cô quạnh
Chẳng hẹn xương tàn gửi cố hương!*



*Uống mãi chưa vơi bầu rượu đắng
Ngàn trùng xa cách, Việt Nam ơi!
Cầu sông trăng trải dài đêm trắng
Đất khách nương thân nặng trĩu đời!*

hoàng ngọc liên

sàng làm một thứ cá chậu chim lồng, tiện gì hậu thiếp chứ đứng nói gì là làm chánh cung!

Nhự đã ngậm tâm như hến, không trả lời với Dạ câu nào. Cũng không tỏ ra hay chấp nhận bất cứ hành động, cử chỉ thân mật nào với "thằng cha" phó bí thư đảng bộ. Ngày ra trường, Nhự ôm cái xách tay lỏng lẻo mở quần áo, vài cuốn sách, dăm ba ký gạo ăn đỡ trong khi thời gian chờ biên chế chính thức, nhận chỉ thị lên núi "chăm sóc cho đồng bào dân tộc thượng". Mẹ Nhự khóc hết nước mắt, thở than:

- Cũng cùng tuổi với nhau, mà cái số con Dạ phây phây...

Cái số Dạ trời cho rút trúng chính gạo, thuở nhỏ đã tinh khôn hơn những đứa cùng tuổi, tinh khôn gấp bao nhiêu lần Nhự, lớn lên không chỉ xinh đẹp như mơ, mà lại còn biết sử dụng cái lợi, nhậm lợi của mình một cách tới nơi tới chốn trong cái xã hội đầy tráo trở, bất nhân, nên chẳng cần rợn rợn suy nghĩ, vẫn thấy được Dạ đương nhiên là phải có một chỗ đứng vững vàng, một chỗ ngồi thanh mát. Ngày mỗi ngày Dạ thêm trắng trẻo, đẹp đẽ. Vòng vàng, quần áo càng làm Dạ quý phái, kiêu sa. Hôm đám cưới

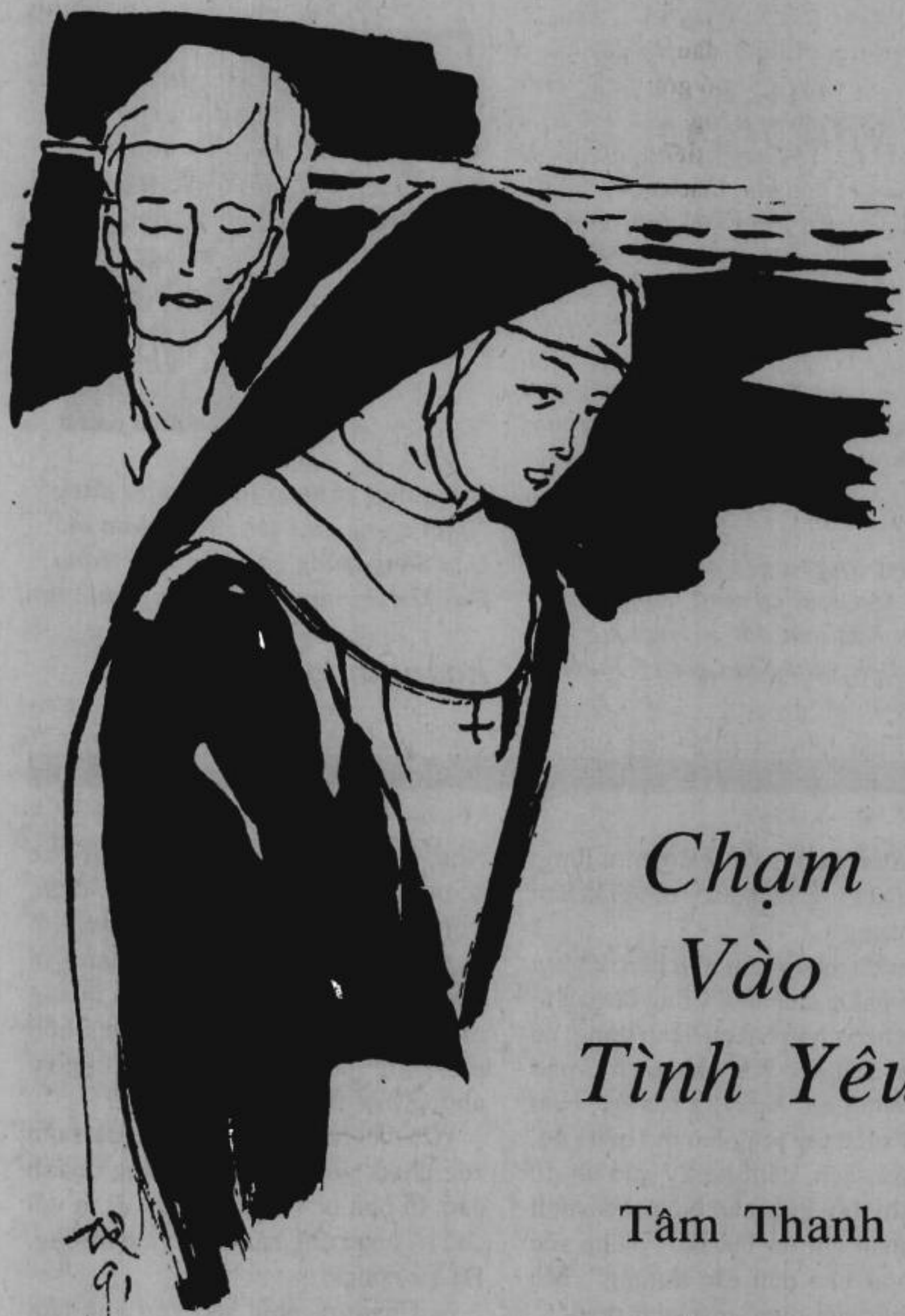
Nhự, Dạ đến với chồng bằng chiếc xe "con" láng bóng, lụa là yếu điệu, trông chẳng khác gì các phu nhân giới quý tộc thời sa hoàng. Mặc dầu trời không mấy lạnh, Dạ vẫn khăn quàng mỏng quấn quanh chiếc cổ trắng nõn nà, găng tay mềm mại phủ ngoài những ngón búp măng.

Cô dâu Nhự đơn sơ tấm áo dài màu xác pháo, vòng hoa huệ trắng quanh đầu, bị bạn bè thúc, lúp xúp đi ra với chú rể, chào ông bà bác sĩ viện trưởng. Dạ kể công:

- Chao ơi, phải sắp xếp ghê lắm mới có thì giờ tới dự đám cưới "mợ" đó nghe.

Nhự ngượng ngập, lí nhí cảm ơn. Nhiều người đứng ngồi lơ nhố chung quanh ngó sững chiếc áo lấp lánh kim tuyến của Dạ. Dạ đẩy tay chồng vào trước với chú rể, nín tay Nhự lại, khúc khích cười, nói vào tai Nhự:

- Ê, có thấy chú rể giống cái thằng cha gần trường mình ngày xưa không? Nhà thằng cha có cái cây liễu rũ, mà tui kêu là cây tương tư đó. Hồi nớ hẳn hỏi tên "mợ" để viết cái thơ cho "mợ", tui chọc, tui nói "mợ" tên Dạ... Ủi chà, cái thằng cha, cù lần để sợ, rứa mà cũng tin...



Chạm Vào Tình Yêu

Tâm Thanh

Bình về Việt Nam, âm thầm dò la tin tức Ngọc Lan, rồi một mình lên thẳng Pleiku, tìm nàng.

Người kể xin mở một dấu ngoặc đơn rằng Lan ngày nay thường được gọi bằng tên thánh, nhưng truyện ngắn này kể về cả giai đoạn nàng còn bé tí, cũng như lúc nàng biết yêu, chưa đi tu, chưa có tên thánh, nên gọi tên đời nàng là tiện nhất. Còn một lý do nữa: thường cái tên Việt Nam cha mẹ đặt cho có ảnh hưởng rất nhiều tới tâm tính con người. Điều này nhiều người đã nghiệm thấy rõ ràng.

Ngọc Lan là một con bé trắng như cục bột lọc và sạch như một giọt sương. Mẹ nó tả như vậy. Hồi một tuổi, ngồi bô xong, nó bắt mẹ phải rửa đít cho bằng xà bông thơm, chứ không chịu chùi giấy. Bốn tuổi, phòng riêng của nó không có một sợi tóc dưới sàn hay một hạt bụi trên bàn. Tính tình nó cũng vậy - đơn sơ, thẳng thắn, nhu mì.

Nó cho rằng chợ là nơi dơ nhất. Nhưng vì không thể rời xa mẹ nửa bước, nó phải theo mẹ đi chợ luôn. Và lại ôm chặt eo mẹ và nhắm mắt

lại khi bánh xe đạp lồng vào một ổ gà trên đường, khoái quá đi. Tới đầu chợ mẹ dựng xe đạp cho nó canh. Canh cái gì? Người ta muốn lấy thì cứ dắt đi, chứ nó bắt ăn cướp được sao? Được cái thời đó, những năm 55-60, xóm làng yên lấm, để xe không khóa cả ngày không ai lấy, không như bây giờ. Sở dĩ mẹ nó không muốn cho nó len lỏi vào trong chợ, là vì sợ lỡ nó thấy ruồi bu bún, đậu hũ, nó không chịu ăn; và lỡ có bà bán thịt nào chửi tục, nó nghe được hời hợt là gì, khó trả lời. Nhưng sau mẹ nó mới biết một điều là năm các tiền «gởi xe» bà cho, nó không mua kẹo hay uống nước mía, mà cho mấy người ăn mày hết. Bà biết được điều này là do có lần bà ở trong nhà lồng chợ đi ra thấy nó khóc hu hu. Bà tưởng mất xe đạp hay con bị bắt nạt. Nhưng liếc thấy xe còn, và mấy người lớn đang hỏi han an ủi nó «Mẹ đâu? Chờ chút, mẹ về ngay». Mẹ nó hỏi một bà xách giỏ đi chợ đang đỗ nó:

- Cháu sao vậy, chị?

Bà kia đáp:

- Con bé con chị đó hả? Nó nhát quá. Cái xe đạp đổ. Dựng lên cho rồi mà cứ khóc.

Thực ra không phải bé Lan khóc vì xe đạp đổ. Về nhà, trong lúc mẹ nó làm bếp, Ngọc Lan kể rằng nó cho một người ăn mày năm các. Mẹ nó cắt ngang:

- Tiền đâu con cho?

- Dạ, tiền «giữ xe»! - Nó e dè - xin lỗi má, tiền giữ xe mấy lần trước con cũng cho hết.

Mẹ cười xoa đầu nó, vẻ hãnh diện:

- Con làm vậy tốt. Con kể tiếp chuyện hồi nãy má nghe tiếp coi...

- Con đụng nhầm ông cùi. Con cho hết tiền rồi mà ông cứ bò lại gần. Con sợ quá, con tránh, con đụng cái xe. Nhờ có bác kia dựng xe lên và đuổi ông cùi đi.

«Trường trình» nội vụ xong, Ngọc Lan đi tắm. Nó kỳ cọ lâu hơn mọi khi. Từ phòng tắm ra, nó hỏi một cách lo âu:

- Con có bị lây cùi không, má?

Nhìn mặt con bà mẹ hiểu rằng nó đang sợ lắm, và hồi nãy nó khóc chỉ vì sợ dính cùi.

Xe đồ chở hành khách tới thành phố Pleiku, Bình phải thuê xe Honda ôm vào buôn Thượng. Khi anh vắt giò ngồi lên yên sau, khi bàn tay anh chạm vào giàn xương sườn cộm cỗi dưới làn vải áo nhơm nhớp của «cậu honda», và khi mũi anh ngửi phải mùi mồ hôi nồng nặc từ người cậu ta xông ra, Bình chợt nhớ lý do Ngọc Lan «bỏ» chàng. Đơn giản một cách lộ bạch: vết khoáy mồ hôi trên lưng áo sơ-mi!

Hai người quen nhau trong trận chạy loạn tết Mậu Thân. Hồi nhỏ Bình thích bụi đời, nhất là trong những ngày mọi người coi là cần đoàn tụ, như tết nhất. Ngày 29 Tết nó bỏ nhà ở Sài Gòn xuống Cái Nhum thăm một thằng bạn học trong chủng viện. Thằng bạn mồ côi, Tết không biết về đâu, viết thư gọi Bình xuống chơi. Hai đứa sẽ làm vua cả một giang sơn có nhiều vườn cây ăn trái mà ngày thường chúng sinh không được vào. Ăn một bụng vú sữa xong, hai thằng không biết làm gì, Bình đếm tiền túi, rồi rủ thằng bạn sang Vĩnh Long chơi. Hai thằng quên là chiều 30 Tết không có xe về, ra bến đò cũng hết chuyến, phải ngủ nhà lồng chợ. Nửa đêm hai đứa choàng dậy trong tiếng bom đạn kinh hồn, chạy bừa ra ngoài đường, thằng bạn bị trúng đạn, nằm gục. Bình gọi mãi nó không nghe, cống nó đi được một đoạn, có người lớn thương tình đứng lại coi, cho biết «Em mày chết rồi, giấu xác nó bên gốc cây kia, rồi theo bọn tao lên nhà thờ. Chớ mày xớ rớ ở đây chết luôn giờ». Bình đặt xác bạn bên gốc cây, chạy theo đoàn tị nạn. Đã đây người trong nhà thờ. Bình chen vào đám đông nằm ngồi la liệt. Nghe tiếng súng AK đồn dã bên ngoài, Bình nghĩ chết đông người thế này đỡ... sợ. Và lại khóc sụt sùi thương thằng bạn đang nằm một mình dưới gốc cây. Bỗng nó giật mình vì có bàn tay khều nó. Quay lại, nó thấy một con

bé trạc cùng tuổi, chỉ tay vào khoảng chiếu trống. Nó gật đầu ra dấu cám ơn, nhưng vẫn ngồi bó gối ngoài nền gạch. Bỗng một tiếng hỏa tiễn rít trên không rồi một tiếng nổ kinh hồn. Cả hai đứa gục mặt xuống. Giữa một phút yên lặng đe dọa, con bé hỏi:

- Sợ không?

- Sợ.

Bình trả lời và xích lại mép chiếu. Con bé hỏi tiếp:

- Ba má đâu?

- Sài Gòn.

- Sao trôi xuống đây?

- Đi chơi, lỡ xe về.

- Đi chơi một mình ngày Tết?

- Đi với bạn. Nó chết rồi. Hồi nãy.

Con bé xích thêm vào trong:

- Trời ơi! Chết! Làm gì mà chết?

- Phải làm gì mới chết sao?

- à há!

- Chết ở đâu?

- Ngoài lộ, gần chợ.

- Nằm vô chiếu đi. Dơ hết quần áo.

Bình biết vai áo nó dính đầy máu thằng bạn, còn sợ gì dơ nữa, nhưng nó cũng bò vào chiếu. Hai đứa vẫn gục đầu, nói chuyện rù rì. Như vậy đỡ sợ. Thế rồi Bình ké theo gia đình con bé. Ba má con bé, mặt lạnh nhạt, nhưng vẫn chia đồ ăn và nước cho thằng nhỏ. Sáng hôm sau nghe tin đồn Việt Cộng đã chiếm nhiều nơi trong thành phố, người chết như rạ ngoài đường, và nhà thờ không phải là nơi an toàn. Người ta lục tục rút ra khỏi nhà thờ, tản mát đi nơi khác. Gia đình con bé bàn với nhau sẽ đi bộ ra xa lộ Cần Thơ lên khu cư xá tân lập vào nhà người quen. Họ không rủ, nên Bình không dám đi theo. Trước khi chia tay, con bé tự xưng tên Ngọc Lan. Trời sáng, những tia nắng xuyên qua ô cửa kính chiếu xuống mặt con bé. Bình thấy cái tên Ngọc Lan hợp với nó. Ngọc Lan quay lại nhìn Bình, ánh mắt quyến luyến và tội nghiệp.

Bình nằm trong nhà thờ tới trưa đói và khát quá, bò ra ngoài nghe ngóng, kiếm ăn. Qua con lạch, nó

cởi áo gột vết máu của bạn, nhưng máu đã khô lại. May áo nó màu đỏ xẫm, không rõ vết dơ. Nó thấy đường xá yên tĩnh, đi ngược về con đường lên chợ. Nó thấy một xe cam-nhông đi phát bánh mì, mừng quá, nó xin được một ổ gặm. Một anh trên xe lại ngoắc nó lên phụ phát bánh. Xe kẻ chữ Caritas và treo cờ Hồng thập tự.

- Anh! Mình đi đâu? Nó hỏi anh lớn.

- Không biết. Chỗ nào đông người đói thì tới.

- Em biết một chỗ đông người đói.

- Đâu?

- Khu Tân lập, xa lộ Cần Thơ.

- Nhỏ này lạnh dữ... Bác tài, lên khu Tân lập đi!

Bình vừa phát bánh, vừa ngóng đợi. Nó chỉ mong con bé Lan nhìn thấy nó oai vệ trong vai trò phát bánh. May quá, nó thấy Ngọc Lan đứng giữa đám người chen chúc. Con bé nhỏ yếu không chen lại gần được. Bình chỉ sợ nó bị *nhàu nát* (Ngọc Lan mà).

- Lan! Lan!

Bình gọi nhiều lần mà Lan không nghe, cô bé bị chen lấn không ngửa cổ lên được. Trước khi phát ra ổ bánh cuối cùng, Bình củ một ổ vào trong áo, chào từ giã anh lớn, nhảy xuống.

- Lan! Bình chạy theo con bé đang thất vọng quay đi. Lan quay lại, nhận ra bạn, nhảy lên reo vui:

- Ủa, Bình? Sao ở đây vậy?

- Tui phát bánh mì. Kêu hoài, Lan không nghe.

Bình đưa ổ bánh mì nguyên cho bạn:

- Lan về nhà cho ba má ăn. - Bình moi trong áo ra ổ bánh ăn dở, bẻ lấy một miếng, đưa nốt phần còn lại cho Lan, nói - Rồi ra đây chơi, nghe!

Lúc đó đã hoàn toàn yên tĩnh. Hai đứa ra ngồi trên gốc dừa bên con lạch ăn bánh mì. Bình để ý con Lan chỉ ăn ruột.

Tình bạn biến thành tình yêu. Sáu năm sau hai đứa học hết trung

học. Khi Ngọc Lan lên Sài Gòn trọ trong cư xá nữ sinh viên Thanh Quan để đi học thì Bình tỏ tình và xin cưới. Nhưng chàng không ngờ Ngọc Lan xin «thời gian suy nghĩ». Sau ba ngày im lặng dài đằng đẳng, nghi hoặc xen lẫn hy vọng, xốn xang xen lẫn nao nức, Bình nhận được một lá thư của Lan trong đó có đoạn sau:

“... Hay nhất là chúng ta tạm chia tay. Không phải anh không hợp với Lan; xin anh hiểu rằng nếu có người nào trên đời này có thể hợp với Lan thì phải là anh. Lan chỉ không hợp với cõi đời này. Đó là một khuyết điểm mà Lan hy vọng đời sống tu viện có thể bù đắp...”

Ngọc Lan vào tu viện Thánh Phaolô, một dòng chuyên làm việc bác ái, nhất là trong các bệnh viện. Bình chết cả cõi lòng, bỏ dở học hành hai năm. Chàng nhớ lần gặp gỡ ban đầu quá, thỉnh thoảng lại xuống Vĩnh Long, vô nhà thờ ngồi thờ cả buổi. Tình cờ một lần chàng gặp má Lan ngoài bến xe gần nhà thờ. Bà mừng rỡ, rồi lại trách móc Bình không liên lạc. Chàng theo bà về ngôi nhà vương vấn kỷ niệm. Bà đã kể cho chàng nghe cái «tật sạch sẽ» của Lan như đã nói trên, rồi tiếp:

- Nó ăn bánh mì cũng chỉ ăn ruột vì sợ vỏ dính bụi bặm.

Bà gật đầu thờ dài:

- Âu cũng là ý Chúa. Những việc nhỏ nhoi trên đời mà có thể dẫn tới những khúc ngoặt quan trọng.

- Bác muốn nói gì ạ?

- Nói con đừng giận. - Bà cười dễ dãi - Nó thương con lắm. Nhưng nghĩ không vượt qua được cái mà nó cho là «tâm bệnh». Một điều rất nhỏ: Một lần nó thấy áo sơ-mi của con ướt mồ hôi. Xin lỗi con, nó ghê. Và nó cho rằng cảm giác ghê đó mặc dầu là một cảm giác tự nhiên, vẫn là một xúc phạm tới người yêu. Nhất là sau này trong cuộc sống chung... Nó nói nó không hợp với đời sống gia đình. Nó không thể chung đụng với người khác.

Bình không nhớ lần nào chàng đi chơi với Lan mà quên thay áo.

Chàng kéo áo thun hử mồ hôi đang rịn ra trong người. Sống ở Âu châu quen, về nước, chàng càng dễ chảy mồ hôi và càng... “nhờn nhớp” hơn. Làm sao dám gặp Lan?

Chàng nấp sau bức vách nhìn trộm người nữ tu đang cặm cùi băng bó cho các bệnh nhân cùi. Chàng xúc động khi thấy Ngọc Lan nay đã thành một người đàn bà đứng tuổi, khô héo. Dầu vậy chàng nghĩ rằng chỉ cần được ôm thân người khô héo đó vào lòng, tâm hồn chàng sẽ được tắm gội cơn mưa mát.

Người nữ tu ngồi trên một cái ghế thấp, quần đen vải thô, áo bà ba đen, khác xa sự tưởng tượng của Bình về hình ảnh một nữ tu Phaolô - áo dài trắng toát, lúp trắng cong lên như cánh thiên nga. Thay vì lúp, Ngọc Lan chỉ chít một cái khăn xanh, người đời không biết tóc nàng còn xanh hay đã bạc. Bình biết nàng 41 tuổi, chắc tóc còn xanh. Nàng đang tháo băng chân cho một người bệnh. Tay trái nàng nâng bàn chân người bệnh, tay phải nhẹ nhàng kéo mối băng ra. Khi tới da thịt người, nàng chu miệng thổi vào vết thương, dỗ dành. Như mẹ chàng thường làm khi chàng còn bé. Và cũng như mẹ chàng băng một vết trầy da cho con, Ngọc Lan không mang găng tay.

Ánh mắt người bệnh nhìn Ngọc Lan cũng như một đứa con nhìn mẹ khi ngậm vú - trù mến, thiết tha.

Bình không thể hiểu được điều gì khiến cho một cô bé khóc nức nở khi người cùi tới gần, ngày nay tay trần thoa nắn những bàn chân cụt và sờ mó vào máu mủ.

Ngọc Lan nhảy căng lên khi thấy Bình. Nàng hồn nhiên y hệt lần đầu khi hai đứa trẻ gặp lại Tết Mậu Thân, Bình có cảm giác dễ chịu như khi về quê, buông hành lý xuống, ra vườn. Nàng giang tay định ôm bạn, nhưng vì một lý do nào đó, kịp ngưng lại, lui một bước để ngắm bạn từ đầu tới chân, nói:

- Anh... Bình... lớn quá rồi!

Bình cũng ngắm Ngọc Lan, lâu

quá khiến nàng đỏ mặt. Chàng nói, giọng bồi hồi không kiểm soát được:

- Em... vẫn còn... nhỏ!

Chàng muốn đưa tay thấm giọt nước mắt dưới mi nàng. Nhưng biết mình cũng đang nhòa nước mắt. Chàng tiếp:

- Nhưng em tiêu tụy quá.

Nàng cười tươi:

- Em khỏe lắm. Còn anh?

- Khỏe... - Chàng xốc áo lụa hơi nức nội trong người - Nhưng nhiều... mồ hôi quá. Thế nào cũng bị chề.

Nàng lại cười khanh khách, đỏ mặt, không trả lời. Họ im lặng. Chưa gặp nhau tưởng có trăm ngàn chuyện để nói. Đối diện nhau lại không biết nói gì. Hai người đi trên con đường trải sạn đỏ, nghe tiếng lạo xạo dưới bước chân. Tới đầu dốc, nàng chỉ vào một cây lớn giống cây gạo:

- Đây là cây chùm bao. Các bệnh nhân tin là nhựa hoa chữa được bệnh cùi.

- Anh có cảm tưởng các bệnh nhân cũng đặt niềm tin vào em nữa.

- Sao anh biết?

- Anh nhìn vào ánh mắt họ khi họ nhìn em. Nhìn vào cách em săn sóc vết thương cho họ.

- Anh nhìn hồi nào?

- Hồi nãy lúc em ở trong phòng thuốc.

- Thế ra anh tới lâu rồi và rình em. Xấu quá!

- Tại sao em không mang găng tay khi chăm sóc bệnh nhân?

Ngọc Lan im lặng. Bình nhắc lại câu hỏi:

- Tại sao?

Nàng đưa cả hai bàn tay ra:

- Anh cầm tay em đi!

Bình vâng lời nắm hai bàn tay nàng. Ấm áp. Nàng nói:

- Trong máu em bây giờ có đủ thứ vi trùng. Hansen có, Hepatitis-B có. Anh ghê thì buông ra.

Bình không trả lời, siết chặt hai bàn tay nàng. Chàng muốn hôn lên đó. Nàng đọc được ý chàng qua luồng điện chạy vào bàn tay, và qua đôi môi run run của chàng. Nàng lại hỏi:

- Anh biết em có bệnh, tại sao

không ghê?

Hai người cùng hiểu tại sao nhưng không ai dám nói ra. Bởi vì Ngọc Lan là một tu sĩ. Còn Bình, chàng không dám nhìn thẳng vào lòng mình: chàng còn yêu nàng, đã hẳn, nhưng sợ dĩ chàng mạnh dạn cầm tay nàng có lẽ vì chàng tin rằng nàng chưa nhuộm bệnh. Chàng nói nước đôi:

- Vì đối với anh lúc nào em cũng... trong như giọt sương. Tuy nhiên, muốn giữ sạch mãi cho mọi người nhờ, nhất là chính các bệnh nhân cần chăm sóc, em phải mang găng tay.

Nàng đáp:

- Bề trên cũng nhiều lần bảo em mang găng tay. Lúc đầu khuyển lơn, sau nhân danh đức vâng lời, buộc em mang găng tay. Em mang được một tuần thì cảm thấy không làm việc được. Những ánh mắt mang niềm tin mà anh quan sát được hồi nãy cũng mờ đi. Điều đó đáng tiếc lắm, vì em cho rằng đối với họ niềm tin cũng cần thiết như thuốc men. Em năn nỉ, và bề trên cho em làm việc với tay trần như xưa.

Sau khi tận mắt nhìn thấy 7 triệu mỹ kim mà chính phủ và Hội truyền giáo Tin Lành Na-uy (Misjonsallianse) tặng cho người cùi, qua tay chính quyền Việt Nam, biến thành 7 con bò (không phải vàng) và hai giếng nước, Bình trở về Na-uy, từ giã dự án này, để quay về với làng cùi mà Ngọc Lan làm việc, với số tiền nhỏ bé của những nhà hảo tâm tư nhân. Việc giúp đỡ như muối bỏ biển (Bình nói trại đi "như giọt nước mắt trong biển khổ").

Nhưng bản thân Ngọc Lan thì mỹ kim hay nước mắt cũng không gì cứu vãn được nữa. Năm sau chàng trở lại, nàng đã nằm liệt giường. Người nữ tu, sau 20 năm chăm sóc người cùi, chưa bị quật ngã bệnh vì vi trùng Hansen, mà vì vi khuẩn hepatit-B, một chứng bệnh mà người Tây ghê sợ như bệnh cùi. Nàng còn bị thêm bệnh viêm màng não. Nàng nằm thoi

liêu trai

Hôm nao như chim uyên
Bên nhau ta say men
Tim non mơ thiên thai
Môi thơm hương liễu trai.

Tay đan như tơ êm
Hồn phiêu diêu non tiên
Ta yêu nhau em ơi
Tình theo trăng lên khơi.

Da thơm phở nguyên khôi
Theo hương đêm chơi vui
Trăng tan trên môi nhau
Cho ta mơ hương cau.

Ơi nàng! Đêm cung nga
Đê mê theo uyên ca
Đào nguyên đâu em ơi
Đào nguyên thơm môi tươi!

p. đan hà



thóp trên giường, da vàng vọt, bụng beo, đầu trọc lóc. Chàng thầm nghĩ sao Thượng Đế lại hành hạ nàng đến nước này? Và sao thân xác con người có thể mỏng giòn đến như vậy? Mới ngày nào đóa ngọc lan mơn mớn; bây giờ là cọng cỏ úa. Nhưng lạ lùng thay, Bình không thấy con người nào trên đời đẹp bằng Ngọc Lan, kể cả lúc nàng sắp trút hơi thở cuối cùng này. Bất chấp những bệnh nhân đang quì chung quanh, miệng đọc kinh mắt tò mò theo dõi từng cử động của mình, Bình lại sát bên giường bệnh, nghẹn ngào nói:

- Cho anh cầm tay em lần chót được không?

Lan mỉm cười héo hon khiến một tia máu rỉ ra trên môi. Nàng đưa tay ra. Bàn tay đã có những vết nám. Bình cầm bàn tay ấy vuốt ve, trùi mền. Chàng biết bàn tay đã phát bệnh cùi mà chàng không cảm thấy ghê sợ gì cả. Ngược lại chàng chưa thấy bàn tay nào mềm mại, dịu dàng

như vậy. Một luồng hòa ái truyền qua tay chàng, tràn ngập trái tim. Lần đầu tiên chàng biết sức mạnh của tình yêu. Nó tiếp nhận và thanh lọc tất cả mọi bợn nhơ, như biển. Cái tâm trạng chàng khi nắm tay nàng lúc này có lẽ chính là cái tâm trạng Ngọc Lan khi cầm những bàn tay lở lói của người cùi. Có điều tâm hồn nàng lớn hơn nhiều, như biển. Lòng chàng như một vũng nước con. Trước sau Bình chỉ có thể yêu một mình nàng. Còn nàng yêu mọi người. Và nàng yêu cả tâm hồn lẫn thể xác họ. Mấy tháng sau khi Ngọc Lan lìa trần, Bình vẫn có cảm tưởng như nàng còn sống, dịu dàng nói:

- Trong lúc chạm vào da thịt người cùi, em được đụng chạm vào Sự sống; ôm ấp Con Người, sờ mó vào Thượng Đế. Đó là một ân huệ lớn lao lắm.

Bình cũng coi Ngọc Lan là một ân huệ lớn lao lắm, mặc dầu bi thảm.

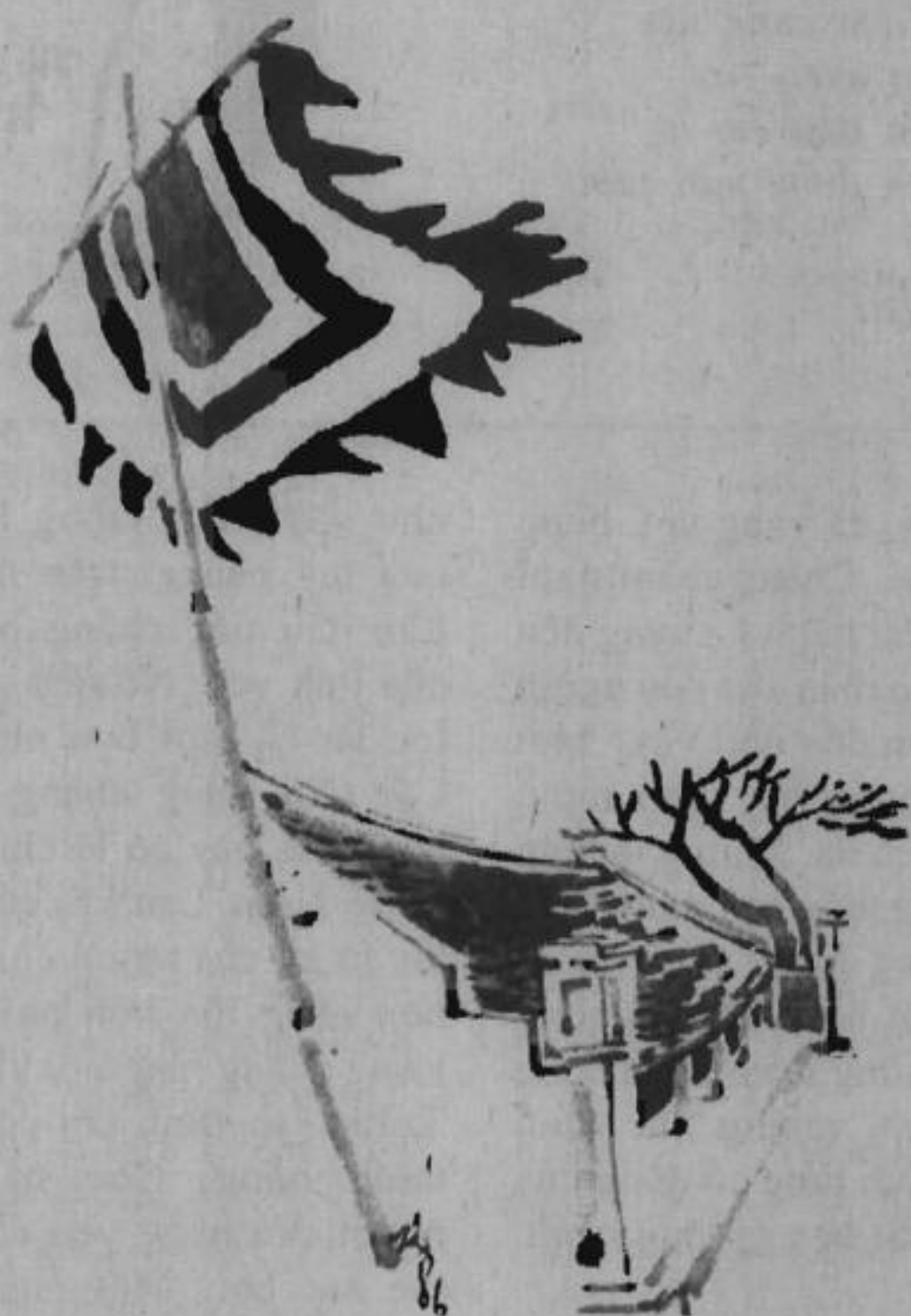
xóm cũ

LTS: Để gợi lại, chia sẻ và giữ gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn mở mục "Xóm cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, tập-quán, con người, đặc-tính địa-phương... Hãy ghi chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lùm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh... nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thất chặt một mối tình đậm-thắm. Hãy sót chia, để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...

Chùa Giác-Lâm

(Cẩm Đệm)

Trần Lang



Cái thế đất kỳ tú của ngôi chùa đã bị người trần lẩn lướt đến độ nhà chùa phải xây thêm chiếc cổng lớn ghi dấu bên lề đường để giúp người hành hương dễ nhận ra vị trí một chốn danh lam. Con đường dẫn đến tam quan giới hạn một bên là ao rau muống cạn

nước, bên kia là giải tường xây vôi ngăn chặn bước xâm lấn của thiên. Nhà chùa khi nhận ra trò tầm thực này thì nhà dân đã thành hàng xóm sát vách với nhà chùa. Và mấy đường nước khơi ngay trên lối đi làm đoạn đường ngắn lầy thêm nhân mấy trận

mưa đầu. Tam quan mới dựng, nhỏ và chẳng mấy đặc thù, không xứng với cái danh truyền ngôn về chốn danh lam được tiếng cổ nhất trong đất Gia định. Đôi câu đối quán thủ nêu được phương danh ngôi chùa, đắp sài trên cột gạch tô vữa. Ở mấy ngôi cổ tự thiếu vắng tam quan thì cái tam quan của Giác Lâm cũng góp được ít hàng cho cái lai lịch của chốn già lam.

Gò Kim Đôi còn có nhất danh Cẩm Đệm, phải tinh mắt lắm mới nhận thấy độ cao, và ở cái thế quá bằng phẳng tẻ nhạt của vùng đất xưa, thì một chút đột khởi của thiên nhiên cũng đủ để được mang mỹ danh của một chốn cao địa, từ đó hình thành một chốn khói hương. Người cư sĩ tên Lý Thoại Long một buổi nhận ra cái kỳ tú của cỏ cây vạn vật và chốn thắng địa ấy đã lấy làm nền cho ngôi bảo tự kể là xưa nhất của trấn Gia định.

Mặt đất thuần một màu đỏ nâu của sạn. Bóng mát lớn nhất là của cội bồ đề ngả bóng trước sân trong và của mấy cây xoài cạnh khu Tổ tháp. Như thế cái cảnh "cây cao như lọng che" và "cỏ than dày như nệm gấm" của gò Cẩm Đệm năm xưa chỉ còn sót lại trong trang sách của mấy pho *Đại Nam nhất thống chí*. Cái phong quang của vùng thắng địa vẫn còn lại ở bên trái chùa. Hàng so đũa còn lơ thơ chưa tạo được một nền xanh cần thiết cho cái mái ngói còn chắc chắn của nhà chùa. Ba chiếc tháp đứng chơ vơ ở cái khoảng trống này nhận những tia nắng quái soi tỏ cái tàn phá của thời gian trên loài vôi vữa. Cái vàng vọt của thứ ánh sáng cuối ngày đổ xuống tấm bia đã rõ mặt như muốn xóa nốt cái tự dạng hiếm hoi trên đá. Cái trống trải như góp thêm sức mạnh cho gió, vỗ mặt mấy bức gạch vôi, uốn lóp thân non của loài so đũa và gửi cái lạnh lạnh của tháng đầu năm cho người, cho cảnh.

Xem ra nền chùa là nơi cao hơn cả. Cái sân trước lát thứ gạch tàu vuông vức, bữa mùng 5 Tết còn vang tiếng trống múa lân, tiếng náo bạt của lũ võ sinh nay trở lại cái im lìm, lạnh lạnh của thứ đất nung rắn chắc như sành. Dưới hàng hiên, đôi danh mộc kê táng

bằng đá xanh vuông vức phôi đôi chữ sắc sảo nét mới tô lại:

*"Thiền môn đại khoát thông tam giới.
Phật pháp cao siêu biến thập phương"*

Cội bồ đề sum sê đã 40 tuổi (trồng năm 1953) chẳng tạo được nét Thiên Trúc nào cho pho tượng Quan Âm gần đó ngoài việc lọc chút màu vàng của nắng chiều đổ xuống vai áo pho tượng trắng.

Mấy nhát chổi vôi không cất đi được cái vẻ quá giản phác của ngôi chùa mà còn làm mất đi cái phong sương của một nơi cổ sái. Kể về niên đại để tính chốn thắng địa trở thành đất Phật thì ngôi chùa này được xem như cổ vào hàng thứ tư ở đất Nam Kỳ sau chùa Vạn An (Long điền, Phước Tuy), Tam Bảo (Hà Tiên) và Hộ Quốc (Tân Vạn, Biên Hoà). Chùa Vạn An không rõ được xây dựng năm nào nhưng biến ngách ăn tứ do Thiên Túng đạo nhân ngự đề năm Vĩnh Thịnh thứ 6 đời Lê Dụ Tông (tức năm 1711 đời chúa Nguyễn Phúc Chu). Ba mươi năm sau (1744), Lý Thoại Long, người tín chủ có đạo tâm ở xã Minh Hương, huyện Bình Dương mới mở phá khuyến dựng mái thảo am trên gò Cẩm Đệm. Nhưng trong vòng thế kỷ sau, hai trong ba ngôi sắc tứ kể trên chẳng còn nguyên vẹn. Vạn An thì sau trận hoả tai năm Minh Mạng thứ 16 (1836), ngọc đá chẳng phân biệt, tấm biển sắc tứ phải ký thác ở chùa Hưng Long, Quận 10 Saigon (theo *Việt Nam Phật giáo sử*, Văn Thanh - Saigon 1974) còn ngôi Tam Bảo do Tổng Binh Mạc Cửu xây dựng sau trấn thủ Hà Tiên để thân mẫu làm chốn tu hành đã được trùng kiến quy mô vào năm 1930. Trên đường Phương Thành, để lại cho đời một toà sắc tứ mang cái tân kỳ của khối đúc bê tông cốt sắt.

Còn ngôi Giác Lâm này trải qua hai cuộc trùng tu và trùng kiến qui mô vào năm 1804 và 1906 mới có được cái kiên cố này.

Nếu không có mấy sợi khói của bếp chiều điểm cái dấu của người trần trên nền trời ngả ráng vàng thì mười cái thạch tháp đầu dãi những tuế nguyệt, đủ mặt cho một hội truyền

đền của thiền phái Lâm Tế miền Nam. Cái long vị chạm rồng bụi bặm ở gian tổ đường âm u nơi ngôi chùa Quốc Ân xứ Huế còn tỏ rõ phương danh nhà sư truyền thừa đời thứ 35, sau khi người du tăng hiếm hoi này gieo hạt bồ đề xuống nhiều nơi danh thắng: hoà thượng Phật ý huý Linh Nhạc.

Hoà thượng Phật Ý đã chọn đệ tử là Viên Quang làm người trụ trì đầu tiên của ngôi chùa này. Hơn hai trăm năm, ngôi danh lam vốn cũng là danh thắng nên việc hương đăng chẳng lúc nào bị bỏ bê. Gian thờ tổ phong phú những long vị cùng tượng tổ là điều thực chứng rằng chùa đã truyền thừa được 8 đời. Kể từ Tổ Viên Quang tới Hải Tịnh tức Tiên Giáp, Như Lợi, Hồng Hưng, Minh Vi, Minh Khiêm, Hồng Từ và Thiện Thuận. Góp mặt trong khu tổ tháp còn có ngôi biệt ra bên cạnh hữu. Cái mới mẻ tuổi đời của tháp cũng là cái non nớt trong nghệ thuật của mấy tòa dựng vào những năm 80 của thế kỷ này. Tháp Phổ Đồng nơi giữ nhục thân Hoà thượng Thành Đạo là cái dấu chứng xót xa cho một suy sụp của đức tin và nghệ thuật. Người chủ của việc dựng nên giáo hội lạc hoà mà chốn danh lam này bỗng thành một hội viên hiện diện, cũng có được một chỗ bên cạnh các cao tăng trụ trì chùa. Ngôi tháp tân tạo bằng xi măng này mặc dù ghi đủ cái hành trạng của người xuất gia ở đủ bốn mặt tháp, cũng không làm nổi trội được cái mỹ thuật non kém của tay người. Và cái lưu hương bằng cốt đúc mới mẻ kia đã bị ai kia vận đi một quai đỉnh.

... Vào một ngày rằm tháng hai năm Nhâm Thìn 1952, nơi một ngôi chùa hẻo lánh có tên Long An ở đường Cộng Hoà, quận 2 (Saigon), ngôi chùa mà ngót 40 năm sau (1988?), mở thêm một trang huyền sử về ngôi cổ mộ song hờn ở sân chùa bị khai quật lên lút vào giữa đêm để tìm cổ vật và vàng để lại mùi hương của trầm ướp xác và cái nghi vấn về số bảo vật tùy táng. Ở đây thực sự cái bát hương từ bi trí huệ ngót 2000 năm của nhà Phật đã bị rạn làm hai, hay ít nhất các hậu duệ của pháp phái Lâm Tế tại miền Nam này

đã chia tay nhau mà chống tích tượng đi về hai nẻo. Phần lớn các chùa ở thị trấn hay thành phố hợp nhất trong tổ chức, chấn chỉnh lại thanh qui, kiện toàn tăng đồ trong những chùa hội đầy ánh sáng của thứ kiến trúc mới và tổ chức mới. Cái ánh sáng nhân tạo của điện khí đã đẩy lùi những thần thánh bấy lâu phối hưởng hương khói nhà Phật vào hậu liên. Cái trang kinh sắc nét chữ in đã thay thế bản kinh rập tay nhòe nét giấy bản xỏ bằng sợi gai se chặt. Những cổ tự của miền Nam này: Giác Lâm, Giác Viên, Phụng Sơn, Trường Thọ... dưới danh pháp phái Lục Hoà, nghĩ rằng các luồng gió cải lương - cần thiết cho sự phát triển và vững mạnh - có thể làm bật cái mái ngói nặng nề chở che toà phạm vũ, làm xáo trộn ngôi vị mấy pho tượng trong bảo điện âm u, mở cái cánh cửa văn hàng khép kín gìn giữ cái u tịch hơn 200 năm của thiền. Người thủ xưởng Lục Hoà Tăng buổi ấy mà việc làm được khắc trên bia đá quả đã đóng được cái cánh cửa vốn kênh và một của mấy ngôi chùa cổ, giữ chân mấy trụ trì rợn rợn với đàn chay và đám sấm. Bên cái leo lét của tháp đền được sư chi chít tên thí chủ xin cầu an hay giải ách. Cái con đường cổ truyền của nhà chùa là một hăm lộ của thứ tín ngưỡng bị bủa vây bởi đủ thứ thần ban ơn giáng hoạ.

Chiều về, khu mộ tháp chẳng có cái vẻ lạnh lẽo thể lương của một nhà mồ. Cái u tịch mà buồn buồn vẫn là cái cảm giác gần gũi với tâm tình người ngoạn cảnh. Ngôi tháp của người thủ xưởng Lạc Hoà ở sát với đám người trần tục hơn cả, phôi cái lạnh lẽo và sứt mẻ bởi tay người.

Người đã khép kỹ cửa chùa để tránh mọi đổi thay nay là người ở gần hơn cả cái hỗn mang của đám quần cư trong thế nước chông chênh.

Từ Ân, Trường Thọ, Bảo An hoang phế trong cái thiếu vắng tăng chúng, chỉ còn Giác Lâm là đông và ngát khói hương, nhưng đám chúng sinh với đủ thất tình và lục dục này xem ra còn vây chặt hơn mấy lớp cửa son mà sư Thành Đạo khép lại năm nào. Cái hàng chữ "bốn năm dũ lý vì quốc nạn"

ở trên tháp kia là cái nạn của một người mẫn thế hay chỉ là cái nghiệp của kẻ xuất gia.

Buổi công phu chiều đầy tiếng chuông qua khuôn cửa tối làm lạnh thêm gió chiều lướt trên mặt toà tháp phẳng.

Chùa chẳng có gác chuông và gác trống. Mọi thứ kiến trúc như thu gọn trong mấy bức tường trát vôi. Rõ là ở đất miền Nam này, cái nét bệch trực của con người hiện ngay ở trong thuật kiến trúc. Thứ ngôn ngữ chứa đựng trong gạch đá chẳng phải là ý muốn của những con người ngang bằng số ngày này. Người du tăng ở miền Trung hẳn cũng hoà hợp được với

vùng đất viễn phương, mà bớt đi những ẩn ngữ của tam quan với phù đồ. Nhưng với nghệ thuật thì nhà chùa lại vô tình làm nghèo thêm cái vốn dĩ đã kiem bạc. Bốn cái mái phẳng và đơn giản úp xuống chùa thật chặt chia như làm nặng thêm vẻ bất động của loài linh vật tô màu thuốc đặt ở mỗi đầu kèo, xem ra không giấu được nét nặng nề so với cái bay bổng khác thường của mấy tàu đao nơi ngôi chùa xứ Bắc. Ở đây ngôi phạm vũ có lớn lao cũng chỉ là cái phóng lớn của một ngôi miếu. Nơi bức thềm thứ nhất bên hông tả, tấm bảng "cổ tích liệt hạng" gắn năm xưa vẫn như tấm huy chương gắn cho những mỹ thuật và tuổi tác của nhà chùa. Qua gian hẹp dùng làm chỗ

cho thiện tín thưởng một chén trà nhàn nhạt mà hiếm hoi của nhà chùa, cái ngưỡng cửa trong mới thực sự gửi lại bên ngoài cái phồn tạp, phiền muộn và cả ánh sáng nữa.

Bên trong, giữa cái tịch mịch của khoảng không là cái mông mênh của bóng tối, vị ngan ngát của hương khói, điểm vào đây là những nét thâm của hàng cột, là cái trầm mặc của lối nhớ tượng thờ, là cái thanh thản chẳng mấy may xúc động trần thế của mấy kẻ xuất gia ngồi rải rác trên mấy bộ phản bóng ngồi nét gỗ quý. Đến lúc mất quen được cái bóng tối, phân biệt cách bài trí của ngôi danh lam là lúc có thể chấp được tay mà bất chước cách chào hỏi của con nhà Phật khi gặp nhà sư đứng tuổi đang viết xuống mấy chữ cuối cho tờ xin cúng sao giải hạn của người khách đang ngồi bồn chồn mà đoán ý trong chiếc ghế đối diện.

Lòng chùa rộng rãi khác thường. Lướt qua hàng tượng thập điện bày thành một hàng dọc theo bái điện, có cái cảm tưởng như đang điểm qua một loạt những vật mỹ thuật của một toà bảo tàng thiếu ánh sáng. Chùa có tới hai bộ Thập điện, nhưng chẳng phải khác nghiệt với chúng sinh mà mắc giảng những hai mươi lần cửa ngục, ấy chỉ vì cái bộ bày bên gian tả này, nhỏ bé hơn, là pháp bảo của ngôi chùa cũ. Cái công thức khiến cho mười pho không nổi được một nét khác biệt về nghi dung. Vị vương Tàn Quang của cửa ngục thứ tư chẳng có nét khác biệt gì với nhà vua giữ quyền chuyển kiếp, ngoài cái khuôn ước lệ đè nặng trên bàn tay người thợ khéo, nét vàng son lấp loè trong ánh sáng của đèn nến, của hào quang bằng điện khí.

Cao đến ngót 3 thước, pho Di Đà tĩnh tọa giữa chính điện, có đủ cái thể nhìn khắp chúng sinh trong cõi ta bà. Việc nhà chùa đặt tam tôn ở cái vị trí trên trước này, chứng rằng vị Phật làm chủ cõi cực lạc ở quá khứ vẫn muốn đám xuất gia ở đây lấy việc tụng niệm cứu khổ làm đầu, để đức Di Lặc trong pho tượng mù u tròn trặn mà bóng bẩy sắc gỗ đỏ nâu kia, nở nụ cười viên mãn và hoan lạc.

cuộc hành trình

Ta như hai nhánh sông
Gặp nhau chung một dòng
Đổ vào nhau bất tận
Trôi giữa đời mênh mông.

Sông một dòng xuôi chảy
Gió bão hay êm dềm
Cùng nhau ta lên thác
Cùng nhau ta xuống ghềnh.

Bước thời gian nhẹ tênh
Qua xuân hạ rộn ràng
Trong màu thu ủa vàng
Chớm nghe đông huôn bã.

Ta không giữ trong tay
Bóng thành quách lâu đài
Xây bên dòng nước chảy
- Sóng nổi, bóng mờ phai.

Ta không giữ trong mắt
Diễm ảo sắc mây trời
Những hoàng hôn gió nổi
- Khoảnh khắc, mây rã rời.

Ở cuối chân trời xa
Sông đổ ra biển cả
Cuộc hành trình êm ả
Đưa ta về hư không.

nguyên khanh

chuyến xe mùa hạ

Sẽ không có đôi mắt dịu dàng
Nhìn e ấp lẫn chút băng khuâng
Môi em khẽ mỉm cười trong nắng
Rồi có những ngày tháng dừng đọng.

Sẽ không có mái tóc đại khờ
Thẹn che một nửa khi anh qua
Rồi những yêu thương như đã mất
Sợi tơ buồn dường như rất xa.

Sẽ không có ánh mắt em ngời
Trong giờ vào học, trong giờ chơi
Rồi đây sẽ có ngày tháng rỗng
Chỉ có những người nhìn anh xa xôi.

Sẽ không có dáng đứng em buồn
Bên hành lang trống, em băng khuâng
Vì những chuyến xe mùa hạ tới
Rồi sẽ đưa anh xa khuất dần...

Tất cả chỉ còn là kỷ niệm
Khi trên cành, phượng đã tàn bông
Anh đi, gửi lại em màu áo
Sẽ chẳng còn nhau những sáng hồng...

y. ng.

TRUYỆN CỦA MỘT TÁC-GIA
ĐI TỪ MIỀN BẮC

những mảnh đời

PHƯƠNG LIÊN

(khởi đăng từ số 173)



(tiếp theo)

Câu chuyện của ba người mặc dù rất nhỏ nhưng vẫn lọt vào tai một người nằm gần đó. Trước đấy anh ta đã gà gà ngủ nhưng sau đấy lại tỉnh ngay lại, ngồi hẳn dậy mà góp chuyện với họ. Đầu tiên, anh ta nói với ông giáo dạy lịch sử:

- Bác nói đúng đấy. Có nhiều người vì hoàn cảnh mà buộc phải trở thành anh chị, phải dùng đến con dao, quả đấm, cú đá... chứ còn bản chất thì họ vẫn rất là tốt.

- Vâng! - Ông giáo trả lời.

Anh ta tiếp:

- Như ông Tư đây là một thí dụ. Ông ấy tốt lắm.

Khánh hấp tấp hỏi:

- Tốt như thế nào cơ?

Anh ta trả lời rất bình tĩnh:

- Các bác cứ để từ từ rồi tôi sẽ kể dần dần. Trước ngày anh Tư vào đây trong phòng này có mấy thằng đầu gấu rất ghê gớm.

Rồi đưa mắt về phía một góc phòng, anh ta hạ giọng:

- Mấy thằng ấy đang nằm đằng kia kia.

Khánh giả vờ đứng lên để làm một cái gì đó, nhưng kỳ thực là tò mò muốn xem mặt mấy thằng anh chị kia nó như thế nào. Gã thấy ba bốn thằng khá là to béo đang nằm ôm nhau ngủ. Khắp mọi nơi trên thân thể, từ chân, tay, lưng, ngực, bụng... cho đến tận cổ, mặt của bọn này là những hình xăm rồng rắn,

mèo, chuột, hổ, báo, đàn bà cỡi trường, cung, tên, dao, kiếm, những trái tim rỏ máu cùng một loạt những hình vẽ và những con số, ký hiệu kỳ quặc, những hàng chữ Tàu, chữ Tây rối rắm khó hiểu. Lúc ngồi xuống, gã nói:

- Trông hình xăm của mấy ông tướng ấy mà kinh.

Người bạn tù mới nhìn gã một thoáng:

- Vâng! Cả mấy thằng đều thuộc băng búa đen, vì loại vũ khí chính mà bọn chúng sử dụng là những cái búa rèn bằng thép đen, với miếng đòn rất dẽo man là khi lâm trận cứ nhằm thẳng vào mặt vào đầu người ta mà chém. Vì chúng rất liều lĩnh, lại say máu, coi tính mạng con người ta như ngoé nên hàng năm trời dân cả tỉnh này cứ nghe đến tên cái băng ấy là sợ đến vái dái.

Nghĩ đến chuyện bị tù thật vô cơ của mình, Khánh chưa chát hỏi:

- Thế quân đội, công an, dân quân, du kích đâu mà để chúng nó hoành hành như vậy?

- Ai dám động đến chúng nó?

- Sao lại không ai dám động? Chúng nó chỉ có mấy thằng với mấy cái búa, còn các ông ấy thiếu gì súng to súng nhỏ?

- Binh hùng tướng mạnh thế mà vẫn không dám động đấy.

- Vì sao vậy?

- Vì chúng nó đều là con các ông cấp ở tỉnh này. Các bác tính, thằng thì con ông bí thư, thằng thì con ông

chủ tịch, thằng con ông giám đốc sở công an... Mấy ông này mà không ra lệnh thì còn ai dám động đến cái lông chân của bọn chúng nó nữa.

- Nhưng cuối cùng rồi làm sao mà bọn nó phải vào nằm ở đây?

- Nghe đâu vì trong một trận đánh nhau với một băng khác cũng toàn con ông cháu cha ở tỉnh bên, thằng con ông bí thư tỉnh này chém chết thằng con ông bí thư tỉnh kia.

- Chém chết con ông bí thư tỉnh thì rắc rối rồi.

- Vâng! Phải đợi đến tận lúc ấy rồi người ta mới ra lệnh truy nã.

- Vậy mà vào đến đây rồi mấy thằng vẫn cứ còn ông tướng?

- Còn. Vì chúng nó vẫn cậy là có bố làm vua làm chúa ở ngoài mà.

- Chúng nó làm ông tướng như thế nào?

- Thì các bác để tôi tính cho mà nghe. Trong hai mươi mấy người tù trong phòng này chỉ có mấy thằng là bọn có máu đầu trộm đuôi cướp, thực sự có thể cầm dao, cầm búa mà đâm chém người ta không ghê tay. Còn phần lớn những người khác chỉ vì mưu kế sinh nhai mà phạm tội, dù có là những tội rất nguy hiểm.

Khánh lại nổi máu tò mò:

- Những tội gì mà bác bảo rất nguy hiểm?

Người bạn tù nở một nụ cười rất hiền, rồi kê ra một loạt:

- Thì ăn trộm trâu, trộm bò, trộm cây bừa làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Lấy đá rải dưới đường tàu, cưa lấy đường ray, tà vẹt làm cản trở giao thông, cắt đường dây điện thoại làm ách tắc liên lạc, cưa cột điện cao thế lấy sắt, đục đường ống xăng dầu... Nhiều lắm. Đấy các bác xem. Nghe toàn những tội tày trời có ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế cũng như an ninh, quốc phòng toàn dân thì ai cũng phải cho rằng phạm nhân phải là những kẻ ghê gớm lắm. Rất ít người nghĩ là họ liều lĩnh làm như vậy chỉ vì cái bụng đói quá.

Khánh thấy anh ta nói cũng có lý. Nhưng gã chưa kịp tỏ thái độ gì thì đã nghe người bạn tù mới hỏi:

- Xin lỗi! Tôi hỏi câu này khi không phải... Thế làm sao mà các bác lại phải vào đây vậy?

Khánh trả lời:

- Người ta đổ cho bọn tôi là ăn trộm trâu của một ông dân tộc.

Người bạn tù mới lại cười:

- Đấy! Bác thấy tôi nói có đúng không nào? Mà giả sử bác có là một anh ăn trộm thật đi chẳng nữa thì cái khoảng cách đến cái thàng cầm dao, cầm búa để đâm chém người khác vẫn hầy còn quá xa. Tôi không nói phét chứ, những người như bác thì khó mà có thể trở thành một tay anh chị kiểu ấy được.

Đến lượt Khánh cười. Gã nhún vai:

- Tôi cũng không biết nữa. Tôi chỉ sợ đến lúc chó cùng cắn giậu rồi có khi tôi lại cũng cầm lấy dao, lấy búa để đâm chém một kẻ nào đó.

Người bạn tù mới nói với Khánh mà như tự nói với mình:

- Tôi cũng thế thôi. Đến đường cùng rồi tôi cũng phải vớ lấy con dao, cái búa thật. Có thể là để tự vệ, cũng có thể là để gây gổ với một kẻ nào đấy thật, nhưng có một điều chắc chắn là không phải đâm hoặc chém vào những ai yếu ớt hơn tôi.

Khánh nghĩ bụng:

- Tay này trông thế mà cũng khẩu khí ra phết.

Rồi gã hỏi:

- Thế còn bác, làm sao mà phải vào đây?

Người bạn tù mới cười như không có vấn đề gì to tát:

- Nói thật với các bác, tôi phạm tội lấy trộm móng trâu bị bắt quả tang.

- Bác lấy móng trâu làm gì? Để bán cho bọn Tàu à?

- Vâng. Không bán cho bọn ấy thì còn bán cho ai.

- Chúng tôi nghe người ta nói bọn nó chủ mua móng trâu, móng bò, rẽ hời, râu ngô... là để phá hoại sản xuất của ta có đúng không?

- Thì chắc chắn là đúng chứ còn gì nữa?

- Biết thế mà bác vẫn cứ làm à?

- Thì các bác tính, một đại gia

đình gồm bốn bố mẹ vừa già vừa yếu, một con vợ ốm với bốn đứa trẻ lắt nhắt mà chỉ trông vào có một tay của tôi thôi. Cái nghèo cái khó bắt mình làm như vậy.

- Bác không biết là làm như vậy là thất đức lắm à?

- Tôi biết chứ. Nhưng tôi đâu có lấy của mấy ông mấy bà nông dân đi cày.

- Thế bác lấy của ai?

- Của nông trường.

- Bác lấy móng trâu sống hay móng trâu chết?

- Lấy móng sống mới nên chuyện chứ.

Cũng như ông giáo lịch sử, từ nãy giờ Lợi vẫn chỉ im lặng ngồi mà nghe hai người đấu khẩu với nhau. Đến lúc này, vì tò mò quá gã mới vào chuyện:

- Lấy móng trâu sống? Các bác không sợ nó giẫm lòi ruột hay đá cho vỡ mặt à?

- Không.

Người bạn tù trầm ngâm một lúc rồi nói tiếp:

- Tôi nguyên là công nhân của nông trường, ở bộ phận chăn nuôi nên mấy con trâu ấy quen hơi tôi lắm. Bất cứ đêm nào, tôi vẫn ra ra vào vào chuồng trại của chúng nó mà không hề việc gì. Đùng một cái, mấy lão trong ban giám đốc nông trường ra quyết nghị bắt tôi về mất sức mà chẳng hề giải quyết cho bất cứ một thứ chế độ gì. Mấy chục năm trời, một tay tôi nuôi nấng, chăm sóc hàng trăm con trâu, con bò vậy mà đến lúc phải về xin một con bò con làm cái vốn để sinh nhai nó cũng không cho. Túng nên tôi phải tính.

- Bác tính bằng cách nào?

- Tôi thuê thợ rèn một bộ ngàm thép, có cả bu lông để điều chỉnh độ to nhỏ hăn hoi. Đêm đêm, tôi mò vào trại chăn nuôi của nông trường. Mấy con trâu, con bò quen mặt, quen hơi tôi nên không động đậy gì. Tôi gãi gãi, xoa xoa cho một hồi rồi lồng móng nó vào cái ngoàm ấy rồi bẻ đến ngoéo một cái rất nhẹ nhàng.

- Bác có ý thức đi ăn trộm, lại tự chế ra những phương tiện hiện đại

để hành động như thế thì chắc là phải bị ngồi tù lâu lắm?

- Cũng không lâu lắm đâu. Có khoảng dăm năm.

- Thế đã được mấy năm rồi?

- Hình như là ba hay bốn năm gì ấy, tôi cũng chẳng để ý lắm.

Trả lời xong, thấy Khánh và Lợi có vẻ bồn chồn, anh ta hỏi lại:

- Hình như là hai bác cũng mới vào đây chưa được lâu lắm?

- Vâng. Mới có hơn chục ngày.

- Lợi đáp.

Anh ta thông cảm:

- Mới vào đây ai cũng sốt ruột, đếm đi, đếm lại, tính toán từng ngày... nhưng lâu rồi cũng quen đi dần dần.

Lợi nhớ đến Thảo và mấy đứa con ở nhà, buột miệng than:

- Bác bảo quen. Làm sao mà quen được cơ chứ...

Trong khi đó thì Khánh nói:

- Nhưng bác còn chưa nói về mấy tay anh chị tác oai tác quái trong cái phòng giam này như thế nào cơ mà?

Người bạn tù cũng không quên:

- Vâng! Cứ chuyện nọ lại sợ sang chuyện kia. Thôi, các bác cứ thư thả rồi tôi sẽ kể dần dần...

Chương 25

Câu chuyện của bốn người thỉnh thoảng lại bị gián đoạn bởi phải tránh để nhường lối cho những người tù cùng phòng vào cầu tiêu. Vẫn bằng giọng câu càu, tỏ vẻ rất bình dân, ông giáo dạy lịch sử nói với người bạn tù mới:

- Tớ thì đã có thâm niên ở trong cái tạm giam này rồi, chẳng còn thiết để ý đến cái gì nữa. Nhưng còn hai ông tướng mới này thì vẫn háo hức, tò mò, muốn biết nhiều chuyện lắm. Thôi thì, cậu cứ kể những chuyện đã xảy ra đối với chính mình, để các cậu ấy nghe rồi tự rút ra được bài học gì thì rút.

Anh ta đáp:

- Cũng chẳng có gì gọi là dài lắm đâu các bác ạ... Với lại dần dà rồi các bác biết sẽ biết hết, có những chuyện rất khốn nạn cứ lặp đi lặp lại hết ngày này sang ngày khác, nó làm

người ta chết dần chết mòn nhưng bảo kể lại thì chỉ có một vài câu là hết ngay thôi.

- Vàng. - Khánh vừa đáp bằng quơ vừa nhớ lại những năm tháng dài dằng dặc trong đời lính của gã. Đúng là khốn nạn thật, nhưng có cái gì để mà kể lại được đâu. Rồi gã tiếp - Chúng tôi biết chứ. Thôi thì bác thấy có gì kể được thì cứ kể.

Người bạn tù mới nghĩ một lúc rồi hỏi:

- Có lẽ để tôi kể cho các bác nghe bắt đầu từ cái đoạn gặp mấy tay anh chị ở phòng này nhé?

Lợi đáp:

- Cũng được.

Song gã phân vân nói nhỏ lại:

- Nhưng tôi sợ bọn nó nghe tiếng mình nói chuyện với nhau rồi lúc nào lại trả thù cho thì khốn nạn?

Anh ta cười:

- Trước thì cũng sợ thật đấy. Chúng nó mà biết thì thế nào cũng được xơi một đòn như tử.

Mới nghe đến đây Khánh đã chen vào:

- Còn bây giờ thì không à?

Anh ta vẫn cười, khẳng định:

- Không.

- Tại sao vậy?

- Vì chúng có bao nhiêu võ công đều bị ông Tư đang nằm đằng kia phế bỏ hết cả rồi. Bây giờ trông thằng nào thằng ấy to con như thế nhưng thực chất thì chưa xô đã ngã, yếu lắm, chẳng dám làm gì ai.

Khánh buột miệng:

- Hay nhỉ.

- Vàng. Hay lắm. Để tí nữa rồi tôi sẽ kể để các bác nghe. Với lại chẳng hiểu tại sao dạo này bọn nó ngủ suốt. Cứ ăn xong bữa là mấy thằng nằm lăn quay ra ôm nhau ngủ chẳng biết trời biết đất gì nữa.

- Thế thì bác kể đi.

- Vàng. Chuyện như thế này.

Người bạn tù mới suy nghĩ một lát rồi nói: - Như đã kể để các bác nghe rồi đấy, tôi vào cái trại tạm giam này tính đến nay cũng đã ba bốn năm. Cái số tôi là số khổ, ở bên ngoài đã thua thiệt, vào trong tù rồi, so với người khác cũng vẫn bị thua

thiệt hơn. Ngày mới vào trại cứ là bị di chuyển như chong chóng, ở phòng nọ mấy ngày, chưa kịp quen với ai đã lại bị xách ném sang phòng kia, ở đấy được mười hôm rồi lại bị lôi sang phòng khác. Chẳng hiểu sao, trong có không đầy một năm mà tôi bị chuyển đi chuyển lại đến cả hơn một chục lần. Sự đời thật là trở trêu. Các bác biết không? Lúc mình đến phát chán lên được, mong sao cho nó đừng có bắt di chuyển thì nó lại cứ bắt... Cho đến khi bị đẩy đến cái phòng khốn nạn nhất này, mong ngày mong đêm cho nó chuyển sang chỗ khác thì nó lại không chuyển.

Ngày hôm đầu tiên bị chuyển đến đây tôi đã thấy có sự phân biệt một cách rất rõ rệt. Cái phòng giam này ngày ấy khá là đông, cũng phải đến xấp xỉ ba chục người chứ chẳng ít. Ấy thế mà chỉ riêng bốn thằng chúng nó đã chiếm một nửa diện tích tốt nhất ở bên kia, mỗi thằng là cả một khoảng rộng bằng cái chiếu to lại chân gối, quạt kiểng đầy đủ. Nửa còn lại thì chui rúc ở một nửa có chuồng xí bên này. Đúng là chặt như nêm cối. Nằm cũng khó mà ngồi cũng khó.

Lúc vừa bước chân vào phòng, biết thân phận của một thằng tù mới tôi đã rất lễ phép cất cao giọng mà chào hỏi tất cả một lượt. Một số người cũng cất tiếng chào lại và xê dịch vị trí nhường cho tôi một chỗ ngay cạnh cầu tiêu này nữa. Diện tích của cái chỗ ấy thật là nhỏ, chỉ vừa để cho tôi ngồi hoặc đứng, còn nằm thì dứt khoát là không rồi. Từ trước, thỉnh thoảng tôi vẫn được nghe đến cảnh ngủ ngồi hoặc ngủ đứng trong tù nhưng đến hôm ấy mới chắc là được nếm mùi như thế nào. Ông bạn tù ngồi cạnh chỗ tôi cũng già già như bác đây, trông ốm yếu, hom hem lắm nhưng lại là một người tốt. Tôi chưa kịp nói năng gì thì ông ấy đã bảo:

- Bây giờ thì có thể ngồi hoặc đứng tạm vậy, nhưng đến đêm, lúc ngủ thì thỉnh thoảng cũng cần phải ngả lưng. Tôi với cậu đối nhau. Cậu cứ chịu khó ngồi hoặc đứng một lúc

rồi chốc chốc tôi lại đổi chỗ cho mà nằm.

Tôi vừa mở miệng cảm ơn ông già xong, chưa kịp nói năng thêm cái gì thì từ phía bên kia đã có tiếng quát thật to:

- Đ. mẹ. Thằng khốn kiếp nào vừa mới vào đây? Đã sang làm lễ ra mắt các bố chưa mà dám bàn chỗ ăn chỗ ngủ, hả?

- Cái thằng nào vừa mở mồm ra đấy thật khốn nạn... - Tôi bụng bảo dạ như vậy. - Thì rõ ràng là lúc vừa bước chân vào phòng này mình đã chào hết cả rồi. Ai cũng nghe thấy, chỉ có mấy thằng chúng nó là cứ trơ mắt ếch lên mà nhìn để rồi bây giờ lại lên giọng hoành hành. Tuy nhiên, cũng chẳng hẹp hòi gì một lời nói, chúng mày muốn chào lại một lần nữa thì tao chào. Tôi nghĩ thế và đứng lên hướng sang phía bốn thằng mà nói thật nhẹ nhàng, khiêm tốn: Chào các bác. Em mới đến không biết nên có khuyết điểm gì cũng xin các bác tha lỗi cho ạ. Rồi tôi ngồi xuống. Nhưng chỉ không đầy một phút sau từ bên kia lại có mấy tiếng thét to hơn:

- Đ. mẹ. Thằng khốn kiếp lại dám đứng ở cái hố xí ấy mà chỗ mồm sang đây hả?

- Đ. mẹ. Thằng khốn kiếp dám coi trời bằng vung. Tưởng chỉ nói thế là xong hả?

- Lôi thằng khốn kiếp sang đây. Tán bỏ mẹ nó đi...

Nghe vừa hết câu ấy tôi đã thấy một thằng đứng ngay trước mắt. Nó thấp đậm, đen trùi trùi, chân tay thô kệch, cổ trâu, mặt ngắn ngắn với cặp mắt ti hí, cái mũi khỉ đột và đôi môi thâm xì. Sau này thì tôi biết bố nó là giám đốc sở công an. Mặt mũi của hai bố con nó thật là ác chẳng kém gì nhau. Thằng này giờ thẳng cánh tát cho tôi một cái đến nảy đom đóm rồi mới túm cổ áo mà lôi sênh sếch sang phía bên kia. Nó vừa đẩy thật mạnh làm tôi ngã sấp mặt xuống nền nhà vừa quát tiếp:

- Đ. mẹ mày! Quỳ xuống đấy.

Chưa bao giờ tôi thấy mình bị nhục như thế này. Đang tự nhiên bị

nó cho một cái tát vào mặt, bị xô ngã gãy răng, bây giờ lại bắt quỳ xuống nữa... Sao cuộc đời lại có thể khốn nạn như thế được nhỉ? Tôi mới nghĩ trong đầu như thế và chưa kịp làm gì thì một thằng khác đã nhảy ra. Nó vừa hét lên: "Đ. mẹ mày. Có chịu quỳ xuống không?" vừa co chân đá vào ngực tôi một phát mạnh như trời giáng. Cú đá ấy làm tôi ngã ngửa, đầu vấp xuống sàn xi măng chảy máu bête. Sau này thì tôi biết bố thằng này là bí thư tỉnh ủy của tỉnh này, còn nó thì là trùm của băng búa đen... Từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến nay chưa bao giờ tôi được lãnh một trận đòn ác liệt như hôm ấy các bác ạ. Cú đá của thằng trùm con ông bí thư tỉnh ủy kia như một mệnh lệnh kéo hai thằng còn lại vào cuộc. Bốn thằng chúng nó đứng vào bốn góc rồi bày trò xa luân chiến đối với tôi.

- Trò xa luân chiến là thế nào? Có phải là chúng luân phiên nhau mà đánh bác không?

Lợi hỏi, như muốn chứng tỏ rằng mình cũng có chút xú hiểu biết. Người bạn tù cười: - Vâng. Khởi đầu, thằng con ông bí thư tỉnh ủy túm lấy cổ áo tôi vừa dấm vừa đẩy thật mạnh sang cho thằng con ông giám đốc sở công an. Thằng này lại nương theo đà mà vừa túm lấy tóc vừa đá thật mạnh vào đít đẩy tôi sang cho thằng con ông viện trưởng viện kiểm sát đã sẵn sàng chờ ở một góc khác rồi. Khi tôi vừa tà tà bay tới nơi, thằng này quay lưng thúc cho tôi một cùi chỏ thật mạnh vào mạng sườn. Cú thúc của nó làm cho tôi vừa bay vừa quay đến trước mặt thằng con ông chủ tịch tỉnh để thằng này cho một cú lên gối vào ngực... Cứ như thế tôi bị bốn thằng khốn kiếp quần cho hết vòng này đến vòng khác. Chúng đánh rất có bài bản, hoặc là xĩa vào bụng, hoặc là chặt vào cổ, hoặc là song phi vào mặt vào ngực, hoặc là dọi vào lưng, cú nào đích đáng cú ấy... cho đến khi tôi rũ xuống như một cái giẻ rách mới thôi.

Anh ta ngừng lại một lúc xong lắc đầu:

- Đến tận bây giờ mà mỗi lần nhớ lại tôi vẫn còn thấy thật là kinh hoàng. Lúc được ông già tốt bụng mà tôi vừa kể lúc nãy kéo về lấy nước tiểu mà xoa bóp cho tôi mới thấy khắp mình mẩy đâu đâu cũng có thương tích. Mà cũng không hiểu lúc bấy giờ tôi lấy sức ở đâu ra mà chịu những trận đòn khốc liệt như thế.

Khánh chen vào:

- Mà đấy chắc mới chỉ là trận phủ đầu phải không bác?

- Vâng. Đúng thế. Chúng nó nói là phải cảnh cáo cho tôi biết chúng nó là ai mà kiêu ngạo ra.

- Sau đó bác còn ăn đòn của chúng nó trận nào nữa không? - Lợi hỏi thêm.

- Còn nhiều chứ. Bất kể lúc nào chúng nó cũng có thể đánh mình được. Chỉ cần lúc chúng nó đi đái đi ỉa mà mình không kịp tránh ra nhường lối là đã xối vài cá đá vào đầu, vào mặt rồi. Cũng có khi chỉ cần tia mắt của nó vô tình bắt gặp tia mắt của mình nó cũng đã xông đến đè xuống mà dấm.

- Bác có thấy bọn nó có trừ ai ra không?

- Có trừ mấy thằng tình nguyện làm nô lệ, đầu sai cho chúng nó... Còn thì tuốt tuột, kể cả ông già đáng tuổi cha, tuổi ông chúng nó, chúng nó cũng không tha.

- Làm đầu sai tức là làm gì?

- Thì giặt giũ, tắm rửa, kỳ cọ, bưng bô, đổ vệt... nó sai làm cái gì thì phải làm cái ấy, nhưng công việc chủ yếu là làm đi đực.

- Nghĩa là đêm đêm phải ngủ với chúng nó?

- Chẳng cứ đêm mà bất cứ lúc nào chúng nó húng lên gọi sang là phải sang.

- Ngoài chuyện đánh người ra, mấy thằng đầu gấu này còn làm gì các bác nữa không?

- Sao lại không? Các bác cứ nghĩ như thế này: Người nhà có vào thăm nuôi, gửi cho cái gì cũng phải nộp cho mấy thằng này hết, để chúng nó ăn chán chê rồi cho bao nhiêu là được bấy nhiêu. Hoặc ngày ngày có

hai bữa cơm, bao giờ cũng phải để chúng nó ăn no ăn nê rồi mới đến lượt mình chia nhau. Mùa hè cả phòng được chậu nước uống thì nó tắm, rửa chân, rửa tay vào đấy...

- Bọn nó đã man vậy sao các bác không đoàn kết nhau lại nên cho một mẻ rồi ra sao thì ra?

- Thì nhiều người cũng nghĩ thế nhưng đến lúc bàn bạc hoặc bắt tay vào việc mới thấy khó.

- Làm sao mà khó?

- Chủ yếu là ở cái khâu đoàn kết. Trừ mấy thằng đi đực chuyên mút mát coi như là người của chúng nó ra không nói đến làm gì, số còn lại cũng chia ra năm bè bảy bề. Được vài người muốn đánh chết cha mấy thằng khốn nạn đi thì lại gặp mấy người không, mấy người lừng chừng... Có những ông hôm mới vào bị nó đánh cho một trận thừa sống thiếu chết vậy mà lúc hỏi đến lại cứ im như thóc. Thậm chí còn có ông bí mật, bấm báo, tâng công với chúng nó... chẳng biết là để được cái gì?

Anh ta lắc đầu, cười chua chát rồi tiếp:

- Nếu cách đây nửa năm không có ông Tư vào thì cái phòng này còn khốn nạn với chúng nó. Gì chứ từ nãy đến giờ chắc chắn là ba bác đã phải xối mấy trận đòn phủ đầu như tử.

- Cái ông Tư mà bác vừa nói ấy là người thế nào?

- Ông ấy là dân Miền Nam tập kết, quê quán nghe nói ở Quảng Nam hay Quảng Ngãi gì đấy. Ông ấy đã tốt nghiệp đại học ở bên Liên Xô, là kỹ sư lâu năm, nhiều kinh nghiệm, giỏi lắm nhưng chỉ được giữ một chân nhân viên kỹ thuật quen ở đội xe máy của một nông trường chăn nuôi ở trên này.

- Nông trường nào? Bác có biết tên cái nông trường ấy không?

- Thì chính là nông trường của tôi mà.

- Làm nhân viên kỹ thuật trọng coi xe máy cho một nông trường thì chỉ mấy ông thợ bạc bốn bạc năm là đủ, cần gì phải kỹ sư giỏi được đào

tạo ở Liên Xô về?

- Đúng thế! Mà chỉ là nhân viên thôi. Chắc các bác chẳng lạ lắm gì với cách phân công cán bộ của nhà nước ta.

- Ai mà chẳng biết. Những ông cấp, chức tước đầy mình thì kiến thức lại rất lèm nhèm, lớp ba lớp bốn trường làng, học hoàn lắm mới được ông có cái bằng tốt nghiệp cấp hai... trong khi đó đám nhân viên thì tốt nghiệp hết trường đại học này đến trường đại học khác.

- Vâng! Như ở nông trường của chúng tôi cũng thế. Máy ông trong đảng ủy và ban giám đốc nông trường nguyên là cán bộ bên quân đội chuyển ngành, cả kiến thức khoa học, kỹ thuật lẫn thực tế đều mờ mịt, đến bò chữa mấy tháng, lợn chữa mấy tháng cũng không biết thì chẳng chấp làm gì, nhưng đến cả đám đội trưởng, đội phó các đội quản đốc, phó quản đốc các phân xưởng là những nơi trực tiếp sản xuất cũng như thế nữa thì mới đáng nói. Như ở đội chăn nuôi của tôi, cả hai lão đội trưởng và bí thư chi bộ đều không biết mùa nào thì có loại cỏ nào cho trâu bò. Hoặc ở đội quản lý xe máy có lão đội trưởng không biết mặt mũi cái bu-gi nó ra làm sao; có lần bị công nhân đánh lừa, chính lão đã cử cả một tổ vận chuyển bốn người với một cái xe ba gác đi để lấy được có một cái bu-gi về... Trong khi đó thì công nhân, nhân viên thì

đầy người tốt nghiệp trung cấp, đại học.

- Chuyện ấy xưa lắm rồi bác ơi. Khắp nơi trên đất nước này ở đâu mà chẳng vậy... Nhưng làm sao mà ông ta lại phải vào đây?

- Nghe nói là ông ấy với mấy lão lãnh đạo nông trường có mâu thuẫn gì đấy rồi các lão ấy mới bố trí lừa cho ông ấy vào trông.

- Trời đất ơi! - Khánh vừa kêu lên vừa nhớ tới mấy vị thủ trưởng của mình những ngày còn trong quân ngũ. - Một khi mấy thằng khốn nạn ấy nó đã muốn giở trò ra thì mình có tài chạy lên trời cũng không thoát.

Rồi gã hỏi sang câu khác:

- Nhưng thôi, bỏ qua đoạn ấy đi. Bây giờ bác kể đến đoạn ông ấy trị mấy thằng đầu gấu của cái phòng giam này đi.

- Vâng. Thì ngay cái hôm đầu tiên ông ấy vào đây, mấy thằng ấy đã định giở trò đánh phủ đầu ra. Đầu tiên, bao giờ cũng là thằng con ông giám đốc sờ công an thét lên:

- Đ. mẹ. Thằng khốn nạn vừa vào đâu rồi? Có ra trình diện các bố mày ngay không thì bảo?

Nhưng nó gào lên ba bốn lần mà ông ấy vẫn không chịu đứng dậy. Tôi cũng chẳng hiểu là ai nói cho chúng nó ông ấy là người Miền Nam mà thằng này lại gào lên nữa:

- Đ. mẹ. Thằng Miền Đù khốn kiếp sợ không dám lộ mặt ra hả?

Đến lúc ấy ông ta mới đứng dậy, đi sang phía sân nhà bên kia và hỏi rất đàng hoàng:

- Thằng nào dạy chúng mày dám xách mé miền nọ miền kia hả? Có giỏi thì ra hết đây?

Ông vừa nói hết câu thì đã thấy bốn thằng này đã xông ra đứng bốn góc. Không nói không rằng gì chúng hùng hổ xông cả vào một lượt, thằng nào thằng ấy trở hết bản lĩnh định đánh gục ông ngay từ những đòn đầu tiên... Bọn tôi hoa hết cả mắt lên nhưng rồi chẳng ai biết tại sao mà chỉ trong chớp mắt đã thấy cả bốn thằng nằm đè lên nhau cả ở một góc, thằng nào thằng ấy xếp như gián.

Mà bọn chó này cũng hèn lắm. Lúc hơi hồi hồi lại cả bốn thằng lết đầu gối đến quỳ lạy trước mặt ông xin tha tội và kêu bằng sư phụ hay đại ca gì đó. Ý bọn nó là muốn kéo ông về cùng phe để lại dễ bề tiếp tục tác oai tác quái với những người tù còn lại. Nhưng ông ta khinh bỉ hất đầu bọn nó ra, đẩy về chỗ cũ mà không thèm nghe. Cái đẩy của ông trông rất nhẹ nhàng, nhưng bọn tôi đoán là chắc vào yếu huyệt nào đó nên thấy cả bốn thằng như chẳng còn sức vóc gì. Đến sau này chúng tôi mới biết là bọn chúng khổ công luyện được bao nhiêu võ lực để gây gỗ với thiên hạ đều bị cú đẩy ấy phế bỏ mà trở thành vô dụng hết cả.

- Và thế là từ lúc ấy trật tự trong phòng này được lập lại?

- Vâng. Tất nhiên là như thế. Thằng nào muốn ho hoe thì chỉ cần nhìn vào đôi mắt của ông ta một lần là phải từ bỏ ý định ngay.

- Ông ta có tự đặt ra cho mình một tiêu chuẩn đặc biệt nào không?

- Không hề.

- Sao bọn tôi thấy hình như chỗ nằm của ông ta hơi rộng hơn?

- Đấy là do mấy anh em ở xung quanh đấy tự giác di tản đấy chứ. Nhưng cũng chỉ là lúc chơi bởi phải sử dụng đến cái bàn cờ xăm ở trên lưng của ông ta mà thôi. Còn những lúc khác thì hoàn toàn bình đẳng.

(còn tiếp)

mưa

long lanh
ánh mắt thủy tinh
ngập ngừng từng giọt
tình mình thương nhau
bỗng nhiên
mưa đổ ào ào
lúc môi anh
khẽ
chạm vào môi em

hồ ông



quê nội quê ngoại

XUÂN VŨ
(khởi đăng từ số 173)



XI. Cậu Bảy, Cậu Tám, Dì Tư, Dì Năm

Khi tôi lên trường quận thì Ngoại tôi mới bắt đầu học chữ. Mà tự học chứ không có ai dạy hết. Cứ lấy vắn ra mò rồi thuộc. Vậy mà rồi Ngoại tôi biết chữ và đọc, chép luôn cả cuốn thơ Văn Tiên trên 1000 câu.

Sau này khi lớn lên, Ngoại tôi vẫn còn tại đường, có lần tôi hỏi: Sao Ngoại học chỉ vậy Ngoại? Ngoại tôi nói: "Tao học để tụi nó (chỉ các cậu tôi) làm tờ bán đất nó biểu tao ký, tao cũng ký sao?" Thực ra Ngoại nói cho vui chứ các cậu tôi có làm thế bao giờ. Nhà Ngoại tôi âm u không đủ người ở nhưng Ngoại vẫn còn cất thêm, để có giỗ quải, đám cưới đám tiệc có chỗ khách ngồi. Ông ngoại tôi làm Hương Bộ, qua đời hồi bà ngoại tôi 38 tuổi. Sau này tôi nghe các cụ thuật lại thì nhiều người có địa vị trong vùng muốn gả nghĩa nhưng Ngoại tôi nhất định sống vậy nuôi con. Ngoại nói: lấy chồng, người ta ăn hết của còn đâu cho con. Và Ngoại tôi thọ đến 80 tuổi.

Ngoại tôi kể lại rằng tôi ra đời nơi ngôi nhà ngói xưa này. Được một hôm thì ông nội tôi ra ẵm tôi ra ngoài sáng hôn tôi và mừng rỡ lắm. Tôi là đứa cháu lớn đích tôn bên Ngoại lẫn bên Nội.

Nhà Ngoại tôi ở chợ Tân Hương, như các bạn thấy đó, tiếng trống hát Sơn Đông đánh thức tuổi thơ. Viết về

quê Ngoại thì nhiều quá, biết bắt đầu từ đâu bây giờ. Tôi dành thật nhiều khoảng lớn trong trái tim tôi cho quê ngoại. Nếu quê nội là mảnh đất đã sanh ra hạt giống thì quê ngoại là vườn ương cây.

Má tôi thứ hai, có chồng ở làng bên. Thành ra dì Tư tôi là trưởng nữ trong gia đình Ngoại. Dì có tánh trầm lặng và sâu muộn. Dì đọc tiểu thuyết *Nửa Chừng Xuân* chứ không đọc truyện Tàu. Ngược lại dì Năm tôi thì tiểu thuyết cũng đọc mà truyện Tàu cũng thích. Nếu dì Tư có dáng điệu ủ rũ thì dì Năm lại nhanh nhẹn và hoạt động luôn. Dì khéo tay và hay chữ. Ngày nào Dì cũng ra vườn tìm hái ổi chín để đem vô làm mứt ổi hoặc trái đu đủ để tía bông đường. Nếu không có hai loại trái đó thì Dì làm bánh khéo. Khi có đám cưới, bà con thường đến nhờ Dì làm vài keo hoặc một quả bánh men, bánh bông lan. Thời đó đường cát trắng và các thứ vật liệu dùng làm bánh rất dễ mua. Tiệm chệt bên chợ đều có đủ. Còn trứng gà thì có sẵn trong nhà. Bà ngoại tôi rất cưng chiều Dì và tự hào về Dì. Ngoài hoa tay làm bánh, Dì còn có hoa tay thêu thùa. Dì đã từng thêu một tấm chăn rực rỡ không kém gì thợ Bắc. Dì phải thêu từng mũi kim một. Cơm sáng xong ngồi rì mọ tới cơm chiều, liên tiếp 6 tháng. Công trình này làm nên danh tiếng của Dì trong khắp vùng. Dì có một cái thùng nướng bánh bằng

thiếc, giống như một chiếc xe hơi có cửa mở ra khép lại và có những cửa sổ bằng kính để nhìn vào biết những chiếc bánh bên trong chín hay khét để thêm hoặc bớt than trên nóc thùng cho đúng mức. Chiếc thùng này được đặt một nơi trang trọng ở trên nhà trên đề phòng mèo bắt chuột chạy làm bể kính. Còn than được thì luôn luôn có sẵn trong nhà. Lúc nào cần thì có ngay.

Dì Tư và dì Năm ít nói chuyện với nhau. Chỉ khi nào vào bếp thì mới trao đổi về nồi cơm ơ cá, còn ngoài ra thì ai làm việc nấy. Dì Tư thì say mê những trang tiểu thuyết còn dì Năm thì hết làm bánh tới thêu thùa. Những trang sách của Dì là cân lượng đường đậu làm bánh.

Bà ngoại tôi thì lui cui làm vườn. Bà trồng ớt trồng cà, nếu bắt gặp trái mít hay buồng chuối chín thì kêu cậu Tám đón đem vào nhà. Và sẵn sàng cho tiền để dì Năm mua vật liệu làm bánh hoặc kim chỉ thêu thùa.

Nhà không có đàn ông nên cậu Tám được xem như là hoàng tử thời vua Nhân Tôn đời Tống. "Trong triều nội chỉ có nó là trai!" Việc gì bên ngoài bà ngoại tôi cũng giao cho cậu Tám, mặc dầu cậu chỉ hơn tôi vài tuổi. Và cái thú của cậu là chạy rong ngoài vườn để bắn chim.

Bây giờ nhớ lại những ngày thơ ấu, tôi thấy cậu Tám tôi quả là một nhân vật tiểu thuyết rất rõ nét. Cậu hoạt động luôn tay luôn chân và liên miêng. Lúc nào cậu cũng hát, hò, nói lời, ca vọng cổ. Trong nhà có bọn sách vở. Trong ngôi nhà thâm u của ông Cố tôi, tôi chỉ quen biết cái kệ truyện Tàu còn ở nhà bà ngoại tôi thì vật thân mến nhất là bộ vắn và chiếc ghế ăn trâu của Ngoại.

Trên ghế có cái bình tích nước sứt vôi, với hai cái quai bằng đồng vàng ánh. Bạn là dân Tiền Giang thì hẳn chưa quên cái vỏ bình làm bằng trái dừa khô cắt rất khéo. Cái gáo dừa bên trong vừa đúng cho bình trà cư trú êm ấm, nước không nguội nhanh. Nó lúc nào cũng ấm ấm, vừa uống. Cái chóp nắp vỏ bình làm bằng pha lê. Đó là cái nút chai *alchool de menthe* được đem

sang đó sau khi chai thuốc đã cạn. Muốn cho nước lâu nguội hơn thì phải dùng một chiếc khăn nhỏ tú lên bình nước rồi mới đậy nắp vỏ dừa lại. Chỗ này, với ai từng biết cái vỏ bình tích làm bằng trái dừa khô, thì đọc qua hiểu liền, còn viết ra văn thì nó linh kinh làm sao ấy, sợ tuổi trẻ ngày nay không hiểu cái “dụng cụ uống trà” của người cao niên hơn nửa thế kỷ trước. Bà ngoại tôi không phải là người ghiền trà, nhưng bà ít khi uống nước lạnh, dù là nước mưa bí. Đi ngoài vườn vô nhà, bà rót một tách nước trà ấm ấm uống mới khoẻ.

Bên cạnh cái vỏ bình đó còn có cái khay trầu. Đây cũng là một “chi bảo” trong gia đình xưa mà tuổi trẻ bây giờ không thể nào biết được. Viết thành văn chắc còn khó hơn mô tả cái vỏ bình tích trên kia. Phải định nghĩa thế nào cho đúng hai tiếng “khay trầu”? Khay - đó là một vật làm bằng gỗ vuông, lòng nó sâu chừng 5 phân. Bốn thành có chạm khắc hoặc cấn xà cừ rất tinh vi. Khay dùng để cho chú rể đi cưới vợ gọi là *khay trầu rượu*. Cái khay này lại càng quan trọng và linh thiêng hơn khi dùng để cho vị Chánh Bái bưng, trên đó đặt tám sắc thần của vua ban, đem để lên bàn thờ thần trong đình làng. Khay là một vật dụng như vậy đó. Nhưng cũng lắm lúc nó chỉ làm nhiệm vụ bình dân như đựng trầu cau cho những ông cụ bà cụ dùng hàng ngày.

Nói đến khay trầu thì phải nhắc tới trầu cau. Cái không khí trong một gia đình Việt Nam (xưa) ấm cúng thân thuộc là hương khói trên bàn thờ và mùi cau trầu. Nhà Việt Nam nào mà không có bàn thờ? Vườn Việt Nam nào không có cây cau và nọc trầu. Tôi là một kẻ nhà quê nên không bao giờ tôi quên cái bàn thờ dù rục rờ hay đơn sơ, đặt ở ngay gian chính của ngôi nhà. Người ở ngoài bước vào là dụng ngay bàn thờ ông bà. Người khách dù lạ dù quen cũng lột khăn giở nón xá bàn thờ trước rồi mới nói chuyện với gia chủ sau. Những người còn giữ đạo thánh hiền còn xin phép đốt nhang cắm trên bàn thờ nữa.

Đó là văn hoá, văn minh văn hiến

Việt Nam hay Á châu mà ngày nay hình như người phương Tây mới chịu nhìn nhận và đi theo. Vì nếu cứ cái đà tự do của họ hôm nay thì rồi ở những xứ “văn minh” này sẽ trở thành loạn cào cào vào cuối hoặc giữa thế kỷ 21 chứ không lâu! Bởi họ không có văn hoá gốc. Văn hoá của họ là một thứ pha trộn các phương xa mang tới. Chưa nói ở đâu xa, ngay ở Việt Nam bây giờ cứ như lối sống bên ngoài, ta cũng có thể nói văn hoá Việt Nam đã đổi màu, hoặc không còn nữa. Nhưng đó là chuyện của các nhà văn hoá chứ không phải là chuyện của cây bút quèn này. Dù sao thì sống giữa một thực trạng không khỏi có ưu tư, ưu tư nhưng không làm gì được!

Bây giờ xin trở lại cái bàn ăn trầu của bà ngoại tôi với chiếc khay trầu. Má tôi năm nay đã 90 tuổi. Nếu bà ngoại tôi còn tại đường thì đã thọ tới 110 tuổi rồi. Và chiếc khay trầu kia hẳn còn đó với cái vỏ dừa bên trong có chiếc bình tích trà ấm. Thật vậy, những món đồ tâm thường ấy đã trở thành kỷ vật trong lòng tôi. Để tôi nói về cái khay trầu này thêm chút nữa.

Ở nhà ông nội bà nội tôi cũng có khay trầu. Ông Cố tôi cũng dùng khay trầu nhưng cụ đã dùng tới ống ngoáy. Lại phải mô tả cái dụng cụ này. Nếu không thì tôi đâu có gì để nói. Vì đây là những vật thân mến của tuổi thơ tôi. “Thằng T. bữa nay mày ngoáy trầu cho ông Cố nghe không?” Đó là lời của bà Mười tôi (người con dâu út của ông Cố) và đó là một danh dự. Đứa cháu cưng mới được ngoáy trầu cho cụ Cố. Trong thơ Tú Xương có câu mô tả sự linh kinh của tuổi già: “*Đi đâu mang những cối cùng chà*” thì tôi đoán chắc là cối ngoáy trầu (chứ chẳng lẽ cối giã gạo). Vậy cối ngoáy trầu nó là cái gì? Nếu ta đi tìm trong tự điển Pháp Anh thì chắc không có cái tiếng này.

Khoảng thế kỷ 14-15 chi đó thì bên Pháp đã có máy hơi nước (*machine à vapeur*) rồi. Bằng chứng là trong *Lettres de mon moulin* (Những lá thư viết từ cối xay gió) A. Daudet đã mô tả lão già Corniche đáng thương trong truyện ngắn kiệt tác “Bí mật của

lão Corniche” (*Le secret du maître Corniche*). Truyện xảy ra mấy thế kỷ mà người Việt Nam đọc đi đọc lại vẫn còn xúc động bồi ngùi thương cho lão già quê sống với chiếc cối xay gió thiên nhiên của mình. Thì nay mai đây hay chính ngay bây giờ tôi cũng đang hoặc đã trở thành lão Corniche rồi. Có gì đâu. Truyện chỉ như thế này:

Lão ta có cái cối xay gió (*moulin à vent*) để xay lúa mì muốn cho lối xóm. Lão thích thú với cái dụng cụ khổng lồ dùng sức gió để hoạt động đó. Mỗi cuối tuần, dân trong xóm đánh những chú lừa lưng chở đầy các bao lúa đem đến cho lão xay. Trong lúc chờ đợi cối xay xong, già trẻ trai gái nhảy múa trước sân như ngày hội. Quê hương tôi giàu có và êm đẹp biết bao - Lão Corniche tự hào sống một cuộc đời giản dị như thế.

Cho đến một hôm... những người khách hàng không đến nữa. Lão Corniche buồn rầu. Lão tìm hiểu nguyên nhân. Thì ra ở gần đó người ta dựng lên một cái nhà máy mới toanh, xay lúa nhanh hơn và sạch hơn cái cối xay thổ tả của lão. Lão không muốn lộ mặt ra ngoài đi đâu nữa hết. Lão vào trong thân cối, đóng cửa lại và không làm gì hết, để cho nổi ưu sầu gặm nhấm tâm thần già. Những khách hàng quen hiểu tâm sự của lão bèn đem lúa đến cho lão xay như xưa. Lão vui vẻ trở lại làm việc và bảo họ: “Đó là đồ ma quỷ! Chúng nó sẽ ăn hết ruột gan của bà con!... Hãy đến với ta. Cái cối này là hơi thở của Chúa! Nó mát mẻ trong lành v.v...” Trong bảy ngày liền lão đi khắp trong xóm la hét mấy câu ấy. Nhưng rồi người ta vẫn đến nhà máy xay, bỏ lại phía sau chiếc cối xay lúa với lão già đáng thương.

... Rồi hàng ngày lão nhìn dưới sông, những làn hơi bay toả, bốc lên từ những ống khói tàu thủy. Chúng chở lúa đến cho nhà máy... Rồi những đàn lừa thừa đàn. Những buổi nhảy vui tươi trước kia cũng không còn nữa.

Một ngày kia bỗng nhiên nhìn lên trời, người ta lại thấy những cái cánh chiếc cối xay gió của lão Corniche quay tít. Lão đã hoạt động trở lại chăng? Vài ba người bạn kéo đến thì

thấy cửa khoá trái. Họ cạy cửa ra thì thấy lão già nằm queo dưới đất, tắt thở. Bên trong răng cối, mấy bao lúa mì đang xay dở dang. Thì ra lão Corniche muốn nhìn lại chiếc cối của mình hoạt động. Lão muốn sống lại cảnh vui tươi nhộn nhịp ngày xưa nhưng không được nữa vì lão đã chết.

Tôi cũng như lão Corniche trong lúc ngồi viết những dòng này. Tôi muốn sống lại cái không khí âm u của ngôi nhà ông Cố tôi. Tôi muốn uống tách trà ấm rót ra từ chiếc bình tích trên bàn nhà bà Ngoại tôi, nhưng làm sao, làm sao?

Chiếc khay trầu đã mất tích từ lâu. Cả ngôi nhà mênh mông cũng không còn một tấm ngói. Tất cả đã tan biến. Nhưng nó không bao giờ mất trong lòng tôi. Chiếc khay trầu của bà ngoại tôi không cần ốc xa cừ, nó bằng mây đan có nhiều tầng mà tôi thường hay lục lọi ở những ngăn cuối. Đôi khi bắt gặp một đồng nửa xu lẫn trong mớ xác cau khô. Ôi, còn sung sướng hơn Christophe Colomb tìm được châu Mỹ.

Cái khay trầu này (đúng ra phải gọi là quả trầu) có thể đựng kín lại và mang theo nếu Bà phải đi đâu lâu ngày. Ở tầng trên chia ra nhiều ô, một ô thì để bình vôi con tí xúu với chiếc chĩa vôi bằng đồng. Còn các ngăn kia thì đựng trầu và cau khô hoặc cau tươi. Cau khô thì đựng trong một chiếc chén nhỏ ngâm nước cho mềm ra còn nếu cau tươi thì để nguyên trái hoặc bửa ra từng miếng nhỏ, gọi là cau dầy.

Tôi thường hay nhìn bà Ngoại tôi bửa cau dầy với con dao Con Chó. Gọi là dao Con Chó vì ở lưỡi nó bằng ngón tay trở có khắc hình con chó. Người Nam kỳ thường dùng nó để xắt những thức ăn mỏng hoặc bỏ trong túi như một vũ khí tự vệ. Bà Cụ Tam (em dâu của ông Cụ tôi) có con dao Con Chó rất nổi tiếng. Bà Cụ đi đám giỗ trong gia tộc thì ai nấy đều phải nhường cho bà xắt chuối chát. Đây là loại chuối hột non dùng để ăn kèm với rau thơm, khế cặp với thịt phay hay chấm mắm kho, đều ngon cả. Tuy chuối chát là loại "đồ bồi" nhưng thiếu nó thì mất ngon. Bà Cụ Tam dùng con dao Con

Chó để xắt chuối chát, không ai sánh bằng, lát chuối vừa mỏng lại vừa nguyên, không dày cũng không lã (lã nghĩa là không nguyên lát). Nhưng đặc biệt nhất là bà không để trên thớt như người thường mà tay cầm quả chuối tay cầm con dao xắt nhanh, đều như máy và không bao giờ dứt tay.

Bà Ngoại tôi cũng dùng dao Con Chó để bửa cau dầy (người Bắc gọi là bở). Bà bửa khéo lắm. Trái cau nguyên, tiện cái chũm xong bửa ra thành tám miếng nhỏ rất đều, bốn miếng dính vào làm một dầy. Mỗi miếng trầu dùng một miếng cau. Không biết bà dùng con dao này từ lúc nào, nhưng khi tôi biết thì lưỡi dao còn nhỏ xúu và eo ở giữa lưỡi như ngón tay bị khuyết ở lóng giữa vậy. Có lẽ bà đã dùng bửa cả vạn trái cau rồi.

Con dao này chỉ dùng để bửa cau, không ai được dùng vào việc gì khác.

Bà Ngoại tôi lúc bấy giờ chưa ăn trầu ngoáy nhưng tôi có thể mô tả chiếc cối trầu cũng được. Có hai loại cối: cối bằng đồng và cối bằng gỗ. Cối bằng đồng thì chĩa ngoáy cũng bằng đồng. Chiếc cối nhỏ bằng ly uống rượu mạnh bây giờ có eo ngang ở gần chân cối. Ở ngang eo này buộc một miếng vải tây đỏ để dành lau chùi cối và chĩa ngoáy. Chiếc cối đồng thường dùng để mang theo đi đường còn cối gỗ thì dùng ở tại nhà. Cối gỗ là một mảnh gỗ hình khối có khoét lỗ. Ngoáy trầu xong chỉ chùi lau sơ sịa chứ không bao giờ được rửa sạch sẽ như chén ăn cơm. Cho nên trông thấy gớm ghiếc lắm. Nhìn các cụ cho bã trầu ngoáy nát vào miệng, trề con cú rùng mình, không hiểu tại sao nó mất vệ sinh như thế mà các cụ cho vào mồm được. Nếu bây giờ mà còn ở Việt Nam thì tới phiên tôi cũng ăn trầu như các cụ hồi trước.

yêu ta chi...

*Yêu ta chi cho đời xô sóng giạt
Từng ngõ hẻm meo mốc phủ rêu xanh
Đường cô thân dặm dài qua cúi mặt
Mỗi mê tìm dấu nắng một lần xuân*

*Yêu ta chi những ngày còn đã muộn
Vết mưa thu heo hút bám vai người
Trên nhánh tóc lần xa sầu đã nhuộm
Nụ hôn tràn lệ đắng vỡ trên môi*

*Yêu ta chi vòng tay lời buồn bã
Không đủ che mưa gió tạt hiên đời
Môi đã khô trên nguồn xa suối cạn
Ngày đã mịt mù như tuổi hai mươi*

*Yêu ta chi mộng tan vàng trắng buộc
Nhánh xương đòn gãy gập cuối buồng tim
Lần đầu yêu đã hao gầy mơ ước
Đã trăm chiều ngơ ngẩn khóc hư duyên*

*Yêu ta chi cuối đời mây lãng bặt
Áo phai hương bỏ lại dưới chân người
Còn hơi ấm mai về xin phủ mặt
Khóc họ đời nhau giữa cõi mưa phơi...*

phan các chiêu hằng



Tôi hiểu tại sao các cụ lại ăn trầu, hiểu câu tục ngữ *miếng trầu đầu câu chuyện* và rõ thêm ý nghĩa cái lá trầu duyên dáng và thi tứ của Hồ Xuân Hương:

*Miếng cau nho nhỏ miếng trầu hôi
Này của Xuân Hương mới quệt rồi
Có phải duyên nhau thì thăm lại
Đường xanh như lá bạc như vôi.*

Nhưng nói tới trầu cau phải nói tới *mo trầu*. Cái món này bây giờ chắc không còn hiện hữu ở Việt Nam nữa. Đó là một chiếc *mo cau* tươi bẻ cóp hai đầu và xếp lại như cái bóp. Nhờ *mo cau* dày và có lớp lụa mỏng bên trong (như vách nhà có insulation) nên trầu đựng bên trong lâu héo. Bề ngang của nó chừng một gang tay còn bề dài thì gấp đôi. Những ông bà đi làm việc đồng áng suốt ngày, nhin cơm thì dễ chớ không thể nhin trầu, nhin thuốc. Cho nên phải có cái *mo trầu* giắt lưng.

lá thiên

*Sương khuya ngồi kề bên lá
Lá thiên cánh mượt như tơ
Vào đêm mênh mang tịch mịch
Đất trời hương ngát lòng thơ.*

*Người ở miền xanh biển động
Người nơi lửa đỏ thân lừa
Cũng thân phận người sao thế
Ôi dòng định mệnh cay chua!*

*Ngàn năm khối hờn u uất
Nước sông nào rửa cho vữa
Quê hương một chiều sớm mất
Lưu vong ghen bước sàu đưa!*

*Ai gửi lòng qua biển trắng
Âm thầm sóng bạc đầu chao
Lá thiên vẫn an nhiên ngủ
Trời khuya thấp thoáng ngàn sao.*

*Nghe như hồn mình chợt thức
Hốt nhiên không cánh bay cao
Êm ả bình minh hừng sáng
Hương Thiên Dòng Tịnh ngổ vào.*

tuệ nga

Phát, cước, cấy, gặt, một lúc thấy mệt thì lại bờ ranh mở banh *mo trầu* ra. Đàn ông thì hút thuốc, đàn bà thì ăn trầu. Có ông ăn trầu và hút thuốc luôn. Bởi thế mới có câu: *Nhin thuốc mua trầu, nhin trầu mua ruộng*.

Lá trầu coi vậy mà đắt lắm. Nhứt là trầu vàng xà lẹc. Ở Gia định ngày xưa có một vùng trồng trầu tục gọi là 18 thôn vườn trầu. Nhưng chiếc ghế của bà Ngoại tôi không những có trầu và nước mà còn nhiều thứ khác cho tôi... dùng.

Hai bên bàn có hai cái học, quai kéo bằng nhôm. Trong học tử có đủ thứ trò chơi: giàn thun, đạn đất để bắn chim, đạn đá bắn cu-li, nhợ thả diều, hộp lon, đinh đóng guốc, kềm, búa... Nó như cái kho muốn gì cứ vào đó moi. Còn bên kia thì sách vở: nào là các tập bài ca vọng cổ của Imprimerie (nhà in) Phạm văn Thìn hồi 1911, nào thơ *Chàng Nhái, Thạch Sanh, Lý Thông, Trần Minh khố chuối*, sách *Phản đạo Thiên Chúa*, vở cũ, sách cũ.

Tôi không bao giờ giờ ra nhưng nghe bà ngoại tôi đọc mà thuộc nhiều đoạn thơ *Vân Tiên* hoặc nghe cậu Tám ca mà nhớ. *Chiêu Quân Cống Hồ* nói lối:

*... Ôn Quân vương đáp lại mây may
Lộc nhà vua no ấm bấy lâu nay
Gặp nạn nước phải liều thân cho
... Trăm nay tốt phước*

*Nên nghe được tiếng ngọc lời vàng
Còn bằng muốn cho nước thịnh nhà an*

Thì trăm phải chịu chia loan rẽ thủy...

Tôi biết nghe vọng cổ là từ giọng ca của cậu tôi. Không ngờ về sau tôi lại mê vọng cổ vô cùng. Cộng vào đó còn các bộ đĩa nhựa Asia, Béka, Pathé tôi được nghe rải rác khắp trong gia tộc từ bên Nội đến bên Ngoại nữa.

Bên cạnh chiếc bàn trầu nước là một chiếc tủ gỗ cũ kỹ có lẽ cao niên hơn tôi. Hai cánh cửa rất nặng nề nhưng không có khoá. Trên nóc tủ chất chồng đủ thứ, nào là vỏ ruột xe máy (xe đạp) nón lá nón nỉ cũ, quạt giấy quạt mo cái gì không xài nữa nhưng còn tí giá trị có thể xài lại được thì cứ ném vô tội vạ lên đó, không biết

đến bao giờ mới được kêu tên để ra "chiến trường đèn nợ nước". Đó là chưa kể trường hợp bị các chàng họ Tý khoét thùng hông thêm ra và trở thành vô dụng. Còn ở trong tủ thì có lắm đồ quý giá. Mở cửa tủ thấy tối om om như hang đá, nhìn kỹ một chút thì thấy bên trái có những chõng tô kiểu, chén kiểu, đĩa kiểu loại đồ xưa rất hiếm. Mỗi cái ngăn cách cái kia bằng một lớp giấy, sợ rằng khu tộ trên sẽ làm trầy lòng tộ dưới. Bà ngoại đã sửa soạn cưới vợ cho cậu Bảy và cậu Tám tôi từ lúc hai cậu hãy còn trẻ thơ. Ngó qua bên phải thì cũng y như vậy nghĩa là những tô tộ đĩa chén kiểu, rồi sau lưng tủ còn một cái cũi to cũng xếp đầy tô chén. Bà ngoại chuẩn bị đãi hai trăm khách mà không phải mượn đồ ở lối xóm.

Nhưng trong tủ đặc biệt ở ngăn giữa lúc nào cũng có mứt, không khi nào vắng. Mứt ổi thường xuyên, mứt bí thỉnh thoảng mới có, rồi mứt chùm ruột, mứt me, dưa me. Hễ mở tủ ra là mùi đường bay nồng lỗ mũi. Đó là tác phẩm của dì Năm tôi. Dì luôn luôn làm bánh mứt.

Tôi thích cái tủ này nhất. Hễ mở tủ ra thì có... ăn liền. Ăn xong quay ra bình trà rót một tách đầy, ực vội rồi chạy đi bắn chim. Cặp giò khoẻ khoắn vô cùng. Trèo ổi cũng nhanh mà tám mương cũng hăng. Trước nhà có con rạch (Tân Hương) nhưng Ngoại tôi cấm cậu tôi không cho tôi ra sông vì bên nội có noi chết chìm, sợ tôi bị nước rút hụt giò.

Dì Năm tôi làm bánh mứt, nhưng chưa bao giờ tôi thấy Dì ăn một miếng mứt hay một cái bánh. Tôi cũng không hỏi tại sao. Mãi khi lớn lên tôi mới biết là người nấu bếp thấy khách ăn ngon là đã no rồi, cũng như nhà văn biết sách của mình có người đọc là mãn nguyện rồi.

Dì làm bánh mứt say mê như người ta viết văn vậy. Mỗi khi làm xong một món bánh mới, Dì đem để lên đĩa rồi khoe với Ngoại tôi, xong rót nước trà mời Ngoại dùng thử để được Ngoại khen.

Riêng tôi và cậu Tám thì thích phá. Đứng ra thì cậu lãnh đạo, còn tôi chỉ

núp sau lưng cậu thôi. Trong lúc dì Năm chăm chú nhìn qua cửa kiếng của thùng nướng bánh để thêm bớt than trên nắp thì cậu đứng xa xa nói to:

- Tui vái cho khét! Tui vái cho khét!

vì bánh có khét thì dì Năm mới “thưởng” cho, chứ bánh ngon đẹp thì Dì xếp vào quả chó đâu có cho ăn! Cậu Tám cứ rầm rì như vậy hoài, dì Năm phát khóc. Nhưng cậu vẫn:

- Tui vái cho khét! Tui vái cho khét!

Dì Năm quát:

- Mày có đi chỗ khác chơi không?

Nhưng cậu vẫn cứ:

- Tui vái cho khét! Tui vái...

Dì Năm phải đầu dụ:

- Đi chơi đi rồi chị thưởng cho cái bánh nguyên.

Nhưng Cậu biết Dì đời nào cho cái bánh nguyên.

- Tui vái cho khé...ét!

Dì Năm tức quá rượt hai cậu cháu chạy nhưng sợ bỏ thùng bánh... khét, phải quay lại. Hai cậu cháu tức thì đi theo và cậu hát cải lương:

Thiếp cảm tức thay

Cho thằng Mao Diên Thọ

*Làm độc mưu đưa thiếp cống Hồ nơi
Phiên quốc.*

Dì Năm lại đuổi, cậu lại co chân lên vuốt râu theo kiểu hát bội:

Như Quan mỗ đây

Hươi Thanh Long hạ sát tướng Tàu

Giục Xích Thổ xông pha ngàn trận.

Dì Năm xách dưa bếp đuổi theo. Hai cậu cháu lại chạy ít bước rồi quay lại, cậu lại hát:

Tôn Tần chẳng có thua ai

Chỉ thua bà Chung Vô Diệm

Dì Năm biết đuổi không kịp hai tên tiểu yêu nên quay lại với thùng bánh, thì bánh đã khét thật rồi. Dì oà lên khóc và kêu lên qua dòng nước mắt:

- Má ơi! ra coi thằng Hà (tên Cậu Tám) nó nói con là Chung Vô Diệm nè!

Bà Ngoại đang vá quần áo trên nhà trên, đứng dậy đi xuống nhà bếp. Bà cưng con trai út và thằng cháu nhưng cũng không thể xử ép con gái nên bảo

cậu đi chợ mua đường cát. Bà đưa cho một đồng bạc trắng tinh. Thế là hai thằng tiểu yêu xốt ngay đồng đi chợ. Gói đường cát có hai cắc rưỡi, còn dư những bảy cắc rưỡi. Tha hồ mà mua giấy mua nhợ thả diều và kẹo dừa nữa. Như vậy là bà đã giải quyết xong trận nội chiến một cách nhanh chóng và cả hai phe đều vui vẻ. Mặc dù bà “Chung Vô Diệm” bị khét bánh nhưng vẫn được yên ổn để nướng những mẻ sau.

Từ đó, việc sai cậu Tám đi chợ trở thành tiền lệ. Dì Năm không thể “mướn” hai tên tiểu yêu bằng bánh khét nữa mà phải bằng xu hân hoi.

Cậu Tám luôn luôn là nguyên tố của “chiến tranh” và là kẻ thường có ý kiến ngược lại với mọi người. Ngược lại cậu Bảy là người của Hoà Bình. Cậu lại là người của khoa học.

Sau khi học hết lớp của trường tư thực Nguyễn Văn Ngừ ở Mỹ Tho, cậu được một vị Linh mục đỡ đầu ra học trường Phú Xuân ở Huế. Thành ra mỗi năm Trí chỉ gặp cậu một lần vào lúc nghỉ hè. Vì ở xa, bãi trường Tết cậu không về nhà.

Mỗi lần gặp Trí ngán cậu lắm. Cậu cho toán đồ bất làm, đưa sách bất đọc, và cậu xem lại tỉ mỉ từng bài, hỏi từng nội dung sách.

Khi Trí lên Trung học, cậu bắt đọc sách Pháp, những truyện của Maupassant của Pierre Loti, Trí đọc vào thời kỳ này. Chẳng ngờ đó lại là những truyện ảnh hưởng sâu sắc trong đời Trí sau này. Mới biết văn hoá là vũ khí lợi hại thật. Nó như nước, ở đâu chảy cũng tới, đá cũng thấm vào được. Mãi đến khi tập tễnh viết phóng sự Trí mới biết ham mê đọc Maupassant và lục lạo moi tìm trong các thùng đồng nát để mua những truyện của ông với giá một hai hào. Đây là nhà văn Pháp Trí đọc nhiều nhất. Hầu như tất cả truyện ngắn truyện dài của ông không sót một truyện nào. Lạ lùng thay có truyện chỉ dài hai trang sách mà đọc xong nhớ cả đời. Cậu Bảy chú ý giáo dục nhất. Cậu không lúc nào bỏ lỡ cơ hội để dạy Trí một điều gì dù lớn hay nhỏ.

Mỗi lần về nhà, cậu đều tập thể dục buổi sáng, nhảy xuống sông bơi lội rồi

vào nhà ăn trái chuối lớn, xong vác cuốc ra vườn, cuốc xới trồng cà trồng rau cải. Mỗi bữa cơm sáng, cơm chiều, các dì dọn lên, cậu đều thêm món của cậu, không gì khác hơn cà chua xắt lát, rau càng cua bóp mắm, (thứ rau này mọc đầy quanh thềm nhà, chỉ cần hái đem vô là thành món ăn).

Mỗi lần dọn ra một món, cậu đều giải thích món ấy có vitamine gì, và nếu cơ thể mình thiếu loại vitamine nào, sẽ sanh ra bệnh gì, v.v... Cậu còn bảo nấu cơm đừng chắt nước, nên ăn cơm gạo lức mỗi tuần một, hai lần càng nhiều càng tốt.

Cậu Tám cười:

- Thiếu cơm là thiếu Vitamine C, còn không ăn cà chua thì thiếu Vitamine CC.

Thời bấy giờ ở nông thôn, người dân đâu có đếm xỉa gì tới chất bổ dưỡng, ai cũng chỉ cần ăn no bụng thì thôi. Thầy thuốc của cả làng Minh Đức này là ông thầy Thợ. Ông là một người Tàu già, nhỏ con như gà tre, có cái theo vát ngang trán nên bà con gọi là Thầy Thợ. Đó là ông bạn thân mến của Cậu Tám. Không ngày nào cậu không tới tiệm Thầy Thợ một hai lần. Riết rồi quen mặt và trở thành “bạn” thân. Lần nào gặp cậu Tám, ông cũng hết sức mừng rỡ và bán món gì cho cậu, ông Thầy cũng thêm một ít. Nhất là đường cát thì ông thêm cho đến đĩa cân giắc nhổng mới thôi. Ông là chủ tiệm tạp hoá vừa là thầy thuốc. Ông bắt mạch cho thân chủ tại quầy tính tiền và bốc thuốc từ cái ngăn kéo ở sau lưng gói đưa cho họ ngay đem về nhà sắc uống liền.

Thuốc Tây mấy ai được trông thấy. Còn nói chi loại y tá (infirmier) thì được trọng vọng như thần thánh.

Từ nhỏ tới lớn, tôi sống ở quê ngoại không thấy ai bệnh hoạn gì cả. Như tôi đây, tám mươi lợi ruộng giang nắng giầm mưa, đâu có kể gì vệ sinh thường thức như học ở nhà trường, nhưng vẫn mạnh như trâu (cho đến nay 69 tuổi chưa hề nằm nhà thương, cùng lắm chỉ đi bác sĩ rồi về mua thuốc uống).

(còn tiếp)

dấu chân trên cát

NGUYỄN PHONG
(phóng-tác)



(tiếp theo)

Hồi thứ tám

Thật khó có thể diễn tả cảm tưởng của tôi khi trở lại Ai Cập. Quang cảnh Memphis không khác xưa bao nhiêu, phố xá vẫn đông đúc náo nhiệt, các phiên chợ vẫn họp, người mua bán ồn ào tấp nập nhưng tôi thấy chung quanh cung điện có rất nhiều binh sĩ bố trí canh phòng cẩn thận như đề phòng một chuyện gì. Tôi bước vào đại điện, nơi Pharaoh thiết triều nhưng lúc đó triều đình không họp mà chỉ có một số tướng sĩ đang bao quanh một tấm bản đồ lớn, vẽ những chỗ đóng quân và các vị trí trọng yếu.

Một vị tướng đang sang sảng ra lệnh cho tướng sĩ phải điều động quân đội ra sao cho bố trí phòng thủ như thế nào. Phải chăng họ cũng đã biết người Hittites đang chuẩn bị tấn công? Tôi bước đến gần và nhận ra viên tướng nọ chẳng phải ai xa lạ mà chính là Horemheb. Nhìn thấy tôi, hắn ngăn người ra một lúc như không tin ở mắt mình:

- Sinuhe? Phải Sinuhe đấy không?
- Chính tao đây.

Horemheb bước đến trước mặt tôi ngỡ ngàng trong giây lát rồi nói nhỏ:

- Sinuhe, chắc hẳn mày cũng biết việc Pharaoh đã tuyên án tử hình...

- Dĩ nhiên tao biết.

Horemheb bối rối, ngáp ngừng nhìn quanh rồi hỏi nhỏ:

- Nếu đã biết thế thì mày trở về đây làm gì?

Thì ra hắn vẫn còn lo cho tôi, nhưng tôi thản nhiên:

- Tao cần báo tin về việc người Hittites đang chuẩn bị tấn công Ai Cập.

Horemheb tỏ ra bình tĩnh:

- Tao biết! Các thám tử của tao đã báo cáo đầy đủ.

- Nếu vậy hẳn quân sĩ Ai Cập đã chuẩn bị sẵn sàng để đối phó?

- Dĩ nhiên rồi.

- Tốt lắm! Hẳn thám tử của mày biết rõ về sự chênh lệch vũ khí giữa hai bên?

- Mày nói cái gì chênh lệch, tao không hiểu?

Thì ra Horemheb chưa biết bí mật của người Hittites. Tôi chỉ tay vào thanh gươm đeo bên hông của Horemheb:

- Mày hãy rút gươm ra đi.

- Cái gì? Mày nói gì?

Tôi rút thanh gươm của người Hittites ra rồi nhìn thẳng vào mặt Horemheb nói lớn:

- Mày hãy chém thử vào lưỡi gươm của tao thì biết.

Horemheb nhủu mày:

- Sinuhe, mày không đùa đấy chứ? Có bao giờ mày sử dụng gươm đâu?

- Mày cứ thử xem.

Horemheb rút gươm ra nhưng vẫn e ngại:

- Sinuhe, hãy cẩn thận! Tao không thích đùa đâu!

Hiển nhiên Horemheb không có ý hại tôi. Tôi nói khích:

- Mày cứ ra tay đi, tao sẵn sàng đây!

Horemheb vùng kiếm chém thẳng vào lưỡi gươm của tôi nhưng vì hắn có ý nới tay nên khi hai lưỡi gươm vừa chạm nhau, hắn đã rút tay lại, do đó lưỡi gươm của hắn chỉ bị mẻ một miếng. Tôi bật cười:

- Này Horemheb, không lẽ mày lại yếu đến thế hay sao?

Horemheb vùng tay ra, lần này hắn chém khá mạnh. Sau một tiếng kêu chát chúa, lưỡi gươm của hắn gãy lìa. Horemheb giật mình lùi lại nhìn thanh gươm gãy rồi chăm chăm nhìn vào lưỡi gươm của tôi. Tôi bèn xoay gươm lại, chìa cán ra đưa cho hắn:

- Mày hãy lấy thanh gươm này chém thử vào một bộ giáp trụ xem sao.

Horemheb vội vã cầm lấy thanh gươm rồi quay qua viên sĩ quan hầu cận, ra lệnh cho người này cởi bỏ bộ giáp trụ bằng sắt trên người ra. Hắn vùng kiếm chém mạnh vào đó. Lưỡi gươm xuyên thẳng qua bộ áo giáp như cắt một miếng bánh. Toàn thể tướng sĩ quanh đó đều giật mình. Horemheb quay qua hỏi tôi:

- Sinuhe, mày lấy cây gươm này ở đâu ra vậy?

- Đó là vũ khí mới của người Hittites. Trong bao năm nay, họ đã bí mật rèn những thanh gươm sắc như thế này để chuẩn bị chiến tranh.

Mọi người trong phòng đều im lặng, không ai dám thốt lên câu nào. Horemheb suy nghĩ một lúc rồi cười nhạt tuyên bố:

- Này Sinuhe, việc này tao không thể quyết định được mà phải trình với Pharaoh để xin chỉ thị. Mày hãy theo tao lên đường đi Tell Armana ngay.

Horemheb vội ra lệnh thẳng một cỗ xe song mã để lên đường. Đây là

lần thứ hai tôi và Horemheb cưỡi xe ngựa như thế này. Nhớ lại kỷ niệm lần đầu cưỡi xe ngựa đi săn sư tử, tôi không khỏi cảm khái. Horemheb im lặng không nói gì nhưng khi xe vừa đi được một quãng xa thì hắn bật lên một tràng cười sảng khoái:

- Đây Sinuhe, mày có nhớ khi xưa tao với mày đi săn sư tử không?

- Dĩ nhiên tao nhớ chứ.

- Thấm thoát đã hơn mười năm rồi nhỉ, biết bao chuyện đổi thay...

- Đúng thế.

Horemheb quay qua nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Đây Sinuhe, tao chắc mày giận tao vô cùng?

- Tại sao mày lại hỏi thế?

Horemheb im lặng một lúc như hồi tưởng chuyện xưa rồi thông thả:

- Nếu khi đó mày bình tĩnh hơn thì mọi việc đã không xảy ra một cách đáng tiếc như vậy. Suốt mười năm nay tao vẫn mong có dịp để giải thích với mày về nguyên nhân việc ấy.

Hôm ấy tao đang huấn luyện quân sĩ luyện tập võ nghệ thì công chúa Baketamon ở đâu bước đến.

- Đây Horemheb, ta muốn nhờ người một việc.

- Xin tuân lệnh công chúa.

- Người đã biết ta nhờ việc gì đâu mà nhanh nhẩu thế?

- Thừa công chúa, một quân nhân chuyên nghiệp lúc nào cũng phải sẵn sàng.

Công chúa Baketamon bật cười ha hả:

- Thôi đi, cái gì mà quân nhân chuyên nghiệp... Con nhà đi bán hàng rong ngoài chợ thì đúng hơn.

Tao giận run lên, thì ra lý lịch hèn hạ mà ta giấu kỹ đã bị đám thám tử triều đình truy lùng ra được. Ta đành gượng cười:

- Công chúa quả có mắt tinh đời. Xin ngài ban chỉ thị.

- Ta rất quan tâm về tình trạng hiện nay của Sinuhe. Ta biết hắn đang say mê một cô gái giang hồ và ta muốn người giúp hắn giải thoát khỏi cạm bẫy của đứa con gái thành Babylon kia.

- Tưởng gì chứ chuyện đó thì quá dễ. Công chúa chỉ cần hạ lệnh quăng con điểm đó vào hàm sư tử là xong.

- Không được. Nếu ta giết nó thì Sinuhe sẽ đau khổ và oán hận ta suốt đời. Một kẻ si tình như hắn có thể liều lĩnh chết theo con điểm đó không chừng.

- Công chúa quả biết rõ tâm lý đàn ông. Hiển nhiên một kẻ hiền lành như Sinuhe có thể hành động ngu xuẩn như thế. Tuy nhiên kẻ này chỉ biết dụng kiếm chứ không biết làm gì khác.

- Nhưng... nhưng hắn là bạn của người.

- Horemheb này không thích can thiệp vào đời tư người khác.

Công chúa Baketamon nổi giận:

- Nhưng đây là lệnh của ta.

- Nếu công chúa ra lệnh, kẻ này sẽ chém đầu đứa con gái giang hồ kia ngay, nhưng hậu quả ra sao thì Horemheb này không chịu trách nhiệm.

Công chúa Baketamon lạnh lùng:

- Người đúng là kẻ chỉ biết dùng võ lực chứ không biết dùng mưu. Ta muốn Sinuhe hoàn toàn quên hẳn đứa con gái giang hồ kia và người phải làm chuyện đó cho ta. Ta muốn người dùng tất cả khả năng để quyến rũ đứa con gái giang hồ kia trước mặt Sinuhe, cho hắn thấy rằng con bé đó chỉ là một đứa hèn hạ, dơ bẩn, không xứng đáng với hắn.

Tao không hiểu sao một công chúa quyền quý lại chú ý đến tên y sĩ quèn như mày. Tuy nhiên tao biết Baketamon là người lẳng lơ, có nhân tình khắp nơi nên biết đâu mày chẳng tốt số, lọt vào mắt xanh của cô ả. Tao suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Nếu thế, xin công chúa hãy cời râu chuôi ngọc trên cổ kia đưa cho kẻ này.

- Chưa xong việc mà người đã đòi thưởng công hay sao?

- Hiện nay đám quân sĩ của kẻ này đang nhìn thấy chúng ta nói chuyện. Họ không hiểu tại sao công chúa lại đến gặp thằng bán bánh vừa được thăng chức chỉ huy ngự lâm như thế này. Nếu công chúa trao cho

kẻ này râu chuôi ngọc thì họ sẽ nghĩ công chúa và kẻ này có tình ý chi đó. Chỉ có món quà đặc biệt như thế, Horemheb này mới có thể gặp đứa con gái Babylon được.

Công chúa Baketamon gật đầu khen ngợi:

- Hay lắm! Người quả là đa mưu. Ta không ngờ chỉ thoáng giây mà người đã nghĩ ra mưu mẹo như thế...

- Cám ơn công chúa đã khen... thằng con nhà bán hàng rong này.

Hiển nhiên chỉ vài hôm sau, dư luận đã đồn tao và công chúa có tình ý với nhau và công chúa đã tặng tao râu chuôi ngọc. Tao cho đàn em phao đồn tin này khắp các trà đình tửu quán rồi đến tìm Nefer. Trước đó tao cho một đàn em giả làm lái buôn đến gặp mày và dàn xếp cho mày lọt vào biệt thự đó. Hiển nhiên với món quà đặc biệt như râu chuôi ngọc của công chúa, Nefer không ngần ngại tiếp ta và đúng như ta đã dự tính, mày bắt gặp tụi tao rồi nổi cơn ghen...

Tôi im lặng, mồ hôi toát đầy áo. Horemheb tiếp tục:

- Đây Sinuhe, chúng ta là bạn tâm giao từ nhỏ. Dù thằng Horemheb này có tồi bại thế nào thì cũng không thể tranh giành một đứa con gái với bạn của nó được. Lúc đó tao muốn giải thích nhưng mày đâu có nghe. Mày điên cuồng xông đến đâm đá tao túi bụi. Nếu bình tĩnh hơn thì mày phải tự hỏi tại sao một kẻ võ nghệ cao cường như tao lại cầm đầu bỏ chạy như thế? Mày biết rõ thằng Horemheb này có bao giờ sợ ai đến nổi phải bỏ chạy thực mạng như thế đâu? Tuy nhiên tao cũng không trách mày được, tao biết đàn ông khi ghen tuông sẽ hành động như thế nào. Hiển nhiên khi tao bỏ chạy thì mày trút cơn giận lên Nefer, mày xông đến bóp cổ nó và bị đám gia nhân đánh cho một trận thừa chết thiếu sống. Đây Sinuhe, lúc đó tao vẫn ẩn núp gần đó để ngầm bảo vệ mày. Tao đã chứng kiến cảnh mày bị quăng ra đường và nghe mày khóc lóc, chửi mắng, thề thốt, nguyên rủa lung tung. Mày sẽ không bao giờ

nhìn mặt bất cứ một đứa đàn bà nào nữa. Tao mừng thầm vì mây đã tỉnh ngộ, sau đó tao thấy mây thất thểu bỏ về Thebes...

Tôi im lặng nhưng trong lòng vô cùng xúc động. Quả thật tôi đã ghen với Horemheb một cách vô lý và không đủ sáng suốt để phân tích mọi việc. Dĩ nhiên khi si mê, người ta thường mù quáng nhưng điều đáng tiếc là tôi đã để một việc ghen tức tâm thường như vậy chi phối mình trong bao năm qua. Tôi quay qua Horemheb nói nhỏ:

- Tao rất tiếc... quả thật... tao không ngờ sự việc lại như vậy...

- Không đâu! Chính tao là đứa có lỗi vì đã đưa mây đến gặp Nefer. Tao không ngờ một việc nhỏ lại gây hậu quả lớn đến thế! Sau đó mây bỏ đi biệt tích, tao đã cho người tìm kiếm khắp nơi mà không thấy...

Tôi đưa tay nắm chặt lấy tay Horemheb. Hắn cũng xiết chặt tay tôi. Chưa khi nào tình bạn giữa chúng tôi lại đậm thắm như vậy. Horemheb lên tiếng:

- Tao rất mừng khi thấy mây vẫn bình an trở về. Tao mong rằng với tin tức quan trọng về thanh gươm của người Hittites, Pharaoh sẽ xoá bỏ tội lỗi cho mây. Ngoài ra tao cũng phải cảm ơn mây rất nhiều, vì nếu không, kẻ lãnh ấn tiên phong cầm quân ra trận chính là tao và hiển nhiên sẽ là nạn nhân đầu tiên của cây gươm này.

(còn tiếp)

gửi người áo trắng

(nỗi niềm)

Thơ: Cung Vũ

Nhạc: Nhật Sơn Lê Trung Lộc
& Lê Trung Diệp

Largo (♩ = 45) Doloroso

Trưng Vương người áo trắng Đường chiều mưa lá
bay Đã mòn hơi thở ngán Mù xa khuất đậm
ngoài Trưng Vương nhớ hàng sao Hoa nắng rọi tình
sâu Thương vết hài khuê - các ln vết thưở ban
đầu Trưng Vương giờ xa lảnh Biền - biệt bến bờ
kia Áo em giờ vạt ngán Buồn em giờ lè -
thê Trưng Vương còn hay mất Ta lạc bước quê
người Mỗi lần ngân tiếng hát Nỗi nhớ làm sao
người... Trưng hát Nỗi nhớ làm sao người...

Ad lib rall. ~~Molto~~...
AT^o Lamentoso.... Flébile....
rall... Fin

mặt trời và bóng đêm

TỔNG MINH
LONG QUÂN

phóng-tác



(tiếp theo và hết)

Về phần chánh án Tyler, trên đường về nhà, ông cảm thấy vô cùng vui vẻ. Nghĩ lại mọi việc vừa xảy ra ở nhà Steve, ông khoái chí mỉm cười. Đáng lý ông đã bị sụp bẫy của họ rồi, nhưng nhờ tài ứng đối khéo léo cộng thêm kiến thức nghề nghiệp khiến ông đã quật lại họ dễ dàng. Châu chấu mà đòi đá xe làm sao được nhỉ!

Ông bước vào nhà, lão quản gia Clark chạy ra mở cửa. Thấy nét mặt chủ rạng rỡ yêu đời, lão niềm nở:

- Chắc ngài chánh án vừa có một buổi tối vui vẻ lắm?

- Ô, chưa bao giờ tôi vui như tối nay. Thật là tuyệt!

- Vậy ngài có muốn dùng gì không, để tôi lấy?

Tyler nhìn lão Clark mỉm cười:

- Bác lấy một chai sâm-banh ướp lạnh đem lên phòng tôi.

Tyler nghĩ thầm, ông phải ăn mừng chiến thắng chứ! Giấc mơ của ông sắp thành tựu rồi. Hai ngày nữa là đến ngày phân chia gia tài. Ông sẽ có hơn hai tỉ bạc trong tay. Tyler muốn nhảy cẫng lên, reo hò như một đứa trẻ cho thỏa chí. Hai tỉ bạc... Hai tỉ bạc... những âm thanh ấy nghe sao mà êm ái! Tyler chợt nhớ đến người tình Lee. Ông phải điện thoại cho Lee gấp để chia sẻ nỗi vui mừng...

Tiếng điện thoại reo vang ở đầu dây bên kia. Phen này thì Lee nhận

ra giọng của Tyler ngay lập tức. Anh chàng hỏi, giọng âu yếm săn đón:

- Anh Tyler có khoẻ không?

- Anh vẫn khoẻ. Còn cứng?

- Qua nay em chờ điện thoại anh nóng ruột thấy mồ! Em nhớ anh lắm!

Nghe mấy chữ này từ chính miệng người tình, Tyler sướng run người. Ông hỏi dồn dập:

- Nhớ anh thật không? Thế cũng có muốn đến Boston ngày mốt không?

- Để chi vậy anh?

- Để nghe họ đọc di chúc phân chia gia tài. Cung biết không, phần của anh tới hơn hai tỉ đô lận đó.

- Trời ơi... hai tỉ đô! Sướng quá anh há!

- Anh muốn cùng có mặt bên cạnh anh để chúng mình bắt đầu cuộc sống mới. Ngày mốt phân xử xong, chúng mình sẽ ra hãng kéo ngay chiếc du thuyền mình hằng mơ ước.

- Trời ơi, anh ơi, em sung sướng quá, cứ ngỡ là nằm mơ...

- Vậy cũng có đi không?

- Đi chứ anh. Ngày mốt em đến.

Đặt máy xuống hồi lâu mà Tyler vẫn còn bàng hoàng ngây ngất. Chỉ còn một ngày nữa thôi. Hai tỉ bạc... Ôi chao, cả cuộc đời còn lại của ông sẽ không bao giờ còn bị khổ đau hay thèm khát bất cứ điều gì nữa!

Chương 33

Hôm trước ngày đọc bản phân

chia gia tài, Steve mời Kendall và Woody đến văn phòng riêng của chàng để nói chuyện.

Woody vừa ngồi xuống ghế đã nóng nảy hỏi:

- Tôi không hiểu ông mời chúng tôi đến có việc gì. Ngày mai là chia gia tài rồi, lúc đó có chuyện gì nói lại chẳng được!

Steve ôn tồn:

- Tôi muốn hai người gặp một nhân vật này.

- Ai vậy?

- Em gái của quý vị.

- Ủa, chúng tôi đã gặp cô ấy rồi mà? Kendall sững sốt hỏi.

Steve không trả lời ngay mà bấm nút nói chuyện với cô thư ký:

- Cô mời cô Julia vào văn phòng của tôi.

Kendall và Woody ngơ ngác nhìn nhau, không hiểu anh chàng luật sư này chơi trò gì.

Cửa mở, Julia đĩnh đạc bước vào. Steve đứng lên giới thiệu:

- Đây là cô Julia Stanford, em gái của ông bà.

Woody không dần được cơn nóng, la to lên:

- Ông nói chuyện gì khủng khiếp vậy? Ông định chơi trò gì thì bảo!

Steve nghiêm mặt, trầm giọng:

- Hai vị hãy kiên nhẫn nghe tôi giải thích...

Steve tóm tắt câu chuyện trong vòng mười lăm phút. Cuối cùng chàng kết luận:

- Nhân viên kiểm nghiệm DNA mới thực hiện thử nghiệm và cho biết cô Julia này cùng huyết thống với ông Harry Stanford.

Steve dứt lời. Mọi người vẫn ngồi im như vừa nghe một chuyện trinh thám. Woody lên tiếng than:

- Trời ơi, không thể nào tưởng tượng được anh Tyler lại làm những chuyện như vậy.

- Nhưng đó là sự thật! Steve nhấn mạnh.

Woody vẫn thắc mắc:

- Tôi vẫn không hiểu. Cô Julia kia có dấu tay y hệt như dấu tay bằng lái xe của em gái chúng tôi thì giải thích làm sao đây? Tôi còn giữ bằng

dấu tay ở nhà nè.

Nghe đến đây mắt Steve sáng lên, tim chàng đập thình thịch vì mừng:

- Thật không? Ông còn giữ tấm giấy đó hả?

- Tôi tính để dành làm kỷ niệm nên vẫn còn cất trong hộp tủ ở nhà.

- Ô, ông làm ơn giúp tôi một việc được không? Steve nói như không ra hơi...

Mười giờ sáng hôm sau, tất cả mọi người tụ họp đông đủ ở văn phòng công ty luật Fitzgerald. Ông luật sư già Simon ngồi ở bàn chủ tọa. Cả mấy anh em nhà Stanford đều có mặt. Ngoài ra còn có một số người lạ mặt nữa.

Ông Simon mở đầu buổi họp bằng việc giới thiệu hai người đàn ông ngồi bên cạnh:

- Tôi xin giới thiệu với quý vị, đây là hai đồng nghiệp của tôi: Luật sư Patrick và luật sư Terry, người phụ trách sổ sách kế toán tài chánh cho xí nghiệp Stanford. Công ty của chúng tôi chỉ lo về những vụ liên quan đến cá nhân của gia đình Stanford mà thôi. Hai vị đây có đem theo đây đủ sổ sách tình hình tài chánh của xí nghiệp, vậy tôi xin nhường lời lại cho hai bạn đồng nghiệp tường trình đến quý vị.

Chánh án Tyler nóng nảy cất ngang:

- Đừng nói vòng vo mất thì giờ! Vào đề ngay đi!

Tyler ngồi tách biệt hai người em và đám đông. Ông thầm nghĩ: Khi nào công việc xong xuôi, tiền bạc đã vào túi, mình sẽ cho hai thằng luật sư khốn nạn của công ty Fitzgerald này một bài học để lần sau tụi nó đừng chớ mớ vào chuyện người khác.

Ông luật sư già nhìn Tyler gật đầu:

- Nếu vậy thì buổi họp sẽ bắt đầu ngay.

Trước mặt luật sư Simon là một tập hồ sơ dày cộm, bên ngoài có hàng chữ: Harry Stanford, di chúc và sự phân chia. Ông nhìn khắp mặt mấy anh em nhà Stanford rồi tiếp:

- Mỗi vị sẽ có một bản sao di chúc để đọc, mình khỏi phải bàn thảo chi tiết tốn thì giờ. Tôi cũng đã nói từ trước, mỗi người con trong gia đình sẽ được thừa hưởng một phần gia tài bằng nhau.

Julia lén nhìn Steve và bắt gặp chàng ta cũng đang nhìn mình với ánh mắt vui vẻ. Steve nghĩ thầm: Mình cũng mừng cho cô gái này mặc dù kể từ bây giờ cô ấy sẽ xa rời tầm tay mình...

Luật sư Simon tiếp tục:

- Theo di chúc, ông Harry Stanford có để lại một ít tiền cho các quỹ học bổng, hội từ thiện nhưng mấy cái đó lẽ lẽ không đáng kể.

Chánh án Tyler nghe bằng một tai, lơ mơ nghĩ: Chiều nay Lee đến đây, mình sẽ ra phi trường đón...

- ... chắc quý vị đã biết, bất động sản của xí nghiệp Stanford có khoảng 6 tỉ bạc. Bây giờ tôi xin nhường lời cho đồng nghiệp Patrick báo cáo chi tiết về sổ sách tài chánh.

Luật sư Patrick lúi trong cặp ra tập hồ sơ. Ông lên tiếng:

- Quý vị cũng biết như luật sư Fitzgerald vừa nói, tài sản của xí nghiệp Stanford có và khoảng 6 tỉ. Tuy nhiên...

Nói đến đây, ông ngừng lại nhìn khắp mọi người trong phòng. Một bầu không khí yên lặng ghê người bao trùm. Mọi người trở mắt chờ đợi...

- số nợ của xí nghiệp Stanford lên đến 15 tỉ đô la.

Cả phòng họp bật lên tiếng "ồ" sùng sốt. Woody không kèm được, đứng bật dậy:

- Ông nói chuyện khủng khiếp gì vậy?

Mặt của chánh án Tyler thì xám ngoét như muốn xỉu. Ông cất tiếng nặng nề:

- Mấy người đùa giỡn gì đây?

Kendall thì nói không ra hơi:

- Đúng là ông này đùa không đúng lúc.

Luật sư Patrick nhìn một người đàn ông trong phòng họp và đưa tay giới thiệu:

- Đây là ông Paul làm việc ở văn

phòng chứng khoán, xin ông giải thích rõ đầu đuôi câu chuyện thế nào.

Người đàn ông hỏi đầu tên Paul gật đầu:

- Trong vòng hai năm gần đây, ông Harry Stanford tin rằng tiền lời ngân hàng sẽ tiếp tục xuống. Từ hồi nào đến giờ, ông Harry có tài tiên đoán về sự biến chuyển của thị trường chứng khoán quốc tế. Ông đã từng thu về hàng tỉ bạc nhờ tài này. Cho đến khi lãi suất ngân hàng bắt đầu lên cao trở lại, ông Harry vẫn còn tin là nó sẽ sụt xuống. Ông mượn dài hạn một số tiền khổng lồ của các ngân hàng để mua cổ phiếu, hy vọng kiếm lời. Ai dè đầu tiên lời tiếp tục lên cao mà giá cổ phiếu lại xuống. Tiền nợ lẫn lãi tăng vọt lên. Các ngân hàng vốn tin vào khả năng kinh tế hơn người cũng như uy tín của ông Harry nên họ cho vay tối đa. Đến lúc họ thấy ông Harry bối rối với số nợ quá cao, bắt đầu đầu tư vào những công việc bấp bênh với hy vọng kiếm lời nhanh thì họ trở nên dè dặt, theo dõi chuyện làm ăn của ông ta. Ông Harry đầu tư hàng loạt vào những hoạt động quốc tế nhưng chỉ mang lại thất bại. Ông dùng nợ ngân hàng để mua chứng khoán, rồi lại dùng chứng khoán này thế chấp để mượn nợ khác, cái này nối tiếp chồng chất cái kia...

Luật sư Patrick lên tiếng giải thích rõ hơn:

- Nói cách khác, ông Harry bị nợ chồng chất, dùng nợ này để thế chấp nợ khác là cách làm ăn bất hợp pháp.

- Đúng vậy! Ông Paul tiếp lời - Xui xẻo cho ông ta, lúc đó tiền lời lên cao chưa từng thấy trong lịch sử kinh tế. Ông Harry đã dùng quỹ hưu bổng nhân viên để thế chấp hầu vay nợ ngân hàng và dùng tiền này mua chứng khoán. Đây là việc làm bất hợp pháp nên các ngân hàng bắt đầu điều tra về đường lối làm ăn của xí nghiệp Stanford. Harry bèn giở thủ đoạn. Ông tạo ra bao nhiêu công ty ma với sổ sách giả để che đậy. Ông trình ra các sổ sách công ty với những số lời cao sắp thu được để qua

mặt mọi người. Quản trị, ông Harry điện thoại khắp nơi với hy vọng được một ngân hàng nào đó cho vay. Nhưng tất cả các ngân hàng lớn trên thế giới đều từ chối. Họ tường trình sự việc lên Ủy ban Chứng khoán và Ủy ban này thông báo cho Hình cảnh Quốc tế để theo dõi. Bây giờ tôi xin giới thiệu thám tử Patou của cơ quan tình báo Pháp. Xin mời ông Patou giải thích.

Người đàn ông tên Patou nói tiếng Anh với cách phát âm của người Pháp:

- Vâng, sở Tình báo chúng tôi nhận được lệnh của Hình cảnh Quốc tế ra lệnh theo dõi đường đi nước bước của ông Stanford suốt ngày đêm. Thám tử của chúng tôi theo ông ta tất cả mọi nơi, từ tiệm ăn, chỗ giải trí đến nhà ở, nhưng ông Harry rất khôn ngoan, biết có người theo dõi nên nhiều lần tìm cách bỏ rơi chúng tôi. Theo mật lệnh màu xanh của Hình cảnh Quốc tế, chúng tôi chỉ được phép theo dõi và báo cáo mọi hoạt động của ông ta chứ không được hành động gì; cho đến khi biết chắc là ông ta lường gạt hay giả mạo thì mới báo cáo về cơ quan Hình cảnh, đợi mật hiệu màu đỏ để câu lưu.

Woody nói như sảng:

- Thảo nào ông già để tài sản lại cho tụi tôi vì nó có xu teng nào đâu!

Luật sư Patrick gạt đầu:

- Ông nói đúng. Chính cha của ông cũng biết là có chết đi thì mấy người con cũng chẳng còn gì với số nợ cao như vậy. Bởi vậy khi ông ta điện thoại cho quỹ tín dụng Lyonnais ở Pháp được họ hứa cho mượn thì ông bèn nghĩ tới việc điều đình để ngân hàng làm người thừa kế, có gì họ sẽ tịch thu xí nghiệp để trừ nợ. Ông Harry hy vọng phen này có tiền thì ông sẽ gây dựng lại cơ đồ, thanh toán số nợ cao như núi. Nghĩ thế nên ông gọi luật sư Simon Fitzgerald bảo đem tờ di chúc đến, xóa tên tất cả các con vì nếu để tên mà không mượn nợ được thì các con ông cũng sẽ chẳng có gì.

Kendall thắc mắc:

- Nhưng còn du thuyền, phi cơ riêng cũng như lâu đài Rose Hill thì sao?

Luật sư Patrick tỏ vẻ ái ngại:

- Thật đáng tiếc! Tất cả sẽ được bán đi để trả một phần số nợ to tát mà ông Harry Stanford đã vay.

Chánh án Tyler ngồi bất động như muốn xỉu. Đúng là một cơn ác mộng mà ông không bao giờ tưởng tượng đến. Trời ơi, giấc mơ trở thành nhà tỉ phú Tyler Stanford nay đã tan thành mây khói. Rốt cuộc ông vẫn chỉ là một chánh án với đồng lương khiêm nhượng suốt đời mà thôi! Tyler đứng lên, run rẩy như không vững. Ông thều thào nói:

- Tôi... tôi thật không biết nói gì hơn nữa... Nếu không còn gì để bàn thảo...

Tyler phải ra phi trường gấp để đón người tình Lee. Ông không biết phải giải thích làm sao với Lee về mọi chuyện xảy ra ngoài dự tính. Không còn du thuyền, không còn cuộc du lịch vòng quanh thế giới... Tyler vừa quay lưng đi thì Steve đã đứng lên chặn lại:

- Xin ông chờ một chút!

- Cái gì? Tyler hần học.

Steve gạt đầu với một người đàn ông đứng gần cửa. Cửa mở, Hal Baker tiến vào. Hắn nhìn Tyler gạt đầu chào lễ độ:

- Chào ngài chánh án.

Đáp số bài toán là tờ dấu tay của cô gái giả mạo Julia Stanford. Steve đã mượn tờ giấy mà Woody cất để dành làm kỷ niệm. Lúc đầu Woody bối rối không hiểu Steve muốn mượn để làm gì.

- Tại sao? Đó chỉ là hai bằng dấu tay của người đàn bà tự nhận là em gái của chúng tôi thôi mà. Có cả ông thám tử nào đó chứng nhận với sự hiện diện của tụi tôi.

- Người đàn ông xưng là thám tử Frank Timmons chứng nhận bằng dấu tay này phải không?

- Đúng vậy.

- Thế thì hay quá! Thế nào ông ta chẳng cầm tờ giấy này. Tôi muốn mượn để lấy dấu tay, truy xem kẻ giả

mạo ấy là ai.

Linh tính của Steve đúng ngay chốc. Dấu tay của Hal Baker đây trên tờ giấy. Chỉ mất nửa tiếng đồng hồ là máy điện toán của sở cảnh sát đã tìm ra được lý lịch hắn. Steve điện thoại ngay cho văn phòng biện lý ở Chicago. Lệnh câu lưu được ban hành ngay lập tức. Hai cảnh sát viên đến nhà Hal liền sau đó. Không phải khó khăn gì, họ gặp ngay gã đang chơi với con ở sân sau. Một cảnh sát chìa thẻ hành sự ra và cho biết lý do:

- Ông là Hal Baker phải không? Văn phòng biện lý muốn mời ông về văn phòng để điều tra.

Hal bướng bỉnh lắc đầu:

- Không, tôi không thể đi được.

- Tại sao vậy?

- Mấy ông không thấy tôi đang chơi banh với con tôi đây sao?

Ông Biện lý đã đọc kỹ lời khai của Hal qua cuộc hỏi cung. Ông ta nhìn nghi can ngồi trước mặt một lúc rồi nói:

- Tôi biết anh là người chồng, người cha tốt trong gia đình.

Hal hãnh diện gạt đầu:

- Đúng đó ông à. Đất nước này giúp đỡ cho mỗi công dân có điều kiện trở thành người đàn ông cột trụ của gia đình. Nếu mỗi gia đình...

Ông Biện lý chồm người tới, ngắt ngang lời hắn:

- Nay ông Baker, có phải ông đã hợp tác làm việc với chánh án Tyler Stanford?

Hal chối phăng:

- Tôi đâu có biết ông chánh án Stanford nào!

- Anh có muốn tôi nhắc lại cho anh nhớ không? Ông ta đã kêu án tù treo cho anh, sau đó ông ta nhờ anh đóng vai một thám tử tên Frank Timmons; tôi còn nghi ông ta đã mượn anh đến hãm hại cô Julia Stanford ở Kansas, đúng không nào?

- Ông nói gì, tôi không hiểu.

Ông Biện lý gần giọng:

- Nay, đừng giả mù sa mưa! Tôi đang nói đến cái án 10 tới 20 năm đó, liệu hồn! Tôi có thể kêu án tối đa đến 20 năm.

Mặt Hal lúc này tái mét. Gã áp úng:

- Ông đâu có thể làm vậy được... Còn vợ con tôi...

- Đúng, còn vợ con anh! Điều này tôi để cho anh suy nghĩ. Nếu anh chịu hợp tác với chính quyền để làm nhân chứng thì tôi sẽ dàn xếp cho anh được hưởng trường hợp giảm khinh, chỉ bị nhẹ tội mà thôi.

Mồ hôi của Hal nhỏ giọt. Hắn cúi mặt nói nhỏ:

- Thế... thế ông muốn... tôi phải làm gì?

- Muốn anh kể hết mọi việc từ đầu tới đuôi.

Bây giờ trước sự hiện diện của đông đủ mọi người, Hal thân thiện chào hỏi chánh án Tyler:

- Ông chánh án mạnh giỏi chớ? Woody nhìn ra Hal và la lên:
- Ủa, ông này là thám tử Frank Timmons mà!

Steve quay sang Tyler:

- Đây là người đàn ông mà ông muốn lên vào văn phòng chúng tôi để chụp lén bản chúc thư của cha ông, và cũng chính anh ta là thủ phạm đã đào mả ông Harry lên để thủ tiêu xác. Ông lại còn muốn hất đến Kansas với ý định giết cô Julia...

Phải mất mấy giây Tyler mới lấy được bình tĩnh để đối phó:

- Nào ông Steve, ông có điên không vậy? Tên này là một tội phạm, chẳng lẽ mọi người lại tin vào lời của một kẻ vào tù ra khám để kết tội một chánh án như tôi sao?

Steve vẫn cứng rắn:

- Không ai tin lời hắn cả. Chúng tôi chỉ muốn biết ông đã gặp người này bao giờ chưa?

- Dĩ nhiên là có gặp. Chính tôi đã xử hắn ở toà mà.

- Vậy hắn tên gì?

- Tên hắn là... - Tyler im bật vì thấy mình đang rơi vào bẫy của Steve nên nói trở - ... tôi muốn nói hắn có nhiều tên giả.

- Lúc ông xử hắn ở toà, hắn tên là Hal Baker phải không?

- Đúng... hình như vậy.

- Thế khi hắn đến Boston, ông đã

giới thiệu với gia đình, hắn là thám tử Frank Timmons?

Tyler lú lờ lại. Khả năng ứng đối của ông bay đâu mất tiêu. Ông ấp úng:

- Để coi... Tôi... tôi...

Tất cả các cặp mắt đều đổ dồn về phía Tyler và Steve. Mọi người yên lặng nghe hai bên đối đáp.

- Chính ông đã kêu án tù treo cho tên này và đặt hắn dưới quyền bảo hộ của ông. Và chính ông đã dùng hắn để chứng minh Margo Posner chính là Julia Stanford.

Tyler la lên:

- Không. Tôi không biết chút gì về vụ này. Tôi chỉ gặp cô ta khi cô ấy xuất hiện ở nhà tôi và tự xưng là Julia mà thôi.

Steve quay sang trung úy Mike:

- Trung úy nghe rõ chứ?

- Vâng.

Quay lại nhìn Tyler, Steve gần từng chữ:

- Chúng tôi đã điều tra về thân thế cô Margo Posner. Cô ta cũng bị ông xử và kêu án 5 năm tù nhưng sau đó chính ông đã bảo lãnh cô ta ra. Văn phòng Biện lý ở Chicago đã ký giấy ra lệnh lục soát nhà và văn phòng của ông hồi sáng nay. Họ cho biết họ tìm thấy hồ sơ chuyển nhượng phần gia tài của cô Julia Stanford. Giấy tờ được ký 5 ngày trước khi cô gái giả Julia đến Boston này.

Tyler thấy ghệt thở. Trí óc ông làm việc dữ dội mong tìm kẻ hở để chạy tội. Ông rên rỉ:

- Tôi... tôi... thiệt dễ giận, ai đã giàn cảnh đồ oan cho tôi...

Trung úy Mike lên tiếng:

- Chúng tôi buộc lòng phải câu lưu ông chánh án về tội âm mưu giết người. Chúng tôi sẽ tiến hành thủ tục để gọi ông về xét xử ở tiểu bang Chicago.

Tyler đứng im, cảm thấy như thế giới đang sụp đổ dưới chân. Giọng trung úy Mike đều đều, nói như thuộc lòng:

- Ông có quyền giữ im lặng. Bất cứ những gì ông nói ra có thể sẽ là bằng chứng buộc tội ông trước toà.

Ông có quyền nhờ một luật sư đại diện ông trong cuộc điều tra thẩm vấn. Nếu ông không thể đài thọ một luật sư thì toà sẽ chỉ định một luật sư cho ông trong cuộc hỏi cung này. Ông hiểu chứ?

- Hiểu.

Trả lời xong, khuôn mặt của Tyler bỗng sáng lên như mới tìm ra một giải pháp tuyệt vời. Ông thầm nghĩ: "Tao sẽ hạ tội này sát ván! Đừng hòng!". Nghĩ thế, nét mặt Tyler vui hẳn lên.

- Ông đã sẵn sàng rồi chứ? Bây giờ mời ông chánh án đi theo tôi. Trung úy Mike nhắc nhở.

Tyler gật đầu, giọng tự nhiên:

- Xong rồi. Tôi muốn ghé ngang nhà để lấy một ít vật dụng cá nhân.

- Được. Tôi sẽ cho hai cảnh sát viên hộ tống ông về nhà.

Tyler quay người đi ra cửa. Đôi mắt ông quét ngang hết mọi người trong phòng. Đôi mắt này dừng lại ở Julia khá lâu. Julia thấy tất cả sự căm thù, oán ghét trong ánh mắt khiến nàng rung mình.

Nửa tiếng đồng hồ sau, Tyler và hai người cảnh sát về đến lầu đài Rose Hill. Họ bước vào phòng khách. Lão quản gia Clark vẫn kính cẩn như mọi khi. Tyler quay sang hai người cảnh sát, nói giọng bình thản:

- Hai ông chờ tôi lên phòng lấy ít đồ, chỉ độ mấy phút thôi.

Hai nhân viên công lực im lặng gật đầu. Họ nhìn theo bóng dáng ông chánh án bước lên cầu thang. Trong phòng riêng, Tyler đi thẳng lại bàn giấy, kéo học tủ ra lấy cây súng, để lên đầu.

Một tiếng nổ khô khan vang dội trong căn nhà thanh vắng như tiếng kêu bi thương của kẻ thất trận.

Chương cuối

Hai anh em Woody và Kendall ngồi ở một góc phòng khách. Hơn một tá nhân công với đồng phục trắng đang đi tới đi lui tháo gỡ các bức tranh quý trên tường mang đi. Kế đó, họ khuôn mấy bộ bàn ghế, đồ

đặc đắt giá-mà ông Harry đã mua từ khắp nơi trên thế giới. Kendall thấy buồn trước cảnh bề dàu, từ một gia đình tỉ phú nay thành tay trắng. Nàng thần thờ nói:

- Thế cũng xong! Chấm dứt một đoạn đời!

Woody trái lại, có vẻ không mấy gì buồn. Chàng mỉm cười nói với em gái:

- Bây giờ mới bắt đầu chứ chưa chấm dứt đâu em! Anh thật vui khi nghĩ đến bộ mặt của Peggy khi khám phá ra sau khi ly dị, cô ta không ẵm một nửa tài sản của chồng để sống sung sướng chắc cô ta tức hộc máu. Còn em thì sao? Ý anh muốn nói về thằng Marc khốn nạn đó.

Kendall gật đầu nhìn anh:

- Em cũng buồn cho tình đời nhưng rồi mọi việc sẽ qua. Hơn nữa, mấy ngày sắp tới em bận lu bù, không có thì giờ đâu để lo buồn hay nghĩ ngợi. Hai tuần nữa em sẽ ra toà về vụ tai nạn lúc trước. Sau đó chờ xem mọi việc diễn tiến thế nào...

Woody trấn an em gái:

- Anh nghĩ chắc không sao đâu. Anh lúc nào cũng ủng hộ em. Thôi nhé, để anh lên lầu điện thoại một chút.

Woody phải gọi cho Mimi ở Florida theo lời hứa. Chàng cần phải cho cô bạn biết sự việc.

Giọng Woody đầy áy náy:

- Xin lỗi em nghe Mimi. Có lẽ chúng ta phải trở lại cam kết lúc trước. Anh không thể mua một đàn ngựa như mộng ước. Mọi việc xảy ra khác hẳn những gì anh nghĩ.

- Anh khoẻ không Woody? Anh nói gì lung tung vậy?

- Anh vẫn khoẻ Mimi à, tại nhiều việc xảy ra quá... Khi nào gặp, anh sẽ kể hết cho em nghe. Còn nữa, anh và Peggy đã chia tay rồi.

Đầy đây bên kia im lặng một hồi, sau cùng cô gái hỏi:

- Thế anh có trở về Florida không?

- Thú thật với em, anh không biết phải làm gì nữa, phải đi đâu...

Cô gái nhẹ nhàng:

- Anh Woody... em van anh hãy

trở về đây như ngày xưa...

Steve và Julia đang ngồi trên băng ghế ngoài vườn của lâu đài Rose Hill. Steve nhìn cô gái với ánh mắt yêu thương:

- Julia, tôi thật tiếc mọi việc đã xảy ra ngoài ý muốn. Ý tôi muốn nói là cô không được chút tiền nào cả.

Julia mỉm cười nhìn chàng:

- Tôi đâu có cần nhiều tiền để mượn một trăm người đầu bếp hả anh!

- Thế cô không cảm thấy thất vọng cho chuyến về Boston này hay sao? Thật phí thì giờ!

Julia nhìn Steve đắm đuối, giọng xúc động:

- Bộ anh nghĩ là uống phở hả?

Không biết ai đã chủ động trước, chỉ thấy sau câu nói, Julia đã nằm gọn trong vòng tay của Steve. Hai người trao đổi nụ hôn với tất cả thương yêu. Steve thì thầm:

- Gặp em lần đầu, anh đã mơ được ôm em vào lòng và hôn em như bây giờ...

Julia lắc đầu nũng nịu:

- Anh nói xạo! Lần đầu gặp em, anh đã ra lệnh bảo em phải rời thành phố này ngay lập tức...

Steve chun mũi trêu tức:

- Anh có nói vậy sao? Chưa lúc nào anh muốn em đi cả, anh sợ em sanh trên xe buýt nên vội chạy ra đón em về với anh đó.

Julia nhớ lời cô bạn Sally từng nói: "Bồ phải biết khi nào đàn ông muốn cưới mình hay không chứ!" Nàng nhìn Steve đắm đuối. Steve ôm xiết người yêu vào lòng:

- Em có bằng lòng lấy anh không?

- Dạ bằng lòng.

Hai người lại hôn nhau quên cả trời đất. Kendall vừa bước ra sân, tay cầm tờ giấy. Thấy cảnh hai người hôn nhau, Kendall bối rối bảu chữa:

- Xin lỗi... tại tôi mới nhận được lá thư này...

Steve ngẩng đầu nhìn lên, ánh mắt hơi lo lắng:

- Không phải thư tống tiền chứ?

- Không. Thư báo cho biết tôi

được bầu làm nhà vẽ kiểu thời trang phụ nữ đẹp nhất trong năm.

Bốn anh em Woody, Kendall, Julia và Steve ngồi quanh một bàn ăn nhỏ trong bếp. Trong nhà đầy phu đi tới đi lui khiêng đồ đạc ra xe. Steve quay sang Woody, hỏi:

- Thế bây giờ anh dự định làm gì?

- Tôi sẽ trở về Florida. Việc đầu tiên là tôi gọi bác sĩ để xin cai thuốc vĩnh viễn. Sau đó tôi có một người bạn có mấy con ngựa quý, họ sẵn sàng cho tôi mượn để đua.

Kendall nhìn Julia, thần mặt hỏi:

- Còn em có định trở về Kansas hay không?

Julia thầm nghĩ: "Khi em còn nhỏ, em từng mơ ước gặp một ai đó mang em ra khỏi thành phố buồn này để em gặp người yêu trong mộng...", mặt nàng hồng lên, vừa mỉm cười nhìn chị, vừa nắm tay Steve:

- Không, em sẽ không trở về Kansas nữa đâu!

Tất cả mọi người yên lặng khi hai người phu gõ tám tranh truyền thần nhà tỉ phú Harry Stanford xuống. Woody nhìn theo lắc đầu nói:

- Anh sẽ chẳng bao giờ hành động giống như người đàn ông trong bức hình kia.

- Hết -

Kính mời
quí độc-giả đón xem

LỘT MẶT NẠ

tiểu-thuyết xã-hội đen của
TỔNG MINH LONG QUÂN
khởi đầu từ số kể



Bút Chì phụ-trách

Làng Văn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp những nghi-vấn của bạn đọc về các lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, kinh-tế, nhân-văn, v.v.

Trong mục-dịch học-hỏi, Bút Chì hoan-ngheh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khố hạn hẹp của một tiểu-mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Còi xe hơi

Hỏi: 1) Cháu nghe tiếng còi xe hơi, giữa chiếc này với chiếc khác có khác nhau. Bác có nghe khác như vậy không?

2) Loài cá khi đi trên tàu, có bị say sóng không?

3) Tại sao người ta lại đeo nhẫn ở ngón tay áp út mà không đeo ở ngón khác? Năm tới lấy chồng, cháu muốn đeo nhẫn ở ngón giữa, có sao không bác?

Trần Anh, Toronto

Đáp: 1) Các loại xe cỡ nhỏ (compact), dùng kèn ở nốt La thăng (A sharp - La dièse). Xe cỡ trung (mid-size) dùng còi ở nốt Fa (F). Xe cỡ lớn (full size) và xe van, truck cỡ nhỏ dùng hai nốt Fa-La.

2) Kết-quả nghiên-cứu cho thấy, cá lội dưới nước không bị say sóng,

nhưng nếu bị bỏ vào bồn, chậu, chõ trên tàu, phần lớn đều bị say sóng như người.

3) Người xưa tin rằng ngón áp út của bàn tay trái là ngón tay của sự rung-cảm, có đường giây thần-kinh nối vào tim.

Cháu muốn đeo nhẫn ở ngón khác, cứ "điều-đinh" với vị-hôn-phu. Bác thấy nhiều bà đeo nhẫn cả tám ngón tay (trừ hai ngón cái)!

Hoa "Ti-gôn"

Hỏi: 1) Đọc các bài thơ của TTKh, thấy nhắc tới hoa Ti-gôn. Xin bác cho biết thêm về loài hoa này, kể cả tên tây phương của nó.

2) Hồi nhỏ tôi bị té, trặc, thầy thuốc Nam cho bó tỏi lờ rất mau khỏi. Tôi muốn hỏi thêm về loại tỏi này.

3) Có người bảo tôi, hoa Trinh-nữ (tức hoa Mắc-cỡ) còn gọi là mimosa. Theo tôi biết mimosa thuộc loại cây lớn. Không biết ai đúng? Trong câu thơ "Mimosa rụng kín mặt đường khuya" của Nhất Tuấn, thì loại mimosa này phải cao và to lắm, hoa mới rụng kín được mặt đường? Lại nghe nói hoa Mắc-cỡ trị bệnh tiểu đường?

Phương Tân, Phi-luật-tân

Đáp: 1) Tên khoa học của "Ti-gôn" là *Antigonon leptopus*, tên Pháp là *Antigone*, tên Anh là *Antigone*, *Coral Vine* hoặc *Mountain Rose*. Loài



này gốc Mễ tây cơ, loại giấy leo, thân mảnh, lá giống lá nhỏ, hoa chùm màu hồng đậm hoặc trắng, hình quả tim, to khoảng 7 mili-mét, không có quả.

Ở cột bên là ảnh chụp hoa "Ti-gôn" (*Antigone*), do một bạn đọc ở California chụp và gửi tặng tòa-soạn.

2) Tỏi lờ, tên khoa-học *Crimum asiaticum*. Tên khác là: Nàng, Chuối nước, Đại tướng quân.

Tỏi lờ mọc dưới nước, củ to từ 5 phân tới 5 tấc, bẹ bó thành thân giả màu trắng, cao từ 2 tới 6 tấc. Phiến lá hẹp, cộng từ 6 tới 10 phần, dài hơn 1 mét. Hoa mọc từ nách lá, cộng mang hoa cao tới 7 tấc, hình tán, hoa trắng có chỉ đỏ, rất thơm, có 6 tiểu nhụy, 3 bầu nhụy, bao phấn vàng.

Củ tỏi lờ giả nhuyển, bó chỗ bong gân rất tốt, mỗi ngày thay tỏi một lần. Củ tỏi lờ xào thịt, ăn nhiều (khoảng 500 gram mỗi ngày) trị được bong gân, trặc khớp, phong-thấp.

Loại tỏi lờ tía mọc trên đất (*Crinum amabile*) hình dạng tương-tự, hoa màu tía, ăn không ngon, ít được tính hơn tỏi lờ mọc dưới nước.

3) Hoa Mắc-cỡ (tức hoa Trinh-nữ), đúng là "mimosa", nhưng là *Mimosa pudica*, thân thảo, khi chạm vào, lá cụp xuống.

Dược tính của hoa mắc cỡ là giúp làm hạ huyết-áp, không trị được tiểu đường.

Một loại hoa mắc-cỡ thân thảo khác là *Mimosa diplotricha* (Trinh-nữ móc), gốc Trung Mỹ, cao lớn hơn mắc-cỡ *Mimosa pudica*, khi chạm vào lá không cụp lại. Loại này không có dược-tính.

Một loại nữa là *Mimosa scabrella* (Trinh-nữ nhám), thân mảnh có lông vàng, gốc Ba-tây, không dược-tính.

Loại *Mimosa* có hoa "rụng kín mặt đường" là *Mimosa pigra*, thân mọc, cao từ 2 tới 3 mét, cuống lá khi chạm vào cũng cụp lại song chậm hơn hoa Mắc-cỡ thân thảo.

Alaska

Hỏi: 1) Cháu nghe nói đất ở Alaska rẻ lắm, có đúng không?

2) Gọi cờ Mỹ là cờ "stars and

stripes" (sao và sọc) nghe hình như không mấy trang-trọng. Có cách gọi nào đàng-hoàng hơn không?

3) Truyền-thuyết kể rằng "tiếng Mỹ" chính-thức ngày trước đáng lẽ là tiếng Đức, không phải tiếng Anh. Như vậy là thế nào?

Trần Tôn, Ohio

Đáp: 1) Đúng, nhưng chuyện đó xưa lắm rồi! Khi Mỹ mua Alaska của Nga năm 1867, dân-chúng cả nước nhao nhao phản-đối, cho là phí tiền vô-ích. Giá mua lúc đó là 2 xu Mỹ một mẫu Anh (acre)!

2) Đúng ra, phải gọi là "mullets and barrulets" mới đúng sách vở. Nhưng báo thấy điều đó không quan-trọng; người Mỹ còn lấy vãi cờ may quần xà-lỏn mặc để tỏ lòng yêu nước thì gọi là gì chẳng được!

3) Không phải là truyền-thuyết, mà là sự thật.

Năm 1775, người Đức sống ở Mỹ rất đông. Quốc-hội đưa ra dự luật dùng tiếng Đức thay tiếng Anh trong ngôn-ngữ chính-thức của quốc-gia.

Kết-quả bầu cử rất chặt-chẽ, hai phe "thuận" và "chống" tranh nhau từng phiếu. Kết-quả là phe chủ-trương dùng tiếng Đức thua phiếu. Lý-do thua phiếu vì một ông dân-biểu người Đức đi họp trễ, nhờ thế số phiếu hai bên ngang nhau. Theo luật Quốc-hội, khi ngang phiếu thì lấy phiếu của vị Chủ-tịch làm phiếu quyết-định. Chủ-tịch Quốc-hội lúc ấy là một người Anh.

Đó là lý do tại sao món hamburger (bánh mì thịt băm của vùng cảng Hamburg, Đức) và hot dog (bánh mì

kẹp xúc xích của vùng Frankfur) lại phổ thông ở Mỹ và được cả thế giới coi như món quốc hồn quốc túy của Mỹ.

Bão lốc

Hỏi: Cháu ở Toronto, đọc báo thấy "twister" ở Mỹ ghê quá. Cháu cảm thấy hèn vì ở Canada ít có bão trốt. Cháu nghe nói con trốt lớn có thể bóc luôn nguyên cả căn nhà gạch ba tầng với cả nền bê-tông cốt sắt, có đúng không? Và thường thì bão lốc hay xảy ra vào buổi sáng hay buổi chiều? Khi gặp "twister" thì làm sao (cháu định đi Cali bằng xe hơi trong kỳ hè này)?,

Lê Thị Phụng, Toronto

Đáp: Bất cứ nơi nào, lúc nào cũng có thể xảy ra bão lốc, kể cả trên đỉnh núi cao hay vùng cao-nguyên. Tuy nhiên, thường thường xảy ra bão lốc nhiều nhất là vùng trung-tây nước Mỹ, vào mùa xuân và hè, và từ 3 giờ chiều đến 9 giờ tối.

Ở Canada đã có những trận bão lốc lớn, như:

- 31.7.1987 ở Edmonton (Alberta), 27 người chết, hơn 300 người bị thương.

- 3.4.1974 ở Windsor (Ontario), 8 người chết.

- 20.8.1970 ở Sudbury (Ontario): 10 người chết, hơn 200 người bị thương.

Để tính cường độ của bão lốc, người ta dùng phương pháp của nhà nghiên cứu Tetsuya Theodore Fujita, gọi tắt là F scale; từ F-1 đến F-5.

F-0: Sức gió từ 40 dặm (64 cây số)

tới 72 dặm (115 cây số giờ) có thể làm gãy nhánh cây lớn, làm hư cột ống khói lò sưởi.

F-1: Sức gió từ 73 dặm (116 cây số) tới 112 dặm (180 cây số giờ) có thể xô đổ các loại nhà lưu động.

F-2: Sức gió từ 113 dặm (181 cây số) tới 158 dặm (253 cây số giờ) có thể làm tróc gốc cây to, phá huỷ các nhà lưu động.

F-3: Sức gió từ 159 dặm (254 cây số) tới 207 dặm (332 cây số giờ) có thể bóc mái, đổ tường nhà, lật các toa xe lửa và bóc các loại xe cộ lên cao hàng chục thước.

F-4: Sức gió từ 208 dặm (333 cây số) tới 294 dặm (419 cây số giờ) có thể san phẳng các loại kiến-trúc chắc chắn.

F-5: Sức gió từ 295 dặm (420 cây số) tới 320 dặm (512 cây số giờ) có thể lôi cả nền nhà làm bằng bê-tông cốt sắt, tung lên trời.

Thiệt-hại dễ xảy ra cho con người nhất khi xảy ra bão lốc là bị thương vì những vật bén nhọn bị gió cuốn đánh trúng. Khi xảy ra bão lốc, hãy:

- tìm chỗ ẩn trú ở tầng thấp nhất trong các loại kiến-trúc chắc chắn và an toàn; núp dưới các loại đồ gỗ chắc chắn;

- tránh xa cửa sổ;

- ra khỏi xe hơi, nhà tiền-chế di-động (mobile home);

- nếu không có chỗ trú chắc chắn, hãy nằm dưới đường mương, hầm hố, chỗ thấp nhất, tìm cách che thân thể khỏi các vật bị gió thổi bay;

- cột thân thể vào các vật cố-định để khỏi bị gió cuốn lên trời.

gôm

Làng Văn 184 trang 82, bài thơ "Quê ta bây giờ" của Nguyễn Văn Cường, dòng 7, xin sửa chữ "người" thành "ngừa". Câu thơ (đúng) như sau:

Ai nhắc chuyện Sơn-tinh

Mà em ngừa Thủy-tinh.

Xin cáo lỗi cùng quý độc giả.

**GÓP SỨC PHÁT-THANH VỀ VIỆT-NAM,
SOI RỌI ÁNH-SÁNH TỰ-DO DÂN-CHỦ
VÀO QUỐC-NỘI
LÀ "DỌN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC"
MỘT CÁCH VINH-QUANG!**

chém đá

Sắc Không

Mở lời như chém đá
Lễ Kinh



Trò Chơi... Chữ!

1.

Kinh chết đi được. Phải kể tới trò chơi chữ, trong giới chính trị nước ta, đã lên tới hàng quý thuật. Người mình sống vì chơi chữ, chết cũng vì chơi chữ. Sống thì ít. Chết thì nhiều. Chết vì cái lối chơi chữ kiểu «Hồ Chủ tịch»: Ngày mừng 2 tháng 9 năm 1945 ở quảng trường Ba Đình tại Hà Nội, sau khi đọc «tuyên ngôn độc lập», một bản văn được chơi chữ bằng cách sao chép bản tuyên ngôn độc lập Mỹ của Washington, cốt làm vỏ bọc cho hạt nhân cộng-sản, Bác đã hỏi: «Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?»

Rõ là bước một, «giương cao ngọn cờ dân tộc độc lập», cướp vợi chính quyền, Bác vờ hỏi ý kiến đồng bào. Bước hai, nắm thật chặt chính quyền, «phát mạnh ngọn cờ CNXH» CS, Bác mập mờ đánh lặn con đen, ú a ú ớ: «Đồng bào nói, tôi không nghe rõ!»

Tới nay, Bác đã ra đi, Người để lại một di sản tinh thần to tát đó là «tư tưởng HCM», mà Đảng là người thừa kế duy nhất, khiến nhân dân ta chết: «Nói rõ: Tôi không nghe đồng bào!»

Thế đấy! Toàn bộ «tư tưởng HCM» chỉ có vậy. Nó lý giải vì sao, kể từ năm 1945 tới nay, Bác và đám con cháu Bác chưa một lần chịu lắng nghe ý kiến đồng bào. Chỉ thích nói và cùng lắm là hỏi «nghe rõ không?»

Cho nên, cuối thế kỷ 20 rồi, dân tộc Việt chẳng nói, cũng không kêu nữa, mà trong và ngoài nước đang quát: «Dẹp cha nó cái Đảng sâu dân, một nước chuyên ăn hại, dãi nát ấy đi!»

Bởi đảng càng thắng to, nước càng thua tợn, dân càng chết toi. Nửa thế kỷ đảng đỏ quang vinh cũng là năm chục năm dân đen nhục nhằn, chỉ vì:

Thơ Bác*

Đảng nghe vờ **thắng** vút cao
điều **thua** gieo họa, vụn vào nhân dân

Bác đem âm **trắc** làm vờ
khiến người trong Đảng ngu dần
bằng nhau...

* Thơ đủ cả: Âm điệu, họa vụn, gieo vần. Thơ HCM có câu: «Bỗng nghe vờ Thắng vút lên cao».

2.

Nói, kêu, gào, la, hét, thét, quát! Chả ăn thua gì cả, đảng đỏ vẫn «chó đen giữ mực», mực là đen và cũng còn là mầu mực, trước sau như một:

«ai theo thì sống,
ai chống thì chết,
chả theo, chả chống
dở sống, dở chết!»

Thắng hoặc lại bày trò quý thuật:

«ngoài bỏ, trong đeo
vừa theo, vừa chống,
vừa chống, vừa theo
trong đeo, ngoài bỏ
xanh vỏ, đỏ lòng,
ngoài đội lột thỏ
rắn hổ núp trong..!»

Xưa, «sư mô» như Trí Quang, thì chơi chữ «Dân tộc và Đạo pháp», cho mang cả bàn thờ Phật xuống đường để chống «bọn quân phiệt trị» ở miền Nam. Nhưng từ năm 75 lại đây, «thầy» ngậm hột thị, im thin thít trước «bọn công an trị»! Lực lượng thứ ba, không Hà Nội cũng chẳng Sài Gòn, «bọn học phiệt trị» giờ ở đâu?

«Cha cố», cố Thanh Lăng, thì chơi chữ còn «ác ôn còn đồ» hơn nữa. Như:

Thôi chống Cộng*

1

«Tôi là người Công Giáo
ngay từ năm Bảy Hai
đã đứng lên tranh đấu
để chiến tranh chấm dứt
Đòi Giáo hội Công giáo
thế giới và Việt Nam
về một việc phải làm:
«thôi đi, đừng chống Cộng!»

2

Năm Bảy Tư tôi đã
cướp micro, giành lời
để nói với Rossi,
Hồng y Bộ truyền giáo:
Rằng tôi coi cộng sản
là những người anh em
dù không biết cộng sản
có xem tôi anh em?

3

Nhưng trong suốt 4 năm,
Bảy Hai tới Bảy Lăm,
tôi ra sức ủng hộ
người cộng sản Việt Nam
Các tổ chức cách mạng
được tôi làm cố vấn
như «Mặt trận Nhân dân»
chuyên lo việc cứu đói.
Làm chủ tịch «Ủy ban
Tranh đấu cho làng báo
và làng văn» chống lại
chế độ cũ (tham tàn?)

4

Tôi đã từng sát cánh

xuống đường đòi thi hành
ngay Hiệp định ngừng bắn**
Nuôi dưỡng và tiếp tế
các sinh viên đấu tranh
mà tôi biết là họ
làm việc cho Cách Mạng
Ngày 30 tháng Tư,
ào ào người di tản,
tôi với Phan Khắc Từ
lên đài cùng kêu gọi:
Giới văn nghệ, báo chí
ở lại, đừng di tản!

5
Tôi chính thức lên tiếng
yêu cầu đức cha Thuận,
Phó Giám mục Sài Gòn,
đừng nhận, giữ chức vụ
Để tạo tình Hữu Nghị
với Cách Mạng, tôi xem...
người cộng sản đất Việt
là những người anh em...!»

* Trích bài tham-luận của LM Thanh
Lãng, tục danh Đinh Xuân Nguyên, đọc
tại Hội nghị Khoa học, Sài Gòn
11.12.1988.

** Hiệp định Paris, 27.01.1973.

Kết quả, chỉ 6 hôm sau, tức ngày
17 tháng 12 năm 1988, ông Đinh
Xuân Nguyên bị «đình», về với Satan
một cách khó hiểu, chắc vì «bệnh
công thần», dám kể ơn với Đảng!
Cách Mạng, thật vô cùng sáng suốt,
hết sức xa lạ với cụm từ «người anh
em», chỉ có «ta» và «địch» thôi! Hẳn:

1/ Duy vật vô thần CS chưa bao
giờ có cái gọi là tình Hữu Nghị với
duy tâm hữu thần Công giáo?

2/ Nghề chuyên môn của ông
Đinh Xuân Nguyên là làm chủ tịch
«mãn tính», hàng năm thường nhận
trợ cấp từ chính phủ VNCH ít nhất 5
trăm ngàn đồng và hay gặp gỡ tùy
viên Văn hóa tòa Đại sứ Mỹ ở Sài
Gòn?

3/ Ai càng khoe mình có khả năng
«đấu tranh, xách động» quần chúng,
Cách Mạng càng phải dứt dây sớm?

Năm 1987, tình cờ gặp Đinh chủ
tịch tại một nhà nguyện nhỏ ở đường
Trương Minh Giảng cũ, SK vội hỏi:

- Thưa cha, trước 75, nhà văn nằm
vùng Vũ Hạnh bị tù, cha lên tiếng...
Sao giờ bao hội viên PEN Việt bị bắt

vô cố, lâu dài, cha lại nỡ im lặng?
Đinh chủ tịch cười xòa:
- Văn Bút còn đâu nữa!

3.

Văn Bút còn đâu nữa? Giả dụ nay
cũng thế, thật đáng buồn, nhưng lúc
nào và ở đâu cũng vẫn mãi mãi còn:

Văn đạo *

Vít cong cành, thấp tới đầu,
gió ngưng, trúc lại ngẩng đầu lên cao,
cả vườn cỏ dại chum vào
cố vươn cũng chẳng ngọn nào dài hơn
Cánh trà sớm bén mùi hương
hồ như sen của mười phương tụ vào
cho dù tay lữ non nao
rớt ra chén đất vẫn ngào ngạt thơm.

2

Đời xưa chỉ nhìn cọng rơm
mà người khách biết áo cơm chủ nhà
thời nay nghe mãi chẳng ra
lời-kêu-không-tiếng quanh ta mỗi
ngày

Nhà văn trong ấy cụt tay
cho người cầm bút ngoài này dài hơi
dùng chữ như một trò chơi
nên văn vô nghĩa như người viết văn

3

Cái điều thật sự khó khăn,
trước sau của một nhà văn, viết gì?
viết cho ai, viết cách chi
để riêng mình một đường đi một mình?
Phải đâu phường kể chuyện tình
mua vui trong chốn cung đình ngày
xưa

sống quen ưa nặng thân lừa
chở bao nhiêu nhục cũng vừa sức
mang

4

Nhà văn không cần đập bàn,
khoanh tay vẫn khiến bạo tàn chùn
tay,
đôi khi, nếu cần múa may,
xin tung ngọn bút cho đầy nghìn trang
Cần hơn thế, chỉ dăm hàng,
mà như khánh bạc, chuông vàng ngân
xa,

về chính cuộc đời chúng ta
làm người chịu để người ta dọa dầy?

5

Mới nhìn ngọn trúc khẽ lay.
nghe hơi gió đã run tay nhớ nhà
lạnh từ khúc ruột, làn da

lòng bung sách cũ rời ra từng tờ
Nợ nần thuở trước ý thơ
trả dần cho tới ngày giờ khó khăn
gửi lại đời sau câu văn:
«đừng vì một chút tiếng tăm mà hèn!»

6

Tối tăm lại ở chân đèn
trong khi ngọn lửa bùng lên sáng ngời
văn chương làm đẹp thêm đời
sao người cầm bút làm người chẳng
xong

Con gà còn gáy thông dong,
con người, ôi, vẫn long đong cất lời
trong trang sách, ngoài cuộc đời
nhà văn đứng giữa, với cười khóc,
sao?

7

Bên trăm triệu ngót đồng bào,
bên bè một đảng, bên nào của ta,
tồi tàn, trước hết, chính là
choàng cổ bọn cướp vòng hoa kết dây:
Về nước in sách lúc này
nổi thêm ngọn dáo cho tay giặc dài,
(còn đâu văn, bút mà ai
cất cao tiếng nói trong, ngoài câu
dân?)...

* Thơ Từ Bối Cảnh. Gửi những ai vì
«tình hữu nghị» hòa hợp, hòa giải đã phải
chết hoặc chạy gần chết vì «người CS anh
em».

4.

«Người CS anh em» rất thích
nghe câu: «Văn Bút còn đâu nữa!».
Chắc Đảng giờ đương cực kỳ thích
thú!

Thích thú vì ngay vài năm đầu
thập niên 60, khi chưa từ bị thương
tới chết, Văn Bút ở Sài Gòn vẫn
không can thiệp để ông Ngô Đình
Diệm «buông» văn hào Nhất Linh,
«tha» dịch giả Trương Bảo Sơn và
một số sáng lập viên khác của Bút
Việt.

Nhưng khoảng chục năm sau, nhà
văn đồ Vũ Hạnh, quả có số «để bực
điều», điều cũng là đồ, được gần 500
chữ ký của văn, báo giới Sài Gòn ngày
ấy, do chủ tịch Thanh Lãng vận động,
xin cho Vũ Hạnh ra khỏi nhà tù.

Khỏi cần kính «chiết» cũng nhìn
thấy «yêu». Nếu mỗi bạn văn thuộc
Văn Bút VNHN bình tĩnh và tự hỏi:

1/ Văn Bút «nằm ngủ» hay «đầu

còn nữa» thì cuối cùng sẽ có lợi cho ai?

2/ Bất cứ ai, dù chỉ 2 tác phẩm văn học cũng chưa thềm có, mà vẫn cố đeo đuổi cái chức «chủ tịch» của một hiệp hội nhà văn, đòi cầm trịch báo nhà văn, nhà thơ khác thì là cái gì?

3/ Từ khi làm «chủ tịch» có giúp chi cho các bạn văn ngoài nước: Đánh máy, trình bày, in sách với giá «văn nghệ» cũng như điểm sách, phê bình và phát hành, dấu chuyền tay? Trên tất cả, cái hội «nhà văn» của mình có tạo ra được một không khí thúc đẩy mạnh mẽ việc sáng tác?

4/ Có lên tiếng trước các Đại hội Văn Bút quốc tế, kể cả với công luận, về sinh mệnh cũng như quyền cầm bút của các nhà văn ở trong nước?

Từ đó, xin đừng ai dùng chữ «tranh chấp» nữa, nên nói cho đúng: Người ta «tranh đấu», để chống lại bất cứ kẻ nào không «viết» mà chỉ lo «giết» văn. Xin vắn tắt, truyện xưa kể rằng: «Có hai người đàn bà cùng nhận một đứa trẻ là con ruột mình. Việc ra của quan. Người xử án đòi chặt đứa trẻ làm hai. Chỉ có bà mẹ thật, xót con, quỳ lạy xin quan bãi án.»

Sáu trung tâm, của Văn Bút VNHN, có mặt ít nhất 20 năm nay, giờ đành phải «xin nói chuyện» với một «nhà văn chủ tịch phi tác phẩm» cũng vì muốn «đứa trẻ» được sống. Thế đấy!

Xưa, chức chủ tịch Bút Việt rơi vào tay cha Thanh Lãng, người từng báo công đã «nuôi dưỡng và tiếp tế, các sinh viên đấu tranh, mà tôi biết là họ làm việc cho Cách Mạng», tức thời Đức cha Nguyễn Văn Thuận, vị bề trên của ông, khởi đầu những «chặng đường thương khó» từ ngày 30 tháng 4 năm 1975: Mười ba năm tù giam, nơi ngục tối, không một án lệnh! Phải chăng cũng chỉ vì đâu đó vẫn:

Juda (Yuda-Isariot)

1

Làm điểm chỉ cho quân dữ
thời trước

Juda nhận được ba mươi đồng bạc
rồi sau đó quỳ gối
và bị đẩy ra khỏi hàng

các môn đệ của Chúa
Làm điểm chỉ cho quân dữ
đời này
mỗi Juda được bao nhiêu đồng tiền
giấy
nào ai hay
chỉ biết chúng vẫn đứng thẳng
đang hai tay
tượng hình Thánh giá
2

Trong bức tranh Tiệc Ly
nâng cốc để chia tay vĩnh biệt
Ngoại trừ Chúa
với vòng hào quang sáng ngời
Không ai biết
tên chỉ điểm đứng ở chỗ nào giữa
những người công chính!
Trong bức tranh Cách Mạng
đổi cũ thay mới làm cuộc đổi đời
Ngoại trừ các tên Juda
Không ai biết
những người công chính
đứng ở chỗ nào?

3

Tên Juda thời trước
chỉ điểm bằng cách quỳ xuống
ôm hôn thầy mình
để cho quân dữ đến bắt
nhận diện
Những tên Juda đời này
bằng tờ tạp chí Đứng Dậy và Đối Diện
chúng ôm hôn quân dữ
Điểm chỉ bằng cách ai không bắt
chước
sẽ lộ ra ngay:
chính là «thầy» của chúng
nghĩa là kẻ đáng bị bắt!

4

Thời trước,
sau khi «phạm tội là nộp máu vô tội»,
máu của Chúa
Juda hối hận đem trả lại tiền cho các
thượng tế Do Thái
và cuối cùng y tự thắt cổ
Đời này,
sau khi đã phạm tội bán máu vô tội
của các con cái Chúa
những tên Juda vẫn rao giảng
«chỉ có chủ nghĩa CS mới thể hiện
được Lời Chúa về sự công bằng và bác
ái»
5
Các thượng tế, những kẻ chối Chúa
thời trước, còn biết nói:

«Không được phép bỏ bạc này vào
kho thánh, vì là giá máu»
Bọn vô thần, những kẻ chối Chúa đời
này, không dùng những đồng tiền «giá
của máu» để «tậu một đám đất
chôn cất cho khách tha phương»
Chúng chiếm cả đất đai của nhà thờ,
nhà thánh
Chúng chiếm cả nước
Và biến bao người thành những kẻ tha
phương...

6

Chúng biến một số chủ chăn trong
trắng
thành ra những con chiên đen
bằng thủ đoạn thấp hèn
gây nên một mặc cảm tội lỗi
với dân tộc
rồi kêu gọi họ về nguồn
theo biện chứng duy vật:
«Nguồn là dân tộc
và dân tộc là CS»
Một số nhà tu chân chính
trở thành đảo điên,
«Cứu cánh biện minh cho phương
tiện»,
thờ Chúa bằng cách chối Chúa,
giữ cho mỗi đạo được yên?

7

Juda, bán thầy mình, thời trước
là một tên phản bội
Niềm ân hận, cuối cùng,
vẫn lớn hơn bạc tiền
Những tên Juda, bán đức tin, đời này
là «người anh hùng» kiêu hãnh
của các thượng tế đỏ,
giống chim tu hú chuyên để nhờ
các tổ chim loài khác,
Chúng chui sâu, leo cao
trong hàng giáo phẩm
của mọi tôn giáo!
Chúng ta, những nạn nhân khốn khổ
tận cùng, vì sự bảo vệ tốt cùng
các «chức Thánh» hoặc «Phật sống».
Hãy tự hỏi, xin một lần cho chúng tôi
được phép đại dốt, tự hỏi:
chúng ta là ai?

* Thơ của Satan Nguyễn Phù Thủy.
Gửi các «ông cha» và «sư ông» công an
tôn giáo. Trích tập Chim Tu Hú, giải nhất
cuộc thi thơ của Hội Nhà Văn Hà Nội
1998.

5.

Người nước ngoài, khi cần tìm hiểu Việt học, thường «đến chết mất thôi» vì cái trò chơi chữ của giới văn học, nước mình, như «da trắng vỗ bì bạch», bì cũng là da và trắng cũng là bạch, đồng thời «bì bạch» lại là thanh âm của da khi được tay vỗ vào, bì bì bạch. Ghê hơn nữa là «tay» mà không phải là «tay», thí dụ như trong câu thơ lục bát, nghe đồn là của nhà thơ Bùi Giáng, sau đây:

Thu Ba ca ngợi Thu Bồn.

Thu Bồn thích chí sờ ...tay Thu Ba

Thu Bồn, tên một thi sĩ đỏ và Thu Ba, một người diễn ngâm nổi tiếng ở trong nước. Cái-nhà-cô Thu Ba này, áng chừng chỉ là nhân vật «giai thoại làng văn», song đánh đá lăm, thấy đảng viên nào cũng đủ «4 Đ»: Đọc, Đếu, Đớp và Điểm! Cô bèn vận hỏi:

- Các đồng chí trong Đảng ta, trước thời Đổi Mới, hay chúc nhau ra sao?

Nhà thơ Thu Bồn liền đáp:

- Chúc đồng chí được 4 Đ nhiều!

- ...?

- Dễ hiểu thôi. Bốn Đ là Đài, Đồng, Diếc và «Đ...» Thôi!... Tục tũ lăm!

Nữ sĩ Thu Ba lại gắng hỏi:

- Cảm ơn đồng chí. Tôi hiểu. Đài, tức máy thu thanh. Đồng là đồng hồ. Diếc là xế-diếc, khác xế-nổ, tức xe đạp: Còn «Đ...» thứ tư là cái gì cơ?

Nhà thơ Thu Bồn vội nói nhỏ:

- Đ... ăng!

Nào đã hết. Nữ sĩ lại còn hỏi thêm:

- Các đồng chí Đảng ta, sau thời Đổi Mới, còn chúc nhau nữa không?

- Còn!

- Thế nào?

Nhà thơ Thu Bồn cho biết ngay:

- Cũng 4 Đ!

- ...?!

- Đồng chí tự thêm 4 chữ «Đ» này vào câu: ...ăng ...éo ... ỏi ...ường!

Mừng nhà thơ nhón Thu Bồn và nhà diễn ngâm to Thu Ba, sớm đi vào văn học sử dân... gian, nghìn đời không chết, nhờ bài tứ tuyệt ác ôn, còn đồ của nhà thơ bị Nguyễn Văn Thực, dịch giả cuốn *Sao Chúa Mãi Im*, một truyện dài đang gây ồn ào:

Bàn tay cỏ mọc

Thu Bồn giòng lộn giòng mưa lũ
Nước cổ đeo nguồn nước võ-ra
Sờ tay nào thấy tay sờ thấy
Ướt cỏ bờ nghiêng cỏ Thu Ba**...*

* Tên một giòng sông ở xứ Quảng Đà.

** Tên một loại cỏ nom như làn sóng thu.

Ngôn ngữ thơ quả trác tuyệt. Đã «giòng lộn» khác với «lộn giòng», lại còn «cổ đeo». Rõ là một bậc chơi chữ nghiêng ngửa trong thiên hạ. Song có hơi bậy bạ. Chơi chữ, một cách nghiêm túc, phải như thế này: «*Ông bộc lộ tài năng mình rực sáng hơn cả là ở trong thơ ca. Tuy vậy, thành tựu của ông lại không nằm ở thể lục bát.*»

Ông, ở đây, là thi sĩ Nguyễn Đình Thi, «một nghệ sĩ và là một nhà văn hóa lớn», người được trân trọng bởi «nhà phê bình» tài danh Thụy Khuê của hải ngoại. Trần Đăng Khoa đã trích dẫn bài *Quê Hương Việt Nam* của Nguyễn Đình Thi, với 28 dòng lục bát, nơi trang 206 và 207, rồi «chơi chữ», hết sức táo tợn như trên.

Vậy, những tài năng ngoài thơ ca, của Nguyễn Đình Thi, như thế nào? Thi sĩ Trần Đăng Khoa vội cho biết: «*Ở thể loại nào, ông cũng đóng góp, nhưng rồi ngay trong chính thể loại ấy, người ta cũng thấy ông khiêm nhường đứng khuất sau những bóng dáng khác.*» Phải chăng, vì thế mà ở Paris có ả nọ, cố móc Nguyễn Đình Thi ra, rằng: NĐT làm thể Thơ Tự Do trước Thanh Tâm Tuyền? Cái gì tốt đẹp cũng phải cố giành cho Vem bằng được! Thật ra, thể Thơ Tự Do đã mạnh nha từ trong... ca dao, tỷ dụ như bài thơ trữ tình, mang tên:

Ru con*

... Cô ru rằng:

Con ăn, con bú, con nò

Con lấy, con bỏ, con chững, con đi

Ngày sau con cả lớn khôn

Con học, con thi, con nhảy ba tầng

sóng kinh kỳ khai nhan...

* Trích *Tục Ngữ Phong Dao II* của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, trang 156.

Những «người CS anh em» vốn sở trường về sự nhận vợ, nhận vợ cả lịch sử, nhận vợ cả tư tưởng, nhận vợ cả văn học. Như hai dòng lục bát sau đây, của ca dao xưa, mà vẫn mới:

Ta nghe tiếng hát đâu đây

Ta về rút chiếc thuyền mây đi tìm.

Tới tay «nhà văn hóa lớn» Nguyễn Đình Thi, giới ơi, vừa quê vừa cũ:

Ta đi ta nhớ núi rừng

Ta đi ta nhớ dòng sông vỗ bờ.

Hay ho gì cơ chứ? Thà rằng:

Ta đi ta nhớ cái giường

Ta đi ta nhớ người thương nằm chờ.

Chưa hết, thi sĩ Trần Đăng Khoa còn vẽ «chân dung» Nguyễn Đình Thi, khá sắc nét: «*Mọi cố gắng của Nguyễn Đình Thi là để làm một nhà văn không có chữ.*» Khỏi cố gắng! Mất công! Đã có chữ sẵn của ca dao:

Đi xa vẫn nhớ quê nhà

nhớ ao rau muống, vại cà giấm tương

Nên mau chóng trở thành thơ Đình Thi, «người mà cái tài thì đàn ông ghen, cái tình thì đàn bà ghen»:

Nhớ đồng ruộng, nhớ khoai ngô

Bát cơm rau muống, quả cà giòn tan!

Văn với vũ, ô với à, rõ của nợ! Bát cơm rau muống? Nghe chói tai! Ao rau muống thì được. Sao không viết:

Từ ngày Nước có Bác Hồ

Cơm nuôi dân Việt ước Ngõ độn vào

Thơ Nguyễn Đình Thi sẽ hay hơn, đảm bảo/bảo đảm, vì: Có hồ là có nước, nước hồ chỉ toàn nước lã, nước lã mà vãi nên hồ. Sau 75, dân Việt miền Nam mới «tiếc» nhà Ngô, bề gì cũng có cơm ăn. Cố lên, anh Thi ạ!

6.

Suốt một thời dài, cỡ ba mươi năm, người miền Bắc sống dở, chết dở vì cứ phải đọc văn thơ của các lãnh tụ chính trị và các nhà chính trị lãnh đạo văn nghệ như Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi... Dân đã phải học lên:

Khổ Quá!

(Xin Bác tha tội.)

Khổ nhất đọc thơ Bác Hồ

Khổ hơn lại phải trăm trở khen
hay

Khổ thêm còn bắt vỗ tay
Khổ nữa là đọc cả ngày lẫn đêm...

Thực lòng dân Việt ba Miền, chỉ
thích đọc những loại thơ như của thi
hào Nguyễn Khuyến, một nhà Nho
khoa bảng lấy lòng, mà hồn thơ vẫn
rất «Đại Ngu ta»; chẳng hạn như:

Cuội

Đầu làng Ngang có một chỗ lội
Có miếu ông Cuội cao vọi vọi
Liên bà đến đó xắn quần lên
Chỗ thì đến háng, chỗ đến gối
Ông Cuội ngồi trên mùm mùm cười
«Cái gì trắng trắng như con cúi?»
Liên bà khép nép đứng lên thưa
«Con trót hờ hang, xin xá tội!»
«Không, không, mi chẳng tội tình
gì

Chỉ làm ông phải cứng con buội
Về bảo liên bà khắp làng mòi
Ra đây ông cho giống ông Cuội!»
Từ đây làng Ngang để ra người
Để rặt ra những thằng nói dối...

Thằng Cuội, thành ông Cuội, được
thờ phụng như thánh tổ của ngành Nói
Điêu, thật ra chỉ đáng xách dép cho
một ngài Kuội, mang tên giả là:

Bác Hồ

Thằng Cuội ngồi gốc cây đa
Giận mình dối chú, lừa cha, hợ
hời
Mà mang tiếng xấu để đời
Trong khi thầy nó có người hoan
hồ!

* Trích Ngụ Sử Thư.

Thời ấy, hể Tố Hữu Nguyễn Kim
Thành, tự Thằng Lành, xếp sòng
tuyên truyền của Đảng, «hoan hô
HCM», tức thời bày/dàn «văn nghệ
sĩ» trong Đảng cũng «HCM muôn
năm!». Tố Hữu còn tâm sự vạt: «Thơ
Khoa có lẽ chẳng bao giờ hoan hô đâu
hỉ. Còn tôi thì tôi cứ hoan hô. Tôi còn
hô cả khẩu hiệu nữa cơ - Nước Việt
nam Dân chủ Cộng hòa. Muôn năm
Mác-Lênin - Đây, tôi hô khẩu hiệu

đấy, tôi chả sợ. Tôi muốn nói rằng
không có cái gì là không thành thơ
được. Tôi chò cả Nguyễn Văn Trỗi hô:
- Hồ Chí Minh muôn năm. Mà hô
những ba lần kia!»

Rõ điều! Trước khi chết, Nguyễn
Văn Trỗi bị bịt mắt, bịt mồm, lấy chỗ
đâu mà hô nữa. Nhưng thơ vẫn như
rượu mạnh, nó làm say sưa bao tâm
hồn son trẻ suốt mấy thế hệ, trong đó
có Trần Đăng Khoa, hẳn cũng từng
mơ được làm anh Trỗi? Chỉ vì câu thơ
Tố Hữu: «Phút giây thiêng anh gọi
Bác ba lần!» khiến Trần Đăng Khoa,
tới nay còn hạ bút: «Và thế là ngay lập
tức, mấy câu khẩu hiệu trên kia đã
không còn là khẩu hiệu nữa, nó đã
thành tình cảm, xúc cảm, thành nỗi
niềm thiêng liêng của cả một đời
người ở cái giây phút hiếm nghèo
nhất. Và người đọc bỗng ứa nước mắt.
Đấy là tài nghệ của một bút pháp lớn.
Bút pháp bậc thầy.» (CD & ĐT, trang
23, 24)

Trần Đăng Khoa ơi, xin hãy viết
thư gửi luật sư Nguyễn Văn Chức ở
ngoài này, thư có thể nhờ Làng Văn
chuyển, hỏi cho biết rõ sự thật về
Nguyễn Văn Trỗi trước giờ lâm chung.
Chẳng hô hoán gì sốt cả.

Tuy nhiên về Xuân Diệu, người
mà Trần Đăng Khoa gọi là chú, lại tỏ
ra khôn ngoan, không lú trong việc:

PHÊ BÌNH THƠ*

Phê bình thơ khó lắm,
chuyện đầu mòi, cuối mắt,
phải có năng khiếu thơ
mới phê bình thơ được
Có những anh đã viết,
đã viết và viết nhiều
nhưng thật ra điếc đặc
nên chẳng hiểu bao nhiêu
Thế nên mới náo loạn,
mới gây nên tình trạng
lộn xộn, và thơ ca
thì không ngừng xuống cấp
Cả nước sẽ chết đói
vì đua nhau làm thơ
nên mình phải khó tính,
làm con gà đứng gác
Mặc dù làm cái việc
lười, nguýt bất lịch sự
cũng chẳng hay ho gì

mà còn có anh ghét
Mình «chơi» với Nguyễn Trãi,
Nguyễn Du cùng Tú Xương,
mình sợ gì cơ chứ,
cũng chả thêm đành hanh
Chỉ vài ba năm nữa
dù có muốn hay không
mình cũng đi Văn Điển**
còn sợ quái gì nữa?...

* Nhái lời Xuân Diệu, Chân Dung &
Đối Thoại, trang 48.

** Ngụ ý ra nằm ở nghĩa trang ở Văn
Điển, ngoại thành Hà Nội.

Trần Đăng Khoa, thời thơ ấu đã
làm thơ từ lúc lên chín, lên mười tuổi:
«Mờ mờ ông Bụt ngồi nghiêm
Sợ gì, ông vẫn ngồi yên lưng
đền...»

Lời thơ chưa tới nhưng ý thơ thì đã
hay. CS triệt hạ tôn giáo, vô ích thôi,
ông Phật vẫn ở ngôi cao trong chùa dù
giữa một thời tranh tối, tranh sáng.
Chín tuổi mà viết như vậy là cừ. Tới
tay Xuân Diệu sửa thành:

«Mờ mờ ông Bụt ngồi nghiêm
Nghĩ gì, ông vẫn ngồi yên lưng đền.»

Trần Đăng Khoa chịu liền và giờ
đây thi sĩ đã viết: «Xuân Diệu chỉ
thay một chữ - nghĩ - , ông Bụt đã hóa
thành cơ thể sống, đã thành sự sống».
Rõ nhảm. «Nghĩ» hay «sợ» cũng là
động từ. Nhưng Bụt không «nghĩ» gì
hết, chỉ có tinh thần vô úy của nhà
Phật, chẳng sợ gì cả, mới là điều quan
trọng. Sao mấy anh Vẹm cứ sính «tư
duy» tới độ «chùa» thành «đền».
Song hai câu này thì tuyệt cú:

«Ngoài thềm rơi cái lá đa

Tiếng rơi rất mỏng như là rơi
nghiêng»

Xuân Diệu khen nức nở và cho là
«nghe tinh, có giác quan tinh tế»,
không phải sửa chữ nào. Nhưng chín
tuổi, ngây thơ, thì dùng «cái lá đa»
cũng không sao hết. Càng hay. Mười
chín tuổi thì phải hiểu rằng rất tục:

«Sự đời như cái lá đa

Đen như mồm chó, chém cha sự
đời.»

Hăm chín tuổi, hoặc hơn nữa,
chắc phải viết lại câu thơ 6/8 kể trên
theo thiên ý SK, tệ nhất cũng được
như:

Ngoài thêm rụng chiếc lá đa
Tiếng buồn nghe mỏng như là
rơi nghiêng

Nhưng tuổi thơ, dùng 3 chữ «rơi»
trong 2 dòng thơ, cũng chả sao cả!

7.

Ngày nay, dân tộc chúng ta không
«bất liên lạc» được với nhau vì chữ
văn chung mà nghĩa thì khác xa, ôi!
Nên nhà thơ Tùy Anh, cũng chính là
Nguyễn Phù Vân, chủ bút tờ Viên
Giác ở Đức, một người chỉ muốn:

Quên Hết chữ nghĩa*

«1

... Xin cho tôi được quên
chữ nghĩa được nghe từ thuở vào
đời

chữ nghĩa thời cơ

chữ nghĩa đấu tranh công bằng xã
hội

chữ nghĩa lọc lừa gian dối

chữ nghĩa bạo tàn

chữ nghĩa gian tham

chữ nghĩa của một cuộc đời quái
dân

đẩy đưa dân tôi vào tay cộng sản

Sao chữ nghĩa lặng câm

Không vùng lên kêu gào phản
kháng

2

Xin cho tôi được quên chữ nghĩa
phản chiến

của đám kiêu binh, buôn dân, nội
tuyến

chữ nghĩa của kẻ nội thù

rầy đầy tham vọng riêng tư

chữ nghĩa của người bại trận

đắng cay, nhục nhằn, tủi hận

chữ nghĩa của kẻ uơ hèn

đầu hàng, trốn chạy

chữ nghĩa thoát sinh tù đầy.

cải tạo tập trung!

3

Xin cho tôi được quên

chữ nghĩa tuyên truyền, lừa dối

của bọn người mệnh danh «thiên
đàng xã hội»

của bọn người không có Đức Tin

không có trái tim

không có nụ cười...

...

chữ nghĩa phi nhân, vô sỉ!

4

Chữ nghĩa thuần lý
trung-hiếu-tiết-nghĩa của dân tộc
tôi

bây giờ nổi trôi

như lớp sóng phé hưng

mà tam tòng, tứ đức trên các miền
tạm dung

còn có là nguồn cội

để tôi tìm được chút nào tình tự
quê hương

hay chữ nghĩa tan loã trong xa
hoa

phù phiếm, rồi trở thành vong bản,
vong thân?

Sao chữ nghĩa lặng câm

Không vùng lên kêu gào phản
kháng?

* Thơ Tùy Anh, trích tập *Ngoài Xa*
Dấu Chân Mây, NXB Viên Giác, Đức,
1994.



Chân dung nhà thơ Tuy Anh 1997.

Tùy Anh, người xứ Huế, sinh năm
1939, theo Cao học Quản trị Kinh
doanh Sài Gòn 73-75, tốt nghiệp kỹ
sư Thủy Lâm, hẳn không đau đớn chỉ
vì chữ nghĩa mà còn bởi rừng cây
trọng nước giờ đang bị tàn phá, hại
cho môi sinh tới mấy đời người!

Chính Engels Friedrich, 1820-95,
bạn thân của Marx, cũng nhìn nhận:
«Lao động và ngôn ngữ làm nên cuộc
tiến hóa nhân loại». Thơ Tùy Anh
phơi bày được cốt lõi của cuộc «tiến
hóa dân tộc Việt», đó là chữ nghĩa.

Chữ và lời trong chính trị và văn nghệ
nước ta, nếu cứ «vô nghĩa mãi», cứ
«nghịch lý» mãi, đừng trông chờ gì
một sự «thống nhất tâm hồn Việt
Nam». Đừng trông chờ gì một «Việt
Nam trên đường tương lai, lửa thiêng
soi toàn thế giới!», như những dòng
chữ mà tự thân ông Phạm Duy đã làm
cho «vô nghĩa»!

Lẽ nào một dân tộc có bề dày văn
hiến, như nước ta, một sớm một chiều
lại sở trường với thứ ngôn ngữ kiểu
«treo đầu dê, bán thịt chó»? Lửa nước
ngoài đầu chưa thấy, chỉ thấy bịp
nhau, bầy nhau, hành hạ nhau, tới độ
«tang thương đến cả hoa kia, cỏ này»,
không chút xót xa, ái ngại?

Tùy Anh, nhìn ra cõi sinh tử, sống
còn của cả dân tộc, nhờ tấm lòng của
một nhà thơ đất Việt, nơi ông, trên con
đường tranh tối, tranh sáng:

Đi tìm Phật*

Có bến bờ giải thoát

Trong tiếng mõ, hồi chuông?

Có cội nguồn hạnh phúc

Trong đời đoạn vô thường?

Có lúc nào hồi tưởng

về đạo nghĩa yêu thương?

Có lúc nào quán tưởng

về tiếng chuông chiều buông?

Chuông vẫn reo trên sóng

Kinh trì tụng vô cùng

Tâm vẫn còn chao động

Đời vô thủ, vô chung

Người thích đi tìm Phật

Trong tiếng kệ, lời kinh

Còn tôi đi tìm Phật

trong cuộc đời vô minh.

Tùy Anh nhấn mạnh, Chuông
Kinh Tâm Đời, chuông từ kinh mà
có, âm thanh thay cho lời nói, nhưng
tâm hay tấm lòng người phải từ đời
mà ra. Phật, theo nghĩa gốc chữ Phạn,
là Sáng, và vô minh là Không sáng, là
tối tăm: Không ai đi tìm ánh Sáng
trong Sự Sáng. Nhờ tối tăm, thật thế,
mà người ta thấy được ánh sáng.
Chính từ đời sống mà nhà hành đạo
hay người hành văn tìm ra tâm mình.
Tìm ra «ông Phật» nơi tâm mình.
Thấy được tấm lòng ngời sáng tình
yêu nhà, thương nước. Cảm ơn Tùy

Anh, không ai chọn được chốn ra đời, nhưng chọn được cách sống ở đời, chọn được chữ cho đúng nghĩa!

Thơ Tùy anh, qua tập *Trầm Ngải Thiết Tha*, Viên Giác 1997, trong bài cuối cùng, nói lên bao ước mơ:

Vẽ lại cuộc đời

... Rồi có một ngày anh sẽ hóa thân
làm cánh chim vẽ những đường bay
trên bầu trời cao rộng
Anh cũng vẽ riêng cho anh
một cuộc sống
có nhiều màu xanh
màu xanh của núi rừng tổ quốc
màu xanh của sông rạch quê hương
để anh thấy mình còn được nâng
niều trong lòng dân tộc...»

Qua hai thi tập, dường như nhà thơ Tùy Anh gói tròn một ý: Tình người thương nước. Những đám mây nổi, phù vân, tự chúng không tạo hình, mọi vẻ dáng chỉ là giả hợp, tùy theo mắt người nhìn, mà ra thể tướng. Rồi mây chìm tan, thoáng chốc, chỉ còn:

«Ngoài xa dấu chân mây
là quê hương
là nguồn cội
trăm nhớ, ngàn thương...»

8.

Giới trí thức và văn nghệ sĩ nước ta, ở độ tuổi dưới 50, phần đông sinh ra và lớn lên trong cái thế giới ma mị đầy «trò chơi chữ», nên tới nay họ thường khi tỉnh, lúc mê. Chập chờn giữa bao điều đúng và những cái sai.

Họ yêu nước và từng ước mơ «xây dựng chủ nghĩa xã hội». Cho dù, tới nay, họ vẫn chưa biết là các quốc gia vùng Bắc Âu (Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch) đã xây dựng thành công CNXH từ thập niên 50 của thế kỷ này, nhờ: Tự do, Dân chủ, Công ích và Kỷ luật. Tại xứ Bắc Âu không có ăn mày theo đúng nghĩa. Không văn nghệ sĩ nào bị kiểm duyệt tác phẩm. Không một công dân nào phải gọi một nhà chính trị là Bác. Chữ «đảng» không ai viết hoa.

Chẳng ai trách một người khuyết

thị từ nhỏ về việc không biết đâu là màu đỏ, sắc xanh. Nhưng cần phải vỗ thẳng vào mặt những kẻ từng sống ở miền Nam trước năm 75, hơn thế, với những kẻ đang hưởng đời sống tự do, dân chủ nơi xứ người, mà ích kỷ tới độ vẫn tiếp tay cho guồng máy bạo lực ngày càng lộng hành của bọn đục xương già, hút máu trẻ.

Guồng máy ấy, mang tên công an trị, quay đều nhờ gần nửa triệu công an chìm, nổi, tình báo, gián điệp. Đảng đã đưa ngành công an lên hàng nghệ thuật. Công an làm thơ, như Từ Kế Tường; công an diễn kịch, như Kim Cương; công an cải lương, như Bạch Tuyết; công an thầy chùa, như Trí Quang; công an cố đạo, như Phan Khắc Từ... Mọi ngành, mọi cấp, đủ loại, đủ môn... Hãi lắm!

Theo nhà văn quốc nội Nguyễn Thị Minh Ngọc, qua cuốn *Dấu Lìa Ngó ý*, thì công an CS rất «tốt», tới độ:

Nhảy xuống bùn*

«...Cố mặt bằng trống trải,
trước đám đông bu vòng
người ta coi như thể
xem mãi võ Sơn Đông
Im lặng lấy đồ nghề
ở trong cái bao bố,
rồi Lân cùng anh kia
nạy lên cái nắp cống,
một tiếng ồ khá lớn!
Lân nhảy xuống bùn đen
xì xoạp và nhầy nhầy,
mặc kệ lời thán phục,
xuýt xoa của ché khen.
Cho rằng anh liều mạng,
vì mục đích nào đó,
có thể là lợi danh,
(nhảy xuống bùn để vét)
Lân lăm lì vét bùn,
được một lát nhảy lên,
đọc danh sách gồm tên
ai không đóng tiền được...!»

* Nhà xuất bản Trẻ, Sài Gòn 1998.

Toàn tập *Dấu Lìa Ngó ý*, gồm 10 truyện ngắn, thoát đọc tưởng như nhà văn kiêm người viết kịch và giàn dựng sân khấu Nguyễn Thị Minh Ngọc «thân cộng» tới độ tối tăm. Nhưng

xem kỹ, người đọc sẽ thấy mỗi truyện của cô Minh Ngọc toát ra một sự chống Cộng rất thâm trầm. Truyện *Nhảy Xuống Bùn* cho biết: *Dưới chế độ đỏ hiện nay, người giàu vẫn bị cướp của, người nghèo vẫn bị cướp công. Nghèo, «không đóng tiền được», thì phải theo công an đi mua và vác ống cống, do tiền của người giàu trong xóm Vú Sữa đóng góp, theo cái kiểu «của đi thay người».*

XHCN gì, ty Vệ Sinh đâu, tiền dân đóng thuế lợi tức và thuế trị giá gia tăng từng cân đường, ký muối ở nơi nào, mà để công an khu vực phải tự «đi học nghề đặt ống cống» và nhảy xuống bùn chỉ «một lát»? Móc rõ lệ!

Như đã nói những ai, thuộc người Sài Gòn cũ, nếu đọc lướt qua cuốn *Dấu Lìa Ngó ý*, sẽ dội ra liền vì ngỡ Nguyễn Thị Minh Ngọc «đón gió»?

Sai! Trong truyện ngắn *Đi Thăm*, Minh Ngọc viết về một nhà văn nữ của Sài Gòn trước 75, cùng lúc tố cáo chế độ CS không đổi mới gì hết, nhất là vẫn theo đường lối «chính trị chỉ huy văn nghệ», nắm quyền sinh, sát nhà văn, đốt ngấm sách vở:

«...Khó mà tưởng nổi chị Kiều buồn bực. Không phải chỉ vì mưu sinh mà ai cũng thấy chị cần viết như cần thở. Chị nói với tôi dù có thế nào chị cũng tìm cách viết, cho dù sẽ rất khó in, cho dù sẽ có rất ít người chịu đọc nếu may ra người ta cho phổ biến...»

Người ta ở đây là ai? Khi mà quyền «cho phổ biến» một tác phẩm văn học nằm trong tay Đảng, ngay cả quyền được phép in hay không cũng chẳng tùy thuộc ý muốn chị Kiều?

Qua đoạn văn dưới này mà chúng tôi biết được chị Kiều là ai? Đây:

«Suốt dọc đường, ông Sâm ca ngợi chị Kiều không tiếc lời: - Nhờ dạy Anh văn cho các cô «me Mỹ» nên nó rành chuyện đổi máu lấy cơm. Đọc truyện nó, nhiều người tưởng nó là gái bán ba. Những lớp tả cảnh trên giường của nó làm cho người ta khóc hơn là gọi dục...»

Chị Kiều chính là nhà văn Thụy Vũ Nguyễn Thị Băng Linh, một người thà lui về rừng núi Lộc Ninh ở ẩn, hơn là viết một chữ có lợi cho bọn tự nhận

có «quyền cho phổ biến» sách.

Dưới đây, chắc là một bản «cáo trạng» về «thực trạng» của các nhà văn miền Nam từ sau 75 tới nay:

«... Họ nắn nỉ tôi lắm, tôi mới cầm tiền về cho chị Kiều. Cái vụ tiền bạc này làm ơn để mặc oán lắm. Tôi chưa đọc sách chị Kiều, nhưng thấy bên kia quý chị lắm. Có lẽ người ta ưa dồn tình thương cho cho những người bất hạnh hơn mình? Về nước, tôi có ý tìm sách chị Kiều đọc nhưng không kiếm ra...»

Có ông, bà văn, thi sĩ nào ở ngoài này «phi chính trị», xin vui lòng hé mắt ra một tí, một tí thôi, để thấy:

1/ Sách của Thụy Vũ, ở trong nước, hiện vẫn bị cấm tái bản, «dâm» ư?

2/ «Bên kia»: Vừa là hải ngoại, vừa là phía bên kia, đối đầu với CS?

3/ Tại sao «bên này», CS trong nước, không «quý» nhà văn Thụy Vũ?

Vinh Long, nơi quê sinh Thụy Vũ, tỏ ra hãnh diện về một người dân của tỉnh nhà, nhưng kết quả thật thảm:

«Anh Căn, một đầu nậu sách cho hay mấy năm trước Thông tin Văn hóa ở quê chị cho in lại một số sách của chị. Và chính điều này gây rắc rối cho chị Kiều. Một bài báo, rồi tiếp theo rất nhiều bài báo nổi lên phê bình khuynh hướng văn chương khiêu dâm của chị Ngân Kiều. Sách chị bán chợ đen đắt như tôm tươi nhưng kể như chị «tiêu», anh Căn nói vậy.»

Đáng nể nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ, nhân vật Kiều trong tập *Dấu Lìa Ngó ý*, và đáng yêu nhà văn Nguyễn Thị Minh Ngọc, về «thông điệp» mà tác giả *Dấu Lìa Ngó ý* nhắm gửi cho những người cầm bút ngoài này.

Giờ thì chúng tôi hiểu vì sao mà Nguyễn Thị Minh Ngọc, năm 1974 ở tờ *Thời Tập* và năm 1997, trong tờ *Thời Văn*, qua truyện ngắn hay kịch bản đã trích bốn câu vớ vẩn của bài:

*Tháng mười ở Đâu em V**

«Nếu thật chờ nhau mà hóa đá thì xin thử đợi một lần xem chỉ ngại khi tôi thành núi biếc ngàn năm không thấy dấu chân

em...!

* Thơ Nguyễn Hữu Nhật, trích Tập chí Thi ca, nhiều tác giả, NXB Anh Em, nhà in Trung Việt, Gia Định 1970. Lưu chiếu Thư viện Quốc gia Sài Gòn - 1971. Có lẽ nhà văn Nguyễn Thị Minh Ngọc, như «chị Kiều», cũng đang chờ một «em» nào đó, tên là Tự Do?

9.

Tự Do, hai tiếng thiêng liêng mà vị anh hùng dân tộc Nguyễn Thái Học gọi là Hoa, trong câu nói bất hủ của ông: «Hoa Tự Do phải tưới bằng máu!» Máu, của bao người mình yêu nước, đổ ra ít nhất từ ngày 1 tháng 9 năm 1958, ngày mà hạm đội Pháp và Tây Ban Nha nổ súng và tiến chiếm vùng Sơn Trà, Đà Nẵng. Kể từ Nguyễn Trung Trực (tức Nguyễn Văn Lịch) tuần tiết cho đến Nguyễn Thái Học lên đoạn đầu đài và Pháp rút khỏi miền Nam năm 1958, vừa tròn trăm năm. Người anh hùng, đáng anh thư nước ta, chưa kể các vị ẩn danh, nhiều tới độ chúng ta không đủ những con đường để đặt phượng danh. Ước gì có nhiều đài Tưởng Niệm hay một bộ Bách khoa Từ điển hoặc bộ trường thiên văn học, trung thực, về Trăm Năm Chống Pháp.

Trước sau, cha ông chúng ta, rực sáng một tinh thần như Nguyễn Thái Học đã giải bày: «Không thành công



Anh-hùng Nguyễn Thái Học

thì thành nhân.» Thời nào kẻ quốc sĩ cũng chẳng ít, song vẫn không đồng bằng bọn Việt gian. Vì Nước mà Phan Thanh Giản uống thuốc độc, Nguyễn Tri Phương nhin ăn tới chết, Hoàng Diệu thất cố, Phạm Hồng Thái, tức Phạm Thành Tích, trảm mình; Nguyễn Cao tự rạch bụng, Nguyễn Thái Học và 13 vị anh hùng Yên Bái lên đoạn đầu đài, trong đó Phó Đức Chính đời ngửa mặt lên nhìn lưỡi dao máy chém, Nguyễn Thị Giang tự bắn vào đầu... Hầu hết chết mất xác. Không mộ. Chẳng lăng. Nhưng tất cả đều ngự trong ngôi đền Biết ơn nơi mỗi trái tim người Việt chân chính, đời đời.

Nhân ngày giỗ thứ 69, nhớ ơn 13 vị anh hùng Yên Bái, mất ngày 17 tháng 6 năm 1930, chúng tôi xin thắp một nén Tâm Hương qua bài Niệm Thi:

*Lời Vàng Nguyễn Thái Học**

*Cần thì cứ giết tôi đi
nếu chưa hả dạ chu di cả nhà
còn bao người khác gần xa
trước sau tất cả đều là vô can!
Đời riêng khổ chẳng phân nan
miễn chung việc nước bình an
mọi nhà*

*Tự Do như một loài hoa
phải tưới bằng máu người ta
nhiều lần*

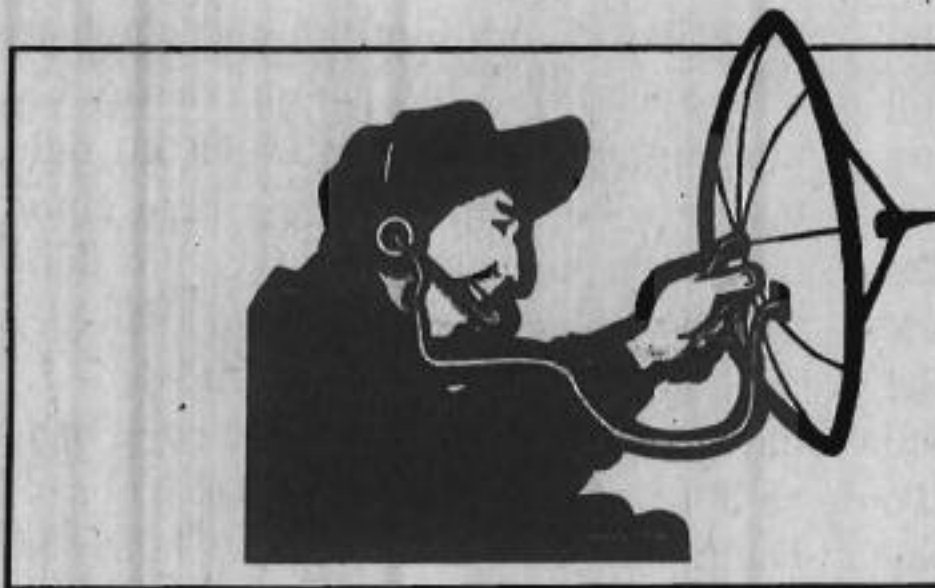
*Không thành công cũng thành
nhân*

*nhuộm cờ Độc Lập còn cần máu
tươi*

*hướng chi chúng tôi làm người
lê thân trâu ngựa suốt đời mãi
sao?»*

* Ông phán bảo cho giặc Tây Dương biết rõ ý mình đã quyết.

**Đã đọc và thích
"Chém đá" trên báo,
nên mua "Chém đá"
in sách, đọc đi đọc lại
cho... thấm!**



tài liệu

Thử nhìn lại quá trình thụ động trong việc tranh đấu cho dân chủ tự do tại Việt Nam

Nguyễn Phúc Nhân

LTS: Kể từ ngày Nguyễn Văn Linh ra lệnh "đổi mới", các tổng bí-thư tiếp-nhiệm đều hiểu và bám sát nguyên-lý "đổi mới để tồn-tại". Họ hiểu rõ hơn ai hết, "đổi mới", "cởi mở", cải-cách kinh-tế, kêu gọi đầu tư, chấp nhận một phần tư-hữu cũng như nới rộng giới-hạn phát-biểu cho cán-bộ, đảng-viên và cả một số viên chức ngoài Đảng,... tất cả đều nhằm mục-đích duy nhất là giúp Đảng tồn-tại, giúp cơ-cấu quyền-lực của Đảng khỏi bị vỡ nát như đã từng xảy ra tại Liên-sô, Đông Âu, Đông Đức.

Đổi mới, nhưng không có nghĩa là bỏ cũ. Nếu nhìn kỹ vào sinh-hoạt quốc-nội, chúng ta sẽ thấy rõ cái giới-hạn tuyệt-đối, lẫn ranh bất khả xâm-phạm mà đảng Cộng-sản vạch ra, đó là chủ-nghĩa xã-hội, chủ-nghĩa cộng-sản. Nói gì thì nói, tuyệt nhiên không ai đụng tới chủ-nghĩa. Kể cả Trần Độ. Kể cả Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Minh Chính, Dương Thu Hương, Bùi Minh Chính, Hà Sĩ Phu,...

Bài viết ký tên Nguyễn Phúc Nhân đăng sau đây là phân-tích và nhận-định của một người Việt sinh sống ở Đức về các vấn-đề của đất nước. Tác-giả khảo-sát những yếu-tố khiến cho chế-độ CSVN tiếp-tục sống-sót trong khi "thầy Nga" và guồng máy cai-trị tại các nước xã-hội chủ-nghĩa "anh em" ở Đông Âu và cả Đông Đức đã lần-lượt tan-rã. Một trong những yếu-tố đó là tâm-lý thụ-động của quần-chúng Việt-nam ở quốc-nội và hải-ngoại.

Tác-giả chú-trọng về mặt quốc-tế-vận, kêu-gọi các người tù "cải-tạo" hãy

viết hồi-ký bằng ngoại-văn, tố-cáo tội-ác của CS trước lương-tâm nhân-loại.

Nhìn chung, bài viết đưa ra một số nhận-định giá-trị, nhưng không lý-giải những điểm mâu-thuẫn trong phương-thức hành-động.

Cuối cùng, ý-tưởng đáng nêu cao của tác-giả, chính là câu này: "Cộng-đồng người Việt hải-ngoại không thể đứng bên lề lịch-sử đất nước của mình, nhưng phải tích-cực tham-gia mọi cuộc tranh-đấu cho dân-chủ, bất kỳ cuộc đấu-tranh đến từ đâu."

Cộng-đồng người Việt-hải-ngoại không đứng bên lề lịch-sử, mà chính họ đang viết nên những trang sử mới. Họ không chỉ đấu-tranh bằng cách viết hồi-ký. Họ có mặt ở khắp nơi và tận lực khai-dụng mọi biện-cố để biến thành lợi-thế đấu-tranh. Nhờ thế mà vòng trời của cộng-sản trong nước mới bị nới lỏng dần, dọn đường cho một cuộc vùng dậy toàn diện. (NHN)

Cuối năm 1989 đế quốc cộng sản Đông-Âu sụp đổ, nhiều người Việt Nam mừng thầm vì họ nghĩ rằng "Mẫu Quốc Nga" và các chư hầu xã-hội chủ-nghĩa đàn anh đã chết thì cộng sản Việt Nam cũng không thể sống lâu được nữa... Nhưng từ ngày khai tử "đế quốc cộng sản" đến nay đã gần 10 năm rồi mà XHCN Việt Nam vẫn còn sống nhăn. Sự kiện ấy làm cho nhiều người thắc mắc

tìm kiếm lý do. Người viết bài này đã đọc nhiều bài phân tích lý luận của các chính trị gia danh tiếng cũng như vô danh. Nhiều tác giả phân tích rất tỉ mỉ và có chiều sâu, nhưng cũng có một số tác giả viết lách rất hồ đồ và nông cạn. Bài viết này không phải là một tổng hợp những luận chứng của tác giả kia, và cũng không phải là một bài bình luận, nhưng chỉ là một vài nhận định cá nhân mà thôi.

Tại sao một đảng cầm quyền độc tài và khát máu như đảng CSVN lại có thể tồn tại lâu như vậy? Để trả lời câu hỏi này người ta phải đặt lại câu hỏi khác: Tại sao người Việt Nam có thể chấp nhận một đảng cầm quyền phản dân tộc và lỗi thời trong một thời gian khá lâu như thế?

I- Hậu quả của sự lạm dụng ý niệm dân tộc và tình tự yêu nước:

Nếu nhìn từ bên ngoài và so sánh với các dân tộc khác, người ta thấy dân tộc Việt Nam quá hiền lành, nhẫn nhục chịu đựng chế độ độc tài này. Đã gần 10 năm qua không hề có một cuộc biểu tình chống đối nào dù rất nhỏ, ngoài mấy cuộc biểu tình bảo vệ đất đai và quyền lợi ở Thái-Bình và Đồng-Nai năm ngoái. Để giải nghĩa thái độ thụ động của người Việt Nam, có người đưa Khổng-Tử ra để biện minh: Đó là thái độ trung quân thuần phục đã được các "quan cách mạng" hiện nay triệt để khai thác. "Đức hạnh của người cai trị dân như gió và đức hạnh của dân như cỏ. Gió thổi thì cỏ tất rạp xuống". Có người nói: Dân tộc Việt Nam ngày nay đã mất tình tự yêu nước, vì CSVN đã dạy người ta "yêu nước là yêu XHCN"; hoặc như một tác giả viết: "Dân Việt không yêu nước vì bức tường tâm lý kiên cố do lịch sử và văn hóa để lại" vân vân và vân vân....

Ở đây chúng tôi không muốn tranh luận về hai câu hỏi này: "người Việt Nam có yêu nước hay không?" và "người Việt Nam hôm nay có còn yêu nước nữa không?", nhưng chúng tôi cũng đồng quan điểm với một số tác giả nhận định rằng: người CSVN đã lợi dụng quá nhiều những danh từ "tổ quốc", "dân tộc", "yêu nước",... cho nên ngày nay các danh từ đó đã mất đi ý nghĩa đích thực của nó! Và vì thế những người hoặc đoàn thể được nhà nước ban cho danh hiệu "yêu nước" thường có cái cảm giác ngại ngùng mĩa mai. Hội

“Công Giáo Đoàn Kết Yêu Nước” của thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định bỏ tiếng “yêu nước”. Khi giữ độc quyền yêu nước và đặc quyền ban phát tiếng yêu nước, CSVN đã làm cho đại đa số người Việt mất đi cái “tình tự yêu nước” theo nghĩa thông thường. Người ta chỉ muốn được gọi là “yêu nước” vì miếng ăn, vì quyền lợi và để được yên thân trong chế độ hiện tại.

Ý niệm về đất nước, về tổ quốc đã bị đánh phá ngay từ trong gia đình và học đường. Học sinh ngay từ nhỏ đã bị nhồi sọ lý thuyết cộng sản để chỉ biết yêu Bác, yêu Đảng. Không lạ gì khi thấy sinh viên học sinh các nước dân chủ xuống đường biểu tình tranh đấu cho quyền lợi của mình, trong khi đó sinh viên học sinh Việt Nam không nhúc nhích mà vẫn phải ngồi yên học kỹ Mác-Lê và “tư tưởng Hồ Chí Minh”! Đối với nhà nước CSVN hiện nay, vấn đề giáo dục học đường chủ yếu không phải là đào tạo nhân tài cho đất nước, gầy dựng tương lai cho đồng bào, nhưng trước tiên là nhồi sọ học sinh trong chiều hướng phục vụ quyền lợi của đảng. Để loại trừ những phần tử và khuynh hướng đối lập, nhà nước CSVN áp dụng chính sách lý lịch gạn lọc và kỷ luật quân sự học đường. Với chương trình giáo dục một chiều, đóng kín và sặc mùi tuyên truyền, tậm hiểu biết và kiến thức của học sinh rất hạn hẹp và phiến diện. Sinh viên Việt Nam hiện nay có thể nói là thiếu vốn kiến thức cơ bản về chính trị và lịch sử đất nước. Sự bùng nổ thông tin làm cho sinh viên học sinh chỉ biết những hình ảnh tuyên truyền đẹp đẽ về Hồ Chí Minh và đảng CSVN. Những tin tức bất lợi cho nhà nước, chẳng hạn các tù nhân chính trị nạn nhân của nhà nước độc tài, những cuộc biểu tình đòi dân chủ tự do... rất ít người hay biết. Ông Trần-Độ gọi đó là “chính trị hóa giáo dục”. Hơn bao giờ hết, từ mười năm nay nhà nước Việt Nam tìm cách canh chừng và đề phòng giới sinh viên học sinh tại các thành phố lớn, nhất là Sài-Gòn, bởi vì kinh nghiệm cho thấy nếu có sự bùng nổ biểu tình phản kháng thì sẽ bắt đầu bởi thanh niên sinh viên.

II. Cái “láu cá” của đảng CSVN:

Chúng ta cũng không nên khắt khe với người Việt Nam đang sống trên mảnh đất quê hương, khi thấy họ không chịu đứng lên tranh đấu đòi cho được

quyền làm người của mình. Họ như những con chim đang sống trong “lồng vàng thiên đàng cộng sản”. Họ không được tự do ngôn luận. Tất cả mọi phương tiện truyền thông xã hội đều thuộc quyền nhà nước. Họ không được quyền lập hội, tụ họp. Những đoàn thể hiện hữu chỉ được hiện hữu theo tôn chỉ và ý muốn của nhà nước. Mặt trận Tổ quốc bao trùm tất cả. Ở Việt Nam bây giờ không có đối lập công khai. Những người đối lập thì hoặc đã phải vào nhà tù, hoặc bị quản chế tại gia và phần đông đã chạy ra nước ngoài rồi. Người ta có thể nói rằng: Phong trào người Việt bỏ nước ra đi từ năm 1975 tới hôm nay đã giúp rất nhiều cho chế độ độc tài CSVN tồn tại và sống dai. Thật vậy, CSVN đang ung dung trị vì trên ngai vàng của họ, bởi vì cái hiểm họa chống đối họ đã tống khứ ra nước ngoài rồi, và chính hai triệu người “đi đầy tình nguyện” này đã hưởng ứng “phong trào du lịch” của nhà nước và đang nuôi sống nhà nước CSVN hiện nay bằng số tiền ngoại tệ gởi về hàng năm.

Những phần tử đối lập đã bị tiêu diệt hoặc bằng nhà tù và trại cải tạo, hoặc đã tống khứ ra nước ngoài dưới nhiều hình thức. Cái nguy cho sự tồn vong của chế độ bây giờ chỉ còn có thể đến từ phía nhân dân, cho nên đảng CSVN đã bắt chước quan thầy Nga đề ra chính sách “đổi mới” để xoa dịu sự phẫn uất và làm giảm bớt sự mâu thuẫn xã hội. Mặc dù chỉ “đổi mới” nửa vời và một cách giả tạo, nhưng kết quả cũng đã ngăn cản được sự bùng nổ của nhân dân và giúp họ bám trụ được cho đến ngày hôm nay. Thật vậy, sau những năm túng thiếu cùng cực phải xếp hàng cả ngày (XHCN) để mua một miếng thịt và vài ký gạo, bây giờ được thoải mái mua bán, người dân nghèo đã cảm thấy sung sướng thoải mái rồi. Trước đây phải có đủ thứ phép tắc giấy tờ, bây giờ đơn giản hơn đi lại dễ dàng... Hà Sĩ Phu nói: “Trước đây nằm trong nôi, bây giờ được nằm trên phản thì cũng đã cảm thấy khoái rồi”. Cái láu cá của đảng CSVN là ở chỗ đó. Cho nên Cu-Ba mới đây cũng đã phải học lõm theo Cu-Con.

Một cái may nữa cho ĐCSVN là sự mệt mỏi chán chường của quần chúng đối với vấn đề đấu tranh cho dân chủ tự do. Sau nhiều năm chiến tranh, ngày nay người dân Việt muốn sống yên, họ rần chịu đựng một chế độ độc tài hơn là

vùng vẫy đi tìm một thể chế chính trị khác mà họ chưa biết kết quả ra sao. Cái kinh nghiệm trước mắt khiến họ nghi ngờ mọi hứa hẹn của đảng phái chính trị. Trước kia cũng như bây giờ đảng CSVN vẫn không ngừng hô to khẩu hiệu “độc lập, tự do, hạnh phúc” đó sao? Lý tưởng cộng sản không phải là công bằng xã hội và ấm no cho đồng bào hay sao? Đảng nào cũng vậy thôi. Chưa nắm được chính quyền thì hứa hẹn đủ điều, đến khi có quyền lực trọng tay thì lo vơ vét làm giàu và cố giữ cho bằng được cái ghế của mình! Với những kinh nghiệm đó người Việt Nam bây giờ không tha thiết với những sinh hoạt chính trị mà chỉ quan tâm đến các nhu cầu sống hằng ngày. Miếng cơm manh áo cái đã.

CSVN đã khôn khéo lợi dụng và khai thác tối đa điểm này bằng cách tuyên truyền ru ngủ đồng bào an phận chấp nhận chế độ hiện tại. Với những lý luận một chiều, họ cố tình đồng hóa “dân chủ tự do” với “tranh đấu hỗn loạn” làm cho đồng bào sợ hãi trước viễn tượng “diễn tiến hòa bình” để chấp nhận “sự ổn định chính trị” theo ý muốn của họ. Đồng thời họ theo đuổi một chính sách mị dân: Thay vì đầu tư vào hạ tầng cơ sở và kỹ nghệ sản xuất nhỏ và có tính cách đại chúng bền lâu bền dài và ích quốc lợi dân, thì họ xây ngân hàng, xây khách sạn và dùng tiền viện trợ nhập cảng hàng hóa từ các nước tân tiến để nhân dân cảm thấy mức sống phồn hoa đang tới. Mặt khác, để kiềm chế sự chống đối của các đảng viên, họ dùng ân huệ và đặc quyền. Trước đây với thể chế hộ khẩu, bây giờ với chính sách đầu tư khai thác và ngay cả việc hối lộ...

III. Miếng ăn và quyền lợi:

“Một người làm quan cả họ được nhờ”. Câu này diễn tả thực tại xã hội Việt Nam từ ngàn xưa. Hôm nay dưới chế độ độc tài đảng trị câu nói ấy lại càng đúng hơn nữa. Tham gia việc nước làm chính trị không phải là dẫn thân phục vụ đồng bào, xây dựng tổ quốc quê hương, mà chỉ là một phương thế làm giàu, vinh thân phì gia. Cho nên không ai lạ gì hối lộ hôm nay đã trở thành một “quốc sách”. Đối với phần đông dân chúng, vấn đề tham gia việc nước không quan trọng bằng miếng cơm manh áo. Người Việt Nam ta, kể cả các đảng viên cộng sản, không yêu nước bằng yêu gia đình. Miếng ăn và quyền lợi là những

yếu tố có thể điều khiển con người hành động trái ngược với sự hiểu biết và ý muốn của mình. Sống dưới chế độ độc tài, người dân luôn luôn hồi hộp lo sợ, không những sợ bị bắt bớ thủ tiêu, mà nhất là sợ mất quyền lợi, sợ mất việc làm, sợ gia đình phải liên lụy phiền hà...

Trong chế độ độc tài cộng sản, không có chuyện "tội ai người nấy chịu", nhưng "con đại cái mang"! Chính sách lý lịch là một bằng chứng cho thấy điều đó. Bố phải vào trại cải tạo vì tội "chống đối", vợ con ở nhà được xếp vào loại "phản động" mất hết quyền lợi. Tình liên đới gia đình rất linh thiêng và mãnh liệt. Người ta có thể chết vì lý tưởng, nhưng khi liên lụy bất hạnh cho gia đình vợ con, thì rất ít người dám hy sinh tính mạng của mình. Có thể nói được rằng "Sợ" là một chứng bệnh gia truyền của những người sống dưới chế độ độc tài. Vì sợ nên không dám nói, vì sợ nên chỉ nói cho vui lòng nhà nước. Một sử gia có bằng cấp nọ mới đây đã viết "sử" mà không dám nói sự thật khách quan và còn tìm cách biện minh cho chế độ hiện tại chẳng qua cũng chỉ vì quyền lợi! Tôi còn nhớ cách đây không lâu có một vị chức sắc của Giáo-Hội được xuất ngoại đã nói: "Xin các anh ở ngoài này đừng viết báo chỉ trích nhà nước kéo ở nhà chúng tôi phải chịu nhiều khó khăn...". Tâm trạng sợ sệt của vị tu hành này cũng là tâm trạng chung của người Việt Nam đang sống dưới chế độ độc tài đảng trị hiện nay. Nhà nước CSVN cũng chỉ mong chừng đó: Đừng chống đối để họ trị vì lâu chừng nào hay chừng đó.

IV. Tiếng kêu trong sa mạc:

Trong "thế giới đặc quyền đặc lợi" do đảng tạo ra cũng có những người không màng lợi danh dám đứng lên tranh đấu cho công bằng, tự do, dân chủ. Sau khi chiến thắng Miền Nam, nhà nước CSVN đã thẳng tay đàn áp những người đối lập bằng nhà tù, trại cải tạo hoặc xô đẩy ra nước ngoài. Phần đông chấp nhận chế độ một cách miễn cưỡng và âm thầm chịu đựng. Trong những năm gần đây, sau khi các chế độ cộng sản Đông Âu sụp đổ, có nhiều trí thức, nhân sĩ không còn giữ thái độ chống đối âm thầm nữa, mà dám công khai phát biểu ý kiến của mình, chẳng hạn: Nguyễn Khắc Viện, Phan Đình Diệu, Chân-Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Huyền

Quang, Quảng Độ, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Đình Huy, Đoàn Viết Hoạt... và một số văn nghệ sĩ nổi tiếng như Dương Thu Hương, Phùng Quán, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự v.v.. Tiếc rằng những tiếng nói lẻ loi của những người đối lập này cũng chỉ là tiếng kêu trong sa mạc, bởi vì giới cầm quyền bịt tai không muốn nghe và còn tìm cách bịt miệng không cho nói nữa, trong khi đó đa số quần chúng không tích cực hưởng ứng vì chưa có sự tỉnh thức chính trị, hoặc vì cơn bệnh sợ hãi truyền kiếp của những người sống dưới chế độ độc tài!

Ngay trong đảng CSVN cũng có một số người mạnh dạn lên tiếng đòi đảng phải lột xác và dân chủ hóa xã hội. Đó là những người cộng sản cấp tiến thức thời, hoặc nói theo danh từ nhà nước gán cho họ là "những đảng viên ly khai". Bởi vì sau khi lên tiếng đề nghị tập đoàn thống trị với những lời lẽ hết sức chân tình và thuyết phục, hầu hết họ bị khai trừ khỏi đảng và bị tước đoạt mọi quyền lợi. Mặc dù bị tập đoàn cầm quyền tìm đủ cách bưng bít, xuyên tạc và cấm đoán, nhưng những tiếng nói dũng cảm, thẳng thắn, hợp tình hợp lý của những Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Lê Hồng Hà, Nguyễn Văn Trấn, Hoàng Hữu Nhân, Nguyễn Kiến Giang, Hoàng Tiến, Nguyễn Thanh Giang, Trần Độ, v.v. đang có âm vang mạnh mẽ trong hàng ngũ cộng sản và làm cho nhóm lãnh đạo run sợ. Vì hoảng sợ cho nên nhóm lãnh đạo đảng đã hành động một cách vụng về thô bạo, nói được là đại đột. Họ vừa khai trừ ông Trần-Độ khỏi đảng và quản thúc tại gia. Mới đây họ bắt cóc ông Nguyễn Thanh Giang đưa đi giam một nơi bí mật (LTS: sau đó đã thả ra).

Thông điệp của ông Trần Độ quá rõ: "Một bộ phận lớn đảng viên, trước hết là trong số đảng viên có chức quyền, nắm quyền lực đã thực sự trở thành lực cản đối với sự phát triển mọi mặt của đất nước", "Kinh tế quốc doanh là khu vực kém hiệu quả nhất và là những ổ tham nhũng ghê gớm nhất". "Mọi sự độc quyền độc tôn đều đưa đến thoái hóa, ruỗng nát, tác tị". Bởi vì "thay vì do dân, của dân, vì dân, thì chế độ hiện nay là chế độ do một nhóm nhỏ của nhóm nhỏ và vì một nhóm nhỏ". "Sức mạnh trí tuệ của toàn dân tộc chỉ có thể phát huy trên nền tảng những thể chế dân chủ". Cho

nhờ "phải thực sự dân chủ hóa, thực sự thực hành dân chủ để cho nhân dân có quyền thực sự trong khi thực hiện quyền lợi và trách nhiệm của mình, do đó phải có tự do ngôn luận, tự do ứng cử, bầu cử". "Đảng CSVN muốn tiếp tục có vai trò đối với dân tộc, thì điều chủ yếu là phải có chính sách khoan dung rộng rãi, thu hút và khuyến khích được nhiều người tài cống hiến cho đất nước". "Trong Đảng thiếu nhân tài, chứ ở ngoài Đảng thì không thiếu. Đó là một sự thật"...

Nếu tập đoàn cầm quyền hiện nay có học thức nhìn xa thấy rộng, và biết đặt quyền lợi đất nước dân tộc trên quyền lợi cá nhân và đảng phái thì họ đã không thể bịt tai trước những lời chân thành như vậy và hành động ngược đời như thế, nhưng họ phải đối thoại và chấp nhận lẽ phải. Ai cũng biết là đảng CSVN, nói đúng hơn là một nhóm đảng viên cao cấp trong bộ Chính trị, vì muốn bảo vệ đặc quyền đặc lợi của họ cho nên cố bám lấy chủ nghĩa Mác-Lê, mà thực chất chỉ là một chiến thuật cướp chính quyền và bây giờ cố thủ cho bằng được quyền lực và quyền lợi của họ. Thật là đáng buồn cho dân tộc Việt Nam! Không biết đến bao giờ mới có hòa bình, dân chủ, tự do?!

V. Trách nhiệm Việt kiều hải ngoại:

Sau khi nói về những khó khăn đối với người đang sống dưới chế độ độc tài đảng trị ở trong nước, thiết tưởng cũng phải nói đến vai trò của cộng đồng người Việt hải ngoại trong công cuộc tranh đấu cho dân chủ tự do tại Việt Nam. Hơn hai triệu người đã phải bỏ nước ra đi vì một bạo quyền, và cho tới hôm nay đã gần 25 năm mà bạo quyền đó vẫn còn ngang nhiên độc quyền cai trị. Thử hỏi cộng đồng người Việt hải ngoại đã làm được những gì cho công cuộc đấu tranh dân chủ tự do trong nước? Ngoài những cuộc biểu tình lẻ tẻ trước các tòa đại sứ Việt Cộng đó đây, ngoài những tờ báo chống cộng đủ mọi khuynh hướng, ngoài những bài tuyên ngôn của nhân vật này đảng phái nọ... thực tế có cái gì? Người Việt tị nạn không thiếu nhân tài, những người học thức có bằng cấp chuyên môn. Họ ở trong môi trường tự do, có phương tiện hành động. Nhưng họ thiếu cái gì đó: Ý chí? Lòng yêu nước? Sự đoàn kết? Và

người lãnh đạo? Nếu so sánh với các dân tộc khác trong cùng hoàn cảnh, thì chúng ta thấy cộng đồng người Việt hải ngoại còn thiếu những thứ đó! Điều đáng tiếc hơn cả cho người Việt Nam - không cộng sản nói chung và cộng đồng người Việt hải ngoại nói riêng - là không có một lực lượng tổng hợp các đoàn thể đảng phái đối lập và một lãnh tụ có uy tín để điều hành công cuộc đấu tranh cho dân chủ tự do và có một tiếng nói chung đủ mạnh để làm áp lực trước thế giới!

Có một vài tác giả nhận định rằng: Người Việt không có truyền thống đoàn kết, không có thói quen làm việc tập thể, không tinh thần chung. Nói như vậy có lẽ hơi quá đáng, nhưng không phải là không đúng đối với tập thể cộng đồng người Việt hải ngoại hiện nay. Có lẽ cái tinh thần đoàn kết của dân Việt trong giai đoạn đánh Tàu, đánh Tây nay đã mất hết rồi vì cuộc chiến quốc - cộng? Trong những thập niên vừa qua, đảng CSVN đã đánh phá tinh thần đoàn kết quốc gia một cách tàn tệ! Vì chủ trương độc tôn độc quyền của đảng và vì sự mù quáng theo đuổi một học thuyết ngoại lai phản dân tộc, CSVN hô hào mọi người Việt Nam phải đoàn kết dưới lá cờ máu của họ. Với chiêu bài đoàn kết, họ đã hủy hoại sự đoàn kết giữa những người Việt. Họ lập ra hội đoàn kết này đoàn kết nọ với mục đích chia rẽ hàng ngũ "địch". Chính sách công an mật vụ canh chừng tố giác nhau là một chiến lược gây nghi ngờ chia rẽ trong nhân dân. Ở hải ngoại CSVN cũng áp dụng chính sách gây chia rẽ trong hàng ngũ "địch": Bằng nhiều cách tinh vi, nhất là sách báo tuyên truyền, họ kích động tôn giáo này chống tôn giáo kia, gây chia rẽ trong hàng ngũ các đảng phái chính trị ... Họ dùng mọi thủ đoạn để đạt mục đích kể cả những việc làm tiểu nhân ném đá giấu tay như viết thư nặc danh vu khống đặt điều bóp méo lịch sử... Việc tuyên truyền xuyên tạc của CSVN có lẽ không có kết quả bao nhiêu, nhưng dầu sao nó cũng tạo được một tâm trạng bất ổn nào đó. Nhiều người tị nạn, nhất là những người đã có ít nhiều kinh nghiệm đắng cay với CSVN, đã trở thành đa nghi và lãnh đạm trước những cuộc vận động chính trị để tranh đấu cho dân chủ tự do. Thái độ dị ứng đề phòng kéo mào mưu cộng sản luôn đeo đuổi ám ảnh họ.

Vì tâm trạng thụ động đó và vì sự chia rẽ giữa các đảng phái, đoàn thể tôn giáo v.v. người Việt hải ngoại vẫn chưa tập hợp được với nhau để tạo thành một lực lượng mạnh khả dĩ có thể thúc đẩy và hỗ trợ hữu hiệu cho công cuộc tranh đấu dân chủ của đất nước, mặc dù người Việt hải ngoại sống trong những môi trường có nhiều điều kiện thuận lợi hơn nhiều nếu so sánh với đồng bào trong nước. Cho đến hôm nay, khách quan mà nói, cộng đồng Việt kiều hải ngoại hầu như không có ảnh hưởng gì đáng kể đối với những thay đổi quan trọng ở trong nước. "Diễn tiến hòa bình" mà đảng CSVN hằng lo sợ đã không xảy ra như mọi người mong ước. Đó là một sự thực đáng buồn khiến mọi người phải suy nghĩ!

Tuy nhiên khối Việt kiều hải ngoại luôn luôn là một mối đe dọa cho nhóm cầm quyền độc tài hiện nay. Thật vậy, bằng báo chí và các phương tiện truyền thông hiện đại, cộng đồng người Việt nước ngoài có thể phá vỡ sự phong tỏa thông tin của tập đoàn cầm quyền trong nước để thức tỉnh đồng bào và tạo điều kiện vùng lên tranh đấu cho dân chủ tự do khi thời cơ đến. Việt kiều hải ngoại là những ông-ten tiếp nhận và chuyển về nước những tiếng nói tranh đấu cho nhân quyền và dân chủ mà những người ở trong nước không thể phổ biến được vì thiếu tự do báo chí ngôn luận. Với tư cách cá nhân hoặc đoàn thể, người Việt hải ngoại cũng có thể là tiếng nói vận động dư luận thế giới tại diễn đàn các tổ chức quốc tế, Nghị Viện Âu-Châu, Liên Hiệp Quốc và chính phủ các nước dân chủ... ủng hộ cuộc tranh đấu cho tự do dân chủ và lên tiếng phản đối mọi vi phạm nhân quyền của nhà nước Việt Nam.

Đồng bào trong nước đang bị chế độ độc tài che mắt bịt miệng, Việt kiều hải ngoại phải là tiếng nói quả cảm và trung thực lột tẩy mọi gian dối lừa bịp và cương quyết đòi cho bằng được quyền làm người một cách xứng đáng, dân chủ và tự do cho đồng bào Việt Nam. Những người tù cải tạo của chế độ CSVN đang sống ở hải ngoại không nên chờ cho đến khi chế độ này chết rồi mới dám viết hồi ký của mình. Tại sao những người tù cải tạo đã được thả ra và đang sống tại các nước ngoài có đủ điều kiện và tự do lại không có thể hợp nhau thực hiện một tập tài liệu bằng ngoại ngữ có đủ bằng

chứng cụ thể để tố cáo trước công luận thế giới về những vi phạm nhân quyền trong các trại tù Việt cộng? Thiết tưởng đó là một hình thức tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền ở Việt Nam có giá trị gấp trăm lần việc xuống đường biểu tình chống một vài cá nhân treo cờ Việt cộng trước nhà của họ. Cộng đồng người Việt hải ngoại không thể đứng bên lề lịch sử đất nước của mình, nhưng phải tích cực tham gia mọi cuộc tranh đấu cho dân chủ bất kỳ cuộc đấu tranh đến từ đâu. Với những người tranh đấu cho dân chủ vừa được nhà nước phóng thích cho ra nước ngoài như Nguyễn Chí Thiện, Đoàn Viết Hoạt v.v. ai dám nói là hàng ngũ những người Việt Nam lưu vong thiếu người tài đức?

VI. Nguyên ước chung của người Việt Nam:

Chỉ còn mấy tháng nữa toàn thể nhân loại bước vào thế kỷ 21*. Một kỷ nguyên có thể gọi là dân chủ, tự do, dân quyền: Đó là xu thế chung của thời đại tân tiến, của thế giới văn minh. Tiếc thay dân tộc Việt Nam phải đi vào thế kỷ mới với một chế độ độc tài cũ! Người Việt Nam yêu nước thực sự bất cứ sinh sống ở đâu, trong nước cũng như ở hải ngoại, nhất định không đầu hàng trước sự ngoan cố lì lợm của tập đoàn cầm quyền độc tài cộng sản, nhưng cương quyết tranh đấu cho dân chủ tự do vì sự phồn thịnh đất nước và hạnh phúc đồng bào.

Để chấm dứt thảm kịch dân tộc hiện nay: lạc hậu, nghèo nàn, băng hoại và chia rẽ, những người tranh đấu cho dân chủ trong và ngoài nước chỉ có một mục tiêu chung là bằng phương thức đấu tranh bất bạo động để loại trừ hoặc làm sao chuyển biến chế độ độc tài đảng trị hiện giờ thành chế độ dân chủ đích thực. Muốn được như vậy, mọi người Việt Nam không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, đảng phái chính trị ... phải đoàn kết với nhau trong tinh thần hòa giải, hợp tác và trách nhiệm công dân để cùng nhau xây dựng đất nước đem lại ấm no hạnh phúc cho đồng bào. Có như thế thì người Việt Nam mới hết tự ti mặc cảm trước thế giới và hiên ngang hãnh diện bước vào kỷ nguyên mới trong tự do và hòa bình. ●

* Thế-kỷ 21 bắt đầu từ ngày 1.1.2001, không phải năm 2000 (LTS).



nhân được giới-thiệu

KHAI CHÍNH

Tuyển Tập Thơ Văn

Đúng như tựa cuốn sách, đây là tuyển tập thơ và văn của Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ thuộc Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Sách do Ngô Du Trung, Đào Vĩnh Tuấn, Phạm Ngũ Yên và Nguyễn Mạnh An Dân thực hiện, Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ xuất bản lần thứ nhất năm 1999 tại Hoa Kỳ.

Tuyển tập gồm các bài văn và thơ của Hàn Song Tường, Ngô Du Trung, Nguyễn Mạnh An Dân, Phạm Ngũ Yên, Dỵ Sĩ Phạm Nguyên Lương, Phương Khánh, Tam Thanh, Thu Nga, Trần Ngân Tiêu, Trương Sĩ Lương (Nam Giao), Việt Phương, Vĩnh Tuấn, Hà Trang, Đàm Quang Hưng, Nguyễn Văn Sâm, An Phong Nguyễn Văn Diễn, Huỳnh Quang Thế.

Đây là một công trình quý báu của Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa kỳ. Những bài đóng góp đều có giá trị cả về nội dung lẫn hình thức, rất đáng được trân quý trong mọi tủ sách gia đình của người Việt hải ngoại.

Sách dày 372 trang, không đề giá bán. Xin liên lạc: Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ, 10314 Sagebluff Dr. Houston, TX 77089, USA.

Một Cái Nhìn Mới Về Học Thuyết Xã Hội Công Giáo

Đây là Quyển I, tài liệu hướng dẫn nghiên cứu của Herve Carrier, S.J. thuộc Hội Đồng Giáo Hoàng "Công Lý và Hòa Bình", Định Hướng của Tủ Sách Muối Đất chuyển ngữ và xuất bản tại Pháp năm 1999.

Nội dung sách nói về "Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội: Các Nguồn Phát Sinh và Ý Nghĩa Hiện Nay" với các tiết mục: Quan điểm của một định chế có kinh nghiệm, Giáo hội và xã hội: ảnh hưởng hỗ tương, Tình huynh đệ phổ quát: tác động của một ý tưởng, Lần đầu tiên giáo huấn xã hội được xếp thành hệ thống, Giáo hội đối diện với cuộc cách mạng kỹ nghệ, Một tư tưởng xã hội cho thời đại mới, Các tổ chức xã hội công giáo, Khúc ngoặt của Thông điệp Tân Sự, Giáo huấn xã hội sau Rerum Novarum, Lao động, then chốt của vấn đề xã hội, Bảo vệ hòa bình và liên đới trên thế giới, Cần chuyên tâm suy xét, Vấn đề cốt lõi của công cuộc phát triển con người, Ý thức xã hội hiện diện trong mọi lãnh vực, Một ý niệm phong phú hơn về nhân quyền, Dẫn thân vào các lãnh vực xã hội, Một vai trò đặc loại trong lãnh vực xã hội, và Những hình thức mới về hành động và giáo huấn.

Theo như nội dung trên thì Giáo hội Công giáo được xem là một trong những định chế đáng nể trọng nhất qua những nỗ lực dẫn thân hiệu quả và uy tín nhằm cổ võ hòa bình, công lý, nhân quyền, thăng tiến văn hóa và xã hội. Tập tài liệu này cống hiến một cái nhìn mới về học thuyết xã hội của Giáo hội cũng như vai trò mà Giáo hội được giao phó trong thời buổi hiện tại.

Sách dày 72 trang kể cả bìa, không đề giá bán. Địa chỉ liên lạc: Định Hướng Tùng Thư, 13 G rue de l'III, 67116 Reichsett, France.

Hoài Hương

Thi phẩm đầu tay của Mạc Thúy Hồng

Hồng. Ở ngay phần đầu thi tập, tác giả đã tâm tình với các bạn đọc bằng "Vài dòng thơ... thần." Tiếp đó là "Vài dòng cảm nghĩ về tập thơ Hoài Hương" do Phương Triều viết. Duy Phạm phụ trách trình bày; hình bìa và phụ bản của Nguyễn Xuân Tính, Lê Chí Hiếu, và Mạc Thúy Hồng. Sách do Lạc Việt xuất bản năm 1998 tại Hoa Kỳ.

Mạc Thúy Hồng hiện là chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí *Lạc Việt*. Trước năm 1975, ông là đoàn viên Nghiệp đoàn Ký giả Việt Nam tại Saigon.

Thi phẩm *Hoài Hương* gồm hai phần: phần chính và phụ lục. Phần chính gồm 31 bài thơ, hai bài *Nhắc thăm* và *Lối hẹn* được nhạc sĩ Linh Phương phổ thành ca khúc. Phần Phụ Lục gồm các bài thơ của Lê Ngọc, Ngô Phủ, và Phương Triều; thư họa của Vũ Hối; thư của Xuân Vũ và Vinh Hồ; tham luận về "Các khuynh hướng Thi ca Việt Nam Hải Ngoại" của tác giả đọc trong Đại Hội Văn Học Truyền Thông Báo Chí Hải Ngoại; và bài "Góp ý với Giáo sư Đặng Thị Thúy về bài *Tôi Đọc Bài Thơ Vĩnh Biệt Trình Xuyên* của Mạc Thúy Hồng" của Khai Chính Phạm Kim Thư.

Hầu hết các bài thơ trong thi phẩm này đều được làm theo các thể thơ lục bát, cổ phong (thất ngôn, ngũ ngôn), thơ mới 8 chữ, và thơ tự do.

Đặc điểm của thơ Mạc Thúy Hồng là lời thơ hết sức tự nhiên, đầy cảm xúc, âm hưởng, và tiết tấu. Ông bắt đầu làm thơ từ năm 15 tuổi và là thi sĩ trước khi bước chân vào nghề làm báo.

Thi phẩm *Hoài Hương* dày 124 trang, giá 12 mỹ kim, ngoài Hoa kỳ là 16 mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Lạc Việt, P.O. Box 124, Milton, MA. 02186, USA.

Nhân Quyền và Giáo Hội

Đây là tập tài liệu về những suy tư lịch sử và thần học đã được trình bày trong cuộc hội thảo quốc tế do Hội Đồng Giáo Hoàng "Công Lý và Hòa

Bình" tổ chức tại Rôma từ ngày 14 đến 16 tháng 11.1988.

Lời tựa của sách do Hồng Y Etchegaray viết; Định Hướng của Tủ Sách Muối Đất chuyển ngữ và xuất bản tại Pháp, 1999.

Tập tài liệu này gồm sứ điệp của ĐGH Gioan Phaolô II: "Bí Quyết Hòa Bình Chân Thật Là Tôn Trọng Nhân Quyền", diễn văn của ĐGH Gioan Phaolô II, bài nghiên cứu về "Giáo Hội và Nhân Quyền, Một Cái Nhìn Lịch Sử và Viễn Tượng Tương Lai" của Linh Mục J. Joblin S.J., và "Nền Tảng Thần Học và Nhân Quyền" của Giám Mục Walter Kaspar.

Hai bài nghiên cứu của Linh mục J. Joblin và Giám mục Kaspar là hai bài-rường cột trong cuộc hội thảo nói trên về Nhân Quyền, Lịch Sử và Giáo Hội.

Linh mục Joblin đưa ra một khuôn mẫu mà Giáo Hội cần theo đuổi: "Giáo Hội phải trở thành dấu chỉ của khát vọng con người hướng về sự hiệp nhất vượt lên trên các nét dị biệt. Kitô hữu có phận sự diễn tả yêu sách đó trong cuộc sống hằng ngày của mình, không muốn áp đặt quan điểm của mình nhưng từ chối hợp tác với những hành động được đánh giá là đi ngược lại những lợi ích thực sự của con người, dù phải chịu những hệ quả nào đi nữa."

Giám Mục Kaspar cũng đơn cử vài nét về bốn phận của Giáo Hội: "Giáo Hội có bốn phận phải biện minh, giải thích, bảo vệ nhân phẩm và nhân quyền không chỉ bằng lời nói, nhưng hơn nữa còn phải bằng hành động và cuộc sống của mình. Hơn ai hết, Giáo Hội không được làm cho thế giới chúng ta ngày nay phải thất vọng về nỗi khao khát công lý và ước muốn sôi nổi tìm về nhân tính của mình."

Sách dày 126 trang kể cả bìa, không đề giá bán.

Địa chỉ liên lạc: Định Hướng Tùng Thư, 13 G rue de l'Ille, 67116 Reichstett, France.

Gieo tình

Thi tập đầu tay của Vũ Văn Vĩnh,

bút hiệu V3. Đỗ Tiết Nghi phụ trách phần trình bày kỹ thuật, tranh bìa và phụ bản của Duy Hân. Sách do tác giả tự xuất bản, Toronto, Canada, 1999.

Thi tập gồm 84 bài thơ; phần nhiều các bài thơ làm theo thể lục bát và thất ngôn hay ngũ ngôn cổ phong; một số bài thơ tự do (không hạn chế số chữ trong câu); và một bài thơ mới loại tám chữ (*Tình Im Lặng*).

Mặc dầu không nhận là thi sĩ, V3 rất đạt về phương diện cảm xúc, nhạc tính, lập ý, và tu từ trong thơ, chẳng hạn như mấy câu sau đây:

*Chiều nay lạc lõng xứ người,
Xa xăm con mắt, nụ cười héo hon.
Chơ vơ núi dựng một hòn,
Tha hương chắc đã cũng mòn như tôi?*

(*Tha Hương*)

*Đời ta chông chất khổ đau,
Bởi vì không biết thương nhau đấy mà!*

.....
*Trị bệnh chi bằng ngăn ngừa,
Đừng cay độc quá, đừng lừa lọc nhau!*

.....
*Đi đâu tìm kiếm cho xa,
Thiên đàng là chính lòng ta an bình!*

(*Gieo tình*)

Đúng như tác giả thổ lộ: "Lòng chẳng được vui nên thơ tuôn... Tôi chỉ là người đi đổ buồn," thơ V3 quả chứa đựng tình cảm chân thành của các nỗi buồn đích thực, buồn cho thân phận mình:

*Hồn tôi là bãi tha ma,
Nên thân tôi muốn lánh xa dương trần!*

(*Dưới đáy vực đời*)

*Buồn cho người em ở quê nhà:
Áo rách quần thô thay lụa là,
Tóc rối vai gầy, da sạm nắng,
Lòng đã từ lâu im tiếng ca!*

(*Lá thơ quê nhà*)

Và buồn cho đồng bào sống dưới ách cộng sản nơi quê cha đất tổ cũng như buồn cho người Việt sống ở hải ngoại:

*Quê nhà sống với dùi uoi,
Phương xa sống với những người không tìm!*

(*Lời tâm sự*)

Thi tập dày 100 trang kể cả bìa, không đề giá bán.

Địa chỉ liên lạc: Mr. Vũ Văn Vĩnh, 5255 Alicante Street, Mississauga, ON L5V 1T2, Canada.

Thuyền Nhân Không Mộ

Truyện dài của Kiều Thanh Thi, tác giả tự xuất bản.

Theo như tác giả đề ở phần đầu tác phẩm, đây mới là Tập Một và Phần Một của trường thiên tiểu thuyết *Thuyền Nhân Không Mộ*.

Phần này gồm 17 chương viết về cuộc đời của Linh Chi, con gái đầu lòng của một gia đình Thiên Chúa Giáo rất nề nếp và ngoan đạo. Người mẹ là dòng dõi hoàng tộc nhà Nguyễn. Trong những ngày cuối cùng của miền Nam, vì biết chắc Saigon sẽ mất vào tay cộng sản, Bách - người yêu của Linh Chi - đã tìm được phương tiện đi ra nước ngoài bằng máy bay và có thể thu xếp để cho gia đình Linh Chi gồm 7 người cùng đi theo. Nhưng cha mẹ của Linh Chi không chịu rời Sài Gòn vì tin rằng "Saigon không thể nào mất được. Mỹ không bao giờ bỏ rơi miền Nam" và "cùng là đồng hương, cùng huyết thống giống nòi, họ sẽ chẳng làm gì mình". Chính vì thế mà Linh Chi không thể bỏ gia đình để đi theo người yêu. Bắt đầu từ đây, biết bao chuyện đau thương xảy đến cho gia đình Linh Chi và đồng bào miền Nam.

Cái thâm thúy của truyện là tác giả lấy cuộc đời của một cô gái con nhà giáo phải sống dưới chế độ cộng sản để phơi bày cái tội bại của chế độ này. Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã viết "chế độ này, trâu ngựa sống không an" thì nói chi đến con người!

Tác giả Kiều Thanh Thi, với ngòi bút tài tình, đã cho độc giả thấy người dân sống dưới chế độ cộng sản khổ như những con vật. Tất cả chỉ vì miếng ăn, tiền, quà cáp, và thú tính. Đạo đức, tình nghĩa, và nhân tính không còn chỗ đứng.

Sách dày 110 trang, giá 12 mỹ-kim (19GK), liên-lạc Làng Văn. ●



Làm sao biết được!

Ba Búa gọi cảnh-sát, báo rằng bà vợ của anh ta mất-tích.

Vài giờ sau, một cảnh-sát-viên đến nhà ông ta, hỏi thêm chi-tiết:

- Thế tóc bà nhà màu gì?

Ba Búa đáp, xuôi xị:

- Không biết!

Viên cảnh-sát ngạc-nhiên:

- Ông bà ở với nhau bao lâu rồi?

Sao ông lại không biết màu tóc của bà?

Ba Búa:

- Thì bà mất-tích ngay sau khi ra khỏi tiệm uốn tóc. Mỗi lần đi tiệm, bà đổi một màu tóc, làm sao tôi biết được tóc bà màu gì!

Biện-pháp tối hảo

Một bà trẻ đẹp và diêm-dứa tâm-sự cùng bác-sĩ tâm-lý:

- Bác-sĩ ơi, tôi rất khổ sở vì ám-ảnh bị nhòm trộm trong lúc thay quần áo. Mỗi khi cởi quần áo, tôi đều đóng cửa sổ, buông màn kỹ-lưỡng...

Bác-sĩ:

- Thế bà làm sao để khỏi bị nhìn trộm qua lỗ khoá?

Bà kia:

- Thì tôi mở rộng cửa ra để không ai núp bên ngoài được!

Thay đổi

Một ông nhiều sừng tâm-sự với bạn:

- Vợ tôi bắt đầu thay đổi. Nàng

kể hết chuyện này qua chuyện nọ, những đoạn trắng hoa nàng từng làm trong quá-khứ.

Cận nặng

Một bà xí-xọn vào thương-xá chọn quà sinh-nật cho chồng. Vợt tơ-nít, gậy đánh gôn, đồng hồ, quần-áo thể-thao, nhất nhất thứ gì bà cũng kêu "ổng có rồi". Cuối cùng, bà ta tản mẩn lọc lựa mớ gặt tàn thuốc lá, so tới so lui mãi chẳng ưng ý cái nào.

Chợt bà sáng mắt trở một thùng đựng tàn thuốc to tướng đặt trước lối ra vào:

- Kia rồi, lấy cho tôi cái kia!

Cô bán hàng ngạc-nhiên:

- Thưa bà, đó đâu phải cái gặt tàn. Đó là cái thùng đựng tàn thuốc.

Bà khách cười vui-vẻ:

- Không sao đâu! Ông chồng tôi cận nặng lắm! Như vậy ổng mới khỏi gặt tàn thuốc ra nhà.

Chưa phải lúc

Một bà vợ hôn-hở khoe với các bạn chiếc áo lông thú đắt tiền chồng mới mua cho. Các bạn trầm-trồ khen-ngợi. Một bà hỏi:

- Trời! Bờ vời cách nào mà hay thế?

Bà vợ cười đắc thắng:

- "ng không muốn mua cũng không được! Tôi bắt gặp ổng và cô giúp việc ôm nhau hôn đắm-đuối..."

Các bạn:

- Ô!.. Rồi bờ tống cổ con quỉ cái ấy đi chưa?

Bà vợ mỉm cười bí-mật, lắc đầu:

- Chưa! Tôi còn phải đổi cái xe mới cái đã!

Hai khía cạnh, một vấn-đề

Sau tuần trăng mật, cậu quý-tử tâm-sự với bố mẹ:

- Vợ con đã kể hết cho con tất cả quá-khứ của nàng...

Ông bố gật-gù ra vẻ bằng lòng:

- Hay! Con bé như vậy là can-đảm và thành thật.

Bà mẹ thêm:

- ...và còn có cái trí nhớ tuyệt vời nữa!

Ra thế!

Một cậu khoe với bạn:

- Con bờ mới của tao có... bộ lông nách tuyệt đẹp, tuy hơi dài một chút!

Một cậu khác ra vẻ hiểu biết:

- À ra thế! Đó là lý-do tại sao cô ta luôn luôn mặc áo dài tay chứ gì?

Công-phu hàm dưỡng

Một bà vợ kể chuyện cho bác-sĩ tâm-lý nghe:

- Chồng em rất thích món thịt thỏ hầm rượu chất. Lấy nhau mười năm rồi, ngày nào em cũng dọn món đó cho ảnh...

Bác-sĩ tò-mò:

- Thế ông ấy không nói gì sao?

Bà vợ:

- Không. Mỗi khi em dọn lên, ảnh chỉ nhìn vào mâm không nói gì nhưng hai cái tai động đậy liên-hồi.

Để thương

Hai cô gái đứng nhìn một người đàn ông bế đứa con mới sinh:

- Trông kìa, thật dễ thương làm sao, hàm răng trắng đều, thật đẹp!

- ừ nhỉ! Bộ lông mày rậm và bộ râu thật uy-nghi.

- Cả đứa bé ông ta bế cũng dễ thương!

Lười quá!

Trên một công-trường xây-cát, viên giám-thị trông thấy anh công-nhân mới chỉ bê một bao xi-măng trong khi tất cả công-nhân cũ đều bê hai bao.

Viên giám-thị hỏi:

- Anh chỉ bê nổi một bao thôi sao?

Anh công-nhân mới, trả những người khác, phân bua:

- Đâu phải! Ông không nhận ra sao? Chúng nó thật lười quá sức, chẳng đứa nào chịu đi hai lần như

tôi!

Đầu bếp giỏi

Sau tuần trắng mặt trở về, cô dâu mới trở tài nấu nướng. Nhưng cô nói trước:

- Cung ạ, em chỉ biết làm hai món này thôi: tàu hũ kho để ăn với cơm và bánh flan để ăn tráng miệng.

Chú rể mới trăm-trò khen, ném thử mỗi thứ một tí rồi tán:

- Tuyệt cú mèo! Cái nào là tàu hũ kho còn cái nào là bánh flan, cung?

Nhiều tướng quá!

Hai con sư-tử xống chuồng, thoát khỏi sở thú ở thủ-đô Hoa-thịnh-đốn. Mỗi con đi một ngả. Vài tuần sau, chúng tình-cờ gặp lại nhau trong một khu rừng.

Con thứ nhất, gầy-guộc, mệt-mỏi, than:

- Vừa phải trốn lánh vừa kiếm thức ăn, khó quá! Biết vậy, chả trốn!

Con thứ nhì, béo tốt sồn-sơ, trấn-an:

- Đừng lo, cứ theo tao! Tao kiếm được một chỗ ẩn-náu ngon lành trong Pentagon. Mỗi tuần tao xực một ông tướng. Cứ theo đà này thì ít nhất một năm nữa chúng nó mới phát-giác!

Khỏi lo thất-nghiệp

Một nhà ngoại-giao Mỹ khoe:

- Tổng-thống của nước chúng tôi là bậc đại tài với sáng-kiến tạo ra công ăn việc làm.

Nhấn-nha một tí, ông ta tiếp:

- ...Chỉ riêng mỗi cái chuyện "vui vẻ trong phòng giấy" của ông ta thôi cũng giúp hàng ngàn người kiếm tiền ngon lành nhờ viết sách, kể chuyện cười, làm web-site, chế ra sản-phẩm thương-mại, vân vân và vân vân!..

Cẩn thận

Cô gái mới, nói với bạn trai mới

quen:

- Mai anh tới nhà em chơi. Nhà em kia kìa, phòng 5769, lầu 14. Anh ra khỏi thang máy, quẹo mặt, thấy số 5769 thì ấn cùi chỏ vào nút chuông..

Chàng trai hỏi:

- Sao lại dùng cùi chỏ?

Cô gái mở to mắt, ngạc-nhiên:

- Chẳng lẽ... anh đến nhà em mà đi... tay không?

Chua

Một khách trọ bước xuống phòng quản-lý khách-sạn, hỏi:

- Trong khách-sạn có tiệm hoa không?

Nhân-viên:

- Thưa ông không, nhưng ngay bên kia đường, có một tiệm hoa mở cửa tới nửa đêm. Chắc ông cần hoa...

Ông khách:

- Vâng! Để tặng cho cô em trực điện-thoại khách-sạn.

Nhân-viên:

- Ông thật tốt bụng! Cô ấy sẽ cảm-động mà chết được!

Ông khách:

- Ủa! Thế hoá ra cổ còn sống sao? Tôi tưởng cổ chết ngắc rồi chứ, gọi mãi mà chẳng thấy trả lời!

Bột và đàn

Bệnh-nhân:

- Bác-sĩ! Bao giờ thì ông cắt băng bột tay tôi?

Bác-sĩ:

- Ít nhất 6 tuần. Cắt bột xong, ông có thể đánh đàn được rồi?

Bệnh-nhân mừng rỡ:

- Hay quá! Băng bột coi vậy mà hay quá! Tôi chưa bao giờ biết đánh đàn cả!

Tội-nghiệp Shakespeare

Sau khi đọc xong kịch *Julius Caesar*, một sinh-viên phê-bình:

- Cái ông Shakespeare này viết lách chả ra gì! Toàn đi chép lại mấy câu danh-ngôn mà ai nấy đã thuộc lâu!

Kẹo quá!

Một sinh-viên khác:

- Tổ chả hiểu nổi mấy cha nội nhà văn, kẹo ơ là kẹo! Ngồi rì-mọ viết lách làm chi cả năm mới xong một cuốn sách, trong khi chỉ cần bỏ ra năm ba đồng là đã mua ngay được một cuốn!

Chính-khách

Thủ-tướng Winston Churchill khi được hỏi, "khả-năng quan-trọng nhất của chính-khách là gì", đáp rằng:

- Khả-năng quan-trọng nhất của một chính-khách là nhìn thấy và nói trước những gì sẽ xảy ra hôm sau, tuần tới, tháng tới, năm tới... và sau đó, giải-thích tại sao nó đã không xảy ra như đã tiên-đoán.

Trả nhà

Tới hạn giao nhà, bị chủ phố gọi tới hạch hỏi "có làm hư gì không?", "có trầy-trụa tróc sơn chỗ nào không?" và đoạ-nạt bắt đền đủ thứ, Ba Búa quạu, hỏi:

- Ông biết chỗ nào bán gián không? Tôi cần mua chừng 100 con, cùng vài con chuột nhất.

Chủ phố lắc đầu:

- Không. Chi vậy?

Ba Búa:

- Thì trong giao kèo nói rằng chúng tôi phải giao lại nhà đúng y chang như tình-trạng lúc dọn vô!

Lời con trẻ

- Bố ơi! Ông Trời là đàn ông hay đàn bà hả bố?

- Ngài có thể mang hình dạng đàn ông mà cũng có thể mang hình dạng đàn bà.

- Bố ơi! Ông Trời là "gay" hay "lesbian" hả bố?

- Ờ.. Có thể cả hai!

- Vậy thì con biết tên Ngài là gì rồi!

- ?

- Bố ơi! Tên Ngài là Michael Jackson!

LỆ LÀNG

MUA BÁO DÀI HẠN NHANH . RẺ . NHIỀU QUYỀN LỢI KHÁC

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

Báo gửi trong Canada: - một năm 24 số: CA\$105 gia-kim
- hai năm 48 số: CA\$180 gia-kim

Gửi đi Hoa-kỳ: nên mua báo gửi bằng đường bộ
đường bộ: - một năm 24 số: US\$105 (CA\$170 gia-kim)
- hai năm 48 số: 180 mỹ-kim (340 gia-kim)
hàng không: - một năm: US\$140 mỹ-kim (CA\$230 gia-kim)

Các nước khác:
đường thủy: - một năm 24 số: US\$105 (CA\$170 gia-kim)
- hai năm 48 số: 180 mỹ-kim (340 gia-kim)
hàng-không: - một năm 24 số: US\$160 mỹ-kim (CA\$265)

Ghi-chú:

- CA\$: gia-kim, tiền Canada; US\$: mỹ-kim, tiền Mỹ
- Nếu trả bằng chi-phiếu/tiền địa-phương, xin theo giá sau (1 năm):
Anh: đường thủy 70 bảng / hàng-không 100 bảng
Đan-mạch: đường thủy 800 krone / hàng không 1100 krone
Đức: đường thủy 200 đức mã / hàng không 280 đức-mã
Hòa-lan: đường thủy 220 gulden / hàng-không 300 gulden
Na-uy: đường thủy 900 krone / hàng-không 1200 krone
Nhật-bản: đường thủy 14.000 yen/hàng-không 20.000 yen
Pháp: đường thủy 600 quan / hàng-không 850 quan
Úc: đường hàng-không 200 úc kim (130 mỹ-kim)

Độc-giả cư-ngụ tại Canada, Mỹ, Anh và Pháp, xin gửi chi-phiếu cá-nhân (personal cheque) bằng tiền địa-phương về tòa-soạn. Độc-giả tại các nước khác xin gửi ngân-phiếu bằng tiền Mỹ (money-order, mua tại nhà băng) hoặc bưu-phiếu bằng tiền Canada (postal money-order, mua tại bưu-điện).

Độc-giả tại Đức, Na-uy, Hoà-lan có thể gửi chi-phiếu cá-nhân bằng tiền địa-phương, để trả cho các văn-phòng đại-diện sau đây:

Đức:	Na-uy:	Hòa-lan:
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Hồ Thị Chiến
Postfach 104122	Bjorn Bodesvei 153	Lyster 77
44041 Dormund	1253 Oslo	1628 Am-Hoorn-NH

Lưu ý: các văn-phòng đại-diện chỉ nhận chuyển hồ-sơ; không có đủ-kiện để giải-quyết các vấn-đề giao-dịch.

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....số báo; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"LÀNG VĂN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, ON M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....số báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI, VPS, VNU,...). Tòa-soạn dùng chữ Việt chương VNU (và WinWord). Nếu dùng VNI Tân-kỳ, xin vui lòng chuyển sang dạng chữ VNU trước khi gửi.

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, Làng Văn tránh đăng bài trùng. Bài gửi riêng cho Làng Văn, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

5. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên Làng Văn, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên Làng Văn, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách, phát-thanh, và phổ-biến trên băng. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút hoặc tặng sách.

8. Quý đồng-nghiep muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (Làng Văn số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

SÁCH MỚI VỀ

Bổ-túc Thư-Mục 1999 (in trên Làng Văn 174)

**2000 ngày đêm
trần thủ Củ Chi**
tập 7, truyện dài Xuân Vũ
US\$14.00 - CA\$22.00

Ánh mắt
Truyện ngắn,
Trương Anh Thụy
US\$12.00 - CA\$19.00

Bên lề cuộc chiến
Truyện dài,
Ngô Đình Chương
US\$12.00 - CA\$19.00

**Bí-quyết bói bài
theo khoa-học**
Bói toán, Lê Đăng
US\$6.00 - CA\$10.00

Bút khảo về xuân
Tập văn, Lê Văn Lân
Tập I: US\$18.0-CA\$28.5
Tập II: US\$13.0-CA\$20.5

Căn nhà búp bê
Truyện Na Uy của Ibsen
Bạch Liên Trương Kim
Anh dịch
US\$12.00 - CA\$19.00

Câu chuyện của Rampa
Sách tâm linh
Lobsang Rampa,
Trần Viết Anh Thi dịch
US\$15.00 - CA\$24.00

Chân mang giày số 6
Truyện ngắn, Song Thao
US\$10.00 - CA\$16.00

Chuyện đường rừng
Hồi ký, Huỳnh Văn Lang
US\$25.00 - CA\$39.00

**Con gái người gác đèn
biển**
Truyện ngắn, Nguyễn Nhi
US\$15.00 - CA\$24.00

Cô Rơm
Truyện ngắn Trần M. Tú
US\$12.00 - CA\$19.00

Cõi thơ Khánh Hà
Thơ, Khánh Hà
US\$10.00 - CA\$16.00

Công giáo chính sử
Tài liệu Tôn giáo,
Trần Chung Ngọc
US\$18.00 - CA\$28.50

Cùng nhau trôi nổi
Hồi ký,
Phạm thị Quang Ninh
US\$12.00 - CA\$19.00

Dưới bóng tử bi
Hồi ký của 1 người Nga
trên đường đi tìm Phật-
pháp - Thiện Xuân
US\$11.00 - CA\$17.50

Dưỡng sinh y đạo
Hoài Vân Tử
US\$13.00 - CA\$20.40

Đào thoát
Truyện ngắn, Ngự Thuyết
US\$13.00 - CA\$20.50

Để hiểu đàn ông đàn bà
Kiến-thức phổ-thông,
Trần Viết Dương Đại
US\$16.00 - CA\$25.00

Đi Tây
Truyện dài XHCN,
Ngọc-Nga
US\$13.00 - CA\$20.50

Đoạn đường Hố Tắt Liệt
Truyện ngắn Lâm Chương
US\$10.00 - CA\$16.00

Đồng bạc để nái
Truyện dài, Xuân Vũ
US\$12.00 - CA\$19.00

**Giai đoạn mới
trên chiến trường cũ**
Nhận-định thời-sự, chính-
trị - Nguyễn Hữu Nghĩa
US\$10.00 - CA\$16.00

Gió biếc
Truyện ngắn, Lê Minh Hà
US\$10.00 - CA\$16.00

**Hồ Chí Minh tại Trung
quốc**
Tài liệu, Tường Vinh Kính
Thượng Huyền dịch
US\$18.00 - CA\$28.50

Hồi ký viết trên gác bút
Hồi ký,
Nguyễn Thụy Long
US\$13.00 - CA\$20.50

**Làm sao
giữ tình-yêu của chồng**
Kiến-thức phổ-thông,
E. Kauffman, Nguyễn
Hiển Lê
US\$8.00 - CA\$12.50

Luyện lý-trí
Kiến-thức phổ-thông,
Nguyễn Hiến Lê
US\$6.00 - CA\$9.50

Mặc niệm chiến tranh
Truyện ngắn
Trần Hoài Thư
US\$12.00 - CA\$19.00

Mây mù thế kỷ
Nhận định chính trị,
Bùi Tín
US\$18.00 - CA\$28.50

Một dây trâm
Truyện ngắn,
Hoàng Du Thụy
US\$10.00 - CA\$16.00

Một đoá sen hồng
CD ca khúc Phật giáo
Trọng Nghĩa & Mộng Lan
US\$7.00 - CA\$11.00

Mưu trí đàn bà
Truyện dài, Xuân Vũ
US\$14.00 - CA\$22.00

Nghệ thuật làm vợ
Trần Thị Mộng Xuân
US\$10.00 - CA\$16.00

Ngổ trúc
Truyện dài,
Minh Đức Hoài Trinh
US\$15.00 - CA\$24.00

Người chết vẫn sống
Sách tâm linh Harold
Shermann,
Thích Tâm Quang dịch
US\$12.00 - CA\$19.00

Người Trung quốc xấu xí

Tạp văn, Bá Dương,
Nguyễn Hồi Thủ
US\$15.00 - CA\$24.00

Như một vết chim bay
Truyện ngắn Hoàng Nga
US\$12.00 - CA\$19.00

Những bài văn sử
Biên khảo,
Tạ Chí Đại Trường
US\$10.00 - CA\$16.00

Những bậc thầy của tôi
Ký sự, Xuân Vũ
US\$15.00 - CA\$24.00

Những đoá hoa thiên
Truyện thiên Tiêu Vũ
Đồng, Dương Đình Hưng
US\$10.00 CA\$16.00

Những hạt đậu biết nhảy
Truyện ngắn Phật học
Lâm Thanh Huyền, Phạm
Huy dịch
US\$13.00 - CA\$20.00

**Những huyền thoại và sự
thật về chế độ Ngô Đình
Diệm**
Tài liệu, Vĩnh Phúc
US\$22.00 - CA\$35.00

**Những ngày cuối cùng
của Đệ I Cộng-hoà Việt-
nam**
Nhận định,
Ngô Đình Châu
US\$12.00 - CA\$19.00

**Những món ăn quê
hương**
Dạy nấu ăn, Quốc Việt
US\$13.00 - CA\$20.50

**Nói chuyện Tiểu Ngạo
Giang-Hồ**
Thời-đàm,
Phạm Khắc Trung
US\$12.00 - CA\$18.00

Quý ma và học trò
Tạp văn, Huỳnh Văn Phú
US\$12.00 - CA\$19.00

Sao Chúa mãi im
Truyện dài Nhật bản
E. Shusaku, Mặc Tĩnh
dịch
US\$20.00 - CA\$31.00

Sau bức màn tre
Biếm văn, Mỗ Làng Văn

US\$8.00 - CA\$12.50

**Theo chân những tiếng
hát**
Tạp văn, Hồ Trường An
US\$20.00 - CA\$32.00
Thiên đường nhẹ
Truyện ngắn,
Xuân Vũ
US\$15.00 - CA\$24.00]

Thuyền nhân không mộ
Truyện dài,
Kiều Thanh Thi
US\$12.00 - CA\$19.00

Tinh trên cánh gió
Truyện dài
Phan Đình Minh
& Xuân Vũ
US\$18.00 - CA\$28.50

Trong mê cung
Truyện ngắn,
Nguyễn Trung Hối
US\$13.00 - CA\$20.00

**Tuyển tập Bình Nguyên
Lộc**
Truyện ngắn
US\$20.00 - CA\$32.00

**Văn học Miền Nam I, II,
III**
Truyện ngắn của nhiều
tác giả
Võ Phiến sưu-tập và
nhận-xét
mỗi tập:
US\$18.00 - CA\$28.00

Việt Nam một thế kỷ qua
Nhận định,
Nguyễn Tường Bách
US\$16.00 - CA\$25.50

Viết và đọc
Tiểu-luận,
Trần Hữu Thực
US\$13.0 - CA\$20.50

Liên-lạc: LÃNG VĂN
P.O. Box 218 Stn. "U"
Toronto, Ont. M8Z 5P1
Canada

MỖI GIA-ĐÌNH
TỊ-NẠN
MỘT TỦ SÁCH
VIỆT-NAM

Dọn kho: "Sales! Sales!"

Lưu ý: Giá sách in ở trang "Sales" này đã được bớt từ 50% trở lên, không bớt thêm cho độc-giả dài hạn hoặc "phiếu giảm giá"

THU-TỪ, CHI-PHIẾU XIN ĐỀ VÀ GỬI VỀ: LÀNG VĂN

TRUYỆN NGẮN:

Cặp mắt quay lại
Nguyễn Đức Lập
US\$6.00 - CA\$7.00

Chôm Chôm yêu dấu
Trần Diệu Hằng
US\$5.00 - CA\$6.00

Chuông đêm
Ngô Nguyên Dũng
US\$5.00 - CA\$6.00

Cối kỷ ức trắng xanh
Hồ Trường An
US\$6.00 - CA\$7.00

Cơn mưa đầu mùa
Diệu Tân
US\$5.00 - CA\$6.00

Đêm xanh huyền hoặc
Hồ Trường An
US\$7.00 - CA\$9.00

Đôi lá khô
Nguyễn Tư
US\$5.00 - CA\$6.00

Gả thiệp về vườn
Hồ Trường An
US\$9.00 - CA\$12.00

Gia đình Cún
Ngô Nguyên Dũng
US\$6.00 - CA\$7.00

Mùa thu cuối cùng
Hoàng Chính
US\$5.00 - CA\$6.00

Người lính không vũ-khí
Nguyễn Mạnh Ân Dân
US\$6.00 - CA\$7.00

Người về
Diệu Tâm
US\$6.00 - CA\$7.00

Nước mình nước Mỹ
Ngô Du Trung
US\$5.00 - CA\$6.00

Quê hương trong ngân lệ
Thanh Phương
US\$5.00 - CA\$6.00

Tạp chủng
Hồ Trường An
US\$7.00 - CA\$9.00

Tha hương
Ngô Du Trung
US\$5.00 - CA\$6.00

Thơ văn trên đất tuyết
Nhiều tác giả Văn Bút
US\$6.00 - CA\$7.00

Tiếng núi
Ngô Nguyên Dũng
US\$7.00 - CA\$9.00

Trong cơn vật vã
Nhiều tác giả Văn Bút
US\$8.00 - CA\$11.00

Trông vời quê cũ, miền Bắc
US\$6.00 - CA\$7.00

Trông vời quê cũ, miền Trung
US\$6.00 - CA\$7.00

Trông vời quê cũ, miền Nam
US\$6.00 - CA\$7.00

Trước bến Văn Lâu
Việt Phương
US\$5.00 - CA\$6.00

Tuyển tập truyện ngắn Giải VHNT Làng Văn 90
US\$6.00 - CA\$7.00

15 Truyện ngắn Giải VHNT Làng Văn 92
US\$7.00 - CA\$9.00

Xóm cũ
Phạm Thăng
US\$6.00 - CA\$7.00

Xuôi dòng Cửu Long

Phạm Thăng
US\$5.00 - CA\$6.00

Văn Xã I - chủ-đề Xuân
Nhiều tác giả
US\$3.00 - CA\$3.00

Văn Xã III, 14 năm văn học hải ngoại
US\$3.00 - CA\$3.00

Vĩnh biệt tình em
Bùi Tĩnh
US\$5.00 - CA\$6.00

TRUYỆN DÀI:
Câu chuyện của một dân tộc
Nguyễn Hồng Hoà
US\$5.00 - CA\$6.00

Bạn văn
Mai Kim Ngọc
US\$5.00 - CA\$6.00

Đêm
Ngô Nguyên Dũng
US\$3.00 - CA\$4.00

Những sợi sắc không
Túy Hồng
US\$7.00 - CA\$9.00

Bãi gió cồn trắng
Hồ Trường An
US\$9.00 - CA\$12.00

Ngát hương mật ong
Hồ Trường An
US\$9.00 - CA\$12.00

Thạch Kiếm
(kiếm đạo, 4 cuốn)
Tự Tĩnh
US\$30.00 - CA\$40.00

TẠP BÚT, BIỂM VĂN:

Chém đá
Sắc Không
US\$6.00 - CA\$7.00

Đá đổ mồ hôi
Sắc Không
US\$6.00 - CA\$7.00

Đầu làng cuối xóm
Mở Làng Văn
US\$5.00 - CA\$6.00

Ký
Nguyễn Hữu Nghĩa
US\$5.00 - CA\$6.00

Phù Tang tạp lục
Vi An
US\$5.00 - CA\$6.00

Quê hương lưu đầy
Đào Trường Phúc
US\$3.00 CA\$4.00

Tại ngục vịnh Kiều
Hoàng Hải Thủy
US\$6.00 - CA\$7.00

Vui buồn nghề nghiệp
Phạm Thăng, An Khê, Huyền Vũ, Nguyễn Ang Ca, Năm Châu, Thanh Đạm...
US\$8.00 - CA\$10.00

TRUYỆN DỊCH:

Món quà cưới (Canada)
Hong Huy
US\$5.00 CA\$6.00

Bản đàn thôn dã
A. Gide - Mai Kim Ngọc
US\$3.00 - CA\$4.00

BIÊN KHẢO, NHẬN-ĐỊNH:

Dọn đường về nước
Nguyễn Hữu Nghĩa
US\$10.00 - CA\$12.00

Hương sắc quê mình
Lăng Nhân
US\$9.00 - CA\$12.00

Kỷ yếu Văn Bút VNHN

Nhiều tác-giả
US\$5.00 - CA\$6.00

Sự muôn năm cũ
Trần Văn Tích
US\$7.00 - CA\$9.00

Những điểm nóng trên thế giới sau chiến tranh lạnh - Đào Trường Phúc
US\$7.00 - CA\$9.00

Từ Khám Lớn đến Côn Đảo - An Khê
US\$6.00 - CA\$7.00

LINH TINH:

Cỏ bông
Thơ Nguyễn Hữu Nhật
US\$6.00 - CA\$8.00

Cuộc chiến
Thơ Nguyễn Hữu Nhật
US\$6.00 - CA\$8.00

Hồn tôi cũng muốn qua cầu gió bay
Thơ Đắc Trung
US\$3.00 - CA\$4.00

Linh hồn viễn xứ
Thơ Đắc Trung
US\$3.00 - CA\$4.00

Hồng trần - Thơ Cung Vũ
US\$4.00 - CA\$5.00

Nguyệt bạch
Thơ Cung Vũ
US\$5.00 - CA\$6.00

Rụng trái sầu non
Thơ Trần Huy Phương
US\$3.00 - CA\$4.00

Thơ Nguyễn Chí Thiện
US\$4.00 - CA\$5.00

Thơ Tagore
Đỗ Khánh Hoan dịch
US\$5.00 - CA\$6.00

Tóc em dài em cài bông hoa lý
Thơ Lâm Hảo Dũng
US\$3.00 - CA\$4.00

Trên những ngậm ngùi
Thơ Việt Phương
US\$4.00 - CA\$5.00

Trở về - Thơ Kha Huyền
US\$3.00 CA\$4.00



Vũ Văn Vinh, Hương Cảng: Đọc thư em, anh chị rất thông cảm hoàn cảnh khó khăn của em, cũng như phần lớn các em khác ở tuổi em: 25 tuổi, không chấp nhận lệnh nhập ngũ để trở thành bộ đội nên vượt biên, bị bắt vào trại tù tị nạn, lại bị bắt lần nữa vào trại tù thực sự, nhân có vụ xô xát chết người trong trại, bị kết án tù chung thân. Năm nay em 37 tuổi, không có tiền thuê luật sư kháng cáo, chấp nhận kéo dài cuộc sống tù đầy chờ ngày trả về Việt Nam...

Thương các em, nêu hoàn cảnh các em lên đây, mong "lọt vào mắt nâu" của một độc giả nào đó, sẵn phương tiện hay khả năng, có thể giúp em chăng. Chuyện nhân-duyên, biết đâu đã đến lúc em qua cơn đại hạn!

Hiện tại, anh chị chỉ có thể khuyên em: giữ gìn sức khỏe, tập thể-dục, đọc sách để giữ cho thân-thể và tinh-thần lành mạnh; học thêm một hay hai nghề khi có dịp (như em đang học nghề đóng sách bìa cứng); học thêm tiếng Anh, tiếng Quan thoại và Quảng đông.

Tòa soạn gửi tặng các em một số sách. Anh chị vẫn tin rằng sẽ có một ngày rất gần, gặp em trong không khí tự do, ở Bắc Mỹ này, hoặc ở quê nhà. Thân.

Anh Đinh Mạnh Chí, Đức: Đã gửi cho anh đến số 185. Đã nhờ anh Ngô Việt Dũng gửi anh số dư. Nhận được xin cho biết.

Nhà thơ Phan Long Yên, Cali: NH xin kính chúc mừng thượng thọ. Đã nhận được tập bản thảo và bốn chi phiếu. Đã chuyển cho nhà in và sẽ gửi bản in thử ông xem lại lần chót. Kính.

Anh Nguyễn Phước Tường, Sacramento: Ông Bếp đọc thư anh nhắc chuyện du ca Gò Công 1971. NH thì mãi hai năm sau đó mới bắt đầu đi theo ông mập, nên bây giờ mới biết chuyện Gò Công của các anh! Không nghe ông mập kể chuyện ca hát, chỉ nghe nhắc mãi... "măng cầu Gò Công vỏ mỏng, sớ dai, ngon lắm, chỉ phải cái tội hơi mặn!" (hoá ra ông này đạo... thực!)

Bếp gửi lời góp vui với cảnh sát đặc biệt Gò Công Nguyễn Thế Hùng hát hay như Cao Thái, hiện ở Houston và trở thành tài tử phim Mỹ (Henry Nguyen) và là bố của Elvis John (thanh niên VN dự giải hoá trang / hát như Elvis Presley, được vào chung kết).

Cảm ơn anh gửi cho tập sách ảnh đẹp và giá trị. Lần triển lãm tới, nếu có dịp, Bếp và NH sẽ tìm đến xem và gặp quý anh chị.

Nhân tiện xin anh cho hỏi thăm: "Dr. Hoang Gia Hung" trong danh sách bảo trợ viên của cuộc triển lãm là "Hoàng Gia Hưng" hay "Hoàng Gia Hùng" của anh em du ca ngày trước? Kính.

Ông Nguyễn Xuân Hiên, Hoà Lan: Đã nhận được bài mới rất công

phu và giá trị của ông, cùng đĩa chữ. Xin đa tạ.

Thảo Chi, San Jose: Đã nhận được chi phiếu thứ hai, cảm ơn Thảo Chi. Nhớ gửi gấp ảnh và băng cassette thu buổi ra mắt tập thơ. Chúc thành công và vui vẻ. Thân.

Anh Nguyễn Văn Thông, Boston: Đã nhận được ảnh Cường. Rất vui. Cảm ơn anh về mọi sự.

Anh Nguyễn Văn Cường, Na Uy: Đã "gôm" giùm anh. Không biết lỗi từ đâu (vì không giữ bản thảo) nên chỉ cáo lỗi chung chung cùng quý độc giả. Thân.

Ông Đào Đức Chương, San Jose: Khoá hợp đầu tháng 7 dời lại. Cái hẹn gặp nhau "mùng ngày quốc khánh... Mỹ" đành khất lại! Cảm ơn ông về tám chi phiếu ủng hộ tinh thần. Kính.

Anh Lê Quang Xuân, Montréal: Đã nhận được hai ảnh mới, trong đó có "Sương sớm", được chọn triển lãm quốc tế tại Mỹ năm 1998. Cảm ơn anh.

Anh Nguyễn Tư, Úc: Tình hình phát hành sách ngày càng kém. Đề nghị anh in ngay tại Úc, LV sẽ giúp anh quảng cáo và "tiếp thị".

Ông Tăng Khánh Đán, PA: Tòa soạn đã gửi thư riêng về việc sách. Kính.

Hoàng Nga, Đức: Đã nhận được bản sao *Mộng đời trôi nổi*. Cảm ơn Nga.

Vẫn nghĩ tới việc in sách cho người này người nọ. Nhưng cái khó nó bó cái khôn. Tỷ lệ của LV đặt ra là 3-5-2: 3 cuốn "chạy" kéo 2 cuốn "không chạy"; 5 cuốn giữa là loại trung-bình, tự nó nuôi được nó. Vậy mà vẫn tính sai hoai. Cái cuốn mình định sẽ làm "anh nuôi" cho các cuốn khác thì nó cứ nằm ì ra đó, đợi người khác nuôi giùm! Vậy là "vỡ kế

hoạch”!

Chắc Hoàng Nga đang thắc mắc: sách của mình thuộc nhóm nào? Nói khẽ, nghe riêng, nhé: nhóm giữa. Vui hay buồn đây? Thân.

Anh Phan Thịnh, San Jose: Đọc thư dài, đánh máy tươm tất, ý tứ rành mạch, cũng vui. Vui như có mặt khắp nơi, nhìn được, cảm được nhiều thứ. Thân.

Nhà văn Sơn Tùng, DC: Cảm ơn về tấm hình “chúng mình bốn đứa.” Chúc mừng cháu Bằng vừa xong Cao học. Nhìn cháu đội mũ đen, trông giống hệt thầy cái Minh Ngọc bốn mươi năm trước. Bà giáo Loan dạo này phượng phi hơn và vẫn đẹp gái như dạo nào. Cháu Tâm thì NH mới trông kỹ lần đầu, chưa có ý niệm cũ để so sánh. Thân.

Anh Ngy Thanh, TX: Đã chuyển thư anh cho tác giả bài báo ấy để tham khảo. Cảm ơn anh đã gửi cho bức ảnh và cuốn băng hình tài liệu. Rất quý. Thân.

Bà Việt Liễu, Pháp: Theo chỗ NH biết, gọi là “trà xanh” vì nước trà khi pha màu xanh. Trà xanh là trà mộc, chỉ sấy khô, không ủ lên men. Bà có thể mua tại các hiệu chuyên bán trà, tìm loại “green tea / thé vert”. Đã gửi sách. Kính.

Ông Võ Tử Đản, CA: Đã nhận được chi phiếu, cảm ơn ông. Kính chúc Mặt Trận Quân Dân Chống Cộng thành công trong mọi công tác. Kính.

Phan Minh Tú, Romainville: Lỗi trùng bài kỳ rồi là của chị. Ông Bếp buồn ngủ tất nhiên có dự phần, đưa gì đăng nấy, chẳng bao giờ có ý kiến ý cò gì cả. Đồng ý, phải phạt ông ta ...gấp đôi! Các số 9, 20, 30 đã hết hẳn, phải đợi bản copy. Thân.

Hoạ sĩ Phạm Thăng, Calgary: Xin ông cho biết số điện thoại mới để liên lạc. Tòa soạn cần 10 cuốn

CHÚC MỪNG

Nhận được tin vui, các bà Nguyễn Thị My và Nguyễn Thị Minh ở Hoa-kỳ, sẽ thay mặt bố mẹ, làm lễ thành hôn cho em trai là

Nhà thơ NGUYỄN ĐĂNG TUẤN

đẹp duyên cùng cô

PHẠM THỊ XUÂN MỸ

thứ nữ của quả-phụ Nguyễn Thị Thoan ở Bethlehem, PA, Hoa-kỳ; hôn lễ cử hành ngày 14 tháng 8 năm 1999 tại Philadelphia, Hoa-kỳ;

Kính chúc mừng hai đại gia-đình, thân ái đôi tân-nhân tuấn-mỹ hạnh-phúc bên nhau trọn đời.

Gia-đình Vũ Hối

Gia-đình Trần Hoài Thu

Gia-đình Nguyễn Xuân Hoàng

Gia-đình Lê Mai Linh

Gia-đình Quan Dương

Gia-đình Lê Việt Diệu

Gia-đình Phan Xuân Sinh

Nguyễn Bá Dĩnh & Thuỷ Trang

Đông Nghi

Gia-đình Trần Trung Đạo

Gia-đình Tâm Huy & Lộc Quy

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

Tiền tẹ VN, xin ông gửi cho. Kính.

Nhà thơ Vạn Lam, Montréal: Đã nhận được chi phiếu. Xin cảm ơn ông về bài thơ, viết về người bạn lỡ bước. “Lỡ bước” thì quay bước! Cái khó là ở tuệ nhãn. Đã có tuệ nhãn, tất phải hiểu nên đi về đâu và can đảm hồi đầu! Kính.

Ông Phạm Văn Nhuận, TX: Ông

dùng máy “dưới 100 MHz, do các cháu cho” thì cũng như NH, dùng “Pentium 75”, do ông Bếp “quăng ra”! Xin ông copy bài vào đĩa nhỏ, gửi về toà soạn. Đa tạ.

Ông Chu Bạch Đức, CA: Đã đăng mẫu nhấn tin. Chúc ông may mắn.

Phước Tường, Thái Lan: Sẽ gửi

báo cho em. Cảm ơn em về chuyện cười. Chuyện này khá phổ thông và in sách Cười rồi.

Trần Trúc Quyên, AZ: Sẽ gửi báo cho các bạn. Nếu có thể, xin giới thiệu một tiệm Việt Nam trong vùng. LV sẽ thử gửi báo để bán.

Ông Nguyễn Đức Thiệu, Áo: Đã gửi Thư mục 1999 cho ông. Xin theo dõi trang chỉ dẫn về việc mua sách. Kính.

Ông Vương Vĩnh Thịnh, Denver: Bên rặng Tuyết Sơn không hẳn là hồi ký nhưng cũng không phải là tiểu thuyết, kể lại cuộc đời tìm đạo của một thanh niên Ấn. Tác giả là Swami Amar Jyoti, xuất thân từ một gia đình giàu có, xuất sắc về toán và khoa học nhưng bỏ tất cả để tìm đạo. Ông tu nhập thất trên rặng Tuyết Sơn

suốt 12 năm.

Những bí mật trên dãy Hi Mã Lạp Sơn hoàn toàn khác, viết về những phương pháp tu hành hoặc những chuyện "bí mật" trên dãy Hi Mã Lạp Sơn. Có vẻ như đây là một cuốn sách dịch nhưng không đề nguyên tác, chỉ có tên tác giả là Thịnh Quang. Kính.

Anh Lê Hoàng Văn, Thái Lan: Cảm ơn anh về cái truyện. Toà soạn xin gửi anh một ít sách báo để đọc trong những ngày bị giam cầm.

Cô Ngọc An, CA: Đã nhận được bài thơ, xin tiếp tục gửi. Cho NH gửi lời cảm ơn cụ Hà Thượng Nhân đã có lòng giới thiệu.

Ông Phan Nguyễn Minh Minh, Pháp: Ông gửi đĩa chữ đã chuyển sang VNU là được, không cần bản

in. Bài qua E-mail cũng xin viết bằng VNU. Kính.

Anh Nguyễn Ước, Toronto: Cảm ơn anh về các cuốn sách. Đã giới thiệu trên *Giờ Văn Học Nghệ Thuật* (kỳ 9, ngày 28.6.1999). Chúc anh viết đều.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Nguyễn Xuân Hiến, Phan Thịnh, Thuý Sơn.

Thơ: Vạn Lam, Phan Long Yên (2), Thảo Chi (2), Thuý Sơn, Ngọc An (2), Tuỳ Anh (3), Hồ Bá Tam Việt Liễu (4), Trần Văn Lệ (4), Nguyễn Tư (17), Nguyễn Văn Cường (3).

Ảnh: Lê Quang Xuân.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Tập quán ăn nếp (NXH), Xóm HỒ (PT).

Thơ: Ký cố hữu (VL), Quanh hieu, Thôi đừng giải nghĩa (TC), Những sợi tóc đau thương (PLY), Văn nhật (TS), Em về từ chốn nhiều mưa (NA), Một mai về với núi rừng, Đủ ấm thương yêu (TA), Ngơ ngẩn, Băn khoăn (HBTVL), Một bài thơ như thế (TVL), Lời thăm, Mùa thu bên khung cửa sổ, Đỗ lòng, Cửa riêng một thời, Vết tình (NT).

Ảnh: Sương sớm, Lan (LQX)

nhắn tin tị nạn

Mẹ là **Trần Thị Mai** ở thị-xã Tam-kỳ, tỉnh Quảng nam - Đà nẵng, cùng hai con **Bạch Đăng Khoa** (sinh 1977) **Bạch Dạ Thảo** (sinh 1979). Ba đang định-cư tại Mỹ. Mẹ và các con xin liên-lạc về: **Chu Bạch Đức**, 3195 White Circle, Marina, CA 93933, USA. ĐT: (831) 883-0422.

CHÚC MỪNG

Nhận được tin vui, anh chị **VŨ VĂN BẢY & KIM HỒNG** (Toronto, Canada) làm lễ thành hôn cho trường nam là

VŨ CAO NHÃ

đẹp duyên cùng cô

NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO

thứ nữ của quả-phụ Nguyễn Thị Phương (Toronto, Canada); hôn lễ cử hành ngày 14 tháng 8 năm 1999 tại Toronto, Canada.

Kính chúc mừng hai họ, thân ái chúc các cháu Nhã-Thảo hạnh-phúc bên nhau trọn đời.

Gia-đình Nguyễn Văn Lâm

Gia-đình Vũ Văn Dũng

Gia-đình Trịnh Quốc Toàn

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn,

Nữ-sĩ QUỲ HƯƠNG khuê-danh ĐÀO THỊ QUỲ

Cố-vấn Ban Chấp-hành Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại

đã qua đời tại Houston, Texas (Hoa-kỳ) ngày 21.6.1999 hưởng thọ 84 tuổi.

Xin thành-kính phân ưu cùng quý tang-quyển; cầu chúc hương linh cụ bà sớm về nơi an nghỉ đời đời.

Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại

Trung-tâm Văn Bút Nam Hoa-kỳ

Tạp-chí Làng Văn, Canada

Nữ-sĩ Trùng Quang và gia-đình

Nữ-sĩ Đình Việt Liên và gia-đình

Ông bà Hà Thượng Nhân

Ông bà Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Thị Vinh

Gia-đình Đan Quế

Nữ-sĩ Thu Nga và gia-đình

Nữ-sĩ Vân Nương và gia-đình

Nữ-sĩ Uyển Hương và gia-đình

Nữ-sĩ Tuệ Nga và gia-đình

Nữ-sĩ Cao Mỹ Nhân và gia-đình

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa



Nguyễn Ước biên dịch

Trọn bộ 100 CND\$ - 65 US\$

Mua trực tiếp theo địa chỉ

40 Tyndall Ave, #109

Toronto, Ont, Canada M6K 2E4

ĐT: (416) 538-2609

được bớt 40%

●Bộ sách phong phú nhất về Krishnamurti. Đầy đủ tài liệu, đối chiếu và chú thích của người biên dịch. Dày khoảng 1.600 trang, 50 trang hình ảnh. Nxb Nguồn Sống, Toronto, Canada.

●ĐỜI KHÔNG TÂM ĐIỂM và DÒNG SÔNG THANH TẮY viết về cuộc đời và lời giảng của Krishnamurti. Viết theo thể loại tiểu sử, đậm tính văn học. Gồm những sự kiện cảm động và chuyển biến bí nhiệm trong đời K cùng nhiều chủ đề về tôn giáo, khoa học, triết học, nghệ thuật, võ thuật, quán tưởng... Tổng hợp các văn bản mới nhất và đầy đủ nhất của P. Jayakar, M. Lutyens, Evelyne Blau và những người 'trong cuộc' với K cùng các Cơ sở Krishnamurti khắp thế giới. Đặc biệt, gần 300 trang đối thoại, phản bác và nhìn Krishnamurti của A. Govinda, D. Bohm, B. Griffiths, E. Schallert, Wapola Rahula, Renée Weber, Samdhong Rinpoche, Radha Rajagopal Sloss, Van Morrison, L. Stokovski, H. Knothe, Lý Tiểu Long...

●KRISHNAMURTI TINH YẾU tuyển dịch từ nguyên bản tiếng Anh những bài giảng quan trọng nhất trong hơn 60 năm rao giảng của K, kể cả một số văn bản chưa được công bố. Sách đề cập mọi vấn đề đời sống hằng ngày, các đề tài đạo học và tôn giáo, tu trì và thể tục, khổ não và hạnh phúc, nô lệ và giải thoát, thức ngộ và cứu độ... Do Cơ sở Krishnamurti Hoa kỳ biên tập và xuất bản năm 1996.

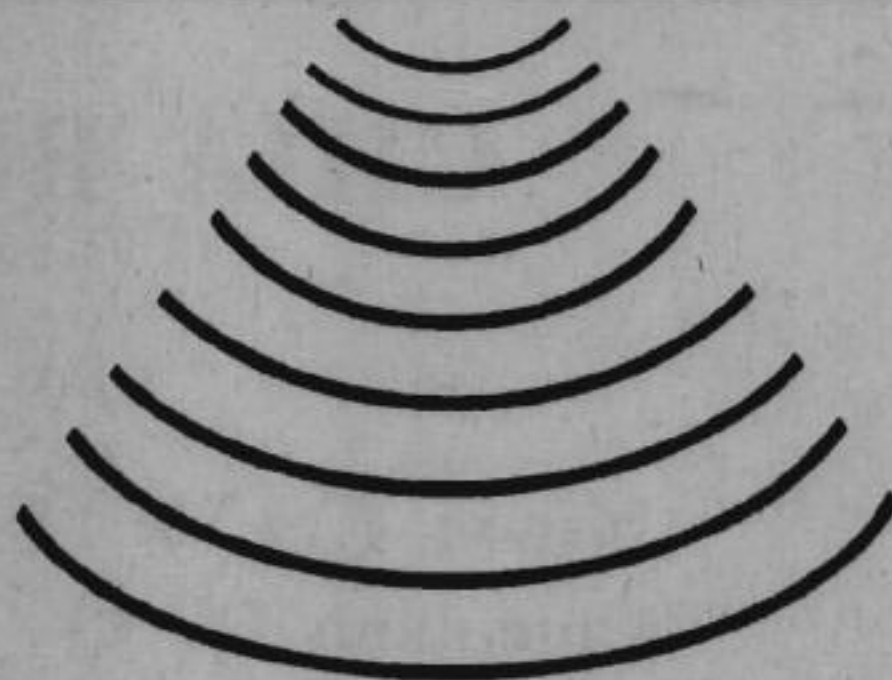
●Trọn bộ lấp lánh Nguyên lý Tối thượng của Ấn giáo, Chân như của Phật giáo, Thần khí Thánh linh của Thiên Chúa giáo, Thái Cực của Khổng Nho, Đạo của Lão, Trang.

●Hành văn trong sáng, chân tình và đầy thi vị, đưa được tinh hoa đạo học, cái bản thể của mọi sự, vào trong đời thường.

●Khi đọc bộ sách này, cuộc đời bạn không còn như cũ.

●Một bộ sách không thể thiếu trong tủ sách của bạn.

24/24
phát thanh



V
P
R

ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM HẢI NGOẠI

V I E T N A M E S E P U B L I C R A D I O

Đang Phát-Thanh:

**Washington DC
Atlanta
Dallas
New Orleans
Baton Rouge
Portland
Philadelphia**

**Maryland
Virginia
Austin
Tampa
St. Petersburg
Boston**

Sẽ Phát-Thanh:

**Jacksonville
San Diego
Toronto
Montreal
Vancouver**

TIN TỨC

Sưu Tầm Tài Liệu

Học Hỏi

diễn đàn

Thơ Văn

âm nhạc

*Chúng tôi sẵn sàng trực tiếp phát thanh
đến địa phương của quý vị*

*Tiếp vận
các đài*

Xin vui lòng liên-lạc:

tel (703) 533-0011 toll-free 1-888-264-1528

fax (703) 533-0111 email VPR@erols.com

900 South Washington St, Suite 302
Falls Church, VA 22046, USA

VOA

BBC

Á CHÂU
TỰ DO



REDUCED

Get our lowest
international rates ever!

Vietnam **\$1²⁹**
a minute

With THE MOST™ international savings plan:

- Enjoy new, low international rates to over 240 destinations for only \$4.95 a month
- Call to anywhere in Canada for 15¢ a minute
- Call to anywhere in the U.S. for 22¢ a minute
- Call when you want – any day, any time

Save even more with By-The-Second Billing and FREE Short Calls!

After the first minute, you pay by the second; and calls 10 seconds or less are FREE*. *The savings can really add up!*

Australia	\$0.33 a minute
France	\$0.26 a minute
Taiwan	\$0.41 a minute
United Kingdom	\$0.14 a minute

Call for more low international rates.

Switch to Sprint Canada today!
1-800-456-9885

24 hours a day, 7 days a week
www.sprintcanada.ca



*Get an answering machine or a wrong number and hang up within 10 seconds, and you don't get charged. Rates applicable to serviceable areas only.
™, ®: Sprint Canada, THE MOST, and the Sprint Canada logo are trade-marks of Sprint Communications L.P., used under licence by Sprint Canada Inc.,
© Sprint Canada Inc., 1999. Sprint Canada services are subject to the General Terms of Service, available on request or at www.sprintcanada.ca

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Hoà thượng Thích Tâm Châu
- Quý Đại Đức Tăng Ni và ban Hộ Niệm Tổ đình Từ Quang, Montréal
- Quý vị ban Trị Sự và ban Hộ Niệm chùa Liên Hoa, Brossard
- Quý bằng hữu và quyến thuộc gần xa

đã điện thoại, thăm viếng, tụng niệm, cầu siêu, phân ưu, phúng điệu, và tiễn đưa linh cữu của chồng, cha, ông của chúng tôi là:

Ông NGUYỄN TRỌNG DUYÊN Pháp danh TUỆ GIÁC

Tạ thế ngày 1.6.1999 (nhằm ngày 18 tháng 4 năm Kỷ Mão), hưởng thọ 70 tuổi

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ sót, kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

TANG GIA ĐỒNG BÁI TẠ

- Vợ: Bà Quả phụ Nguyễn Trọng Duyên
- Trưởng nam: Nguyễn Hải Bằng, vợ Nguyễn Kim Chi và các con
- Trưởng nữ: Nguyễn Mộng Thuý, chồng Trương Quyên và các con.
- Thứ nam: Nguyễn Hải Hạc, vợ Cổ Thanh Ngọc và con.
- Thứ nam: Nguyễn Hải Hoàng, vợ Huỳnh Thị Thanh Tước và các con
- Thứ nữ: Nguyễn Uyển Phượng, chồng Nguyễn Vạn Thắng và các con
- Thứ nữ: Nguyễn Diễm Quyên, chồng Nguyễn Hữu Khuê và các con.
- Đích tôn: Nguyễn Thiên Bảo

Theo di huấn, tất cả tiền phúng điệu được chuyển tặng cho
Société Canadienne du Cancer, Unicef,
chùa Liên Hoa và Tổ đình Từ Quang.

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Hoà thượng Thích Tâm Châu
- Quý Đại Đức Tăng Ni và ban Hộ Niệm Tổ đình Từ Quang, Montréal
- Quý vị ban Trị Sự và ban Hộ Niệm chùa Liên Hoa, Brossard
- Quý bằng hữu và quyến thuộc gần xa

đã điện thoại, thăm viếng, tụng niệm, cầu siêu, phân ưu, phúng điệu, và tiền đưa linh cữu của mẹ, bà, cô, bác, chị, em của chúng tôi là:

Bà Quả phụ NGUYỄN TRỌNG DUYÊN
Khuê danh NGÔ THỊ BĂNG TÂM
Pháp danh DIỆU TỊNH

Tạ thế ngày 18.6.1999 (nhằm ngày 5 tháng 5 năm Kỷ Mão), hưởng thọ 67 tuổi, đến nơi an nghỉ cuối cùng tại Nghĩa trang Notre Dame des Neiges.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ sót, kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

TANG GIA ĐỒNG BẢI TẠ

- Trưởng nam: Nguyễn Hải Bằng, vợ Nguyễn Kim Chi và các con
- Trưởng nữ: Nguyễn Mộng Thuý, chồng Trương Quyên và các con.
- Thứ nam: Nguyễn Hải Hạc, vợ Cổ Thanh Ngọc và con.
- Thứ nam: Nguyễn Hải Hoàng, vợ Huỳnh Thị Thanh Tước và các con
- Thứ nữ: Nguyễn Uyển Phượng, chồng Nguyễn Vạn Thắng và các con
- Thứ nữ: Nguyễn Diễm Quyên, chồng Nguyễn Hữu Khuê và các con.
- Đích tôn: Nguyễn Thiên Bảo

Theo di huấn, tất cả tiền phúng điệu được chuyển tặng cho
Société Canadienne du Cancer, Unicef,
chùa Liên Hoa và Tổ đình Từ Quang.

Phòng Nha-khoa Scarborough và vùng phụ-cận

Nha-sĩ

VŨ HOÀNG HẢI, D.D.S.
LÊ HOÀNG OANH, D.D.S.
NGUYỄN MINH VIỆT, H.B.Sc.,
D.M.D.

Kennedy	* Địa-điểm thuận-lợi * Parking miễn phí
	2347 ● Sheppard
	Hwy 401

NHA-KHOA TỔNG-QUÁT VÀ THẨM-MỸ

2347 Kennedy Rd., Suite 300

(góc đường Sheppard và Kennedy)

Scarborough, Ontario, M1T 3T8

Tel: (416) 754-4584

Xin vui lòng điện-thoại lấy hẹn trước



HomeLife Realty Centre Corp.

2579 Hurontario St., Mississauga, Ont., L5A 2G4



Steven
KIEN TRONG DAO
Sales Representative
(Đào Trọng Kiên)

Bus: (905) 279-8300

Fax: (905) 279-5344

Res: (905) 566-5234

Pager 24/24 qua văn-phòng

Chuyên môn phát triển bất động sản

Nhà Đất Cơ Sở Thương Mại ...

trong vùng Greater Toronto Area và vùng lân cận

- * Phục vụ tận tâm, uy tín, đúng đắn, tín nhiệm.
- * Theo dõi thị trường, định giá chính xác.
- * Giúp đỡ định giá, trả giá và hoàn tất thủ tục.
- * Giới thiệu tìm vay mortgage dễ dàng.
- * Giới thiệu Luật sư uy tín tận tâm



Nhà in của người Việt-Nam

SILVER
PRINTING
INC.

1545 Dupont St., Toronto, Ont. M6P 3S5

Tel: (416) 539-8113 - Fax: (416) 539-0442

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding),
đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bướm-bướm quảng-cáo



Nhận đánh máy, trình bày
sách vở, báo chí bằng computer
chữ Việt, Anh, Pháp

Xin gọi: cô Trang (416) 539-0442 Chủ-nhật: (905) 625-9194

NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN
TÍN NHIỆM NHẤT

Thế Giới Mới

PHÁT HÀNH 2 TUẦN MỘT LẦN VÀO NGÀY THỨ SÁU (817) 265-6356
 Vietnamese Bi-Weekly Magazine P. O. Box 121212 Arlington, TX 76012

Bán-nguyệt-san Văn-hoá, Thông-tin, Thương-mại
 của Trương Sĩ Lương và Diệp Thực
 với sự cộng-tác của:

Ngọc Anh, Nguyệt Ánh,

Cô Bảy, Cô Diệu, Phượng Khánh, Hoàng Liên,
 Phạm Nguyên Lương, Trường sơn Lê Xuân Nhị,
 Tống Minh Long Quân, Đoàn Văn Thông,
 Trần Ngân Tiêu, Phạm Trần, Hà Nhân Văn,
 Ngô Tịnh Yên, Nguyễn Mạnh An Dân,
 Lê Mai Linh, Lê Phát Minh, Đào Trường Phúc,
 Lê Thành Quang, Đàm Trung Pháp,
 Tạ Quốc Tuấn, Bách Việt

cùng nhiều cây bút tên tuổi và có lập-trường
 tại hải-ngoại

Giá báo dài hạn

(một năm 26 số):

- Tại Hoa-kỳ: 65 mỹ-kim
- Các nước khác: 105 mỹ-kim

Chi-phiếu trả cho:

Thế Giới Mới

P.O. Box 121212 Arlington, TX 76012, USA

BOSTON, MA . BOSTON, MA . BOSTON, MA

East Coast Center for Plastic & Laser Surgery S.M.

72 Kneeland Street, Suite 603, Boston, Massachusetts 02111

Tel: (617) 350-5355 - Fax: (617) 451-2667

Toll Free: (800) NGOC MAI / (800) 646-2624



- **GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ:** Mắt, Mũi, Ngực, Bụng, Mặt
- Tia laser: trị nám, bớt nám bẩm sinh, vết xăm
- Các loại mỹ-phẩm

* **ĐẶC BIỆT:** Bác sĩ chuyên khoa đường Tiểu và đường Sinh-dục đang phục-vụ tại nhiều bệnh viện danh tiếng vùng Boston và giảng dạy tại Đại-học Y-khoa Harvard.

● **DỊCH VỤ CHO QUÝ ÔNG:**

- Triệt sản
- Cắt da qui đầu
- Liệt dương
- Không thể có con
- Prostate hoặc đường tiểu có trở-ngại

● **DỊCH VỤ CHO QUÍ BÀ:**

- đái són

ĐIỀU-TRỊ BẰNG TIA LASER HOẶC GIẢI-PHẪU

INSURANCE-BẢO HIỂM NGUYỆT NGÀ LANG

1391 Dorchester Avenue, Dorchester, MA 02122

- * Xe
- * Nhân thọ
- * Nhà
- * Sức khỏe
- * Cơ-sở thương-mại

- * Thị-thực miễn-phí
- * Lấy bằng số miễn phí

NGUYỆT NGÀ LANG

hân-hạnh phục vụ đồng hương
với phương-châm

UY TÍN - TẬN TÂM - KÍN ĐÁO

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai đến Thứ Sáu
9g sáng đến 6g chiều
Thứ Bảy:
10g sáng đến 1g trưa

XIN LƯU Ý:

Tại văn phòng
có sách tu thiền
và
thực-phẩm chay

Phone: (617) 436-1994 * Fax: (617) 436-95

Báo Trào Phúng

Tin Tức

Song ngữ Việt Pháp

email : tintuc@club-internet.fr

Tị nạn Cộng Sản, Trần Trường lại treo cờ VC và ảnh Hồ Chí Minh. Ba vạn người biểu tình phản đối



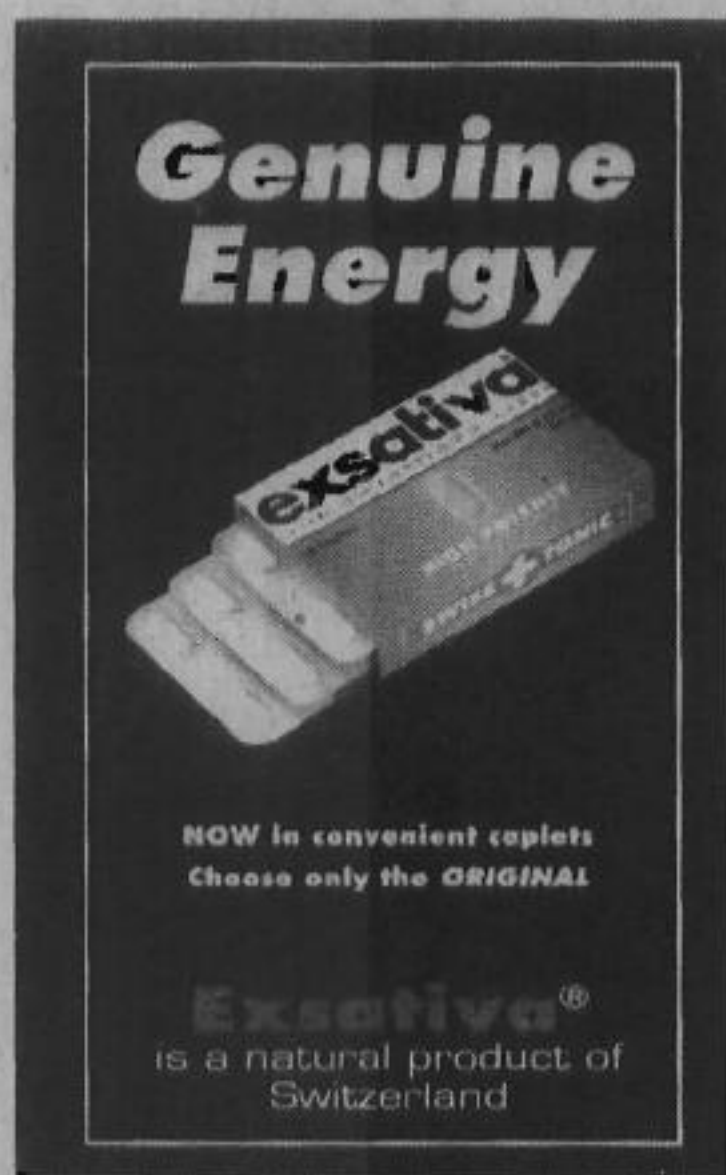
Le Canard enchaîné, tuần báo trào phúng nổi tiếng nhất thế giới, tờ báo lớn **Le Monde** và nhiều báo chí Việt và Pháp đã từng trích Scoop của Tin Tức : nguyệt san song ngữ Việt-Pháp nhiều độc giả nhất Âu châu
Mua dài hạn : ■ 30 US dollars/1 năm

Tin Tức, 67 rue Saint Jacques 75005 Paris France

Phone : 33 1 69 81 75 81 Fax : 33 1 69 53 03 41

TIN QUAN TRỌNG

BỊ CHÊ BAI, BUỒN CHÁN MẶC CẢM VÌ...



Yếu sinh lý, tinh xuất mau, không bền bỉ, "xìu xìu ỉn ỉn" không làm hài lòng bà xã hay người yêu của mình. Hạnh phúc gia đình rạn nứt, người yêu hững hờ...

Đừng buồn lo! Đã có thuốc **High Potency EXSATIVA** của Thụy Sĩ. **EXSATIVA** đã quen thuộc bên Âu châu nhiều chục năm qua, hàng triệu người dùng đều công nhận sự hiệu nghiệm và an toàn. Thích hợp với mọi lứa tuổi. Thuốc **High Potency EXSATIVA** đã được giới thiệu trên đài CNN Prime News, trong Talk Show của Geraldo Rivera, trên báo chí Hoa kỳ và Âu châu nhiều lần (**EXSATIVA** is clinically tested; It has been featured on The Geraldo Rivera talk show, CNN Prime News and others National T.V. networks and has made headline in National Newspapers).

Chữa trị: Yếu sinh lý, tinh xuất mau, không bền bỉ, bất lực, liệt dương, lạnh nhạt chuyện tình dục. Không còn cảm giác thú vị trong lúc ái ân. **EXSATIVA** sẽ tái tạo phục hồi năng lực đàn ông (Man's Power). Tăng cường khả năng sinh lý. Tìm lại được ý nghĩa cuộc sống. Bảo vệ được hạnh phúc gia đình. Giữ giữ được người yêu. **EXSATIVA** rất an toàn, không sợ độc hại hoặc phản ứng gì về sau (no side effects).

Muốn tăng thêm hiệu-quả,

*nên uống **EXATIVA** cùng với **YOHIMBE***

(Yohimbe có khả năng làm tăng trưởng các bắp thịt, giãn nở các mạch máu, nhất là các mạch máu nơi dương-vật, giúp sự cương cứng mau chóng và bền-bỉ).

hũ 100 viên giá \$39.00 + EXATIVA 1 hộp \$33.64 - 2 thứ: \$72.00

Các nơi ngoài Hoa-kỳ xin gửi \$75 mỹ-kim 2 thứ.

THUỐC TRI DỨT NGAY RỤNG TÓC VÀ MỌC TÓC RẤT HIỆU NGHIỆM:

Quý Ông Bà, Quý Bạn: tóc bị Gầu, Ngứa, da đầu có vảy nến (Sporiosis), mỗi lần gãi đầu móng tay đầy chất như cám, sáng chải đầu tóc bị rụng; tóc thưa, cứng, giòn, dễ gãy (móng tay móng chân cũng giòn, hay gãy). Muốn trị dứt ngay các chứng bệnh trên để có làn da đầu tươi trẻ, sạch, để tóc mới mọc dày tốt, óng mượt, khoẻ mạnh, không còn gầu, hết ngứa, dứt vảy nến; để mái tóc dày, khoẻ, nuốt-nà, móng tay móng chân cứng khoẻ, đẹp. Hãy dùng ngay Thuốc và Dầu gội đầu: **SUPER HAIR ENERGIZER**

Kết-quả ngay sau 1 tuần-lễ, uống thuốc và gội đầu bằng sản-phẩm trên, dứt ngay chứng rụng tóc, đầu hết ngứa, hết gầu, tóc mới bắt đầu mọc, không đúng như vậy xin hoàn đủ tiền.

Hộp **SUPER HAIR ENERGIZER** gồm có:

- 1 hũ thuốc 60 viên, ngày uống 1 hoặc 2 viên, bào-chế bằng các loại dược thảo cần-thiết để bồi-dưỡng cho: Da Đầu, Tóc, Xương cốt, Móng chân Móng tay khỏi giòn gãy.
- 1 chai Shampoo + 1 chai keo xịt tóc + 1 vệt dầu (3 thứ này dùng được 30 lần, có đủ các chất chữa trị những chứng bệnh về da đầu, tóc, giúp tóc mọc dày, nhanh (Vệt dầu Jojoba oil hoà với Shampoo).

Sản phẩm này do BS Erne Terrazas bào chế, bán ra thị-trường năm 1975, đã được các cơ quan, nhiều Tạp Chí Y Học Hoa-kỳ nhiệt-liệt khen ngợi về sự Hiệu Quả và An Toàn. Bào chế hoàn toàn bằng dược thảo và các hợp chất Thiên Nhiên không pha trộn một loại hóa chất nào để làm hư hại tóc, da đầu như các loại Shampoo khác.

Nhà thuốc Thiên Nhiên hân hạnh giới thiệu với Quý Khách sản phẩm hữu ích này sau khi chính chúng tôi đã dùng và thấy đúng như quảng cáo.

Check hoặc Money Order xin để trả cho "Thiên Nhiên" và mail về:

Giá mỗi hộp (gồm cả thuế và cước-phí):

\$39.50 / 1 hộp

Ngoài Hoa-kỳ:

xin gửi **\$48.00 mỹ-kim.**

NHÀ THUỐC THIÊN NHIÊN,

833-A South Main Street, Suite 345

Fallbrook, CA 92028 - USA

Tel.&Fax: (760) 728-4718

Bác-sĩ toàn-khoa
QUẢN ĐỨC MINH

Nha-sĩ, DDS

NGUYỄN THÙY DUNG

2580 Shepard Ave., Unit # 31,
MISSISSAUGA, ON L5A 4K3

ĐT: (905) 615-0468

Nha-sĩ TỬ CHẤN PHONG

3085 Hurontario St., #209
MISSISSAUGA

ĐT: (905) 897-8527

Nha-sĩ NGUYỄN THỊ KIM HOÀN

741 Broadview Ave., #201, Toronto
Ont. M4K2P6 - Subway Broadview *Phố Tàu Đông*
CHUYÊN RANG GIẢ THẨM-MỸ
ĐT: (416) 461-5437

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN

1280 Finch Ave. W., Suite 707
Downsview, Ont. M3J 3K6
(trong Nor-Am Tower)

ĐT: (416) 663-3200

LUẬT-SƯ
TRỊNH QUỐC TOẢN

1577 Bloor St. W., Toronto

ĐT: (416) 533-8987 (Việt-ngữ)

(416) 536-1159 (Anh-ngữ)

Email: qtrinh@idirect.com



Shuh Cline & Grossman
Barristers and Solicitors

17 Weber St. W., Kitchener/(519) 578-0910 Ext.326

TRƯƠNG TÂN HÙNG, Sinh viên Luật-khoa tập sự
(519) 645-0159 (Việt-Anh)-(519) 578-1160 (Việt)



VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN

&
KHAI-THUẾ LỢI-TỨC

TRẦN ÁNH TUYẾT

806 College St. (góc Ossington)
(416) 588-4256

*Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
lên sổ thuế qua đường dây điện-tử*

Truyện dài xã-hội đen
TỔNG MINH LONG QUÂN

**ĐÙA
VỚI LỬA**

18 mỹ-kim (29 gia-kim)

**CUỘC ĐỜI
VÔ ĐỊNH**

17 mỹ-kim (27 gia-kim)

Bạn đã có chưa? Tập tham-luận
của

NGUYỄN HỮU NGHĨA

*Cuốn sách làm
Trung-ương đảng CSVN nhức đầu,
phải ra sách chống lại:*

**DỌN ĐƯỜNG
VỀ NƯỚC**

18 mỹ-kim (28.50 gia-kim)

**GIẢI-ĐOAN MỖI
TRÊN
CHIẾN-TRƯỜNG CŨ**

10 mỹ-kim (16 gia-kim)

Trong đời sống tất bật ở quê người
không cách giải-trí nào hữu hiệu
bằng đọc truyện cười của

CÁ CƯỜI

Đã xuất-bản:

**CƯỜI ĐÓNG ĐÓ KHỔ
CƯỜI CHƠI LÊN HƯƠNG**

CƯỜI TÔI

CƯỜI EM

CƯỜI BẠN

Giá mỗi tập:

7 mỹ-kim (11 gia-kim)

Liên-lạc: Làng Văn

**Hãy bảo-trợ, tham-gia Hội Bạn, giúp-đỡ
và nhắc người nhà ở Việt-Nam nghe**

ĐÀI VIỆT-NAM TỰ-DO

và GIỜ VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT LÀNG VĂN
phát-thanh từ hải-ngoại về quê nhà
từ 7 giờ 30 đến 8 giờ 30 tối, Thứ Hai đến Thứ Sáu
Tầng số 9965 (31 mét)

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO TRÊN
làng văn

. Trang trong:

- nguyên trang \$120 một kỳ
- nửa trang \$70 một kỳ
- 1/4 trang \$40 một kỳ
- 1/8 trang \$25 một kỳ

*Đăng quảng-cáo 6 kỳ
được bớt 1 kỳ.*

In màu, mỗi màu thêm \$100.

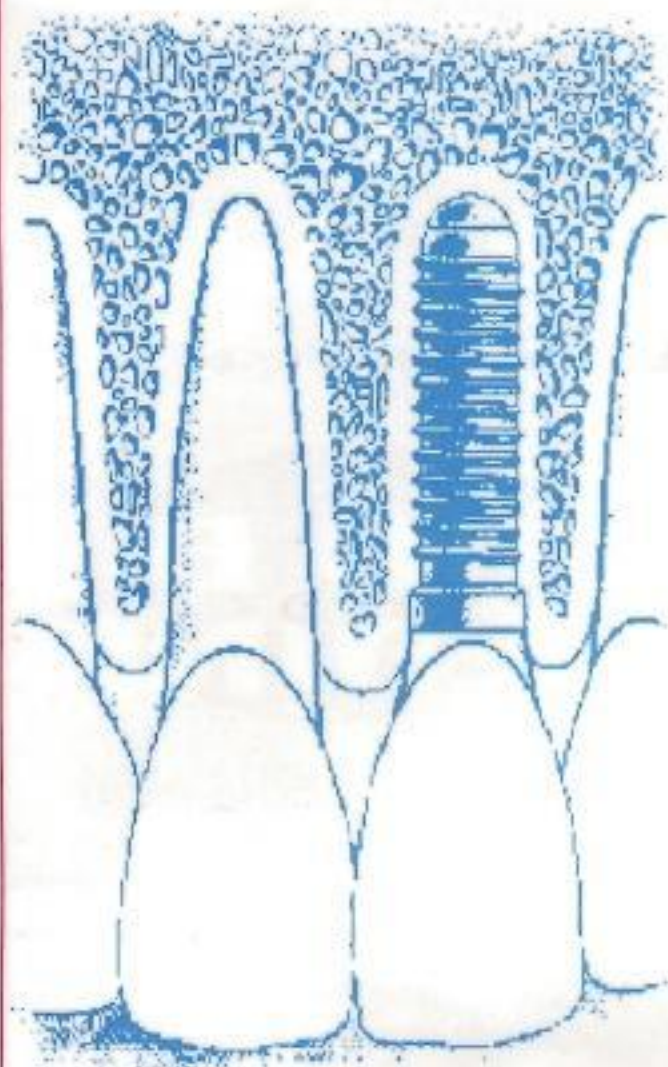
**Bớt 20% cho độc-giả dài hạn
đăng phân ưu, chúc mừng.**

. Bìa trong (trước hoặc sau):

- 1 ô \$200 một năm (24 kỳ)
 - 2 ô \$350 một năm (24 kỳ)
 - 4 ô \$500 một năm (24 kỳ)
- In màu, mỗi màu thêm \$100.*

. Bìa lưng (nhiều màu):

- 1 ô \$60 một kỳ
- 2 ô \$100 một kỳ
- 4 ô \$150 một kỳ
- 6 ô \$200 một kỳ.



CÂY RĂNG

- . Thay những chiếc răng đã bị hỏng bằng phương-pháp tự-nhiên và thẩm-mỹ
- . Chữa trị trường-hợp răng giả bị sai lệch
- . Giải-phẫu cấy chân răng và gắn răng giả

THAM-KHẢO MIỄN PHÍ TẠI VĂN-PHÒNG CHÚNG TÔI

(416) 531-5796 & (416) 665-9283

. Điện-thoại miễn phí toàn quốc Canada và Hoa-kỳ:
(877) NU-TEETH (688-3384)

OSCAR DALMAO, D.D.S., R.D.T., D.I.C.O.I.

Nha-sĩ tổng-quát, chuyên giải-phẫu cấy răng, làm răng giả,
tốt-nghiệp và được cấp bằng của Hội-đồng Quốc-tế
các nha-sĩ chuyên cấy răng

Ủng-hộ
Chương-trình phát-thanh
VĂN-HỌC
NGHỆ-THUẬT
LÀNG VĂN

phát về Việt-nam
từ 7 giờ 30 - 8 giờ 30 tối Thứ Hai
trên làn sóng 9965 KHz (31 m)

Ở hải-ngoại, nghe đài
VIỆT-NAM HẢI-NGOẠI
(đã phát-thanh trên
14 thành-phố ở Hoa-kỳ
- sẽ phát thanh tại Canada)

NHA-SĨ
MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA

10 Gateway Blvd., #111
Don Mills, Ont. M3C 3A1
Tel: (416) 429-0150

336 Dundas St. W. #201
Toronto, Ont. M5T 1G5
Tel: (416) 971-6956

Có chỗ đậu xe phía sau
Làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Bảy

GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ
BÁC-SĨ
NGUYỄN THỂ LẠC

FRCS (C), CSPQ

TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA

Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và Bệnh-viện Bình-Dân

Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn

984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4

Điện-thoại: (519) 753-6477

Làm việc theo hẹn

Thứ hai tới Thứ bảy: 9g sáng-6g chiều

Chủ-nhật: theo hẹn

Lấy QEW (hướng Hamilton & Brantford), đổi sang 403 (Hamilton & Brantford), by pass Hamilton, exit Wilson St. West to Brantford
(Wilson St. West là Hwy 2 West cũ), đường này nối vào Colborne St. East